NĂM THỨ MƯỜI BA • # 147 • JULY 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

NỖI LÒNG HUỲNH TẤN PHÁT — BS TRẦN NGƯƠN PHIÊU

TẤM HUY CHƯƠNG — HOÀNG NGỌC LỄ

VĂN HÓA ĐÔNG SƠN Ở INDONESIA — KIỀU QUANG CHẨN

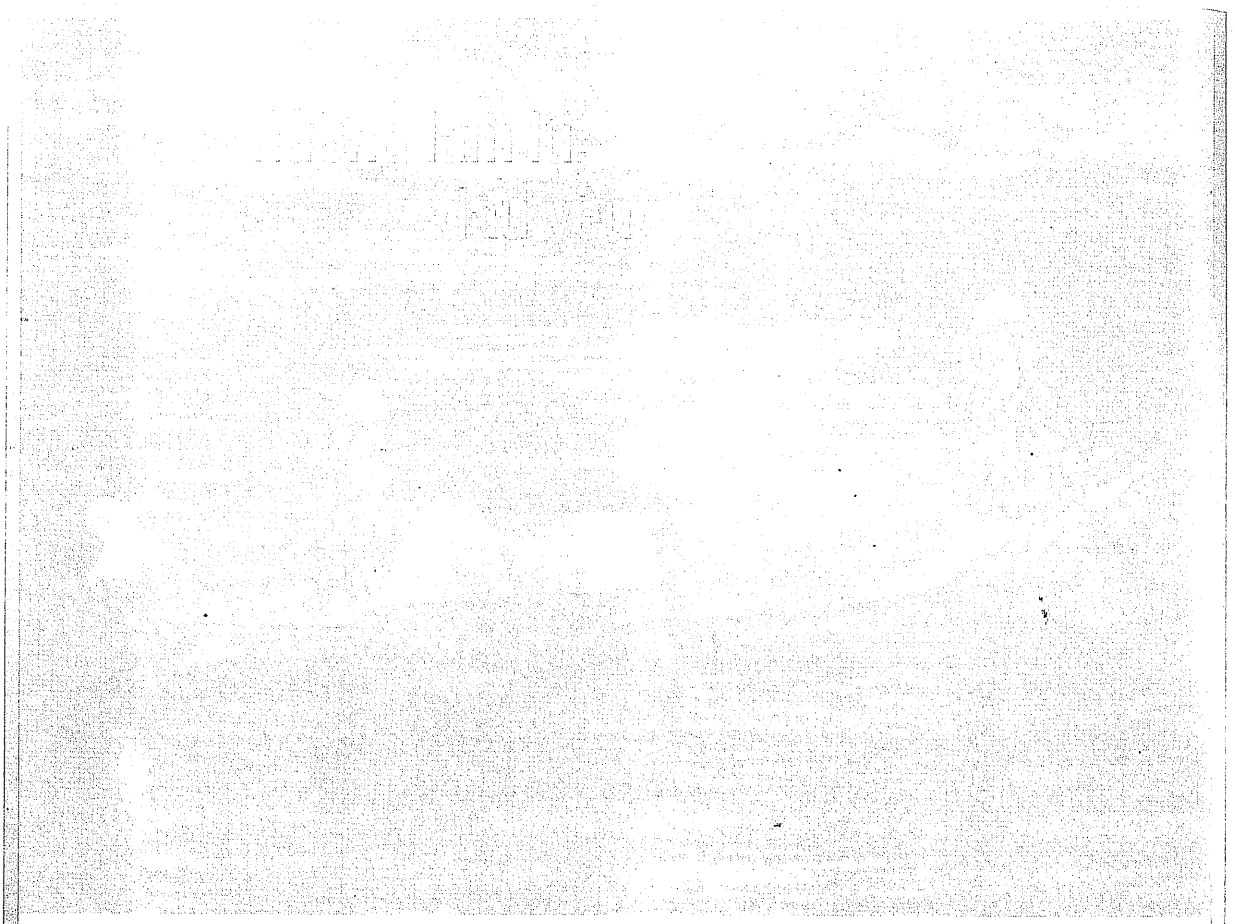

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste. 180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

Sau sự thành công của những chương trình Video và DVD:
"Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi",
"Chúng Ta Đi Mang Theo Quê Hương"...

Trân trọng giới thiệu một chương trình Video
Ca, Vũ, Nhạc mang đầy màu sắc quê hương dân tộc:

Paris By Night 59
Cây Đa Bến Cũ

"BẾN CŨ trong lòng người đi
cũng như BẾN CŨ tại ngoại của một dòng sông,
một sân ga hay một phi trường lúc nào cũng là
đề tài phong phú cho văn chương âm nhạc."
Partir, c'est mourir un peu
Đi là chết trong lòng một ít
Edmond Haraucourt *(Rondelle De L'Adieu)*

Với sự góp mặt của:
KHÁNH LY - Ý LAN - NHƯ QUỲNH - LƯU BÍCH - THIÊN KIM
PHI NHUNG LOAN CHÂU - PHƯƠNG DIỄM HẠNH - HOÀNG LAN
TRÚC LAM - TRÚC LINH MỸ HUYỀN - LYNDA - TOMMY NGÔ
TUẤN NGỌC - THẾ SƠN - NGUYỄN HƯNG - TRƯỜNG VŨ
MẠNH QUỲNH - ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT - ANH DŨNG
TƯỜNG NGUYÊN và ban nhạc THE LIBERTY BAND

Lời diễn đọc của
nhà văn **NGUYỄN NGỌC NGẠN** & ca sĩ **MỸ THÚY**

Trọn bộ 3 cuốn giá $30 luôn cước phí

Xin liên lạc: Trung Tâm **THÚY NGA**
MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA TEL (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

Thế hệ 1945
Thế hệ 1955
Thế hệ 1965
Thế hệ 1975...

Hãy tìm đọc những tâm tình thời của mình trong cuốn

THƠ TẠ KÝ

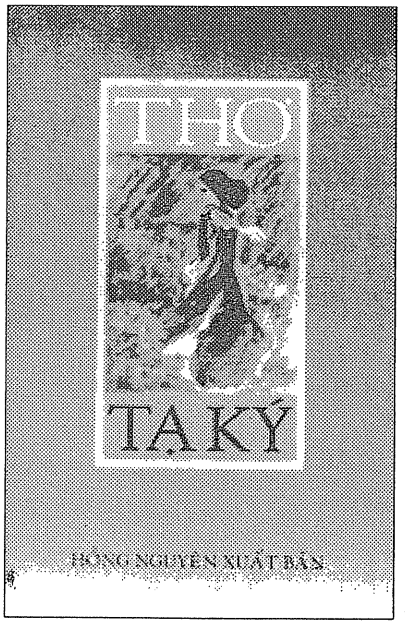

TẠ KÝ, giáo sư văn chương, nhà thơ đoạt Giải Thơ VNCH năm 1972, từ 22 năm qua đã nằm xuống tại đất Chợ Mới, An Giang. Chỉ mới gần đây phần Thể Phách của nhà thơ mới được cải táng tại Sài Gòn, và cho đến bây giờ, phần Tinh Anh mới được phục hồi với tập THƠ TẠ KÝ này.

HỒNG NGUYÊN xuất bản
Giá $10.00
Liên lạc: Tạ Thái
P.O. Box 1784 Garden Grove,
CA 92842-1784 - USA
E-mail: Tbutitry@aol.com

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

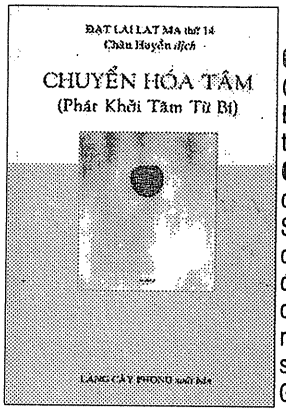

CHUYỂN HÓA TÂM
Giảng pháp của ĐẠT LAI LẠT MA thứ 14
CHÂN HUYỀN dịch
Sách này sẽ giúp chúng ta thay đổi để sống an nhiên, cho dù căn nghiệp nặng nề, cuộc sống đầy trở ngại.
Giá 12 Mỹ kim

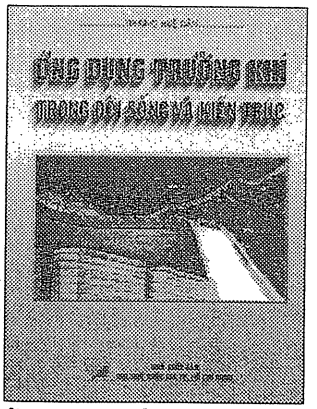

ỨNG DỤNG TRƯỜNG KHÍ TRONG ĐỜI SỐNG VÀ KIẾN TRÚC
Biên khảo của **TRƯƠNG HUỆ DÂN**
Kiến giải về phong thủy học ứng dụng của Trung Quốc.
Giá 18 MK

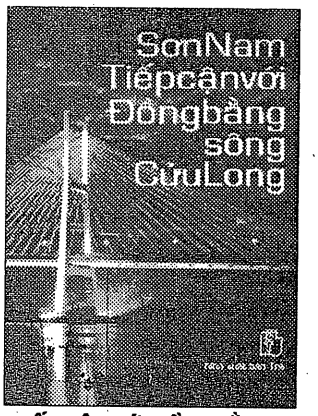

TIẾP CẬN VỚI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
Biên khảo của **SƠN NAM**
Nhà văn "miệt vườn", nay lại viết bút khảo về miệt vườn.
Giá 6 MK

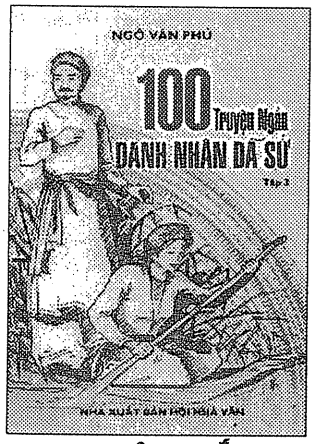

100 TRUYỆN NGẮN DANH NHÂN DÃ SỬ
Truyện lịch sử của **NGÔ VĂN PHÚ**
Truyện viết về các nhân vật lịch sử, tướng văn, tướng võ, bà hoàng, nhà thơ...
Trọn bộ bốn cuốn giá 38 MK

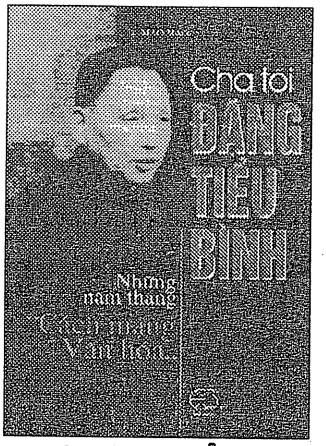

CHA TÔI ĐẶNG TIỂU BÌNH
Nguyên tác **MAO MAO**, Lê Bầu dịch
Mao Mao tên thật là Đặng Dung, con gái của Đặng Tiểu Bình, đã từng làm bí thư thứ ba Đại sứ quán Trung Quốc tại Mỹ.
Giá 19 MK

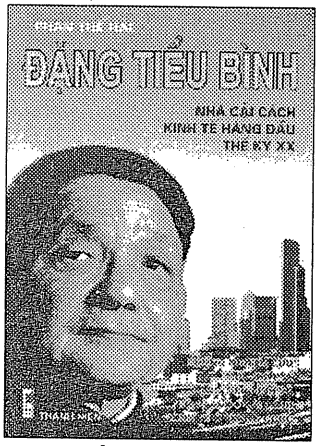

ĐẶNG TIỂU BÌNH, NHÀ CẢI CÁCH HÀNG ĐẦU THẾ KỶ XX
Biên khảo của **PHAN THẾ HẢI**
Một bức tranh toàn cảnh về những vấn đề then chốt trong tư tưởng kinh tế của Đặng Tiểu Bình. Giá 11 MK

NẤU ĂN THÔNG DỤNG GIA ĐÌNH
Sách dạy nấu ăn của **TRẦM KIM MAI**
12 MK

GIÁO TRÌNH TIN HỌC CĂN BẢN
Sách dạy Tin học của **BÙI THẾ TÂM**
MS-DOS 6.22, BKED 6.4, TURBO PASCAL 7.0
Giá 8 MK

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

Vừa đến với Mùa Hè...

KỶ YẾU VNCR 2001 - 2002

* Những đài phát thanh đầu tiên ở Đông Dương đã được người Pháp thành lập từ bao giờ? Bạn muốn thấy quang cảnh phòng vi âm với ca sĩ và ban nhạc tại đài phát thanh Hà Nội vào năm 1949 ra sao?
* Đài Âu châu Tự do đã kiên trì đóng góp vào sự sụp đổ của cộng sản Liên Xô và Đông Âu như thế nào? Đài ấy hiện đang ở đâu, hoạt động những gì?
* "Quần thể văn hóa" của thành phố Garden Grove là gì, ở đâu?

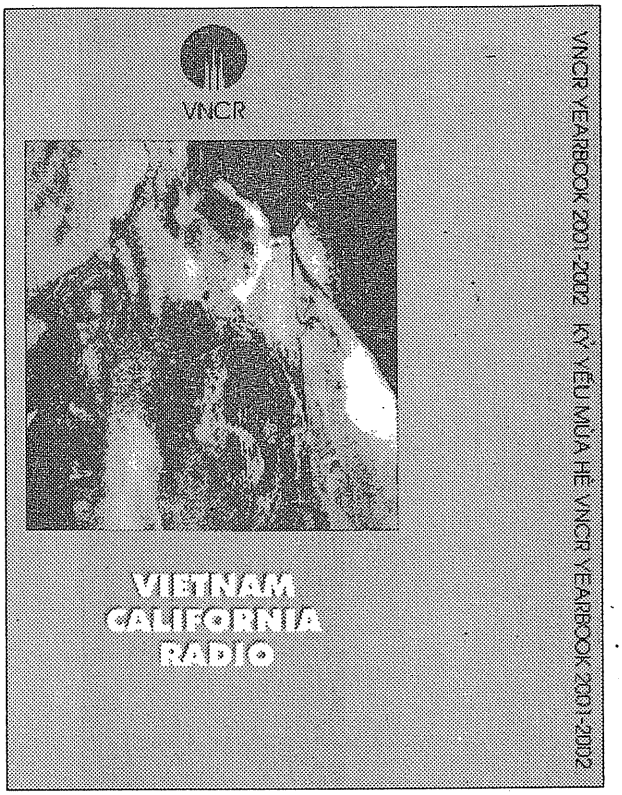

XIN HÃY TÌM ĐỌC KỶ YẾU VNCR!

* Tiến sĩ Nguyễn Thuyết Phong, người được phong danh hiệu "Di sản Quốc gia Hoa Kỳ," trong một bài dành riêng cho Kỷ Yếu VNCR, đã viết về việc đem âm nhạc Việt Nam vào dạy ở học đường Hoa Kỳ như thế nào.

* Khi đi làm nhiệm vụ lấy tin mà phóng viên bị chuởi bới tục tĩu, bị ném cà chua trứng thối thì cơ quan truyền thông phải có lập trường ra sao?

XIN TÌM ĐỌC KỶ YẾU VNCR!

* Phim Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng vừa ra mắt của đạo diễn người Pháp gốc Việt Trần Anh Hùng trình bày một tâm lý tình yêu mới lạ, một ngôn ngữ điện ảnh mới lạ...

... Tất cả đã được đạo diễn Trần Anh Hùng tiết lộ trong buổi phỏng vấn trực tiếp của VNCR.

* Một cậu bé đánh cá hầu như thất học của một hòn đảo cực nam Việt Nam, sau khi vượt biên đã phấn đấu không ngừng trên đường học vấn để ngày nay thành một bác sĩ giải phẫu nhi khoa, một trong những môn khó nhất của nền Y khoa Hoa Kỳ...

... Hãy đọc phỏng vấn bác sĩ Nguyễn Xuân Nam do VNCR thực hiện...

* Nhạc sĩ Nguyễn Đức trả lời VNCR về ban Việt Nhi ngày xưa của đài phát thanh Sài Gòn, với hình ảnh những Phương Hồng Hạnh, Phương Hồng Quế, Hoàng Oanh, Thanh Lan... khi còn là những cô bé thơ ngây trong "gia đình văn nghệ Nguyễn Đức".

Cùng nhiều bài vở giá trị khác của Vũ Ánh, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Hiền, Y-Sa, Hoàng Ngọc Tuệ, Phan Tùng Mai, Ngô Mạnh Thu, Trần Quán Niệm, bác sĩ Quỳnh Kiều, Vũ Quí Hạo Nhiên, Phạm Xuân Đài... cùng hý họa Etcetera.

Giá bán $5.00 - Phát hành cuối tháng Sáu 2001,
có bán tại các nhà sách vùng Little Saigon, hoặc tại đài VNCR:
11022 Acacia Parkway, Suite A, Garden Grove CA 92840
điện thoại: (714) 534-9430, 534-9432

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: *Trên nước sông Lô* của nhiếp ảnh gia **Phí Văn Trung**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 147 . Tháng Bảy 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

13 Bỏ điều 4 Hiến pháp, thiêu xác Hồ Chí Minh - **Trần Khuê, Nguyễn Thị Thanh Xuân**
23 Tình hình kinh tế tài chính thế giới vào giữa năm 2001 - Ts. **Phạm Đỗ Chí**

LỊCH SỬ - TÀI LIỆU

26 Nỗi lòng Huỳnh Tấn Phát - Bs. **Trần Ngươn Phiêu**
33 Văn hóa Đông Sơn ở Indonesia - **Kiều Quang Chẩn**
40 An Nam tức sự - **Trần Phu**, bản dịch của **Lê Mạnh Hùng**
69 Về lời cáo buộc vua Quang Trung là tướng cướp - **Hoa Trinh**
74 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**
80 Một nhận xét tâm lý về Tham-Sân-Si - **Nguyễn Hữu Chi**

NGÔN NGỮ - XÃ HỘI

57 Con trẻ Việt Nam hải ngoại - **Bs. Trần Minh Tùng**
96 Nghĩa của mày ngài - **Cao Xuân Hạo**

VĂN

62 Tấm huy chương - **Hoàng Ngọc Lễ**
66 La Sanh Môn - **Akutagawa, Nguyễn Văn Thực** dịch
85 Đi Tây, đi Mỹ - **Tiêu Dao**
91 Mùa tôm bạc đất - **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
102 Người yêu của nó - **Đỗ Hậu**
109 Quê hương một cõi đi về - **Nguyễn Văn Tuấn**

THƠ

59. Ai về quê mẹ - **Trần Công Nghị. 65.** Phù du - **Hà Thượng Nhân. 71.** Ước gì tới được chỗ chiêm bao - **Trần Vấn Lệ. 77.** Đường đi không tới - **Chu Vương Miện. 83.** Người tình trăm năm - **Miên Du. 87.** Thiếu nữ và pho tượng - **Nguyễn Văn Cường. 93.** Rằm thượng nguơn - **Lý Thừa Nghiệp. 98.** Ngôi sao - **Trần Mộng Tú**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Bạn đọc viết
12 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phu Minh**
12 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
44 Sổ tay
50 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
113 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**
117 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài, Tiểu Muội**

Thiếu căn bản pháp lý trong vụ án Cain

Thế Kỷ 21 số 146 trang 103, bài của Nguyễn Văn Thành, có đề cập đến "vụ án" Cain giết em mình là Abel, dựa theo sách Genese (Gen 4 : 1-16).

Nếu đây thực sự là một vụ xử án như tác giả đã đề nghị, thì vụ xử án này thiếu căn bản pháp lý tối thiểu.

Trước hết, cần xét lại bối cảnh "xã hội" lúc án mạng xảy ra: Cain và Abel là những con người thứ hai và thứ ba, được sinh ra từ Adam và Eva, cặp vợ chồng đầu tiên của "lịch sử nhân loại." Lúc đó, chưa có luật pháp. Môi-Se còn lâu lắm mới ra đời để hình thành luật lệ nhân danh Thiên Chúa. Thậm chí "mười điều răn" của Thiên Chúa, trong đó có luật "cấm giết người" cũng phải đợi lúc Môi-Se trèo lên núi Sinai chép lại, rồi mới được ban bố. Điều cấm duy nhất mà Thiên Chúa đặt ra cho Adam và Eva lúc còn trong vườn Eden là "không được ăn trái của cây phân biệt thiện ác." Khi ông bà đã ăn trái này, thì Chúa đuổi ông bà ra khỏi Eden, và phán rằng: "Thế là con người đã trở thành như mỗi chúng ta (voici que l'homme est devenu comme l'un de nous), bằng sự phân biệt thiện ác, bây giờ phải ngăn nó lại, không cho nó vươn tay hái trái cây trường sinh (arbre de vie), để rồi ăn trái ấy và sống mãi mãi" (Gen 3 :22). Tức là Thiên Chúa, khi cần, thì có đặt ra những điều cấm kỵ, nhưng không thấy cấm giết người. Vậy, nhân danh luật gì để xử Cain?

Giả sử nhân danh "luân lý," thì phải tự hỏi Thiên Chúa, cho đến giữa thời Môi-Se, có hành xử theo luân lý hay không? Sự trừng phạt Adam và Eva bằng cách đuổi họ ra khỏi Eden (chưa kể việc trừng phạt cả loài người sau đó), có phải do động cơ luân lý? Rồi ngay sau án mạng Cain giết Abel, ở Genese 6, Thiên Chúa dùng Đại Hồng Thủy tàn sát tất cả loài người (trừ gia đình Noah), và loài vật (trừ loài cá?) vì những lý do không rõ ràng. Hành xử như thế có hợp luân lý hay không? Tại sao Thiên Chúa tàn sát tất cả con cái mình thì được, mà Cain giết Abel thì lại bị chính Thiên Chúa xử phạt?

Bây giờ xét đến trường hợp giảm khinh. Thiên Chúa nhận lễ vật của Abel (du mục chăn nuôi), và khinh rẻ lễ vật của Cain (định cư trồng trọt), không những một cách vô lý, mà còn tàn nhẫn. Anh có hai người con. Mỗi đứa đem đến biếu anh một món quà nhân ngày "Father's Day." Anh vui vẻ nhận quà của một đứa, và vứt bỏ quà của đứa kia, không đưa ra một lý do nào chánh đáng thì chớ, còn nạt nộ nó đủ điều, thế thì anh là người cha như thế nào? Tội lỗi, nếu có, khởi đầu từ đâu? Cain đau khổ, vì tình yêu Thiên Chúa, giết em mình, cũng vì tình yêu Thiên Chúa. Thiên Chúa lẽ nào không biết điều đó? Phải chăng Thiên Chúa muốn thử xem Cain yêu mình đến mức nào, có thể đi đến những hành vi nào vì tình yêu ấy? Phải chăng chính vì thế mà bản án mà Thiên Chúa dành cho Cain quá nhẹ nhàng?

Dù nhẹ nhàng, bản án ấy vẫn phải coi là "phi pháp," và chúng ta, với tư cách là những "bà con xa" của Cain, cần phải nộp đơn đòi hỏi Tối Cao Pháp Viện của nước Israel (hay Tòa Án quốc tế La Haye, tùy ý kiến bạn đọc), đem vụ án Cain ra xử lại!

Công lý muôn năm!

Nguyễn Hoài Vân
(Vitré, Pháp quốc)

Ranh giới của công bình

Khi đọc truyện Tặng Vật, tôi thấy tác giả có lẽ đã nêu ra được hai sự lựa chọn:

(1) Chọn đẩy lùi hư vô tính, chọn một triết lý hành động để xác lập cái căn tính của mình, một chọn lựa nhưng-không (indifférent). Nếu cứ theo đoạn nhân vật Trung tâm sự với nhân vật Nguyệt mà suy, họ đã có sự chọn lựa này, một sự chọn lựa giống như sự lựa chọn của hai đứa con trai ưu tú của bác sĩ Trần Văn Bình, những người có điều kiện để "trở thành những Ph. D., những kỹ sư", và hai anh ấy, những sĩ quan Dù, đã bỏ mình bên giòng sông Thạch Hãn, chỉ cách nhau một tháng, trong mùa hè đỏ lửa 72. (Theo tin báo *Sóng Thần* loan đi hồi ấy, tôi không còn nhớ chính xác ngày tháng).

(2) Còn anh nhạc sĩ Đỗ Công San cũng có con đường chọn lựa bằng hành vi viết ca khúc của anh.

Cả ba nhân vật - Nguyệt, Trung, San - xác lập cho mình cái bản ngã trong tự do.

Nhưng con người sống là *sống-với*, không bao giờ có một hành vi nào được kể là

nhưng-không tuyệt đối trong nhân quần xã hội, nhất là trong một đất nước chiến tranh mà ranh giới giữa sự thật và ngụy trá người ta đã cố làm cho nhòa đi để dễ bề thao túng: *Đục nước béo cò.* Và có những kẻ, hữu ý hay vô tình, hoặc sa đà ném lao phải theo lao, đã góp phần cho cái sách lược ấy, cái sách lược có tên tuổi đàng hoàng, được tung hô hể hả trên giấy trắng mực đen, sau 75, được thành công, thành công vượt bực.

Xét về nghệ thuật, những *tình khúc* của Trịnh Công Sơn quả là tuyệt vời: Mỗi lần hát, lại mỗi lần cho ta những rung động mới, những khám phá mới trong những lời nhạc đầy biểu tượng, ẩn ngữ của anh - kể cả Ca Khúc Da Vàng. Nhưng trong những bài có đề cập đến chiến tranh *sau* Ca Khúc Da Vàng, ngôn từ của anh không còn là thuần túy nghệ thuật, triết lý nữa, ví dụ:

Triệu chân em, triệu chân anh

Hỡi ba miền vùng lên cách mạng!

(Trích bài Huế, Sài gòn; Hà nội)

Còn sống, xin các anh quyết còn cách mạng!

(Trích bài Ta Quyết Phải Sống)

Ta đi trong cách mạng *tự hào*

Đã đến lúc cách mạng *tiến lên*

(Trích bài Việt Nam Ơi Hãy Vùng lên)

(Ba bài kể trên nằm trong tập nhạc Ta Phải Thấy Mặt Trời, viết xong tháng 10, năm 1969.)

Trường Sơn *đi. Từng dãy núi cao đi theo mình.*

(Trích bài Hành Ca; bài này nằm trong tập nhạc Kinh Việt Nam, 1968)

"Trường Sơn *đi*" là biểu tượng cho ai vậy? Chắc không phải là lính Biệt Kích, lính Lôi Hổ đâu!

Những câu như thế có thể được coi như những *rhétorique* chính trị được chăng, hay là - trích thư của bạn Trịnh Như Lê, đăng trong Thế Kỷ 21, số 146) - " đồng hoá cái *rhétorique* trong các phong trào *cách mạng* và chính trị với ngôn ngữ thuần tuý nghệ thuật của Trịnh Công Sơn là một điều không ổn. Tính chất hùng biện của các khẩu hiệu có thể lừa dối người ta, nhưng cái đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật thì không bao giờ, nó chỉ làm phong phú tâm hồn chúng ta, bây giờ và mãi mãi." (Ở đây tôi không muốn đề cập đến lối luận lý qui nạp hàm hồ, đánh lận con đen của bạn Trịnh Như Lê.)

Những ca khúc kể trên rõ ràng là kêu gọi đứng dậy, kêu gọi làm cách mạng. Trong tình hình Miền Nam vào thời điểm những bản nhạc như thế ra đời, thì, làm cách mạng, đứng dậy để chống lại ai đây? Câu trả lời người ta có thể thấy nơi những đoàn biểu tình lớn và dai dẳng trong các thời kỳ đó, chống lại một chính quyền, một quân đội tuy có những khuyết điểm nhưng là một chính quyền, một quân đội chưa có những thay thế khá hơn, để chiến đấu với kẻ thù gian hùng, và nguy hiểm nhất. Trong các cuộc biểu tình ấy người đưa ra những kẻ thù nhỏ, rất nhỏ, cần phải chống, như tham nhũng, bầu cử độc diễn... Những cái tệ hại đó, nếu so với cái họa Cộng sản, thì chỉ là những con kiến so với con voi. Vào giai đoạn miền Nam đang đứng ngay bên bờ sinh tử, đã không kéo lùi lại thì chớ, thì cũng đừng đẩy Tự do nhích ra một chút nữa, dù là một chút, dưới bất cứ dưới hình thức, chiêu bài nào, xuống bờ vực sâu đớn đau. Sinh viên học sinh biểu tình, họ sẽ không hát những bài trắng trợn, lời lẽ thô kệch của Hà Nội như: "Vầng trời Đông ánh hồng tươi sáng bừng lên..." hoặc "Giải phóng miền Nam chúng ta cùng quyết tiến bước. Diệt đế quốc Mỹ phá tan bè lũ bán nước" ... vì miền Nam lúc đó đã đạt đến những đỉnh cao mới trong nghệ thuật đặc biệt trong lãnh vực thơ, nhạc và văn xuôi; những bài nhạc phản chiến *đầy nghệ thuật* của Trịnh Công Sơn và của một số nhạc sĩ khác (Tôn Thất Lập, Trần Long Ẩn, Miên Đức Thắng... chịu ảnh hưởng của Trịnh Công Sơn), bắt lửa những tấm lòng sôi nổi mà xốc nổi của sinh viên học sinh miền Nam thời đó ngay. Những cuộc biểu tình đó dĩ nhiên được các lực lượng truyền thông Mỹ và quốc tế khai thác triệt để (cuộc chiến Việt Nam là một cuộc chiến đầu tiên được đưa vào phòng khách từng nhà - ý nói được chiếu trên TV), và nhất là khi những cuộc xuống đường này xảy ra vào những lúc các phái đoàn quốc hội Mỹ qua xem xét tình hình miền Nam, thì quả là đưa đến những hậu quả tai hại vô chừng cho phe quốc gia.

Như thế những kẻ giật giây những cuộc biểu tình đó có phải họ nhắm tới việc làm cho miền Nam có một chính quyền trong sạch, dân chủ kiểu Tây phương?

Vậy, *nhẹ nhất* cũng phải *trách*, nếu không nói là kết án, Trịnh Công Sơn ở chỗ

anh đã để cho cái cảm tính nghệ thuật của mình lấn lướt thân phận nguy khốn của dân tộc mình. Anh không biết dừng, khi thấy ngọn nến mình thắp sáng người ta lại dùng để gây một cuộc hỏa hoạn lớn. Người Tây họ có câu: "Biết, mà quay lại, thì chẳng có gì phải xấu hổ cả."

Còn trong trường hợp anh thực sự có cộng tác với phe bưng biền thì lại là chuyện khác. Chuyện trầm trọng.

Cộng tác hay không cộng tác, tôi tin là sau này, khi mà tang thương tràn, lúc cuộc chiến chấm dứt nhưng chẳng *hòa, bình* lại càng không, anh đã có những "cõi đi về". Hi vọng vậy!

Còn nếu vin vào *tài năng nghệ thuật* mà thôi (ở đây chỉ nói tới những bài có đề cập đến cuộc nội chiến, của Trịnh Công Sơn) để trả lại công bằng cho anh, thì tôi nghĩ chúng ta cũng phải trả lại công bằng cho Tố Hữu, vì ông này cũng có những bài thơ chính trị, đấu tranh tuyệt hay. Xuân Ly Băng, một nhà thơ Công giáo tài hoa, (người ngoài Công giáo ít ai biết đến), cùng thế hệ với các nhà thơ nhóm Sáng Tạo, và là một linh mục mẫu mực thánh thiện, không quốc doanh, đã có lần nói với kẻ góp ý này: "Phải công nhận Tố Hữu có những bài thơ hay tuyệt; ông ta hẳn *yêu cái lý tưởng của ông ấy lắm*, mới sáng tác được những bài như thế."

"Công bằng phải là đạo người ta ở đời!", cũng lại là lời của bạn Trịnh Như Lê.

Lê Văn Tình *(Internet)*

Sự tự hào nằm ở đâu?

Đọc truyện "Người Mỹ Tự Hào" ở số tháng Năm, và mới đây có mấy tiếng vỗ tay ở số tháng Sáu, tôi thấy vui vui, ngộ ngộ. Nhân vật Việt kiều trong truyện nếu có thật không biết nghĩ sao về tình bạn với người bạn cư ngụ ở phương Tây của mình. Tiếp đón thật niềm nở, nồng hậu, nhưng sau lưng lại che miệng cười chê đủ thứ.

Mỗi sinh vật, theo ngu ý, có mỗi môi trường và cách sống riêng của nó. Ví dụ con mối, con mọt chỉ thích sống trong các gáy sách, trang vở; con nhện ưa giăng tơ ở trong các khe cột, kẽ tường; con chuồn chuồn, dế, hay châu chấu chỉ thích sống ở bụi cỏ, lùm cây, bờ ruộng. Một người chỉ thích uống rượu có nồng độ mạnh và giá tiền thấp thì đáng bị che miệng cười, còn uống rượu mắc tiền lâu năm thì mới đúng là người... "bảnh"? Chính vì những quan niệm này nên mới sinh ra những ông Việt kiều "quy cố hương" đã che miệng cười những người chỉ khoái khẩu với rượu đế mà lạt miệng nhạt mồm với rượu ngoại, chê họ là thứ "ếch ngồi đáy giếng, chả biết gì..."

Con ếch ngồi đáy giếng nếu nghĩ bầu trời chỉ tròn trĩnh như vòng miệng giếng thì cũng đâu có gì đáng cười đáng cho là "dởm." Đó chẳng qua là bầu trời trong mắt nhìn và ý nghĩ của nó. Nhân vật trong truyện NMTH thấy cũng chẳng có gì gì đáng trách, đáng che miệng cười sau lưng. Lao động cật lực, vợ và chồng dùng credit của chính mình đi du lịch, chứ không gạt gẫm cướp giựt của ai, thích chụp ảnh thật nhiều chứ không để thì giờ ngắm nghía chiêm nghiệm các công trình văn hóa nghệ thuật... Không thấy được sự *văn minh* của các nước Tây Âu, ngược lại, ông "bạn thân" cũng chẳng thấy ở Mỹ cũng chẳng có gì đáng tự hào về văn minh, văn hóa. Thích uống rượu rẻ tiền chứ không hạp khẩu với rượu quý v.v... Và lúc sắp trở về đời sống thường nhật áo cơm thấy hơi ngán nên buộc miệng than vãn một câu rất thường tình, rất người. Vậy thôi mà cũng biến thành trò cười cho "trăm họ." Và mảnh đất đã tốt bụng đón nhận ông Việt Nam này đâm ra cũng bị mỉa mai cười cợt luôn vì đã để cho ông ta phải đổ mồ hôi, xót đôi mắt mới có miếng cơm, tấm áo vest mặc khi đi du lịch thay vì quần jean áo thun. Quốc gia gì mà dở ẹc không chịu phát trợ cấp xã hội dài dài để con dân được rảnh rang mà tìm iểu thêm về nghệ thuật và văn hóa...!

Tôi lấy làm lạ và vô cùng thắc mắc là lúc nào nước Mỹ cũng bị chê bai, cười cợt nhưng lúc nào cũng thấy thiên hạ bốn phương ào ào nộp đơn xin di dân, xin nhập tịch. Trên báo có những mục tìm bạn, thấy lời rao của thiên hạ từ các nước khác là muốn kết bạn, muốn được giúp đỡ để được sang Mỹ với những hứa hẹn vô cùng hậu tạ...

Rồi lẩn thẩn tôi chợt nhớ tới cái ngụ ngôn "Con Cáo và Chùm Nho Trên Cao."

Cao Bình Minh *(Internet)*

Ai làm tay sai?

Đọc bài phỏng vấn nhà văn Dương Thu Hương (TK 21 tháng 6- 2001) đoạn cuối, câu trả lời: "... *một nửa nước làm tay sai cho xã hội chủ nghĩa, một nửa nước làm tay sai cho tư bản chủ nghĩa...*" làm tôi thất vọng vì ngay cả một nữ sĩ phản tỉnh như DTH mà vẫn chưa tẩy sạch khỏi não giọng

lưỡi Mác Xít, xã hội với tư bản, đề với phản đề. Về đầu thì đúng: lá cờ đỏ miền Bắc chính thức là một bộ phận tay sai của CS quốc tế, lá cờ vàng của dân tộc gìn giữ ở miền Nam thì bị CS tới tấp tấn công và bị phe "tư bản" áp chế phản bội, nếu miền Nam thực sự là tay sai cho tư bản (chắc DTH nghĩ tư bản cũng có một trung ương đảng điều động khắp nơi?) thì tại sao tư bản lại bỏ rơi miền Nam và làm sao CS vào nổi miền Nam? Tôi e rằng rất nhiều người VN ở vùng Cộng sản sau 1954 không có đủ tài liệu chân thật để nhìn chính sự khách quan hơn. Đa số, dù biết CS đã sai và đã tan vỡ tận tổ, dù Gorbachev, Yelstin... đã hạ cờ đập tượng từ cái đầu thánh địa xuất phát sau 70 năm đại họa, thì Tầu, Hàn, Việt là *cái đuôi* vẫn cố chấp không chịu nhận mình sai, *mà có nhận phe mình sai như DTH thì cũng tự ái phải kéo theo cả nửa kia (Đài Loan, Nam Hàn, Nam Việt) cho sai bằng nhau mới chịu!* DTH và những người đồng hương không CS của tôi không sống qua 21 năm tự do của miền Nam nên không biết rằng chế độ Ngô Đình Diệm cho dù có độc tài thì cũng đã gặp bốn lần chính biến mưu sát đảo chính, chế độ Nguyễn Văn Thiệu có tham nhũng thì cũng vẫn có đối lập biểu tình chống tham nhũng hàng ngày... nghĩa là miền Nam vẫn tự do dân chủ dễ thở gấp trăm lần miền Bắc, không nói gì tới kinh tế: bây giờ các ông các bà ở Hà Nội mới có xe Honda của tư bản Nhật để lượn quanh Hồ Gươm, ở miền Nam thị trường tự do, sinh viên khá giả thời 1957- 58 đã có xe Vespa, xe Sachs... để chạy rồi!? Giả dụ một ngày nào đó CSVN phải dựa vào Mỹ để chống lại Trung Cộng xâm lăng, thì CSVN có là tay sai của Mỹ không? Miền Nam không dựa vào Mỹ để chống lại làn sóng đỏ thì biết dựa vào ai, vào Nga chăng? Mà có làm tay sai cho phe tư bản chăng nữa thì vẫn còn nhân đạo tự do dân chủ hơn cái chế độ đấu tố sắt máu man rợ kia nhiều lắm!

Một luận điệu khác, khá phổ biến trong giới thân Cộng và giới không CS ở VN là nghĩa vụ lịch sử thống nhất đất nước. Tôi không biết nghĩa vụ ấy lấy từ đâu, từ Chúa Trịnh và Hoàng Ngũ Phúc vào đánh chúa Nguyễn để thống nhất đất nước cho nhà Lê? hay chính là nghĩa vụ nhuộm đỏ thế giới của Nga Hoa? Sao Tây Đức không đánh Đông Đức để thống nhất? Sao Trung Cộng không đánh Đài Loan để thống nhất, sao Bắc Hàn không tiếp tục lấy vũ khí của Tầu Nga mà giải phóng Nam Hàn sau 1953? Mà chỉ có CSVN bị Nga Hoa "*xui trẻ ăn cứt gà*" làm cái nghĩa vụ đổ máu ba triệu con dân đồng bào ruột thịt. Miền Nam có muốn thống nhất dưới lá cờ đỏ không? ai trao cho đảng CSVN cái sứ mệnh ấy? Lối thống nhất của "xã hội chủ nghĩa" trong thực tế là thổ phỉ cướp giựt miếng cơm manh áo mà người miền Nam đa số đã tạo nên bằng mồ hôi nước mắt. Người CS mở mồm là chửi tư bản, có biết đâu tư bản thế kỷ 20 khác xa tư bản thế kỷ 19 của Mác, công nhân có nhà, có xe, có học, có nghiệp đoàn... chửi rủa tư bản phải chăng là mặc cảm ghen tức trâu buộc ghét trâu ăn? Bây giờ Tầu, Việt phát triển kinh tế theo mô thức thị trường tự do thì CS Tầu, Việt, có là tay sai của tư bản không?

Thành khẩn nhìn nhận lỗi lầm của mình (như Nga, Đông Âu) quả thật phải là tâm địa phá chấp của một Bồ Tát, ở Tầu và Việt, may lắm cũng chỉ giác ngộ tới mức 50-60% như Dương Thu Hương mà thôi!

Lưu Văn Vịnh
(Bắc California)

Không biết, nhưng cứ nói

Số rồi (146) tôi rất chịu bài đọc sách *Tổ Quốc Ăn Năn* của Từ Thức. Đọc một bài điểm sách mà mình biết thêm được bao nhiêu cái khác, ngoài những điều trong nội dung cuốn sách mà tác giả bàn đến. Có hai điều đáng quý nơi tác giả bài báo: ông đọc cuốn sách rất kỹ trước khi đặt bút viết và kiến thức của ông rất vững vàng để bàn về những gì cần bàn.

Tôi rất sợ một cái bịnh của người Việt Nam là nhiều khi chưa biết ất giáp gì cả, mới chỉ "nghe nói" thôi là đã đủ để lên tiếng chửi bới om sòm rồi. Muốn nói về một cuốn sách thì rất đơn giản chỉ cần đọc nó đi rồi hẳn nói, đằng này không, chỉ nghe loáng thoáng người ta bàn tán là mình cũng vội vã: "Tôi tuy chưa đọc cuốn sách ấy nhưng... thế này... thế kia..." như sợ mình không lên tiếng kịp thì người ta cướp phần mất. Cái tật ra miệng mau mắn ấy hình như tác giả Nguyễn Gia Kiểng không có đề cập trong sách của ông, nhưng xem ra ông đã là nạn nhân của thói ấy, khá nhiều. Đề nghị khi tái bản cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn* ông nên thêm

mục này vô cho thêm hoàn hảo cái "chân dung văn hóa" của con người Việt Nam.

Trần Văn Tí *San Jose, CA)*

Người Mỹ tự hào

Khi đọc truyện Người Mỹ Tự Hào trong *Thế Kỷ 21* cách đây mấy số, tôi đoán thế nào cũng có người góp ý kiến, vì vấn đề nó "đụng chạm" lắm. Quả thế, số vừa rồi có hai vị đã lên tiếng. Tôi thì không có ý định lên tiếng gì cả, nhưng vừa qua có đọc một mẩu tin trên báo có thể có liên quan xa gần vấn đề người Mỹ và người Âu châu, tôi xin lược trích quý vị xem cho vui.

Nhan đề của bản tin là: "Vì sao người Mỹ làm việc nhiều giờ hơn dân Âu châu." (Mới cái tựa không mà đã thấy đi vào cốt lõi của vấn đề rồi...)

Ai cũng biết người Mỹ tham công tiếc việc, tiếng Anh gọi là Workaholic - ghiền làm việc, trong khi người Âu châu thích nghỉ hè hơn. Nhưng tại sao thái độ của dân hai lục địa khác nhau như vậy?

Câu trả lời giản dị vẫn được nêu ra là tại văn hóa khác biệt. Người Âu châu có thể chịu lợi tức thấp miễn là nhàn nhã, còn người Mỹ chỉ mong được tăng thu nhập dù phải làm việc nhiều, nghỉ ít.

Nhưng nguyên do khoa học hơn, theo bài báo, là vì lương bổng ở Mỹ chênh lệch rất nhiều, còn ở Âu châu chênh lệch ít. Chênh lệch đây có nghĩa là nếu anh chịu khó làm nhiều giờ hơn thì lương bổng sẽ tăng lên đáng kể, tăng trông thấy, "khiến thấy mà phát ham." Tôi nghĩ điều này đúng, có lợi là người ta làm thôi, chuyện văn hóa văn hiếc là nói cho có vẻ cao thượng thế thôi.

Nguyễn Thị Mỹ Lan
(Orange, CA)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Hoa Trinh, Đặng Văn Âu, Chính Nhân, Bùi Đức Lạc, Đạm Thạch, Trần Công Nghị, Chu Vương Miện, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Trần Nguơn Phiêu, Sông Lô, Quỳnh Anh, Kiều Quang Chẩn, Bùi Dương Chi, Hoàng Ngọc Lễ, Bùi Xuân Quang, Trần Gia Phụng, Phạm Đỗ Chí.

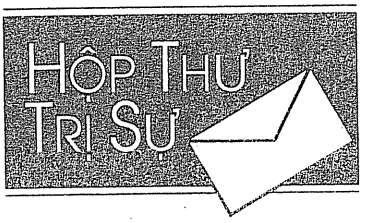

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Le Van Tinh (Oakland CA), Do Huu Thuan (Anaheim CA), Doan Thi Lien (Seal Beach CA), Mai Xuan Tran (Baton Rouge LA), Hieu De Nguyen (Hollan MI), Tran Thi Thuong Thuong (Albuquerque NM), Thanh Nguyen (Oswego IL), Tran Tu Huyen (Oakland CA), Truoc Hoa Nguyen (San Diego CA), Tai T Tran (San Diego CA), Tay Trinh (Chatsworth CA), Trinh Tan (Pasadena CA), Le Van Tam (Irvine CA), Lib: Radio Free Asia (Washington DC), Lib: Regional Federal Way (Federal Way WA), Vu Tuan Cuong (Arlington TX), Nguyen Tuong Giang , M.D (Falls Church VA), Buu Doan (Modesto CA), BS Vu Trong Tien (Stockton CA), Tran Quy Trung (San Diego CA), Nguyen Van Van (Costa Mesa Ca), Nguyen Van Vy (Richfield MN),Tran Thi Tuyet Le (Santee'CA), Tuong Luu (Houston TX), Ngo Hung (Santa Ana CA), To Minh Hiep (Milpistas CA), Phạm Cong Hien (Lakewood CA), Thai Thanh (Winter Haven FL), Nguyen Can (Orlanda FL), Nguyen H. Quang (San Jose CA),Nguyen Kim (Wooidlynne NJ), Nguyen Cong Khai (Poway CA), Frank Nhat Trinh (AUSTRALIA), Le Khac Ngoc Tuy (San Jose CA), Nguyen Nga My (Gahanna OH), Nguyen Thi Lai (AUSTRALIA), Han Long Toan (Marborough MA), Tina & Davic Doan (West Covina CA), Luu Huu Phuc (Pearland TX), Danny Bui (Santa Ana CA), Do Linh (Houston TX), Lien G. Doan,M.D (Fullerton CA), Resource Centre SBS Radio (AUSTRALIA), Truong Mai Huong (Rowland Heights Ca), Nguyen Xuan Hieu (Rancho Santa Margarita CA), Sinh Vinh (CANADA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Han Long Toan (Marlborough MA), Nguyen Luong Dien (San Jose CA), VH: Hong Khac Kim Mai (Portland OR).

Hai nhà trí thức trong nước yêu cầu

BỎ ĐIỀU 4 HIẾN PHÁP, THIÊU XÁC HỒ CHÍ MINH TRẢ TỰ DO DÂN CHỦ THẬT SỰ CHO DÂN VIỆT NAM

TRẦN KHUÊ - NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

Giới thiệu: *Lá thư này của ông Trần Khuê và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân được phổ biến trên Internet đầu tháng Sáu năm 2001. Hai ông bà là những nhà khoa học sống ở miền Bắc Việt Nam trong thời chiến tranh, sau năm 1975 vào làm việc tại Sài Gòn. Đây không phải lần đầu tiên hai người viết chỉ trích các chính sách của đảng Cộng Sản Việt Nam. Chúng tôi xin đang nguyên văn, chỉ đặt các tiểu đề để độc giả theo dõi dễ hơn.*

*

Thư ngỏ gửi đ/c Tổng bí thư Nông Đức Mạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2001

Thưa đồng chí kính mến!

Chúng tôi gửi lời trân trọng chúc mừng nhân dịp đ/c được Đại hội IX của Đảng ta giao phó một trọng trách mới. Đó là một niềm vinh dự nhưng đồng thời cũng là một trách nhiệm quá nặng và quá lớn đối với đ/c trong giai đoạn cách mạng đầu thế kỷ này của đất nước.

Thế là ngọn cờ Dân Chủ Hóa Đất Nước từ tay đ/c Lê Khả Phiêu được chuyền sang tay đ/c. Chúng tôi hy vọng đ/c sẽ phất cao hơn nữa, mạnh hơn nữa ngọn cờ thiêng liêng này.

Sau vụ 165 xã ở Thái Bình nổi dậy chống cường hào tham nhũng, Bộ Chính trị Lê Khả Phiêu đã nhận thấy cần phải khẩn trương dân chủ hóa đất nước nên đã ban hành Qui chế dân chủ hóa cơ sở. Qui chế này đã thực hiện trong hơn hai năm qua và đạt được một số kết quả, nhưng nhiều cơ sở còn thực hiện một cách hời hợt, hình thức nên nhiều vấn đề mâu thuẫn trong đời sống xã hội chưa giải quyết được.

Đảng trách nhiệm về tham nhũng

Một dẫn chứng cụ thể: khi nhân dân phường 15 quận 10 - TPCHM - phát hiện chủ đầu tư xây dựng cống hộp là Sở giao thông công chính TP có dấu hiệu tham nhũng liền tổ chức nhau kiểm tra với sự chỉ đạo của một đ/c đảng viên cán bộ hưu trí.

Việc "dân kiểm tra" phát hiện sự tham nhũng bạc tỉ là có thật, đáng lẽ phải được biểu dương nhưng Chi ủy của Phường lại bắt đ/c đảng viên hưu trí phải kiểm điểm về việc đã "cầm đầu" nhân dân đấu tranh, làm hại uy tín của cơ quan nhà nước.

Như thế là khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" kể từ sau Đại hội VI vẫn được hô đều trên các diễn đàn và trên báo chí, truyền hình; Quí chế dân chủ hóa cơ sở cứ việc ban hành, nhưng với danh nghĩa bảo vệ uy tín, thể diện cho cơ quan nhà nước - với danh nghĩa giữ vững an ninh chính trị, "ổn định" xã hội, người ta vẫn ngang nhiên bao che và chạy tội cho bọn tham nhũng.

Tình hình chiếm đoạt đất đai, đền bù giải tỏa không thích đáng làm thiệt hại cho dân mà dân không thể kêu hoặc kêu mà không có nơi xét hết sức phổ biến ở các địa phương. Năm đoàn kiểm tra liên ngành của chính phủ rầm rộ kéo về những địa phương nóng nhất để giải quyết tình hình nhưng khi các đoàn đã rút về, giao các vụ việc khiếu kiện lại cho địa phương giải quyết thì hầu như đâu lại hoàn đấy.

Chẳng có "thượng phương bảo kiếm" nào được vung lên cả. Tham nhũng vẫn hoành hành, dân vẫn bị ức hiếp. Vì thế, chúng ta lại kinh hoàng trước vụ nổi dậy của đồng bào Thượng ba tỉnh Tây Nguyên và những vụ việc lẻ tẻ ở vùng núi phía Bắc.

Đành rằng có kẻ xấu kích động, nhưng chúng ta cũng phải nghiêm khắc tự kiểm điểm xem trong 25 năm qua mình đã giải quyết đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ra sao.

Dân bị mất đất, mình không nghiêm khắc kịp thời xử lý giải quyết; giá cà phê rớt, mình không lo đầu ra, hàng chục tỉ tiền xóa đói giảm nghèo và xây dựng hạ tầng cơ sở của miền núi mình lại giao cho một lũ ăn cắp, một lũ cướp ngày, thử hỏi làm gì mà không loạn. Dân đã được an cư lạc nghiệp, sống trong tự do hạnh phúc, thử hỏi liệu kẻ nào xúi giục kích động nổi?

Kỷ cương, phép nước không còn

Vừa rồi, do có một số vụ việc về an ninh quốc phòng, Trung ương ta đã kỷ luật khiển trách đ/c Bộ trưởng Quốc phòng và đ/c Tổng tham mưu trưởng; nhưng Trung ương lại chưa thi hành kỷ luật đối với đ/c Bộ trưởng Công an và một vài bộ trưởng khác có liên đới đến các vụ việc về an ninh chính trị. Như thế cũng là chưa công bằng. Và kỷ luật đối với đ/c Phạm Văn Trà, đ/c Lê Văn Dũng chỉ mới ở mức khiển trách cũng là quá nhẹ. Nếu như rơi trên đầu nhân dân TP Hồ Chí Minh không phải là truyền đơn mà là bom thì các đ/c tính sao? Nếu nhân dân không phải chỉ nổi dậy bằng tay không mà lại bằng vũ khí thì các đ/c tính sao? Mất cảnh giác một cách thật đáng sợ!

Chúng ta làm hỏng, làm sai rất nhiều việc nhưng khi kiểm điểm lại chỉ nhận là do "buông lỏng lãnh đạo," "buông lỏng quản lý." Nhân dân giao cho các đ/c quyền lãnh đạo, quyền quản lý đất nước mà lại "buông lỏng" thế thì lãnh đạo quản lý cái gì?

Tất cả mọi tổn thất, thiệt hại, cuối cùng đều trút lên đầu nhân dân. Thế mà có những đ/c đã không biết lỗi, biết tội của mình lại còn nói với nhân dân bằng một cái giọng rất ngạo mạn, vô lễ. Sao các đ/c kiêu ngạo này lại không biết nhìn ra các nước xem lòng tự trọng và ý thức trách nhiệm của họ khi được giao quyền lực là như thế nào. Ở bên Nga, chỉ hai cái tàu biển xô vào nhau, bộ trưởng bộ hải quân đã vội vàng đứng ra nhận lỗi và nộp đơn xin từ chức; chỉ một thanh niên Mỹ cưỡi máy bay thể thao đáp được xuống Hồng trường mà bộ trưởng quốc phòng cũng xin từ chức ngay. Nói ngay như ấn Độ, chỉ hai đoàn xe lửa xô vào nhau, thế là bộ trưởng bộ đường sắt cũng nộp đơn xin từ chức. Thế mới biết chúng ta còn nhu nhơ thật!

Ăn cơm mới nói chuyện cũ, đ/c thống đốc ngân hàng Cao Sĩ Kiêm để thất thoát hàng chục ngàn tỉ đồng lại được nhẹ nhàng chuyển sang làm phó ban kinh tế trung ương. Dư luận xôn xao mãi mới đem ra "khiển trách" rồi lại đợi đến tận Đại hội IX mới cho hạ cánh an toàn.

Ngay giữa Thủ đô, hết vụ chợ Đồng Xuân cháy, đến vụ Khánh Trắng, Phúc Bồ lại đến vụ đất đai ở đê Yên Phụ, vụ thủy cung Thăng Long và bao nhiêu vụ tày trời khác, đ/c Bí thư thành ủy Phạm Thế Duyệt không những đã không bị kỷ luật lại còn được thăng lên làm ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, ngang nhiên ký quyết định khai trừ hết người nọ đến người kia, kể cả những người khiếu nại tố cáo tội lỗi của mình, ngang nhiên ký 19 điều cấm, tước hẳn quyền công dân của hơn hai triệu đảng viên. Những người này không biết tự trọng đã đành, nguy nhất là kỷ cương phép nước không còn ra sao. Khi hiến pháp, luật pháp đã bị chà đạp một cách trắng trợn đến mức đó thử hỏi làm sao xã hội lại không loạn?

Không biết Chủ nghĩa Xã hội là cái gì

Thưa đồng chí,

Chúng tôi trân trọng kiến nghị: với cương vị cao cả và quyền lực mạnh mẽ nhất của mình, đ/c hãy kiên quyết đổi mới thể chế chính trị của ta. Chỉ có đổi mới thể chế chính trị mới có thể giữ vững được chế độ chính trị.

Hiện nay, chế độ chính trị của chúng ta không phải là XHCN, điều đó đã rõ như ban ngày. Nhưng nó cũng chẳng phải là phong kiến, cũng chẳng phải là tư bản, nó là một thứ pha tạp không biết gọi tên là gì cho đúng. Đây chính là chỗ yếu của chúng ta khiến cho những người làm lý luận quốc doanh cứ ẩn núp để ngụy biện. Ai cũng ra rả tụng những câu được gọi là kinh điển của Lênin "có lý luận cách mạng mới có phong trào cách mạng" mà có bao giờ chịu lý luận cho nghiêm chỉnh. Mà lý luận nghiêm chỉnh sao được khi người ta không nghiên cứu thực tiễn một cách nghiêm chỉnh. Có thứ lý luận áp dụng cho phương Tây thì được chứ áp dụng cho phương Đông và nhất là Việt Nam mình sao được.

Vừa qua, thủ tướng Chu Dung Cơ, một cây lý luận, một cây cải cách có bản lĩnh lớn của Trung Quốc cũng phải thú nhận rằng nếu bảo tôi phải chứng minh sự ưu việt của CNXH thì tôi không làm nổi. Còn ủy viên thường vụ bộ chính trị Lý Thụy Hoàn, chủ tịch Chính hiệp Trung Quốc (tương đương như chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) trong một buổi nói chuyện với Đảng bộ Thượng Hải đã phải nói trắng ra rằng: "Thử hỏi các đ/c ngồi đây ai đã

đọc chủ nghĩa Mác và những ai đã hiểu CN Mác. Phải nói thẳng rằng chúng ta chẳng ai hiểu CN Mác, chúng ta chỉ lừa dối nhau thôi." Những điều đó không chỉ đúng với Trung Quốc mà cũng đúng với Việt Nam chúng ta - chỉ có điều cùng một gầu một duộc như nhau nhưng họ thì dám nói thật với nhau, còn ta thì không dám. Một thời người ta đám nói "bất kể mèo trắng mèo đen miễn là bắt được chuột" thì giới lý luận, giới tuyên huấn của mình không biết nếp tẻ ra sao chỉ một mực lên tiếng phỉ báng, báo chí cũng hùa theo phỉ báng.

Chúng tôi cũng thông cảm với Bộ Chính trị và Trung ương mỗi người phụ trách một ban, một ngành, một địa phương, thì giờ đâu mà nghiên cứu. Những điều mà các đ/c học được ở trường Đảng trong nước hay các trường Đảng cao cấp ở nước ngoài cách vài ba chục năm đều đã bị đời sống thực tế vượt qua. Trông cậy vào giới nghiên cứu lý luận thì phần đông đều giáo điều, bảo thủ, một số ít dám đổi mới lý luận thì bị chụp cho cái mũ "chống quan điểm của Đảng" nên thường bị loại hoặc đành im miệng.

Dưới lộng quyền, trên bất lực

Cái nguy của chúng ta là nhiều nghị quyết mang nặng tính giáo điều bảo thủ của một nhóm người làm lý luận soạn thảo sau đó lại biến thành nghị quyết của Bộ Chính trị, của Trung ương, thế thì ai còn dám cãi với Trung ương với Bộ Chính trị? Cứ ra sức bảo nhau "đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống," thực hiện liền dăm năm mới thấy là sai, thậm chí có những nghị quyết đến vài chục năm mới phát hiện ra là sai. Họ có biết đâu rằng phải đưa cuộc sống vào nghị quyết thì nghị quyết mới có giá trị thực tiễn và khi trả lại đời sống mới có tác dụng tốt. Mà ngay khi đã có một nghị quyết đúng và tốt rồi thì với thể chế chính trị hiện tại và với một bộ máy cồng kềnh chồng chéo, chúng ta cũng không tài nào thực hiện được để đạt hiệu quả mong muốn. Mệnh lệnh cao nhất của Thủ tướng, người đứng đầu ngành hành pháp mà còn không thực thi được thì nghị quyết nào có thể trông chờ ở sự tự giác tuân theo?

Chuyện gần đây nhất ai cũng thấy là chính phủ Phan Văn Khải quyết tâm thực thi Luật doanh nghiệp mà Quốc hội ta đã thông qua. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển là một việc làm vừa phù hợp với qui luật, vừa thích hợp với thực trạng kinh tế của đất nước và thế giới. Thế mà riêng một việc thực hiện bỏ các "giấy phép con" cũng trầy trật hàng năm không xong.

Ban thanh tra của tỉnh, ban kiểm tra của huyện, đội quản lý thị trường của phường xã, chưa kể các tổ công an kinh tế lúc nào cũng có thể "thăm hỏi sức khỏe" các doanh nghiệp. Không "lót tay" thì rất rầy rà mà "lót tay" cho đủ thì còn gì là lời lãi để tiếp tục kinh doanh.

Một hiện tượng kỳ quái là hàng giả thì tràn ngập thị trường, còn hàng thật thì bị gây khó dễ có khi bị ách lại. Phân hóa học của doanh nghiệp 19-8 ở Hải Phòng đã được Viện Khoa học hình sự của Bộ Công an giám định là phân thật, đúng như mẫu đã đăng ký, bộ phận kiểm định của Sở Công nghệ Hải Phòng cũng xác nhận như thế. Nhưng công an quận Kiến An, một cấp thấp hơn cả Tỉnh và Bộ dứt khoát không cho hàng xuất khỏi doanh nghiệp. Thế nghĩa là thế nào? Chúng ta trải qua bao nhiêu đấu tranh mới giành được chính quyền và xây dựng bộ máy nhà nước của chúng ta. Thế mà Trên bảo, Dưới không nghe. Đúng như nhân dân đã từng nhận xét và đúc kết: dưới lộng quyền, trên bất lực.

Đảng đứng trên cả Hiến pháp

Chúng tôi đã nhiều lần quan sát đ/c điều khiển các buổi họp của Quốc hội. Nhìn nét mặt đầy ưu tư của đ/c, chúng tôi cảm thông được nỗi băn khoăn và khổ tâm của đ/c. Lãnh đạo và quản lý bộ máy quyền lực cao nhất của đất nước (theo văn bản Hiến pháp qui định) thế mà đ/c không thể thực thi đúng quyền lực của mình. Đ/c hiểu rõ chỉ thị 31/CP do đ/c Võ Văn Kiệt ký là vi phạm Hiến pháp; 19 điều cấm đảng viên do đ/c Phạm Thế Duyệt ký là vi phạm Hiến pháp, và nhiều thứ văn bản trái Luật, trái Hiến pháp khác, đ/c vẫn phải làm ngơ. Vì tiền lệ thế nào thì hậu lệ vẫn cứ phải thế thôi.

Đ/c Lê Quang Đạo chỉ sau khi rời chức vụ Chủ tịch Quốc hội mới dám nói lên một sự thật: Quốc hội chỉ là bộ máy giơ tay. Đ/c Trần Độ sau khi rời chức vụ Phó chủ tịch Quốc hội cũng mới dám nói lên một sự thật: chúng ta đang thực hiện chế độ Đảng trị, quyền lực của Đảng trên cả Quốc hội, trên cả Hiến pháp và Pháp luật.

Chúng tôi cũng hiểu rất rõ rằng trong thâm tâm những người cộng sản Việt Nam chân chính, chẳng ai muốn thực hiện chế độ Đảng trị, độc tài, chuyên chế. Các đ/c đều thương

yêu nhân dân, chẳng ai muốn đè đầu cưỡi cổ nhân dân. Nhưng cũng phải khách quan mà nhận định rằng các đ/c Lê Duẩn, Lê Đức Thọ đã rất sai lầm, phần nào hoa mắt lên vì chiến thắng, phần khác chịu ảnh hưởng nặng nề tư tưởng Stalinít, Maoít một cách không tự giác, nên nhiều lúc sai lầm một cách cũng rất không tự giác. Tư tưởng của các đ/c ấy cũng pha tạp tư tưởng phong kiến Tống nho của triều Nguyễn rất nặng.

Cùng là đ/c với nhau, có điều gì không nên không phải thì đóng cửa lại bảo ban nhau. Cớ gì lại loại trừ người này, khai trừ người khác, ký giấy bắt giam, bỏ tù, quản thúc quản chế đồng chí của mình một cách phi pháp, phi đạo lý thậm chí có những trường hợp lại còn gài bẫy, hạ bệ nhau hoặc thủ tiêu nhau. Đừng tưởng cứ giấu kín là nhân dân không biết. Giấu thế nào được hàng triệu con mắt, hàng triệu lỗ tai. Những việc làm sai trái như thế, tất cả những người có lương tri không chấp nhận và lịch sử chắc chắn sẽ không bao giờ tha thứ.

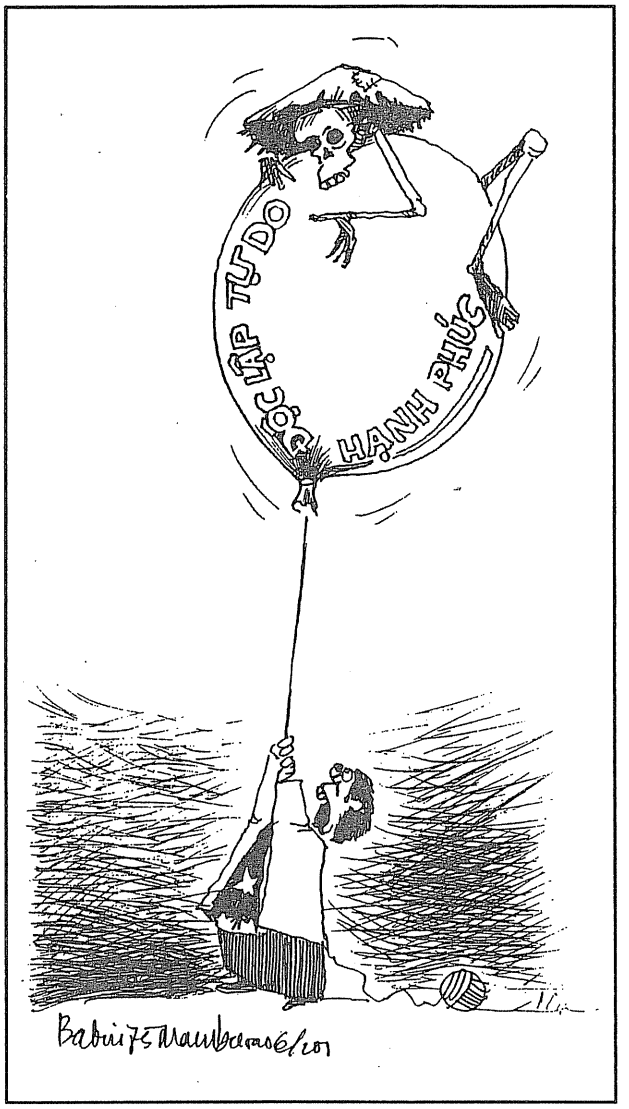

Kêu gọi người ta góp ý kiến xây dựng, ý kiến nào đồng tình với mình thì hồ hởi bảo nhau đăng lên đủ các thứ báo quốc doanh, ý kiến nào khác với mình thì cho ngay công an đến hạch hỏi khám xét nhà cửa (trường hợp đ/c Lê Hồng Hà) hoặc triệu lên Sở Công an để chất vấn (trường hợp đ/c Hoàng Minh Chính). Thử hỏi đến Đại hội X thì còn ai muốn góp ý kiến nữa. Cũng có người bực bội nói : cứ làm ăn lãnh đạo kiểu này thì làm gì có Đại hội X.

Càng bịt miệng sụp đổ càng nhanh

Hãy cứ nhớ lại chuyện vua chúa ngày xưa, độc quyền độc đoán đến như thế mà vẫn còn phải căng tai ra mà nghe ý kiến của các gián quan, ngự sử để giữ cho mình được tỉnh táo mà biết cách cai trị muôn dân. Nếu chỉ vì có ý kiến đối lập, đối nghịch mà đã sụp đổ, thiết tưởng chế độ phong kiến và cả chế độ tư bản đã sụp đổ từ lâu rồi, làm gì có chuyện tồn tại hàng mấy ngàn năm (phong kiến) hoặc mấy trăm năm liền (tư bản).

Từ thực tế lịch sử và hiện tại mà suy ra càng bịt mồm bịt miệng nhau thì sụp đổ càng nhanh. Các cụ nhà mình đã nói: đã yêu thì chín chỗ lệch cũng kê cho bằng. Thế mà đối với những ai có thiện ý muốn "kê cho bằng" thì lại tìm cách khóa tay hoặc bịt miệng người ta lại thì liệu còn ăn ở được với ai? Nhiều đ/c đảng viên ta được giao một ít chức quyền đã vội quên mất rằng "quan nhất thời, dân vạn đại."

Ở đất Việt này, khi nhân dân đã nổi giận thì vua và thực dân đế quốc còn không tồn tại nổi, không hiểu các đ/c ấy định tồn tại đến bao giờ? Chắc các đ/c ấy còn chưa tỉnh ngộ vì quá tin vào một đặc điểm tâm lý của nhân dân ta: cứ bao giờ sắp chết mới nổi giận. Xưa thì thế chứ nay chắc không phải thế. Chớ quên rằng ta đang sống ở đầu thiên niên kỷ mới, ở thời đại của computer và internet.

Tại sao phải xóa bỏ điều 4

Thưa đồng chí,

Lời người đã khuất mà sai thì không nên theo, nhưng nếu đúng thì phải bàn nhau thực hiện. Theo chúng tôi, để thực hiện những lời dạy đúng của tổ tiên ông bà xưa, gần nhất là những lời dạy đúng của Cụ Hồ, và cũng là để đáp ứng đúng nguyện vọng của các thế hệ anh hùng liệt sĩ đấu tranh liên tục trong 117 năm trường (1858-1975), và nguyện vọng của Nhân Dân ta hiện nay, chúng ta nên thảo luận rộng rãi và nếu cần nên tổ chức Trưng cầu ý Dân về mấy vấn đề lớn sau đây :

1. Xóa bỏ Điều 4 trong Hiến pháp hiện nay. Đây không phải là điều mới lạ, sáng tạo gì của Đảng ta. Chẳng qua là sao chép từ Điều 6 của Hiến pháp Liên Xô từ năm 1980, nghĩa là 11 năm sau khi Bác Hồ qua đời. Điều 4 đã đặt Đảng Cộng Sản vào vị thế siêu quyền lực, siêu pháp luật, không chịu bất cứ sự giám sát nào kể cả cơ quan quyền lực cao nhất của Đất nước là Quốc hội.

Nói khác đi, Đảng không chịu sự kiểm soát của Nhân Dân mà đang ngồi trên đầu trên cổ Nhân Dân (các viện sĩ Liên bang Nga nói Đảng Cộng sản Liên Xô sụp đổ vì đã xa rời nhân dân là không đúng, nó đổ vì đã dính quá chặt vào đầu vào cổ Nhân Dân nên khi Nhân Dân không chịu nổi nữa thì hất nó ra khỏi đầu khỏi cổ mình, thế thôi).

Chính Điều 6 ở Hiến pháp Liên Xô và Điều 4 ở Hiến pháp Việt Nam đã tạo điều kiện pháp lý cho những đảng viên tồi tệ có thể lộng hành, lộng quyền một cách không giới hạn. Không thể chống được bọn cửa quyền, tham nhũng cũng chính là do Điều 4 này.

Nhiều đảng viên (trong đó có cả những đảng viên chân chính và thông minh) cứ lo bỏ Điều 4 sẽ mất vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ nhầm. Họ quên rằng hồi 45-46 dù không có Điều 4 mấy chục triệu nhân dân vẫn đi theo sự lãnh đạo của Cụ Hồ và 5000 đảng viên.

Họ cũng quên lời Cụ Hồ khi thấy có những đảng viên muốn làm "quan cách mạng," lên mặt lãnh đạo, đã nhắc nhở: đảng cộng sản không thể tự vỗ ngực tự xưng mình là người lãnh đạo và bắt nhân dân thừa nhận sự lãnh đạo của mình. Bỏ điều 4 thì mất bọn cửa quyền tham nhũng chứ không thể mất Đảng.

Tóm lại: bỏ thì còn, để thì mất. Liên Xô và Đông Âu đã là cái gương tày liếp, tùy Đảng và Nhân Dân lựa chọn.

Thiêu di hài Hồ Chí Minh

2. Thiêu di hài của Bác Hồ. Giữ lại di hài của Bác Hồ, ta đã phạm hai sai lầm :

a. Sai với truyền thống đúng của dân tộc. Ta có truyền thống hỏa táng (thời Lý, Trần), địa táng tức là đào sâu chôn chặt (thời Lê, Nguyễn), không có truyền thống chôn nổi. Người đã khuất nằm không yên hoặc do động mồ động mả thì người sống không thể sống yên ổn, đó là đời sống tâm linh Việt Nam. Nhiều người thành tâm tin rằng do Cụ Hồ nằm không yên nên Đất Nước không yên, xã hội không "ổn định."

b. Sai với Di chúc của Bác. Bác chọn truyền thống Lý Trần, ta nhập đài điện táng Hoàn Vũ cũng là theo truyền thống đó, lại rất hợp với khoa học hiện đại. Mặt khác không nghiêm chỉnh tuân theo lời Di chúc đúng của người đã khuất thì gia đình, dòng họ và với ta là Đất Nước luôn luôn bị "sái," không ngóc đầu ngóc cổ lên được.

Nếu các đ/c không tin thế giới tâm linh thì cũng vui lòng tin vào cái thực tế này :

- Giữ lại di hài của Bác để mỗi năm tiêu tốn khoảng 100 tỷ đồng là điều đời sống kinh tế Việt Nam không chấp nhận. Không những thế còn sai với ý nguyện tột bậc của Bác Hồ: "Tôi chỉ có một mong muốn, mong muốn tột bực là: Nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng đủ cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành," đồng thời cũng sai với chủ trương "xóa đói giảm nghèo" của Đảng hiện nay. Bình quân mỗi hộ nông dân bây giờ chỉ cần được vay 5 triệu là hết đói nghèo. Một tỷ là 1000 triệu. Một trăm tỷ là một trăm nghìn triệu. Thử chia ra thì biết ngay mỗi năm ta xóa được đói nghèo cho bao nhiêu hộ nông dân và năm năm liền thì xóa được đói nghèo cho bao nhiêu hộ? No ấm thì sống yên ổn, đói nghèo sinh loạn lạc, đó là lẽ thường tình trong đời. Các đ/c thử hỏi ý kiến Nhân Dân xem, mọi người thích no ấm hay đói nghèo. Nếu quả thật Nhân Dân cam phận, chịu đựng được đói nghèo, tất nhiên không có chuyện gì đáng bàn nữa. Ngược lại, nếu các đ/c cứ làm trái ý Cụ Hồ, trái nguyện vọng của Nhân Dân thì, như chúng tôi đã tuyên bố hôm tọa đàm với Hội đồng lý luận trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hóa trung ương: đại biểu nào của Đại hội IX, đại biểu nào của Quốc hội khóa mới biểu quyết giữ lại di hài của Bác thì đề nghị bỏ tiền

túi của mình ra mà đài thọ kinh phí, không được lấy tiền thuế của Dân hoặc tiền vay nợ nước ngoài để chi phí vào một việc hoàn toàn không có lợi gì cho Cụ Hồ và Nhân Dân. Nhân Dân đói nghèo chỉ càng thêm oán ghét chủ nghĩa xã hội, con cháu phải kéo cày trả nợ thì cũng oán ghét Đảng và ông bà cha mẹ nó không biết góp ý kịp thời với Đảng.

Chúng tôi nhắc lại một thực tế: tất cả các vị anh hùng cứu nước hoặc danh nhân văn hóa của Đất Nước luôn luôn sống trong tâm khảm của Nhân Dân, không nhất thiết phải có mồ mả hoặc di hài. Không nên so sánh di hài Hồ Chí Minh với di hài Lênin. Lênin không có di chúc hỏa thiêu và tình hình kinh tế chính trị nước Nga cũng khác Việt Nam. Bên Nga có sự chủ trương thiêu hủy di hài Lênin nhằm xóa bỏ chủ nghĩa Lênin. Còn bên ta chủ trương hỏa thiêu di hài Hồ Chí Minh chính là giữ vững tư tưởng Hồ Chí Minh trong tâm tưởng Nhân Dân. Giống nhau và khác nhau là thế đó, miễn mọi sự biện luận mê muội hoặc nguỵ biện lợi dụng.

Trả tự do thật sự cho dân

3. Tự do ngôn luận thật sự. Theo Hiến pháp 46 thì Nhân Dân phải được hưởng mọi quyền tự do dân chủ. Và Nhân Dân có những thời kỳ đã thực sự được hưởng quyền Tự Do Dân Chủ ấy nên đã có đủ sức mạnh tinh thần và văn hóa để thắng những đế quốc lớn ở thế kỷ XX. Nếu Nhân Dân không cầm vũ khí để bảo vệ Độc Lập Tự Do của mình mà chỉ là một lũ người đánh thuê thì cũng thua lâu rồi. Chẳng có lực lượng nào có thể ép Nhân Dân mình cầm súng để đi vào chỗ chết. Nhưng chết vì độc lập tự do, người ta sẵn sàng chấp nhận.

Phải nói trắng ra rằng ngay vào những giai đoạn quyết liệt nhất mà có những đảng viên cấp cơ sở cũng như cao cấp đã chạy chọt cho con mình khỏi phải đi chiến đấu thì họ đã phản bội lý tưởng Độc Lập Tự Do rồi. Gọi cho đúng tên, đó là bọn phản bội dân tộc.

Thực tế lịch sử cũng như hiện tại đã chứng minh rằng cứ có tự do dân chủ thực sự là chúng ta phát triển và có sức mạnh. Nhiều đ/c cứ lý luận chê bai dân chủ tư sản và đề cao dân chủ xã hội chủ nghĩa. Họ cho dân chủ tư sản là thứ dân chủ vờ vịt, giả hiệu. Vâng, chúng ta cứ thử vờ vịt giả hiệu như thế để cố mà phát triển cho bằng anh chị em trong khu vực. Còn "thực sự" như dân chủ xã hội chủ nghĩa ta trong vài ba chục năm vừa qua thì không thể chấp nhận được. "Dân chủ" mà trì trệ thì dân chủ làm gì?

Qua bài học Liên Xô và Đông Âu mới thấy rằng "dân chủ xã hội chủ nghĩa," chỉ là một thứ dân chủ ảo. Trên đời này chưa hề có cái gọi là "dân chủ xã hội chủ nghĩa." Chẳng lẽ có một thứ dân chủ tốt đẹp đến như thế mà chỉ có mấy trăm vị lý luận gia "tinh đời" mới "quán triệt" nổi còn thì hàng trăm triệu nhân dân ở Liên Xô và hàng ngàn triệu ở châu Á trong đó có Việt Nam ta đều ngu cả chăng?

Chúng tôi cảm phục sự thẳng thắn của đ/c Lý Thận Chi - cựu trợ lý của đ/c Đặng Tiểu Bình - đã viết trong dịp kỷ niệm quốc khánh Trung Quốc năm 1999: trong 50 năm qua Trung Quốc chưa hề có dân chủ. Đã đến lúc chúng ta cũng nên học tập đ/c Trường Chinh, hô to: "Tự do hay là chết!" Trong tình cảnh hội nhập quốc tế mà ta cứ trói chân trói tay nhau, khâu mồm khóa miệng nhau lại thì quả là sẽ "chết" thực sự, chỉ có điều: ai là kẻ cam tâm chịu chết? Đó là vấn đề. Nhân dân ư? Không, Nhân dân Việt Nam sẽ đời đời bất tử!

Tóm lại, trả lại Tự Do Dân Chủ thực sự cho Nhân Dân thì còn. Ngược lại thì mất. Không phải bàn nhiều. Chắc chắn dân tộc Việt mình không bao giờ chấp nhận dân chủ vờ để rồi nô lệ thật.

Nông dân nói chân thật

Thưa đồng chí,

Tình nghĩa giữa Dân mình với Đảng mình mấy chục năm qua đi với nhau thật là sâu nặng không phải phút chốc mà bỏ nhau được. Nhưng tình hình cứ diễn ra như hiện nay thì nói thẳng ra là cũng không chịu được. Chắc đ/c và tất cả những đảng viên tâm huyết trung thực cũng cảm thấy không chịu được.

Như trên đã nói: cứ nhận định rằng Đảng đang xa rời Nhân Dân là không đúng đâu. Chỉ có đ/c và những người trung thực làm ngơ mặc cho lũ đảng viên cơ hội, cửa quyền, tham nhũng hoành hành mới là xa rời Nhân Dân. Còn lũ cơ hội, tham nhũng thì đang bám chặt lên đầu lên cổ Nhân Dân để hút máu Nhân Dân từng ngày từng giờ, chúng đâu có xa rời ai!

Một lần nữa, chúng tôi xin thanh minh rằng chúng tôi không làm lý luận, chúng tôi chỉ muốn tổ chức một cuộc đối thoại thân ái và bình đẳng.

Tư tưởng nông dân thì có nhiều hạn chế, nhưng tác phong của bà con nông dân ta "sờ đâu gối nói chân thật" và cứ "nói toạc móng

heo" thì chúng tôi xin vĩnh viễn học tập.

Rõ ràng chế độ mình hiện nay đâu có phải là chế độ XHCN. Nó là chế độ tư bản chăng? Càng không phải! Vậy thì nó là cái gì? Chẳng lẽ toàn là những người hiểu biết mà ta lại vui lòng chấp nhận một thứ "dở dơi dở chuột" này mãi hay sao?

Chúng ta vốn ghét chế độ tư bản nhưng lại chơi toàn những trò tư bản chủ nghĩa. Mà ai được chơi? Không phải Nhân Dân mà là toàn con cháu các cụ cả. Chắc đ/c cũng biết người ta ngán cái 5C này như thế nào rồi. Thà rằng chúng ta quay lại chế độ phong kiến theo truyền thống có lẽ lại hay hơn chăng?

Hàng ngàn năm nay, nhân dân ta vốn sống trong chế độ phong kiến đã quen rồi. Chỉ cần có một ông vua sáng và những tôi hiền, có lòng thương dân và biết cách cai trị. Dân được no ấm, an cư lạc nghiệp, thế là xã hội bình ổn. Xem như các đời Lý Nhân Tông, Lý Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông:

Đời vua Thái tổ, Thái tông
Thóc lúa đầy đồng, trâu chẳng buồn ăn.

Chẳng thấy sử sách nào ghi những thời này có khởi nghĩa nông dân. No ấm rồi, an cư lạc nghiệp rồi, ai mà "kích động" nổi họ đi làm loạn, làm giặc. Vua quan triều Nguyễn mà cai trị tử tế liệu Cao Bá Quát lại kích động nổi nhân dân Mỹ Lương (Hưng Yên) "nổi loạn"? Mấy triều Minh Mệnh, Tự Đức đúng là giữ kỷ lục về số cuộc khởi nghĩa nông dân: hơn 400 cuộc (nguồn: *Đại Nam thực lục chính biên*). Các Đảng Cộng sản ta vốn sở trường về "kích động," thôi không kể các nước G7, hãy thử kích động nhân dân mấy nước Singapore, Thái Lan, Malaixia,... xem kết quả thế nào?

Nghĩa là các đ/c đã tự nhận có sứ mệnh phải độc quyền lãnh đạo, độc quyền cai trị. Các đ/c được lịch sử giao phó sứ mệnh chẳng khác gì vua chúa ngày xưa tự xưng mình là Con Trời (thiên tử) phải lĩnh mệnh trời để cai trị dân. Cứ coi là thế đi, thì cũng phải biết cai trị một cách tử tế chứ. Nói thẳng ra nếu vua quan nhà Nguyễn, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ mà cai trị tử tế thì đâu đến lượt các đồng chí.

Tóm lại, muốn giữ vững sự "cầm quyền," không có cách nào khác ngoài cái cách làm cho nhân dân no ấm "ai cũng có đủ cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành." Dân đã mất tự do, phải sống trong đói nghèo, áp bức sẽ chẳng có con đường nào khác ngoài con đường khởi nghĩa (mà gọi một cách khinh miệt là "bạo loạn").

Quan nhiều thì dân khổ

Theo chúng tôi, chúng ta phải nghĩ mọi cách để làm cho nhân dân no ấm, an cư lạc nghiệp. Chứ cứ vừa mới lập một doanh nghiệp mà đã có tới sáu ông thanh tra, kiểm tra, công an kinh tế, quản lý thị trường, phường xã,... xông tới "hỏi thăm sức khỏe" thì còn làm ăn gì nổi.

Nhà bác học Lê Quý Đôn từng nói: "quan nhiều thì dân khổ." Vậy, muốn cho dân khỏi khổ thì hãy bớt quan đi. Chẳng hiểu các đ/c thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ra sao mà 25 năm qua, cứ mỗi lần hô hào tinh giản biên chế thì biên chế lại càng phình ra, "quan" lớn, "quan" nhỏ lại đông thêm (chữ "quan" này chính do báo chí ta dùng chứ không phải chúng tôi. Lâu nay, từ "cán bộ" dễ thương như thế bỗng nhiên biến hết thành "quan chức").

Thôi thì các đ/c đảng viên cộng sản đã thích làm "quan" thì đ/c cũng làm "vua" đi cho đồng bộ. Một đồng chí cùng với 150 đại thần và với một số tiểu thần hết sức hạn chế về số lượng có phải giản dị hơn không? Cần gì phải có Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc với đủ các thứ đảng ủy, đảng đoàn, chi bộ, đoàn thể linh tinh cho thêm tốn kém. Mỗi kỳ họp Quốc hội với hơn 400 vị "quan" chỉ làm cái việc vỗ tay và giơ tay biểu quyết (Lê Quang Đạo) mà tốn kém hàng chục tỷ đồng. Thật là một sự lãng phí kinh khủng. Mỗi một đợt họp Đại hội Đảng từ cơ sở phường - xã, quận - huyện, tỉnh - thành phố lên đến Đại hội toàn quốc tốn kém hàng ngàn tỷ. Cũng là một sự lãng phí khủng khiếp. Chính Bác Hồ đã nói: lãng phí còn đáng sợ hơn cả tham ô. Giá mà mang số tiền bạc chi tiêu lãng phí ấy ra mà xóa đói giảm nghèo có phải hiệu quả biết bao.

Xưa kia, đầu tỉnh chỉ có một tổng đốc, đầu huyện chỉ có một tri huyện, đầu xã chỉ có một lý trưởng mà thuế dân đã nuôi không xuể. Thế mà bây giờ chỗ nào cũng mấy chục ông "lý trưởng," mấy chục ông "tri huyện," mấy chục ông "tổng đốc" hỏi dân nào cung phụng nổi. Cái nguy là không ông nào bảo được ông nào, cùng ăn chia và không ai chịu trách nhiệm. Khi tội đã quá nặng, thụt két đã quá lớn lại yếu thế nên phải ra hầu tòa thì ông nào cũng một mực kêu oan, chỉ nhận khuyết điểm sơ sơ là "buông lỏng" và "thiếu đồng bộ." Từ chỗ "nhà nước và nhân dân cùng làm" đến chỗ thiệt hại hàng ngàn tỉ thì nhà nước và nhân dân không cùng chịu, chỉ có nhân dân là è cổ

ra gánh chịu mọi tai họa trên đời do chính các đ/c cán bộ lãnh đạo (tức là các "quan chức") trong bộ máy nhà nước gây ra; mà các đ/c cán bộ lãnh đạo này đều do bộ máy Đảng lựa chọn bổ nhiệm sang.

Ngày xưa, cả triều đình ngót trăm đại thần chỉ có Lục bộ với sáu quan thượng thư có trách nhiệm rõ ràng trước nhà vua.

Nay ta có tới mấy chục bộ. Vừa bộ của Đảng, vừa bộ của Nhà nước, "lục bộ" nọ chồng lên "lục bộ" kia mà chẳng vị nào chịu trách nhiệm.

Việc cải cách giáo dục thất bại, Bộ trưởng Giáo dục vô can, Trưởng ban Khoa giáo của Trung ương Đảng cũng chẳng hề hấn gì. Kết quả là đổ lên đầu dân, mọi chuyện sai lầm thất bại là do "dân trí" thấp mà ra. Vậy, thử hỏi "dân trí" thấp hay "đảng trí" thấp?

Đường xá không kịp sửa, xe gắn máy, xe ô tô nhập vô tội vạ, kẹt đường, chết người (bình quân 6000 người chết một năm vì tai nạn giao thông). Thế mà bộ trưởng Giao thông, bộ trưởng Thương mại vô can, trưởng ban Kinh tế Trung ương Đảng cũng không hề hấn gì. Chỉ có dân bị chê không chịu học luật đi đường, chết ráng chịu (!?)

Chúng tôi cho rằng chỉ một "vua" cộng với 150 đại thần (nếu thấy quá đông thì rút bớt) với một "tổng đốc," một "tri huyện," một "lý trưởng" là mọi việc xong hết. Nhân dân tình nguyện đóng góp thêm, đánh cho đồng chí 10 thanh kiếm thượng phương để đ/c thực sự giao quyền "tiền trảm hậu tấu" cho các quan thanh tra. Quan thanh tra không làm tròn nhiệm vụ thì cũng cứ thẳng tay trảm luôn. Đ/c cứ thực hiện "sứ mệnh lịch sử" một cách nghiêm minh, xóa đói giảm nghèo một cách thực sự, luật pháp thi hành không trừ ai. Quan lại không dám tham nhũng, Nhân Dân khắp thôn cùng xóm vắng đều no ấm, không còn tiếng hờn giận oán sầu. Xã hội tốt như thế mà vẫn còn động loạn thì như bà con nông dân thường nói, xin cứ mang đầu chúng tôi đi mà chặt, nửa lời không thèm kêu oan.

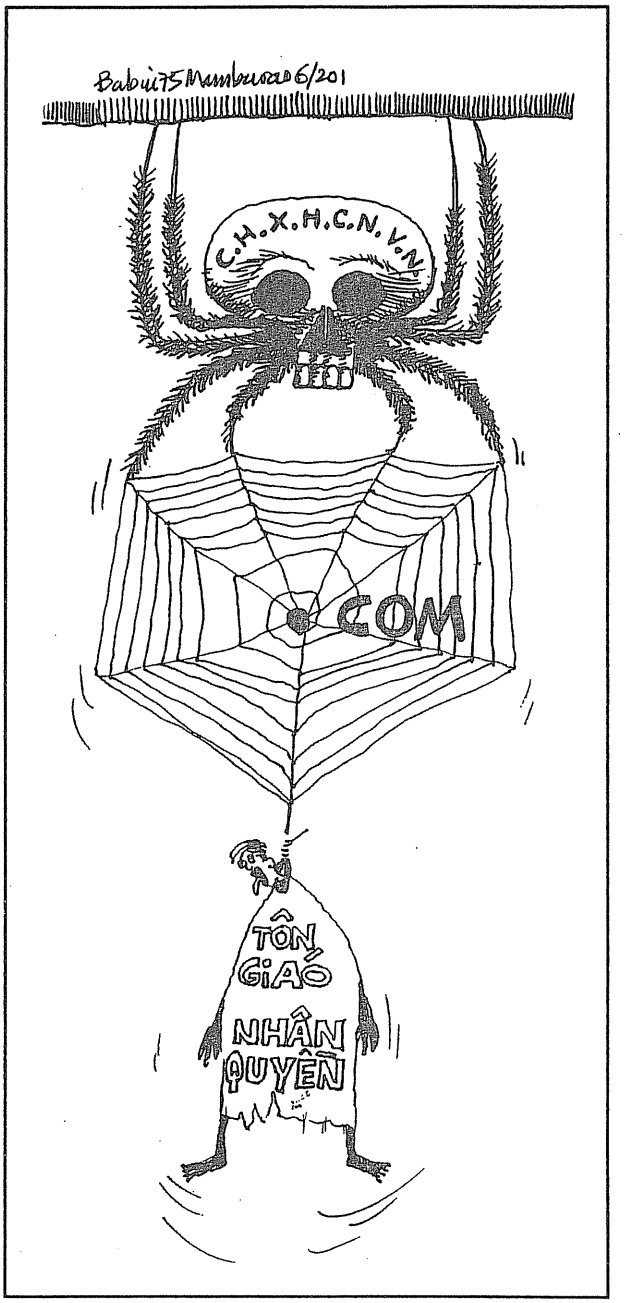

Thua kém các nước trong vùng là ô nhục

Các đ/c cứ việc độc quyền độc đoán, không sao cả, miễn là nhân dân no ấm. Tất nhiên các đ/c có cái khó hơn các vua chúa xưa là không được để cho đất nước tụt hậu. Mình vẫn tự hào là một đất nước văn hiến, cứ thua mãi anh chị em trong khu vực là nhục.

Ở tư thế kẻ chiến thắng ra khỏi chiến tranh 25 năm mà tình hình đất nước lại như thế này thì lỗi tại ai? Các nhà nghiên cứu của ta cũng nên đặt câu hỏi: vì sao cũng là ra khỏi chiến tranh - mà là kẻ bại trận, Nhật Bản lại tiến

nhanh như thế? Bây giờ Đại hội IX của ta lại bàn phải phấn đấu để đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp và đến năm 2010 thì phải có bình quân đầu người 800 USD (hiện nay ta đạt 323 USD thì Thái Lan là 12.000 USD, nghĩa là hơn ta khoảng 34 lần).

Nhưng Đại hội lại lảng tránh không thảo luận vấn đề vì sao Đại hội VII đặt mức phấn đấu trong 10 năm (1991-2000) là phải tăng bình quân thu nhập gấp đôi, từ 200 USD lên 400 USD mà ta lại không đạt (trong khi cũng đặt kế hoạch 10 năm phấn đấu, Hàn Quốc từ 100 USD đạt tới 800 USD). Tất nhiên hoàn cảnh mỗi nước một khác và ta có cái khó riêng của ta, nhưng nếu không thảo luận vì sao không đạt 400 USD (cũng như tìm hiểu vì sao mà người ta đạt vượt trội như thế) thì làm sao khắc phục được những nguyên nhân để đạt 800 USD. Mà thật ra 800 USD cũng vẫn là một nỗi nhục. Trung Quốc với 1,2 tỉ dân mà hiện nay cũng đã đạt 1.000 USD. Thế nghĩa là thế nào?

Chúng tôi cũng không thể chấp nhận lập luận của các nhà nghiên cứu, nhất là các nhà nghiên cứu văn hóa: đói nghèo không quan trọng bằng mất bản sắc dân tộc. Thế hóa ra những nước giàu họ mất hết bản sắc dân tộc chăng? Rồi chính họ lại viết bài ca ngợi Nhật Bản, Thái Lan và nhiều nước giàu khác giữ bản sắc dân tộc tốt lắm, ta nên "tăng cường" và "đẩy mạnh việc học tập." Thật là lập luận luẩn quẩn và ngụy biện. Thế mà nhà nước ta vẫn kiên trì chi hàng trăm tỉ cho báo chí quốc doanh cổ động cho những lập luận như thế liên tục trong vài chục năm nay.

Phim ảnh mấy năm gần đây hầu như phim nào cũng cố đưa vào cái cảnh rước sách linh đình và sì sụp lễ lạy (vừa rồi lại có cả một cảnh thắp hương và lễ lạy trên máy bay lúc máy bay đang bay, còn cảnh lập bàn thờ ông địa và thần tài thì hầu hết mọi công sở đều tuần tiết sóc vọng rất cung kính nghiêm chỉnh). Thờ cúng tổ tiên thần thánh thì đúng quá rồi, nhưng vì sao lại phải làm ầm ĩ đến như thế? Cho nên không có gì ngạc nhiên khi thấy các cụ cựu chiến binh, lão thành cách mạng lắc đầu thở dài trước cảnh rầm rộ lễ hội, hoa hậu, thời trang, hội chợ: toàn những trò Du Couroy tái sinh.

Tóm lại, đ/c và "triều đình" của đ/c cứ lãnh đạo thế nào cho nhân dân no ấm, đất nước phát triển bằng chị bằng em trong khu vực thì chẳng xảy ra chuyện gì hết. Còn nếu để cho Nhân Dân nghèo đói, Đất Nước tụt hậu nhục nhã thì tất nhiên Nhân Dân lại phải khởi nghĩa "đuổi" các đ/c đi như đã từng làm đối với các triều đình suy thoái thời mạt Lý, mạt Trần, mạt Lê. Hẳn có nhiều người sẽ kêu lên: làm gì đến nỗi thế!

Vâng! Nếu cứ để "triều đình" và bộ máy nhà nước tràn ngập bọn "quan lại" cơ hội cửa quyền, tham nhũng thì xin vui lòng... hãy đợi đấy!

Tiếp tục dân chủ hình thức, sẽ sụp đổ

Thưa đồng chí,

Phe XHCN chúng ta vốn có truyền thống "đi từ nghiêm túc đến buồn cười," nay lại phải "đi từ buồn cười đến nghiêm túc." Có thể đ/c và nhiều người cho rằng chúng tôi đang bàn việc Đảng việc Dân một cách thiếu nghiêm túc. Không! Chuyện độc đoán hay dân chủ là chuyện hoàn toàn nghiêm túc.

Phải nghiêm túc chỉ ra rằng Đảng ta đang hết sức độc đoán và thực hiện một thể chế chính trị không thích hợp với thời đại. Đại hội từ cơ sở đến toàn quốc, các đ/c dự kiến bầu cử nhau, nhân dân tham gia vào chỗ nào. Mai kia các đ/c lại dự kiến cử người sang Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và đủ các thứ người vào các chức vụ trong bộ máy nhà nước, đại đa số là đảng viên, nhân dân có quyền gì vào đó. Chúng ta tiếp tục dân chủ một cách hình thức, chúng ta sẽ sụp đổ. Đó là điều chắc chắn.

Nghị quyết Đại hội IX vừa rồi đưa lại hai chữ dân chủ vào mục tiêu nhưng đưa không đúng vị trí, cũng vẫn là đối phó một cách hình thức. Hầu hết các đại biểu, trong đó có các nhà lý luận hết sức né tránh không dám bàn về vấn đề dân chủ một cách thực sự, thực lòng.

Nếu đ/c thực lòng muốn dân chủ hóa đất nước, hẳn đ/c phải thấy tình hình hiện nay là đáng lo ngại và đ/c phải nghĩ đến việc thay đổi thể chế chính trị. Chúng ta phải có một Quốc hội tử tế, Nhân Dân phải được hưởng thực sự mọi quyền tự do đã ghi trong hiến pháp. Tất cả những nhân viên công quyền phải được Nhân Dân cất cử và kiểm soát (vừa qua mỗi đ/c bí thư Đảng lại kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân là không đúng) và đ/c cũng nên có kế hoạch giáo dục và chỉ thị cho đảng viên các cấp của mình thôi đi cái trò vỗ ngực tự nhận mình đang được lĩnh "sứ mệnh lịch sử" để lãnh đạo nhân dân này. Người đảng viên cộng sản sao lại có thể coi mình mang sứ mệnh lãnh

đạo như vua chúa ngày xưa lĩnh mệnh trời để cai trị dân. Đó là một kiểu suy nghĩ lỗi thời, không thể chấp nhận được.

Chúng tôi hoàn toàn thông cảm với những khó khăn của đ/c. Đ/c đang phải thực hiện đồng thời ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp dưới ánh sáng của một thứ lý luận hết sức giáo điều đang chế ngự hội đồng lý luận, mọi học viện nghiên cứu và các nghị quyết Đảng. Sắp tới đ/c nào được cử thay đ/c làm chủ tịch Quốc hội chắc cũng lúng túng như đ/c trước kia mà thôi. Còn đ/c Phan Văn Khải tiếp tục làm Thủ tướng mà không giao trọn quyền hành cho đ/c ấy "hành pháp" thì đ/c ấy cũng đành bó tay thôi (chưa kể theo đ/c Nguyễn Đức Tâm cho biết thì đ/c Đỗ Mười còn nói: cho Khải làm thủ tướng thêm hai năm nữa). Đ/c Phan Văn Khải làm Thủ tướng năm năm, hai năm hay hai tháng đó là quyền quyết định của Quốc hội chứ không phải quyền của bất cứ cá nhân hay phe nhóm nào. Các đ/c nắm những chức vụ quan trọng như thế mà còn không có thực quyền thì thử hỏi Nhân Dân có quyền gì? Chúng ta phải thảo luận cho ra vấn đề này.

Trên một đất nước có kỷ cương luật pháp như nước ta mà chẳng ai có thực quyền rồi bất cứ ai cũng lại có quyền vi phạm luật pháp, vi phạm hiến pháp mà không thể xét xử. Để tỏ ra có luật pháp nghiêm minh, chúng ta lại mang ra xét xử những người vô tội. Còn kẻ có tội thực sự luôn luôn có thể "chạy tội" một cách dễ dàng. Công an bắt người, Viện kiểm sát khởi tố, Tòa án xét xử nhiều khi lại không căn cứ vào luật pháp, làm sai luật pháp cũng không bị trừng phạt. Thế nghĩa là thế nào? Chẳng lẽ chúng ta lại nhẫn tâm biến Đảng mình thành một thứ Đội cải cách ruộng đất mới hay sao? Cái thời "nhất đội nhì giời" đã làm khốn khổ chúng ta, chúng ta lại chưa thấm thía hay sao!

Chúng tôi biết đ/c Lê Khả Phiêu muốn làm nhiều việc tốt, muốn làm mạnh tay hơn nữa để chuyển biến tình hình mà không thể làm được. Rất mong đ/c không phải lâm vào một tình cảnh như thế.

Phải dân chủ hóa đất nước

Nếu quả thật đ/c thấy lập một triều đình phong kiến trong thời đại hiện nay là hoàn toàn lỗi thời, lố bịch thì không còn đường nào khác là con đường dân chủ hóa đất nước. Chúng tôi thấy không nhất thiết phải "độc nguyên" hoặc "đa nguyên." Cứ "đồng nguyên" như ông bà ta thời Lý Trần là hay hơn cả. Với truyền thống "đồng nguyên" và tinh thần "đồng thuận," đ/c có trách nhiệm tập hợp tất cả những người có tâm huyết và có trí tuệ ưu tú thực sự để bàn bạc việc phát triển Đất Nước. Không nên dựa vào những người lý luận giáo điều hoặc đang ngoan cố bảo vệ những tín điều lạc lõng với cuộc sống.

Cách đây khoảng 6000 năm, người cầm đầu đất nước đã có ý thức rất rõ ràng trách nhiệm của mình nên đã nói:

"Các ngươi có điều tốt, ta không dám che lấp, bản thân ta có tội, ta không dám tự tha... Các ngươi ở muôn phương có tội, đó là tội của ta, bản thân ta có tội, ta không thể đổ cho các ngươi."

(Nhĩ hữu thiện, dư phất cảm tế, dư nhất nhân hữu tội, bất cảm tự xá... Nhĩ vạn phương hữu tội, tội tại dư nhất nhân, dư nhất nhân hữu tội, vô dĩ nhĩ vạn phương). (*Thang cáo - Thượng Thư*)

Nếu tất cả những người đứng đầu đất nước hoặc đứng đầu từng cơ quan nhà nước đều ý thức được như vậy thì làm thế nào đất nước lại không phát triển; bọn cơ hội cửa quyền, tham nhũng lại không tiêu vong? Nếu tất cả đều không nghĩ được như vậy thì làm thế nào mà đất nước lại không nghèo nàn, loạn lạc, tụt hậu; làm thế nào bè lũ cơ hội, cửa quyền, tham nhũng không sinh sôi nẩy nở?

Chắc đọc những điều chân thành và tâm huyết này, có nhiều người sẽ cho là "phạm thượng." Đúng là "phạm thượng," nếu cứ nghĩ đ/c là một thứ vua mới chứ không phải "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân." Đúng là "phạm thượng," nếu cứ nghĩ chúng tôi cũng chỉ là một thứ thần dân mới chứ không phải vừa là công dân, vừa là chủ nhân đất nước. Chúng tôi tin rằng chúng ta đều đang sống và làm việc theo gương sáng và những lời dạy đúng đắn của Bác Hồ. Vậy thì chúng ta có thể tiếp tục đối thoại với nhau.

Chúng tôi tạm dừng ở đây và xin kính chúc đồng chí thành công trong sự nghiệp dân chủ hóa đất nước.

Kính chào thân ái và quyết thắng

Trần Khuê - Nguyễn Thị Thanh Xuân
Địa chỉ: Trần Khuê
296 Nguyễn Trãi Q5 TPHCM
Điện thoại: 8.363.825
E-mail: trankhue@hcm.fpt.vn.

TÌNH HÌNH KINH TẾ TÀI CHÍNH THẾ GIỚI VÀO GIỮA NĂM 2001

Tác động đến các nền kinh tế Châu Á?

TS. PHẠM ĐỖ CHÍ
(Washington, D.C.)

Bài viết này bàn đến một cách tóm lược tình hình của những nền kinh tế và thị trường tài chính lớn trên thế giới và các nền kinh tế châu Á vào giữa năm 2001 và đề nghị một chiến lược điều chỉnh cần thiết cho những nước châu Á này (kể cả Việt Nam) nhằm tránh tác động đột biến do sự tăng trưởng chậm lại của kinh tế phương Tây gây ra.

Kinh tế thế giới

* Các nhà kinh tế thế giới đã nhìn thấy những dấu hiệu từ tháng 10 năm ngoái về tăng trưởng chậm lại trên toàn cầu, mà chủ yếu là do kinh tế Mỹ tăng chậm lại đáng kể, những quan ngại về sự phục hồi trong kinh tế Nhật Bản, viễn cảnh tăng trưởng ở mức vừa phải của châu Âu, và khả năng suy giảm tăng trưởng ở một số nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là những nền kinh tế có mối liên hệ mật thiết với công nghệ và viễn thông toàn cầu.

* Do đó, mức tăng trưởng cho nền kinh tế thế giới năm 2001 sẽ phải được dự kiến thấp đi, từ 4,2% (theo như dự tính từ tháng 10 năm ngoái) xuống 3% theo tính toán hiện nay của IMF, so với mức tăng của năm 2000 là 5%, năm 1999 là 3,4%, và năm 1998 với khủng hoảng tài chính á Châu là 6%.

Kinh tế Mỹ

Bất trắc về kinh tế là một mối quan ngại lớn. Kinh tế Mỹ đã suy giảm tăng trưởng nhanh hơn và nhiều hơn so với dự kiến trước kia, nhưng thay vì các dự đoán bi quan nhất, vẫn có thể tránh được suy thoái (được định nghĩa bởi các nhà kinh tế là có độ tăng trưởng GDP âm trong hai quý liên tiếp).

Các dấu hiệu và chỉ số kinh tế Mỹ gần đây nhất cho thấy:

* *Thứ nhất*, ngành công nghiệp chế tạo bị tác động suy giảm mạnh nhất.

- Việc làm trong ngành công nghiệp chế tạo đã giảm sút mạnh, thống nhất với việc GDP suy giảm. Trong ngành công nghiệp chế tạo, hoạt động ngành ô-tô đang bị thu hẹp nhiều nhất.

- Công nghệ cao cũng đang sụt giảm đáng kể tính theo tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của hầu hết các chủng loại sản phẩm - so với mức tăng trưởng rất cao cách đây một năm. Song cho đến nay, chỉ có ngành thiết bị thông tin là có tỷ lệ tăng trưởng âm.

- Hầu hết các ngành khác trong nền kinh tế, nhất là xây dựng và năng lượng, tiếp tục tăng trưởng sản lượng dương, mặc dù có chậm hơn so với năm ngoái.

* *Thứ hai*, các chỉ số của thị trường lao động còn rất giao động và chưa cho phép một kết luận rõ rệt. Tỷ lệ thất nghiệp, sau khi giảm xuống mức thấp nhất trong hàng thập kỷ nay, lại bắt đầu nhích lên.

* *Thứ ba*, niềm tin của người tiêu dùng đã suy giảm đáng kể trong vài tháng qua theo báo cáo dựa trên thước đo của Conference Board ở Mỹ về lòng tin của giới tiêu thụ.

* *Thứ tư*, doanh số bán lẻ ở mức khiêm tốn, nhưng còn tăng ở mức vừa phải. Ngược lại, trong những cuộc suy thoái trước đây, doanh số bán lẻ đã giảm xuống trong suốt những thời kỳ dài. Chi cho tiêu dùng cá nhân cũng tăng chậm, nhưng mức độ tăng vẫn cao hơn so với trong những cuộc suy thoái trước đây.

* *Thứ năm*, cơ cấu hàng tồn kho gần đây cũng không cho thấy dấu hiệu về sự xuống dốc tại thời điểm này: chu kỳ hàng tồn kho lần này tỏ ra đều đặn hơn thời gian trước, do hầu hết các doanh nghiệp Mỹ đều có quản lý hàng tồn kho tốt hơn, được tạo điều kiện bởi công nghệ thông tin tiến bộ.

Tác động của các chính sách kinh tế: ngoài những tác dụng có thể gây ra đối với lòng tin và đến giá trị tài sản, các chính sách tiền tệ và tài chính ngân sách ít có khả năng tác động

nhanh đến kết quả kinh tế trong nửa năm đầu, nhưng có thể bắt đầu có tác dụng đáng kể hơn vào nửa cuối năm 2001 và năm sau.

* Đối với chính sách tiền tệ, gần đây đã năm lần Ngân hàng Dự trữ Liên bang cắt giảm lãi suất, và thị trường dự báo sẽ còn cắt giảm thêm lần nữa trước mùa hè này. Việc xử lý chính sách tiền tệ tỏ ra kịp thời hơn so với thời kỳ suy thoái 1991 trước đây. Nhìn lại vài năm qua, do tỷ lệ lạm phát đã nhích lên từ mức thấp của năm 1998 và nền kinh tế tăng trưởng nhanh, nên chính sách tiền tệ đã bị thắt chặt, với mức lãi suất của Ngân hàng Dự trữ Liên bang lên tới 6,5% vào tháng 5 năm 2000. Lạm phát căn bản, mặc dù có tăng, nhưng còn ở mức tương đối kiểm soát được. Trong vài tháng qua, có bằng chứng rõ ràng cho thấy kinh tế đang chững lại nhanh chóng, và giảm bớt sức ép gây lạm phát, nên Ngân hàng Dự trữ Liên bang đã nhanh chóng nới lỏng chính sách, và có lẽ sẽ còn tiếp tục nới lỏng nữa. Với phản ứng cấp thời này của chính sách tiền tệ, có khả năng dễ tránh khỏi được một cuộc suy thoái nghiêm trọng hơn so với cách đây một thập niên (1990-91).

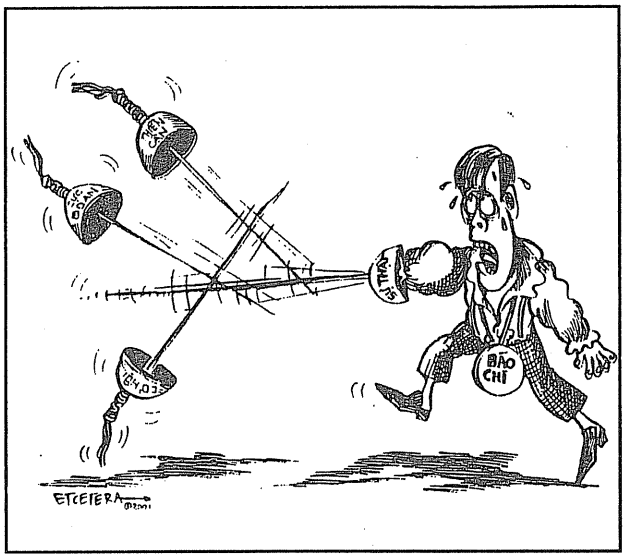

* Về chính sách tài chính công, tình hình hiện nay cũng rất khác so với cách đây một thập niên. Khi đó, ngân sách của chính phủ Mỹ bị thâm hụt cả thực tế lẫn theo cơ cấu, và công nợ chưa trả vốn đã chiếm trên 60% GDP lại còn đang gia tăng. Còn hiện nay, ngân sách có thặng dư cả thực tế lẫn cơ cấu, tỷ lệ công nợ giảm xuống còn 40% và dự kiến sẽ còn giảm xuống số không. Theo triển vọng này, rõ ràng có khả năng thực tế cho phép cắt giảm thuế như chính phủ Bush chủ trương; mà việc cắt giảm thuế mạnh gần như chắc chắn sẽ được thực hiện trong khoảng mùa hè này. Do đó, chính sách tài chính ngân sách dự kiến sẽ giúp ngăn chặn được một cuộc suy thoái lớn trong nền kinh tế Mỹ.

* Kết cục có khả năng nhiều nhất là kinh tế Mỹ sẽ tiến gần sát đến nhưng tránh được suy thoái trong nửa đầu năm nay; và sau đó bắt đầu phục hồi trong nửa sau của năm 2001. Dự báo trung bình về tăng trưởng GDP cho năm nay có thể ở mức thấp, 1,5-2% - tức là đạt được điều mà các nhà kinh tế gọi là hạ cánh tương đối êm (soft landing).

Nhật Bản và châu Âu

* Chuyển sang nói đến những diễn biến ở những nước công nghiệp khác, đà tăng trưởng ở Nhật Bản vào nửa đầu năm 2000 đã không duy trì được và những áp lực giảm phát tỏ ra lại trỗi dậy. Bầu không khí kinh doanh lại bắt đầu lắng xuống, hoạt động công nghiệp tỏ ra chững lại, và tiêu dùng của cá nhân còn yếu kém. Tăng trưởng xuất khẩu giảm, thậm chí còn âm vào tháng 12. Việc giá cổ phiếu tiếp tục giảm vào cuối năm ngoái đã gây áp lực đối với các ngân hàng, và hoạt động cho vay của các ngân hàng cũng tiếp tục giảm. Những diễn biến này cho thấy rằng tăng trưởng của năm nay rất có khả năng sẽ kém hơn năm ngoái.

* Trong khu vực đồng euro, tăng trưởng vẫn tương đối mạnh, mặc dù dự báo về tăng trưởng của năm nay nói chung định ở mức 0,5% từ mùa thu năm ngoái, và việc cân nhắc giữa lạm phát cao hơn và tăng trưởng chậm hơn đang có chuyển biến do môi trường bên ngoài đang tệ hại đi. Niềm tin của các doanh nghiệp và của người tiêu dùng cũng giảm sút và chi tiêu cho tiêu dùng ở mức khiêm tốn. Sản xuất công nghiệp có phất lên, đặc biệt là ở Đức, Pháp, và Ý. Mức giảm về tình trạng thất nghiệp trong khu vực đồng euro bắt đầu chững lại. Điều này cho thấy rằng dự báo về tăng trưởng GDP có lẽ sẽ chỉ ở mức vừa phải, mức tăng chậm lại còn tuỳ thuộc vào những diễn biến ở Mỹ, và vào tác động của những suy thoái này đến lòng tin của người tiêu dùng và

của giới doanh nghiệp ở Châu Âu.

Giá dầu và khí đốt

* Giá dầu quốc tế vẫn biến động và lại leo thang từ giữa tháng 12, phản ánh việc OPEC cắt giảm sản lượng và thời tiết lạnh lẽo cũng như nhu cầu tiêu thụ năng lượng lớn hơn dự báo cho các tháng hè ở Mỹ và Châu Âu.

* Giá khí đốt tự nhiên nói chung tiếp tục tăng.

* Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế chậm lại trên quy mô toàn cầu có lẽ cũng làm giảm nguy cơ về một cuộc khủng hoảng năng lượng do giá leo thang lần nữa.

Thị trường tài chính toàn cầu

Trên thị trường tài chính thế giới, giá cổ phiếu (trừ ở Nhật Bản) nói chung đã phục hồi lại sau năm lần Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ cắt giảm lãi suất, nhất là chỉ số kỹ nghệ Dow Jones, mặc dù những số liệu kinh tế cho thấy tiềm năng lợi nhuận của các hãng có kém đi. Nhưng chỉ số tổng hợp NASDAQ ở Mỹ vẫn còn giảm từ đầu năm đến nay, mặc dù dự kiến Ngân hàng Dự trữ Liên bang sẽ còn tiếp tục nới lỏng tiền tệ hơn nữa, cộng với sự nới lỏng đi kèm trong các điều kiện tài chính toàn cầu.

Các chỉ số của thị trường chứng khoán ở hầu hết các nước đều thấp hơn nhiều so với mức đỉnh điểm của năm ngoái. Trong các nước công nghiệp, mức huy động vốn qua thị trường so với GDP giảm từ tháng 3-2000, giảm nhiều nhất ở Nhật bản - gần 20% - và ở Mỹ, Canada, giảm tới 10%. Chỉ số NASDAQ ở Mỹ (mà đa số là các hãng công nghiệp và công nghệ thông tin) còn thấp đi nhiều: hiện chỉ chưa đầy một nửa lúc đỉnh điểm (peak). Tất nhiên, điều này phải được nhìn nhận trong bối cảnh lớn hơn, đó là những thuận lợi thu được qua thị trường chứng khoán trong suốt 15 tháng trước. Trong số các thị trường mới nổi, thua lỗ ở một số nước Đông Á thậm chí còn lớn hơn.

Các loại cổ phiếu của ngành công nghệ, thông tin đại chúng, và đặc biệt là viễn thông vẫn nằm dưới mức đỉnh điểm nhiều, do tiềm năng lợi nhuận tiếp tục còn đang được thị trường đánh giá lại. Mức huy động vốn của những ngành này qua thị trường giảm so với GDP diễn ra nhiều nhất ở Anh, Mỹ, Canada, Nhật Bản trong khối G-7, Đặc khu Hành chính Hồng Kông, và Ấn Độ trong số các thị trường mới nổi. Giá cổ phiếu công nghệ, thông tin đại chúng và viễn thông cũng giảm đáng kể ở những thị trường mới nổi khác, nhất là ở Đông Á. Tuy nhiên, giá trị cổ phiếu của những ngành này trên toàn cầu vẫn ở trên mức cách đây hai năm và đang có cơ hội phục hồi, mặc dù tỷ số giá cổ phiếu trên lợi nhuận (P/E ratio) cũng vẫn còn cao.

Tác động đến châu Á

Chuyển sang châu Á, nhu cầu từ bên ngoài kém đi và chu kỳ sản xuất điện tử toàn cầu là hai yếu tố hợp lại làm suy giảm tăng trưởng xuất khẩu trong toàn khu vực. Cũng có những dấu hiệu cho thấy rằng sản xuất công nghiệp đang chậm lại ở một số nước. Những nước đang trong quá trình phục hồi sau khủng hoảng năm 1997-98 cũng bị chững lại đáng kể trong những tháng gần đây. Tại Đại Hàn, niềm tin của người tiêu dùng đang yếu đi, doanh số bán lẻ và đầu tư của các doanh nghiệp có nhích lên. Dự kiến về mức tăng trưởng ở Mã Lai đã được hạ xuống đáng kể trong vài tháng qua, phản ánh tầm quan trọng của các sản phẩm công nghệ trong xuất khẩu, và các chỉ số lạm phát thấp gần đây có thể báo hiệu về mức chi tiêu cho tiêu dùng có lắng xuống. Tại Singapore, sản xuất hàng điện tử cũng kém đi. Các diễn biến chính trị ở Phi Luật Tân và Thái Lan trong hai năm qua cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế, mặc dù tình hình thị trường ở cả hai nước đều đã biến động theo chiều hướng tốt sau những thay đổi mới đây trong giới lãnh đạo chính trị. Tâm trạng của các nhà đầu tư tiếp tục còn mong manh ở Nam Dương, do tình hình chính trị và an ninh vẫn chưa được giải quyết. Những nước châu Á duy nhất còn tương đối ít bị ảnh hưởng bởi nhu cầu suy giảm là Trung Quốc và Ấn Độ, tại đây tăng trưởng dự kiến vẫn sẽ cao, mặc dù có lẽ hơi thấp hơn so với năm 2000 một chút.

Tác động rõ rệt của việc kinh tế Mỹ và Tây Âu chững lại đến các nước châu Á có thể sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực lên chiến lược tăng trưởng định hướng xuất khẩu truyền thống của những nước này. Châu Á chắc cần phải điều chỉnh chính sách của mình để kích thích cầu nội địa, nếu không muốn thấy tăng trưởng kinh tế của mình bị ảnh hưởng quá nặng nề bởi chu kỳ kinh doanh lên xuống thường xuyên tại các nước phương Tây. Riêng đối với Việt Nam, kinh nghiệm cho thấy chiến lược kích cầu này đã giúp phục hồi tăng trưởng GDP lên trên mức 6% trong năm 2000.●

NỖI LÒNG HUỲNH TẤN PHÁT

BS TRẦN NGUƠN PHIÊU

Kể từ những ngày khởi đầu kháng chiến chống Pháp cho đến ngày quân Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam ngày 30 tháng Tư năm 1975, trong các nhân vật liên quan đến việc đấu tranh ở Nam bộ, Huỳnh Tấn Phát phải được coi là có vai trò sáng giá nhất. Những gương mặt nổi bật lúc ban đầu khi Việt Minh đoạt chánh quyền ở Nam bộ như Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Trấn... sau đó đã "được" mời ra Bắc hoạt động. Riêng những người như Huỳnh Tấn Phát, Trần Bạch Đằng... là những người gắn bó nhất với miền Nam, đã bám trụ từ đầu cho đến cuối.

Huỳnh Tấn Phát đã được biết tiếng vì các hoạt động trong giới sinh viên khi đang theo học kiến trúc ở Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội vào các năm 1936-1938. Anh tham gia phong trào Đông Dương Đại Hội, tổ chức phái đoàn sinh viên, học sinh lên gặp phái đoàn Godart của Chánh phủ Mặt trận Bình dân Pháp để trình "Thư Thỉnh Nguyện." Năm 1938, Phát đã tốt nghiệp thủ khoa khi ra trường. Trở về sinh sống ở Sài Gòn, sau một thời gian tập sự với kiến trúc sư Pháp tên Chauchon, Phát mở văn phòng riêng tại 68-70 đường Mayer (Hiền Vương thời VNCH).

Năm 1941 Toàn quyền Decoux tổ chức Hội chợ Triển lãm Đông Dương ở Vườn Ông Thượng (Tao Đàn). Huỳnh Tấn Phát đã đoạt giải nhất cuộc thiết kế và xây dựng Hội chợ. Nhưng việc nổi bật nhất vào thời bấy giờ là việc đứng ra làm Chủ nhiệm tuần báo Thanh Niên vào năm 1944. Phát đã mua lại "manchette" tờ báo công khai Thanh Niên để làm báo hằng tuần với nhóm sinh viên từ Hà Nội trở về Nam như Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước... Tuần báo được sử dụng để tập hợp lực lượng thanh niên yêu nước, kín đáo lên tiếng gọi đàn, cổ động phát triển Hội Truyền bá Quốc ngữ. Ngày 30-9-1944, Chánh quyền thực dân Pháp ra lịnh đóng cửa tờ báo.

Sau khi Nhật đảo chánh Pháp ngày 9-3-1945, nhằm mục đích huy động thanh niên , lãnh sự Nhật Iito khuyến khích Hồ Văn Ngà , Phạm Ngọc Thạch thành lập Thanh Niên Tiền Phong. Huỳnh Tấn Phát đã tích cực tham gia phong trào này với trách nhiệm trưởng ban tổ chức. Thanh niên Tiền Phong là một phong trào đã phát triển mạnh mẽ ở miền Nam trong thời khoảng năm 1945. Những người nắm vai trò thủ lãnh là Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Kỹ sư Kha Vang Cân, Luật sư Thái Văn Lung, Nha sĩ Nguyễn Văn Thủ, nhưng Huỳnh Văn Tiểng, Huỳnh Tấn Phát là những người thật sự đã góp công xây dựng phong trào. Trần Văn Giàu trong bóng tối, thấy Huỳnh Tấn Phát và Huỳnh Văn Tiểng có tờ báo công khai đã tìm cách liên lạc. Thông qua Phát và Tiểng, Trần Văn Giàu đã lợi dụng nắm lấy Thanh niên Tiền phong, dùng phong trào để đoạt chánh quyền cho Việt Minh. Nguyễn Văn Nguyễn, Ủy viên Xứ Nam kỳ được gài ở chung nhà của Huỳnh Tấn Phát ở 68 đường Mayer để "hợp tác"làm báo với Phát.

Khi các sinh viên miền Nam "xếp bút nghiên" từ Bắc trở về vì phi cơ Đồng Minh đã bắt đầu tấn công vào Đông Dương, họ đã gây được một phong trào văn nghệ và thanh niên để đánh thức lòng yêu nước của dân chúng miền Nam. Những buổi trình diễn rất thành công các bản nhạc yêu nước của Lưu Hữu Phước ở Nhà Hát Lớn Sài Gòn, các kịch lịch sử như Đêm Mê Linh, các trại hè như Trại Suối Lồ Ồ đã được Xứ Ủy Đảng Cộng sản Nam Kỳ chú ý và Trần Văn Giàu đã bắt liên lạc để tổ chức các lớp huấn luyện chánh trị cho các sinh viên trẻ đầy nhiệt huyết này để hướng dẫn họ theo đường lối Đảng Cộng sản. Lúc ấy, phần đông các sinh viên này, kể cả Huỳnh Tấn Phát đều thuộc đảng Tân Dân Chủ (sau sẽ đổi tên thành Đảng Dân Chủ). Nhà và Văn phòng của Huỳnh Tấn Phát ở

68-70 đường Mayer là trụ sở lớp học chính thời bấy giờ cho các học viên trí thức như Huỳnh Văn Tiểng (Trưởng lớp), Mai Văn Bộ, Vương Văn Lễ, Nguyễn Việt Nam, Trần Bửu Kiếm, Trương Công Cán, Huỳnh Tấn Phát... Những lớp học khác cho công nhân, viên chức của thành bộ Đảng được tổ chức ở các nơi khác.

Huỳnh Tấn Phát được Trần Văn Giàu chú ý và bí mật kết nạp Phát vào Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 5 tháng 3 năm 1945, trong khi ngoài mặt thì Huỳnh Tấn Phát vẫn là đảng viên đảng Tân Dân Chủ. Khi tổ chức cướp chánh quyền ngày 25 tháng 8-1945, trong Hội nghị Xứ ủy mở rộng kỳ thứ ba ở Chợ Đệm (Tân An) ngày 23-8-1945, Huỳnh Tấn Phát được chỉ định làm Ủy viên Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ. Phát đã từ chối và xin nhường cho Huỳnh Văn Tiểng thay thế. Huỳnh Tấn Phát với tư cách kiến trúc sư đã là người dựng lên kỳ đài sơn đỏ, cao 15 thước ở ngã tư Charner-Bonard trong đêm 24 rạng 25-8-1945, ghi danh tánh 11 ủy viên Ủy ban Hành chánh Nam Bộ.

Trước đó, trong thời gian cầm quyền của chánh phủ Trần Trọng Kim, để chuẩn bị đấu tranh, Huỳnh Tấn Phát đã đưa Huỳnh Văn Tiểng đến gặp chú của Phát là luật sư Huỳnh Văn Phương, người đang đảm trách Cơ sở Mật thám Catinat. Ông Phương đã nói với Phát và Tiểng: "Vì lúc này Việt Minh chưa thể ra được. Tụi bây nói với các anh trên việc này. Các anh có cần gì, cho tao hay, tao sẽ tìm cách đáp ứng." Phát và Tiểng đã báo cáo với lãnh đạo (tức Trần Văn Giàu?) và được trả lời: "Ai làm gì cho đất nước có lợi trong lúc này thì cứ làm." Đồng thời "cấp trên" của Tiểng xin Huỳnh Văn Phương giúp ngay các việc gấp: Cấp cho súng và thay đổi nhân viên bộ máy công an của Pháp để lại.

Huỳnh Văn Phương đã đồng ý và đã tặng cho 50 súng ngắn mới toanh. Chính tay Tiểng và Phát đã đem xe vào bót Catinat để lãnh số

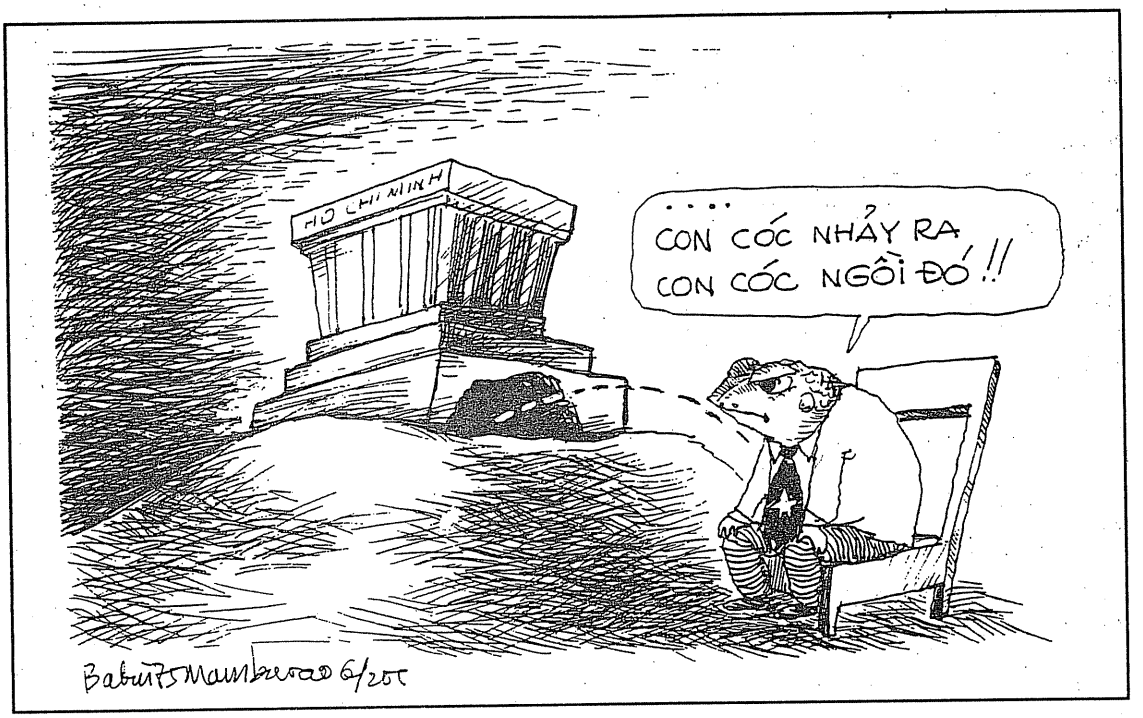

súng này. Ngoài ra ông Huỳnh Văn Phương còn tìm đào được súng của Pháp chôn dấu trong Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn để giao lại cho Phát cất ở nhà 68-70 đường Mayer và trụ sở hướng đạo của Nguyễn Việt Nam ở Ngã Ba Cây Điệp (Trích bài: " Mùa Thu Khởi Nghĩa" của Huỳnh Văn Tiểng trong sách "Làm Đẹp Cuộc Đời," nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia). Ông Phương còn để cho bộ phận võ trang của Thanh niên Tiền phong xử dụng sân tập bắn của sở cảnh sát Chợ Quán. Những người tù chánh trị bị Pháp bắt cũng đã được Huỳnh Văn Phương trả tự do, trong đó có tướng Trần Văn Trà sau này, lúc đó lấy tên là Thắng.

Cũng vào thời này, Huỳnh Văn Phương đã khám phá ra được tài liệu Mật của Sở Mật

thám Catinat về việc liên lạc giữa Trần Văn Giàu và những nhân vật mật thám Pháp "mới," trong đó có Duchêne, thanh tra chánh trị bót Catinat (Nguyễn Văn Trấn trong "Viết cho Mẹ và Quốc hội," trang 106, có đề cập đến việc gặp Duchêne). Huỳnh Văn Phương đã sao tài liệu làm ba bản, để giao lại cho Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ và luật sư Dương Văn Giáo, mỗi người một bản. Huỳnh Văn Phương cũng giữ riêng một bản. Việc này đã được Dương Văn Giáo trưng ra trong một buổi hội ở nhà Luật sư Hồ Vĩnh Ký cho lối hơn mười người xem. Trần Văn Giàu rất thù hận cay cú việc này nên ngay sau ngày quân Pháp tái chiếm Sài Gòn ngày 23 tháng 9-1945, Trần Văn Giàu và Nguyễn Văn Trấn đã bắt và xử bắn Huỳnh Văn Phương ở Tân An ngay sau khi họ rút ra khỏi Sài Gòn để lui về Chợ Đệm, mặc dù Huỳnh Văn Phương là người đã từng giúp phương tiện cho họ trong những ngày dự bị khởi nghĩa. (Việc này đã được tác giả đề cập chi tiết hơn trong bài "Những Nhân chứng Cuối cùng" được đăng trong *Thế Kỷ 21*, số 121, tháng 5-1999).

Huỳnh Văn Phương là một trong số 19 sinh viên bị Pháp trục xuất về Việt Nam vì tham dự vào cuộc biểu tình trước Điện Élysée (dinh Tổng Thống Pháp) ngày 22-5-1930, chống việc kết án tử hình Nguyễn Thái Học và các đồng chí trong cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái. Tạ Thu Thâu, Trần Văn Giàu, Hồ Văn Ngà... đều đi chung trong chuyến tàu Athos II, từ bến Marseille chở họ về Việt Nam ngày 24-6-1930. Huỳnh Tấn Phát gọi Huỳnh Văn Phương là "chú Một" vì Phương thứ Mười Một trong gia đình. Sau khi bị trục xuất về Việt Nam một thời gian, Huỳnh Văn Phương tiếp tục học Luật ở Hà Nội. Trong thời gian này, Huỳnh Tấn Phát cũng ra Hà Nội học nghề Kiến trúc. Bà Đặng Hưng Thọ, hoa khôi khu Hoàn Kiếm thời bấy giờ, vợ của Huỳnh Văn Phương đã kể lại các việc "chú Một" từng giúp đỡ cháu Huỳnh Tấn Phát như cấp cho áo lạnh, giày mới thay thế những đôi giày "há mồm" v.v... Huỳnh Tấn Phát vì hảo tâm với các bạn đồng song nghèo đã tặng cho bạn giày hay cho mượn áo lạnh đem đi cầm để có tiền sinh sống. Việc người chú ruột thân thương, một chánh khách yêu nước, bị giết trong những ngày đầu cuộc chiến chắc hẳn đã gieo trong tâm tư Huỳnh Tấn Phát nhiều ray rứt.

Khi Pháp chiếm lại Sài Gòn ngày 23 tháng 9-1945, Huỳnh Tấn Phát bị bắt nhưng sau ba ngày đã được thả vì Huỳnh Tấn Phát là một kiến trúc sư đã có danh tiếng và vì Pháp muốn lấy lòng dân trí thức. Huỳnh Tấn Phát lo tản cư vợ mới cưới là Bùi Thị Nga về Quán Tre, xong tiếp tục gia nhập kháng chiến chống Pháp. Cuộc chiến lan rộng Bùi Thị Nga đã phải dời liên tiếp về Thủ Thừa, Phú An Hòa, Bến Tre và cuối cùng trở về Sài Gòn ở nhà cha mẹ chồng ở 99 đường Faucault, Tân Định. Trong khi đó Huỳnh Tấn Phát được cử làm Trưởng đoàn Đại biểu Thanh niên Nam bộ được chọn ra Hà Nội dự Đại hội Thanh niên Toàn quốc. Đây là thời kỳ Hoàng Quốc Việt thay mặt Tổng bộ Việt Minh, được Hồ Chí Minh gởi từ Bắc vào để "chỉnh lại" cuộc đoạt chính quyền của Trần Văn Giàu. Thanh niên Tiền phong phải "đồng thanh nhận" đổi tên thành Thanh niên Cứu quốc. Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Phạm Ngọc Thạch được quyết định của Trung ương ra Bắc "nhận nhiệm vụ mới." Hơn 100 đại biểu thanh niên Nam bộ, khi đến Bình Dương thì Hoàng Quốc Việt quyết định chỉ cử sáu đại biểu. Sau thời gian dự hội nghị, đoàn của Huỳnh Tấn Phát trở lại về Nam. Huỳnh Tấn Phát được Bộ Quốc Phòng tín nhiệm giao một số tiền lớn đem về cho Tướng Nguyễn Bình ở miền Đông Nam Bộ.

Về Sài Gòn, Huỳnh Tấn Phát nhận chỉ thị của Nguyễn Bình, thành lập ở vùng Minh Phụng , Cây Gõ một cơ quan Tuyên truyền Xung phong in truyền đơn, cờ, báo để phân phát trong Đô thành. Liên tiếp sau đó Cơ quan này được dời sâu vào Đô thành như ở nhà bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, trước thành Ô-ma hoặc nhà em bác sĩ Nguyễn Thị Lợi (vợ bác sĩ Lương Phán) ở đường Boudonnet gần chợ Sài Gòn. Lúc ban Tuyên truyền Xung phong này dời về căn nhà lầu ở 160 đường Lagrandière thì bị lộ và bị bắt, gồm cả vợ chồng Huỳnh Tấn Phát.

Mẹ và vợ Huỳnh Tấn Phát được trả tự do sớm vì chỉ bị bắt khi đến thăm Phát lần đầu tiên ở trụ sở 160 đường Lagrandière. Sau một thời gian ở bót Catinat, Phát được đưa về Khám Lớn Sài Gòn. Tại đây vào tháng 10-1947 Huỳnh Tấn Phát tham gia lãnh đạo tổ chức cuộc tuyệt thực ba ngày. Do đó chế độ nhà tù ở Khám Lớn được cải thiện. Những người cùng bị bắt với Phát bị xử bốn tháng tù vì tội phá rối trị an. Riêng Huỳnh Tấn Phát vì bị gán thêm tội liên hệ với Tướng Nguyễn Bình nên phải ra tòa án binh, bị xử hai năm tù

và đến tháng 11 năm 1947 mới được thả.

Trong lúc Huỳnh Tấn Phát bị bắt ở Catinat thì Bùi Thị Nga cho chồng hay là đang mang thai lần đầu. Bác sĩ Hồ Văn Nhựt, bác sĩ sản khoa đã tận tình giúp bà Nga sanh đẻ miễn phí con trai đầu lòng Huỳnh Thiện Hùng, ngày 2-12-1946, trong lúc Phát còn trong tù. Bà Nga đã chọn luật sư Moréteau để lo biện hộ cho chồng. Luật sư Moréteau đã quen biết trước và có cảm tình với Phát nên đã nhận bào chữa nhưng không tính thù lao. Huỳnh Tấn Phát có người cô ruột gọi là Cô Tám, cư ngụ ở Bình Phước. Cha của Huỳnh Tấn Phát thỉnh thoảng lên thăm Cô Tám, ở chơi vài tuần. Giữa năm 1947 cha của Huỳnh Tấn Phát lên Bình Phước thăm Cô Tám và bị Việt Minh bắt!

Khi bà Nga báo hung tin này cho Huỳnh Tấn Phát thì Phát đã hốt hoảng dặn ngay vợ: "Em đến luật sư Moréteau nhắn mai anh cần gặp ổng. Rồi em đón ổng lấy cái thơ anh viết bảo lãnh cho ba. Thơ này em tìm cách trao tận tay các anh lãnh đạo ở Bình Phước." (Trích bài "Phối hợp Đấu tranh, Trong và Ngoài Khám Lớn" của Bùi Thị Nga trong "Làm Đẹp Cuộc Đời," sđd). Bà Nga đã làm y lời chồng căn dặn nhưng không có kết quả gì. Cha của Huỳnh Tấn Phát đã bị giết. Tiếp đó em của cha HTP là Cô Tám nóng lòng đi tìm cũng bị sát hại, giống như chú Một Huỳnh Văn Phương đã bị xử bắn năm 1945 ở Tân An vì liên hệ đến nhóm Đệ Tứ. Được tin động trời này, Huỳnh Tấn Phát đã nói với vợ: "Anh biết tánh Ba, chút rượu vào, nhớ chú Một, giận chưởi đổng ít câu vậy thôi, quyết không có vấn đề chánh trị đâu." Cha, chú rồi cô đều bị giết vì tình nghi dính líu với Đệ Tứ, tâm tư Huỳnh Tấn Phát hẳn không bao giờ quên được việc ấy!

Để giúp biện hộ cho Huỳnh Tấn Phát, luật sư Moréteau đã yêu cầu bà Nga mời thêm luật sư danh tiếng thời bấy giờ là luật sư Bazé tiếp sức. Thời gian này nhằm lúc thi hành Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 nên không khí chánh trị Sài Gòn có những trạng thái đặc biệt. Tết năm 1947, chị em phụ nữ đảng Dân chủ (Huỳnh Tấn Phát là Ủy viên Kỳ bộ Đảng Dân Chủ ở Nam kỳ) tổ chức thăm nuôi tù nhân Khám Lớn đã nhận được báo và tập san của anh em tù nhân bí mật phát hành. Các tác phẩm được Bùi Thị Nga gom góp và tổ chức triển lãm gây quỹ ở nhà của Thái Thị Liên, mẹ của nhạc sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn sau này. Đến tham dự cuộc họp có đệm nhạc này ở nhà kỹ sư Thái Văn Lân (cha của Thái Thị Liên) có các trí thức như Bác sĩ Phạm Kim Lương, Dược sĩ Trần Kim Quan, Kỷ sư Nguyễn Xuân Quyến, Trần Văn Khê đàn tranh, Nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương... Hôm đó, Thái Thị Liên đệm dương cầm và kết thúc bằng tự hát bản "Quốc tế ca" làm mọi người phải sửng sốt. Thái Thị Liên lúc ấy cũng phụ trách thăm nuôi hai nhà trí thức Pháp là Giáo sư Tiến sĩ Chesneau của Đại học Sorbonne và Pételot. Hai vị này bị nhốt ở Khám Lớn vì vào khu kháng chiến với danh nghĩa nhà báo. Cũng vào thời buổi này, xảy ra việc Dương Bạch Mai bị bắt. Để biện hộ cho Dương Bạch Mai, đảng Cộng sản Pháp đã gởi qua Sài Gòn nữ luật sư Marie Louise Cachin, con gái của lãnh tụ nổi tiếng Marcel Cachin, người đã từng giữ chức Bí thư Đảng Cộng sản Pháp. Dương Bạch Mai được trắng án và Thái Thị Liên đã tham dự tổ chức buổi ăn mừng và tiễn đưa đồng chí Marie Louise Cachin về Pháp. Trong buổi tối tiệc tiễn đưa ấy, Thái Thị Liên đã mặc áo dài đỏ lộng lẫy, bên ngực cài một bông hoa vàng rực rỡ, biểu hiệu cho cờ đỏ sao vàng!

Ra tù, Huỳnh Tấn Phát liên hệ ngay với Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) và chuyên phụ trách công tác trí vận vùng Sài Gòn Chợ Lớn vì anh quen biết nhiều trong giới này. Vợ Phát, Bùi Thị Nga, tháng 5-1948 được luật sư Hoàng Quốc Tân kết nạp vào Đảng Cộng sản. Hoàng Quốc Tân (cháu nội của Hoàng Cao Khải, Khâm sai Đại thần Triều đình Huế), đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, có vợ người Pháp, được về Nam phụ trách phong trào Trí vận. Bùi Thị Nga được Hoàng Quốc Tân phân công làm Đảng đoàn Thanh niên Dân chủ hoạt động trong giới trí thức. Như thế là kể từ đấy, hai vợ chồng Huỳnh Tấn Phát trong bí mật là đảng viên Cộng sản nhưng đã được Đảng bố trí ở Đảng Dân Chủ để dễ bề kết nạp trí thức miền Nam! Huỳnh Tấn Phát cộng tác với Mai Văn Bộ, Nguyễn Văn Hiếu trong việc xuất bản loại báo Nguyên tử, mua lại manchette báo dở chết, bất thình lình ra số ủng hộ kháng chiến, bán vội ở các sạp trước khi kiểm duyệt hay tin. Việc trí vận ở Sài Gòn vẫn tiếp tục với sự trợ giúp của các nhân vật mới như Bác sĩ Trần Cửu Kiến, Bí thư Tỉnh ủy Đảng Dân chủ tỉnh Sa Đéc được Phát điều động từ Cao Lãnh lên...

Trước Tết 1949, Huỳnh Tấn Phát được gọi ra khu, được cử làm ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ. Đồng thời Phát

kiêm chức Giám đốc Sở Thông tin Nam bộ khi giáo sư Phạm Thiều được chuyển về Khu Chín. Bùi Thị Nga được ra ở cùng chồng trên bờ kinh Dương Văn Dương, Đồng Tháp đến tháng Giêng 1950 thì trở lại Sài Gòn. Huỳnh Tấn Phát phụ trách đài Tiếng nói Nam bộ nhưng đến năm 1950, đài này trở về lại Khu 9. Đặc khu Sài Gòn-Chợ Lớn được thành lập và Huỳnh Tấn Phát đã đôn đốc Đặng Trung Hiếu (Giám đốc Đài Truyền hình Sài Gòn sau 30-4-1975) thiết kế thành lập đài Tiếng nói Sài Gòn - Chợ Lớn Tự do ở Chiến khu Đ. Năm 1954 sau Hiệp định Genève, Huỳnh Tấn Phát được chỉ định trở về Sài Gòn và làm việc tại văn phòng Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện. Năm 1955, Tổng thống Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc thi thiết kế khu Văn Hóa để xóa bỏ khu di tích Khám Lớn Sài Gòn. Văn phòng Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện chiếm được giải nhì (không có giải nhất), giải thưởng một trăm ngàn đồng. Đây là công trình của Huỳnh Tấn Phát và nét vẽ phối cảnh của Phát được ban giám khảo nhận ra. Kiến trúc sư Thiện chia cho Huỳnh Tấn Phát ba mươi ngàn. Vì dư luận Sài Gòn bàn tán đến tai cơ quan an ninh khiến một hôm văn phòng Kiến trúc sư Thiện bị bao vây nhưng vì Phát đang ở công trường xây cất nên không bị bắt. Từ đó Huỳnh Tấn Phát, biệt danh là Tám Chí và Bùi Thị Nga lui trở lại trong vòng bí mật, luôn luôn di chuyển.

Tuy nhiên trong thời gian đó Huỳnh Tấn Phát vẫn tìm cách hành nghề như phác thảo biệt thự của giáo sư Dương Minh Thới để văn phòng Kiến trúc sư Thiện thực hiện. Biệt thự này, đối diện với Bộ Y Tế đường Hồng Thập Tự là nhà của bác sĩ Dương Huỳnh Hoa hiện nay. Huỳnh Tấn Phát cũng đã nhận thiết kế Viện sản xuất dược phẩm Trang Hai ở số 5, Ngô Thời Nhiệm vì Dược sĩ Nguyễn Thị Hai là bạn học của Bùi Thị Nga, vợ Huỳnh Tấn Phát. Sau vài lần gặp gỡ Phát đã nhận lời vẽ vì cho là công trình sẽ tạo công ăn việc làm cho lao động. Dược sĩ Trang đã đứng ra xây dựng cơ sở này. Năm 1993 Dược sĩ Hai đã trở về thăm cơ sở và Bùi Thị Nga nhưng Huỳnh Tấn Phát thì đã mất tháng 9 năm 1989.

Huỳnh Tấn Phát được bổ sung vào Thành ủy Sài Gòn, phụ trách Ban Trí vận cho đến năm 1959. Sau đó, Phát được cử làm Khu ủy viên chính thức Đặc khu Sài Gòn-Gia Định và ra ở vùng Tam Giác Sắt.

Lúc còn hoạt động ở Sài Gòn, năm 1956, Phát đã nhờ giáo sư Lê Văn Huấn, em của cựu Thủ tướng Lê Văn Hoạch để bắt liên lạc với Pauline Trần Thị Mỹ đang hoạt động trong Nghiệp đoàn Giáo giới Tư thục. Trần Thị Mỹ là em gái của Kỹ sư Trần Lê Quang, tốt nghiệp kỹ sư Trường Cầu cống Ponts & Chaussées danh tiếng của Pháp. Kỹ sư Quang về nước năm 1951, làm Giám đốc Đường sắt Đông Dương và được Tổng thống Ngô Đình Diệm cử làm Bộ trưởng Giao thông Công chánh. Phát bố trí cho Trần Thị Mỹ thực hành công tác tế nhị là xuyên qua anh là Trần Lê Quang để biết được tình hình nội bộ của từng bộ trưởng trong Chánh phủ Ngô Đình Diệm cũng như các hành động của Chánh phủ. Có lần Trần Thị Mỹ, bí danh Mười Lê, đã xin anh đồng ý cho Huỳnh Tấn Phát mượn nhà để họp với Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh).

Phương cách làm việc này đã được Huỳnh Tấn Phát sử dụng lại nhiều lần trong công tác trí vận đối với một vài nhân vật trong các chánh phủ thời Việt Nam Cộng Hòa. Trường hợp của Dược sĩ Phạm Thị Yên có thể là một tiêu biểu. Dược sĩ Phạm Thị Yên, vợ của một nhân vật quan trọng trong Mặt trận Giải phóng Miền Nam là Trần Bửu Kiếm, có nhà thuốc đông khách ở cuối đường Đồng Khánh, Chợ Lớn. Dược sĩ Yên, có tên là Chị Bảy Yên, đã được bầu làm trưởng Ban Trí vận và cũng đồng thời là bí thơ chi bộ trí thức Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn trong một buổi hội ở Long Hải. Buổi hội được tổ chức ở một biệt thự nghỉ mát của Dược sĩ Trần Văn Tánh, chủ nhân Viện Bào chế TVT. Năm 1960, Ban Cán sự Trí vận của Phạm Thị Yên bị bắt trọn bộ. Phạm Thị Yên sau đó bị đày Côn Đảo. Cuối năm 1968, Thủ tướng Trần Văn Hương trước kia từng có thời phụ giúp nhà thuốc của Dược sĩ Trần Kim Quan đã ra quyết định ân xá cho Dược sĩ Yên. Ra được Bắc, Dược sĩ Yên đã được phân công đi tố cáo "Mỹ, Ngụy" ở một số nước Bắc Âu.

Bác sĩ Dương Quang Trung, tốt nghiệp ở Bordeaux (Pháp) trở về Hà Nội đã được đưa vào Nam tăng cường cho Ban Trí vận Mặt trận T4 với bí danh Hai Ngọ. Vì là cán bộ mới, chưa bị lộ nên được Huỳnh Tấn Phát đã đưa vào nội thành hoạt động. Sau 30-4-75, Hai Ngọ được cử làm Giám đốc Sở Y tế Thành phố Sài Gòn. Công tác trí vận của Hai Ngọ chưa thành công lúc vào nội thành vì gặp phải đối tượng có cảnh giác?

Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam được tuyên bố thành lập.

Huỳnh Tấn Phát cùng Võ Chí Công, Phùng Văn Cung đứng đầu Ủy ban Trung ương Lâm thời Mặt trận. Huỳnh Tấn Phát đã có dịp thi thố tài năng Kiến trúc sư khi tổ chức Đại hội MTDTGP Đặc khu Sài Gòn Gia Định vào dịp Tết Nhâm Dần (1962). Đại hội tổ chức ở An Thành, nằm sâu trong rừng bên kia Lộ 14. Hội trường tổ chức khá mỹ thuật để đập vào mắt các nhân sĩ trí thức, văn nhgệ sĩ, tư sản được mời từ thành phố vào khu. Mỗi người được chỉ định ngồi riêng từng người trong ô ngăn cách căng ny lông ba phía, phía trước che màn tuyn. Khách có thể nhìn lên chủ tọa đoàn và hội trường nhưng không biết mặt các khách tham dự khác.

Rút kinh nghiệm tổ chức ở Đặc khu Sài Gòn, Huỳnh Tấn Phát lên R chuẩn bị cho Đại hội Mặt trận toàn Miền Nam ở Lò Gò. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ được bố trí giải thoát khỏi Tuy Hòa để về dự và được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận GPMN. Huỳnh Tấn Phát và Bác sĩ Phùng Văn Cung làm Phó Chủ tịch.

Sau cuộc đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngày 1-11-1963, Trung ương Cục Miền Nam điều Huỳnh Tấn Phát về công tác ở R. Thường vụ Khu ủy Sài Gòn-Chợ Lớn có cuộc kiểm thảo Phát trước khi nhận nhiệm vụ mới, bí thư Võ Văn Kiệt tức Chín Dũng (bí danh được biết khác là Sáu Dân) ngồi ghế chủ tọa. Trong thời gian này, vợ của Phát đã bị lộ và bị bắt từ 5-5-1960. Sau gần năm năm tù, Bùi Thị Nga được thả ngày 3-10-1964 từ khám Chí Hòa.

Tháng 3 năm 1965, theo lời mời của Hoàng thân Sihanook, Huỳnh Tấn Phát hướng dẫn một phái đoàn Mặt trận GPMN đi Phnom Penh. Đây là lần đầu tiên HTP xuất ngoại qua xứ láng giềng.

Năm 1967, trong trận Cedar Falls (Trận "Lột vỏ đất" theo danh từ trong khu) tấn công vào Củ Chi và Tam giác sắt, Huỳnh Tấn Phát đã phải gian nan 18 ngày trong vòng vây vì địa đạo bị đánh phá, chỉ thoát được với hai bảo vệ.

Sau Tết Mậu Thân 1968 Huỳnh Tấn Phát và Ban Trí vận Mặt trận Khu Sài Gòn-Gia Định vận động một số nhân sĩ trí thức ra khu thành lập Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Miền Nam. Luật sư Trịnh Đình Thảo được chọn làm Chủ tịch Liên minh. Đây là một tổ chức thứ hai bên cạnh Mặt trận GPMN để thu hút vài thành phần nhân sĩ trí thức khác ở miền Nam.

Ngày 6-6-1969, Đại hội Đại biểu Quốc dân Miền Nam bầu Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch Chánh phủ Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam. Từ ngày này cho đến thời kỳ Hòa đàm Paris và 30 tháng Tư, 1975 có thể xem là thời kỳ đắc ý nhất của Huỳnh Tấn Phát vì từ lâu anh vẫn thường tìm cách lôi kéo nhân sĩ trí thức miền Nam là anh tranh đấu cho miền Nam có một chế độ Cộng Hòa khác biệt với miền Bắc trong khi chờ đợi việc thống nhứt trong tương lai. Năm 1972 Chánh phủ của Phát đã ban hành nhiều sắc luật, đã thông báo Mười chánh sách đối với các "vùng giải phóng" và Mười điều Kỷ luật cho cán bộ. Trong thời kỳ Hội đàm Paris và cả những ngày đầu sau ngày 30-4-1975, báo *Đoàn Kết* ở Pháp cổ động trong giới hải ngoại về thể chế chính trị miền Nam, cam kết sẽ tôn trọng quyền tư hữu, quyền tự do kinh doanh v.v... Bên trong thật sự ai cũng biết là các sắc luật của Chánh phủ của Phát tất nhiên đều phải được Hà Nội đồng ý chấp thuận.

Sau 30-4-1975, nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trường Chinh... đã kiêu hãnh qua mặt Chánh phủ của Phát, chủ trương phải thống nhất ngay và Chánh phủ Huỳnh Tấn Phát, Mặt trận Giải phóng, Liên Minh v.v. không kèn không trống đã bị giải tán hồi nào không ai biết!

Để xoa dịu phần nào phản ứng dân kháng chiến miền Nam, năm 1976 Huỳnh Tấn Phát được cử làm Phó Thủ tướng Chánh phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa VN, lo việc quy hoạch đô thị, thiết kế xây dựng thủ đô Hà Nội...! Năm 1977, Huỳnh Tấn Phát được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc và đến năm 1983 được lên chức làm Chủ tịch Đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc, toàn những chức vụ không quyền lực!

Trong suốt thời gian chiến đấu, từ 1945 cho đến ngày từ trần, với bao nhiêu công trận nguy hiểm vào sanh ra tử, Huỳnh Tấn Phát chưa bao giờ được mời đặt chân vào cơ quan chánh trị đầu não của Đảng Bộ ở Hà Nội. Sau Hiệp định Genève 1954, cơ quan quyền lực này đã khép kín chia chác quyền hành ở miền Bắc tương đối thanh bình so với phần máu lửa ở miền Nam.

Sau 30-4-1975, bao nhiêu cán bộ từ Bắc vào, từ tay không đã trở nên giàu có tột bực trong một thời gian ngắn. Trong lúc đó, vợ của Huỳnh Tấn Phát đã viết: "...Tôi nhớ đến ước mơ của anh, lúc gần cuối đời, anh ao ước có

một chiếc Honda, để khi về hưu chở vợ hay cháu nội cháu ngoại đi chơi..." (Trích bài "Đám cưới giữa Mùa thu Khởi nghĩa" của Bùi Thị Nga, trong "Làm Đẹp Cuộc Đời" sđd). Sợ Phát ở lại miền Nam, gần gũi Nhóm Câu Lạc Bộ Kháng Chiến, Huỳnh Tấn Phát được Hà Nội mời ra Bắc tiếp tục tham gia chánh phủ. Huỳnh Tấn Phát được cấp một nhà khiêm tốn so với chức vụ ở số 9, đường Ngô Thời Nhiệm. Mùa Thu 1988, Huỳnh Tấn Phát đột ngột trở bịnh và được đưa điều trị ở Bịnh viện 108. Phát từ chối không muốn ra nước ngoài chữa trị. Khi thuyên giảm được phần nào, Phát quyết định trở về Nam. Tờ lịch trong phòng Huỳnh Tấn Phát vẫn dừng giữa ngày 27-11-1988, ngày Phát rời Hà Nội. Ngôi nhà chức vụ ở số 9 Ngô Thời Nhiệm vẫn chờ Phát trở lại, nhưng Phát đã vĩnh viễn ra đi ngày 30 tháng 9 năm 1989.

Huỳnh Tấn Phát, Kiến trúc sư có tiếng tăm trong giới chuyên nghiệp, đã thiết trí bao nhiêu đồ án công cũng như tư, cho đến ngày chết vẫn chưa có cơ hội tự xây được một mái nhà theo ý muốn cho gia đình trú ngụ, không có được một chiếc xe riêng để chở vợ con!

Phạm Thiều, một giáo sư khả kính, người gốc Nghệ Tĩnh, dạy chữ Nho và Toán tại Trường Trung học Pétrus Ký đã ra khu kháng chiến từ 9-1945, tập kết ra Bắc, trở về Nam sau 30-4-1975. Ông được bầu làm Đại biểu Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Không hiểu có phải vì ông đã chán ngán cái cảnh thoái hóa, tham nhũng của cán bộ Cộng sản sau 1975 hay vì ông đã nhận thức được các sai trái của đường lối chủ nghĩa Cộng sản của Stalin khiến làm sụp đổ các nước Xã hội chủ nghĩa ở Trung Âu, nên ông đã ân hận và treo cổ tự tử! Trước khi tự kết liễu đời mình, ông đã nhờ Đại tá hồi hưu Xuân Diệu (không phải thi sĩ Xuân Diệu) nhắn giùm ông trước Đại hội Đảng Q3, Thành phố Hồ Chí Minh:

"Dốt mà lãnh đạo nên làm Dại,
Dại mà muốn thành tích nên báo cáo Dối,
Dối, Dại, Dối,
Đó là ba điều làm cho các nước Xã hội Chủ nghĩa sụp đổ, làm cho nước ta đi từ sai lầm nầy đến sai lầm khác."

(Trích thư của đảng viên kỳ cựu La Văn Lâm, tức cựu trùm Công an La Văn Liếm gởi Tổng Bí thư Đỗ Mười ngày 30-4-1994).

Tướng Trần Văn Trà, tướng trách nhiệm quân sự miền Nam, đã viết Hồi ký gián tiếp "chỉnh" các khoe khoang của Văn Tiến Dũng trong quyển "Đại thắng Mùa Xuân." Hồi ký của Tướng Trà vừa mới xuất bản lại có lịnh phải tịch thâu ngay. Trần Văn Trà sau đó có một lúc liên hệ với Câu lạc bộ Kháng chiến Miền Nam và đã được mời ra Bắc ở cho đến khi chết. Trần Văn Trà đã viết về Huỳnh Tấn Phát: "Có một điều cần nói. Anh Phát không thuộc một gia đình "trơn tru," anh vẫn có tâm tư riêng." Trần Bạch Đằng, người Cộng sản kỳ cựu ở miền Nam từ 1945 đến 1975, có viết về Huỳnh Tấn Phát: "Anh không cầm súng, chưa bao giờ là chỉ huy quân sự, song lại cáng đáng một trận địa mà có lẽ không dễ có người thay: huy động lực lượng trí thức vào hàng ngũ đấu tranh... Càng biết nhiều khía cạnh riêng của anh Phát càng khâm phục anh - những mất mát của anh về những người thân (cha, chú, cô) là quá lớn..." Được Trần Văn Giàu kết nạp vào Đảng Cộng sản từ ngày 5-3-1945, Huỳnh Tấn Phát đã được bố trí tiếp tục hoạt động cho đảng Dân Chủ ở miền Nam. Để chiêu dụ những nhân sĩ và trí thức miền Nam tham gia tranh đấu, Huỳnh Tấn Phát đã cổ võ cho một chiêu bài hòa hợp, một thái độ cách mạng kiểu đảng Dân Chủ. Khi Hà Nội chủ trương vội vã thống nhất sau ngày 30-4-1975, giải tán Chánh phủ Lâm thời Cộng Hòa miền Nam, lừa gạt đưa quân nhân, công chức, văn nghệ sĩ miền Nam vào các trại lao tù, giải tán đảng Dân chủ và đảng Xã hội, thiêu đốt các tác phẩm văn hóa, sách vở dân chúng miền Nam v.v... Huỳnh Tấn Phát đã bị nhiều nhân sĩ trí thức cho là đã mang tội thất tín với dân chúng miền Nam. Người viết bài có một cộng sự viên đã ở lại trong xứ sau ngày 30-4-1975 và đã có cơ hội biết Huỳnh Tấn Phát trong những ngày nằm bịnh viện Thống Nhứt và bịnh viện Chợ Rẫy. Anh ấy đã cho biết: "Ở Chợ Rẫy, Huỳnh Tấn Phát trong những ngày bịnh, không nói năng gì, chỉ mỉm miệng cười cho đến khi chết." Những ai có dịp sống gần Huỳnh Tấn Phát đều biết anh là người rất tốt về mọi mặt, có cái đặc biệt là miệng lúc nào cũng nở nụ cười rạng rỡ.

Không ai biết được nỗi lòng Huỳnh Tấn Phát ra sao trong những ngày sắp đi sang thế giới khác. Không biết Huỳnh Tấn Phát đã mỉm cười trước khi chết vì cảm thấy đã làm tròn những ước vọng của đời mình trước khi ra đi, hay cái cười im lặng của Anh là một cách cười chua chát?●

Ngày 30 tháng Tư năm 2001

VĂN HÓA ĐÔNG SƠN Ở INDONESIA

một thoáng nhìn

KIỀU QUANG CHẨN

Đã từ lâu, tôi có ao ước được thăm Indonesia - một người láng giềng có nhiều mối quan hệ văn hóa với Việt Nam, thậm chí còn được coi như có mối quan hệ tộc thuộc với chúng ta. Thế nhưng, mãi cuối tháng Ba năm nay mới có cơ hội thực hiện ao ước bấy lâu của mình.

Bài viết nhỏ này, chỉ là *một thoáng Indonesia*, tuy có phần nào ưu tiên hơn một chút quanh những vấn đề văn hoá thời đại đồng thau của hai nước - như chủ đích chuyến viếng thăm của chúng tôi.

Đất nước nghìn hòn đảo

Indonesia là một nước nằm ở Đông nam lục địa Châu Á bao bọc bởi bốn vùng biển và đại dương: Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, biển nam Trung Hoa và Celebes. Sóng biển quanh năm vỗ về 13,000 hòn đảo lớn nhỏ tạo thành một chuỗi đảo có chiều rộng 1900 km và dài 5100 km từ Đông sang Tây với tổng diện tích 1,826,440 km2. Cũng vì có địa thế đặc biệt như vậy nên Indonesia còn là một nước có bờ biển thật đáng nể tới 55.000km. Quả là không sai khi người ta gọi Indonesia là đất nước nghìn đảo. Trong vô vàn đảo đó có bốn hòn lớn nhất là: Borneo, Java, Sumatra, Sulawesi. Thủ đô Jakarta nằm trên đảo Java.

Cũng như trên đất liền, đảo quốc này cũng có đủ các dạng địa hình: núi cao, rừng sâu, sông dài. Núi cao nhất có tên Kerinici (3800 m/12,467 ft) trên đảo Sumatra và Semeru (3676 m/12,060 ft) trên đảo Java. Do nằm trong khu vực vành đai địa chấn không ổn định của Thái Bình Dương nên Indonesia cũng là một nước thường xuyên có động đất và núi lửa. Cả nước có hơn 400 núi lửa, hiện còn 130 ngọn đang hoạt động. Năm 1815 núi lửa Tembora bất ngờ thức giấc đã cướp đi 10.000 sinh mạng trong khoảng khắc.

Con sông dài nhất có tên là Asahan trên đảo Sumatra. Indonesia cũng là một nước giàu tài nguyên thiên nhiên. Rừng nhiệt đới với nhiều loại gỗ quý phủ lên 63% diện tích đất nước với một thảm thực vật nhiệt đới phong phú vào bậc nhất thế giới gồm: 40,000 loài hoa, 3,000 loài cây và 5,000 loài phong lan. Tài nguyên khoáng sản có: dầu lửa, thiếc, vàng, kim cương... với trữ lượng lớn.

Không hiểu có phải vì "đa đảo" mà Indonesia cũng là một nước đa sắc tộc. Trong số 209 triệu người có hai nhóm lớn nhất: Javenese chiếm 45%, sau đó là Sudanese chiếm 14%. Còn lại là thuộc về vô vàn các nhóm tộc người khác như: Batak, Dayak, Toratja, Bugi... Chỉ riêng đảo Kalimantan đã có tới 200 nhóm.

Cũng do đa dân tộc nên Indonesia cũng là một đất nước đa ngôn ngữ. Ngoài ngôn ngữ chung của họ là Malay Polynesian - đúng hơn là Bahasa, còn có 583 ngôn ngữ khác nữa.

Hiện chưa thấy có tài liệu nào cho biết về chữ viết cổ của các nhóm cư dân trên đảo. Chỉ có thể phỏng đoán, vào những năm đầu Công Nguyên, các thương nhân và các tu sĩ Ấn Độ đã mang theo Ấn Độ Giáo và Phật Giáo với chữ viết chữ Sanscrit và tiếng Pali đến cho dân bản địa.

Năm 1891 các nhà khoa học đã phát hiện được ở quần đảo Java loài vượn người (Homo erectus) - còn gọi là người vượn Java niên đại khoảng 1 triệu năm. Sau phát hiện quan trọng này, trong một thời gian dài Indonesia đã được coi là một trong những cái nôi của loài người. (1)

Cũng như các dân tộc khác trên thế giới cư dân của quốc đảo này cũng đã trải qua một thời tiền sử dài dằng dặc từ những chiếc rìu

đá cuội thô sơ đến những chiếc rìu mài xinh xắn và tranh bích hoạ hang động đẹp mê hồn. Vào khoảng 300 năm trước Công nguyên đồng thau được du nhập từ Việt Nam, Thái Lan và Trung Hoa tới các hòn đảo cùng với đồ đồng bản địa tạo nên một nền văn hoá đồng thau đa dạng. Tuy không biết đúc đồng, người Indonesia lại biết đóng thuyền để đi biển. Có thể nói vào những thế kỷ trước CN, thuyền bè của họ đã qua lại từ Madagascar đến Hawaii. Điều này giải thích phần lớn dân Madagascar có nguồn gốc Malay-Polynesian, đồ đồng Đông Sơn có mặt cả ở Malaysia và Thái Lan. Tuyệt nhiên không có một món Đông Sơn nào tại Philippines.

Những trang sử tiếp theo của quốc đảo này có một điểm hơi khác với cộng đồng người ở Đông Nam Á lục địa - nơi nhà nước xuất hiện vào sơ kỳ thời đại sắt. Theo một bản văn khắc trên mái đá ở Ja va cho biết, mãi cho tới thế kỷ thứ V nhà nước đầu tiên mới xuất hiện tại đây với tên gọi Taruma của vua Purnavarman.

Đến thế kỷ thứ 7 lãnh thổ *Taruma kingdom* đã trải rộng ra hàng ngàn hòn đảo và tiếp tục hưng thịnh. Nằm ở vị trí hàng hải quốc tế nên Indonesia đã trở thành địa điểm dừng chân quan trọng của con đường lụa trên biển suốt nhiều thế kỷ.

Đến thế kỷ thứ XVI như nhiều quốc gia ở Đông Nam Á Indonesia đã lọt vào "cặp mắt xanh" của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Đầu thế kỷ thứ XVII Jan Pieterszoon Coen đã lập trị sở Batavia - từ đây đảo quốc này đã bị lệ thuộc phương Tây.

Năm 1945 Indonesia đã giành lại được độc lập.

Hành trình về quá khứ

Ngoài thời gian ngắn ngủi tìm hiểu đất nước, con người, ngắm nhìn những phong cảnh đặc trưng của đảo quốc và sự sôi động của một đất nước có nhiều vấn đề chính trị xã hội giống như những thùng thuốc súng bất cứ lúc nào cũng có thể bùng nổ, chúng tôi đã giành phần lớn thời gian tìm về một Indonesia trầm tĩnh hơn của một thời đã qua, tại hai địa chỉ:

Viện Khảo Cổ Quốc Gia Indonesia

Là một toà nhà ba tầng khang trang, bề thế, trang bị hiện đại. Viện còn có phòng trưng bầy cổ vật riêng. Giáo sư tiến sĩ R.P. Soejono

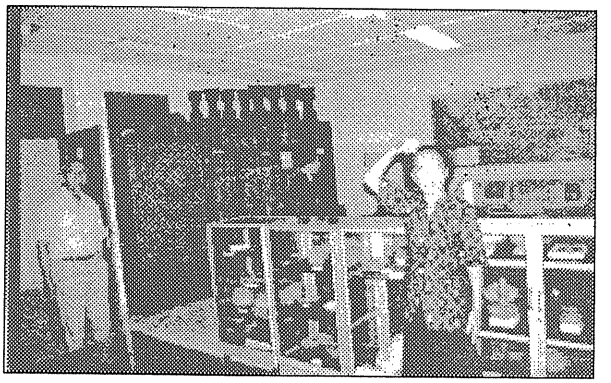

Phòng trưng bày của Viện Khảo Cổ Jakarta với trống Pejang trên nóc tủ

chuyên về đồ đồng đích thân ra cửa Viện tiếp đón chúng tôi. Ông đã từng đào được hai trống đồng mang tên của ông. Giáo sư và bà phụ tá cho chúng tôi biết, Indo đã tìm được 80 trống đồng bao gồm cả mảnh vỡ, vụn trong đó có 78 trống loại I Heger, chỉ có hai trống loại IV. Theo họ, các trống loại I Heger hầu hết nhập cảng từ Bắc Việt và một số từ Nam Trung Hoa.

Trống bản địa có hình dáng hoàn toàn khác. Ví dụ, trống Pejang tìm được tại Bali có chiều cao gần 2 m và đường kính 1m, có niên đại vào những thế kỉ đầu CN, hoa văn phảng phất một vài nét Đông Sơn.

Người dân Indonesia đã xây dựng rất nhiều huyền thoại về chiếc trống khổng lồ này, thậm chí nó còn được coi là biểu tượng của trục bánh xe để chở mặt trăng (còn gọi là trống Pejang Moon). Hàng trăm chiếc trống bản địa khác đã được sản xuất liên tục cho đến những thế kỉ gần đây thường có chiều cao 45 cm, đường kính 20 cm.

Viện Bảo Tàng Quốc Gia Jarkarta (Pusat)

Do người Hoà Lan xây dựng vào 1868, rộng mênh mông, lớn hơn bất cứ một Viện bảo tàng nào ở ĐNA. Pusat có thể sánh với các Viện Bảo tàng ở Los Angeles và San Francisco. Đây là nơi trưng bầy nhiều đồ gốm VN quý giá hơn cả các VBT Hà Nội, Sài Gòn, Guimet Paris hay Princessehop, Lewarden... Tôi được bà Dedah tiếp trong phòng làm việc kiêm luôn nhà kho chứa ngổn ngang các cổ vật quý giá trong đó có đầy rẫy trống Đông Sơn. Mặc dầu hôm chúng tôi tới là ngày thứ sáu - một ngày nghỉ của Hồi Giáo, nhưng bà vẫn giành thời gian tiếp chúng tôi và còn đích thân mở các phòng trưng bầy đồ gốm VN và đồ đồng Đông Sơn.

Cảm động hơn, bà còn cho phép chúng tôi chụp ảnh rất nhiều hiện vật. Theo bà, cho

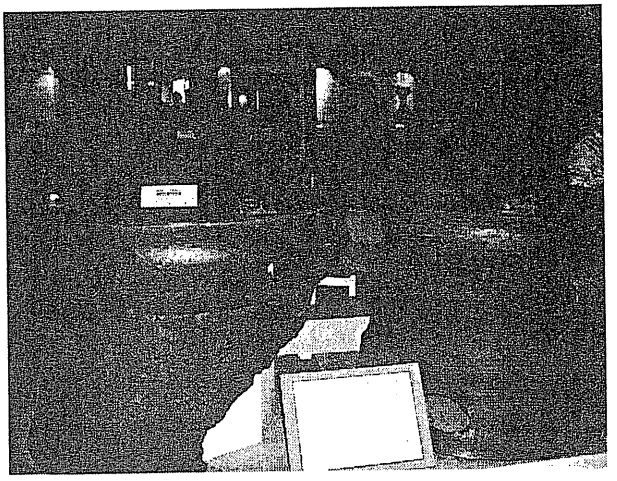

Trống Sangeang I & II (VBT Pusat)

Mặc dù thân trống đồng ở Indonesia hầu hết không còn được lành lặn nhưng hoa văn

Trống Hữu Chung (VBT Hà Nội)

biết, cho đến hiện nay, chưa tìm thấy bất kỳ một vũ khí Đông Sơn nào ở Indo, chỉ có vũ khí đồng thau bản địa có hoa văn ảnh hưởng Đông Sơn.

Từ những gì quan sát được tại hai địa chỉ trên cộng thêm những dòng ghi vội vã rút ra từ sổ tay điền dã, bài viết nhỏ này muốn trở lại một số vấn đề quanh văn hoá Đông Sơn vốn đã được các học giả bàn đến và có thêm cả những câu hỏi nhỏ mong chờ lời đáp.

1. Quanh những chiếc trống đồng

Mặc dù đã đọc nhiều sách nói về trống đồng ở Indo lại vừa mới thảo luận với các học giả ở Viện Khảo Cổ Indo về kích thước của trống; đã được xem không biết bao nhiêu trống ở các VBT trên thế giới cũng như các bộ sưu tập tư nhân, thế mà tôi đã ngạc nhiên đến sửng sốt trước bốn chiếc trống khổng lồ của Viện (ba chiếc có tên Sangeang, một chiếc có tên Kur). Dáng trống rất đẹp, hoa văn rất rõ và rất hiện thực. So về thể tích, trống to hơn hai lần những trống lớn nhất của Việt Nam như Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đà v.v...

Dưới đây là bảng so sánh đường kính những trống đồng nổi tiếng của hai nước Việt Nam và Indonexia mà tôi có dịp đo:

trên mặt và thân cũng như phần chân hãy còn rất rõ nét. Tuy thiếu vắng hoa văn mô tả cảnh sinh hoạt như các trống đẹp nhất của ta nhưng trên trống của họ cũng thấy hình ảnh nhà sàn và người trong nhà sàn rất rõ. Tang trống và chân cũng có nhiều cảnh hiện thực với hoa văn người, ngựa, voi và công.

Theo lời ông Bosnaki - người đã tìm thấy trống Kur cho biết, trống độc nhất có đúc tám chữ Hán (hai hàng chữ được đúc nổi phía ngoài của mặt trống nơi chân của một con cóc bị gẫy văng mất) đã được giáo sư người Trung Hoa tên là L.S.Yang ở đại học Harvard dịch là: "Tam thế" và "Thế tam" (San Chieh). Đây là những từ quen thuộc đặc trưng của Phật Giáo.

Vì trống Kur và các trống đẹp nhất của Indonesia rất giống trống Hữu Chung Việt Nam nên các học giả của cả hai nước đều cho rằng, chúng được đúc vào khoảng thế kỉ II ố III trước CN. ý kiến này đã không nhận được sự đồng tình của các học giả phương Tây. Vì, theo họ, Phật Giáo được truyền sang Indo vào những năm đầu CN và đến thế kỉ thứ III mới du nhập vào Việt Nam. Người đem Phật Giáo đầu tiên sang Việt Nam là một người ấn gốc

Indonexia			Viet Nam		
Kur	có đường kính	113 cm	Hữu Chung	có đường kính	82cm
Sageang I	-	114cm	Ngọc Lũ	-	79cm
Sageang II	-	115cm	Hoàng Hạ	-	78cm
Sageang III	-	116cm	Sông Đà	-	78cm
Sageang IV	-	126cm	Chiêu Can	-	78cm
Salayar	-	141cm	Miếu Môn	_	72cm

Ba Tư sống ở đô thành Luy Lâu thời bấy giờ (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay). Ông có con trai tên là Khương Tăng Hội (Kōang Sung Hui) là người học thức uyên thâm khởi đầu giảng đạo ở nước ta. Đến năm 247, ông đã sang kinh đô nhà Ngô để giảng đạo. (2) Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* đã ghi lại cuộc đàm đạo giữa Thái hậu Ỷ Lan và nhà sư Đàm Thiên cho biết, khi Phật Giáo chưa phổ cập vào Giang Đông (Nam Trung Hoa) thì ở Luy Lâu đã có đến 20 ngôi chùa và 500 tăng nhân.

Theo Kemper và một số học giả Tây Phương thì, trống Kur được đúc tại Bắc Việt vào thế kỉ thứ III. Gần đây, tại Luy Lâu (kinh đô cũ của Giao Chỉ thuộc Hán), các nhà khảo cổ học đã tìm được một mảnh khuôn đúc trống đồng. Phát hiện này dường như đã ủng hộ thêm cho giả thuyết của Kemper.

Một số các câu hỏi khác cũng đã được đặt ra khi so sánh trống đồng giữa hai nước:

Tại sao những trống đồng Việt Nam phát hiện được ở Indo lại đẹp hơn trống của giới quý tộc Việt Nam?

Vào thời kì này người Tàu đã đặt nền móng đô hộ nước ta được 200 - 300 năm rồi, chế độ Lạc Hầu, Lạc Tướng có thể đã không còn nữa? Hơn nữa Mã Viện, người nổi tiếng với lệnh tịch thu khí giới và trống đồng để đúc ngựa đem về Lạc Dương dâng vua Hán phục vụ cho mưu đồ đồng hoá người Việt, sao ta lại có thể có những trống đồng đẹp đến thế?

Keith Taylor - học giả người Mĩ đã từng sống tại Trung Hoa và Việt Nam nhiều năm, cho rằng, những kẻ xâm lược không những thất bại trong việc Hán hóa người mình, ngược lại, chính họ đã bị Việt hóa. Việc đúc trống của ta vẫn tồn tại, bằng chứng là các trống Mường loại Heger II vẫn được sản xuất mãi cho đến thế kỉ thứ X. Cũng vào thời gian đầu CN này việc buôn bán tại các hải đảo Indo trở nên sầm uất, những tù trưởng chủ nhân các hải cảng trở nên giàu có, sẵn sàng đặt đúc các trống khổ lớn để thể hiện sức mạnh, quyền uy và sự thịnh vượng của họ. Do đó, các quan lại Trung Hoa tiếp tục cho đúc trống nhưng chỉ nhằm mục đích thương mại.

Có người đoán định rằng, sự có mặt của trống đồng Đông Sơn ở Indonesia không phải có nguồn gốc thương mại mà xuất phát từ khi Mã Viện sang xâm lược, một số thủ lĩnh người Việt đã đem gia quyến, thân thuộc và không quên mang theo cả báu vật được gìn giữ từ nhiều thế hệ xuôi xuống phía Nam, ra tận các hải đảo lánh nạn. Họ đã được các "chúa đảo" - những người anh em tộc thuộc che chở trong cơn hoạn nạn.

Còn về những chữ Hán trên trống, có thể các thủ lĩnh người Việt đã cung tiến báu vật cho các chùa chiền - vốn san sát khắp đô thành bấy giờ nên nó đã được các nhà sư in dấu ấn Phật giáo lên đó.

Một câu hỏi nữa giành cho 70 chiếc trống Đông Sơn có kích thước nhỏ có nguồn gốc từ đâu? Đã có nhiều câu trả lời được đưa ra :

1. Do việc buôn bán đã được tiến hành từ nhiều thế kỉ trước CN.

2. Vào thời kì đồng thau, có thể bắc Việt Nam đã là một trung tâm quyền lực có uy tín và đông dân nhất trong khu vực. Về dân số, đông gần gấp hai lần tỉnh Quảng Đông va Quảng Tây nhập lại. Thủ lĩnh của các quốc gia láng giềng như : Mã Lai, Indo, Thái Lan... tới thăm viếng, giao hảo, khi về đều được tặng trống. (Thuyết này do một vài học giả Tây Phương đề nghị.)

3. Các học giả Trung Hoa lại đưa ra một lời đáp khác. Theo họ, có thể có một số thợ chuyên môn làm trống từ Vân Nam xuôi sông Hồng rồi lên thuyền vượt biển tới Indo đúc trống cho các thủ lãnh địa phương. Thuyết này khó đứng vững vì: các nhóm thợ chuyên môn chỉ phục vụ cho các lãnh chúa hay giới quí thộc. Hơn nữa nếu muốn đúc trống cần nhiều khâu chuyên biệt, thợ rừng đốn củi, thợ gốm làm khuôn, lại còn thợ mỏ và thợ nấu đồng. Đi tới một nơi xa lạ, làm sao biết được quặng mỏ chỗ nào mà tìm? Hơn nữa, nếu là thợ Vân Nam thì sao họ lại không đúc trống mang phong cách của mình mà lại phải mượn phong cách Đông Sơn vốn xa lạ với họ. Vả lại, ở Java không có thiếc là kim loại chính để pha với đồng.

Rõ ràng, tất cả các câu trả lời trên đều chưa làm ta thật hài lòng. Cuộc gặp gỡ của tôi với trống đồng Indonesia lần này quá ngắn ngủi khiến tôi chưa có thể đưa ra được câu trả lời của riêng mình. Song, tôi hy vọng trong một tương lai gần sẽ có dịp trình ra - như là một sự thử sức với các thế hệ đi trước hay còn là biểu hiện tình yêu của tôi với chiếc trống đồng Đông Sơn oai vệ nhưng đầy sức quyến rũ.

2. Những chiếc bình đồng hoa văn Đông Sơn ố có thể góp thêm bằng chứng về mối quan hệ giữa văn hoá Đông Sơn với hải đảo?

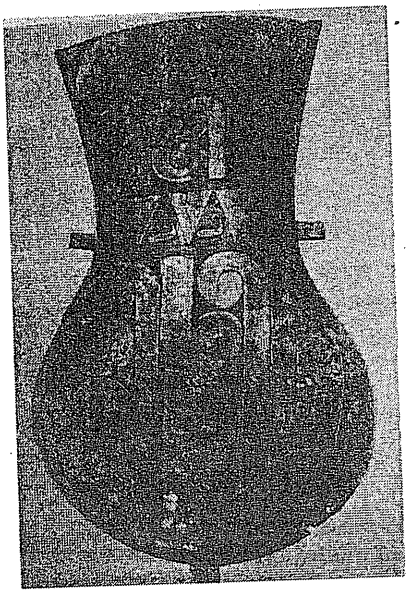

Bình đồng Madura với hoa văn 2 dấu hỏi úp vào nhau.

Năm 1922 người ta đào được Kerinci thuộc đảo Suanta một bình đồng dáng như một chiếc giỏ to và dẹp, hoa văn rất lạ. Năm 1951 người ta lại đào thêm được một chiếc nữa ở đảo Madura. Chiếc này tương tự như chiếc bình được trưng bầy ở VBT Phnom-penh đào được một nơi cách thủ đô 20km. Tôi được hân hạnh thấy chiếc thứ tư tại viện bảo tàng Los Angeles. Một chuyên gia ở Singapore đã cho tôi chụp hình chiếc thứ năm đào được ở Việt Nam, tuy nhỏ hơn và không đẹp bằng, được trang trí hoa văn xương cá, lại thêm có hình người và cảnh sinh hoạt với ngôi sao Đông Sơn nằm giữa thân bình. Hoa văn chủ đạo của những chiếc bình này là những móc câu hay dấu hỏi đi từng đôi một úp vào nhau.

Các học giả Tây Phương quả quyết đây là sản phẩm của Indo nhưng chính các học giả Indo lại phủ nhận điều này. Khi tôi đưa cho họ coi hình chiếc bình của Việt Nam chưa từng được công bố, họ càng vững lòng tin vào những dự cảm của mình - những chiếc bình này thuộc về nền văn minh Đông Sơn.

Về phần mình, tôi đồng tình với các học giả Indo. Ở những trang dòng sau tôi sẽ xin phép được hé mở lý do.

3. Phải chăng cư dân Đông Sơn và người Dayak có nguồn gốc tộc thuộc?

Câu hỏi này đã được các học giả Pháp đưa ra từ non thế kỷ trước song, từ bấy đến nay chưa thấy ai đi tiếp những trực cảm không phải không có sức thuyết phục của họ. Tôi không có ý định đi tiếp hành trình của người Pháp mà chỉ xin đưa ra thêm một vài ghi nhận từ một chuyến đi quanh đề tài này.

Dayak là một bộ tộc riêng biệt ở Borneo nơi có rất nhiều rừng rậm. Người Dayak sống sâu trong nội địa, người Mã Lai theo Hồi Giáo thích sống vùng ven biển hơn. Trên phía Bắc đảo Borneo có một quốc gia nhỏ bé nhưng giàu có nhất ĐNA là Brunei. Một phần nhỏ phía Tây Bắc thuộc Mã Lai. Phần chính còn lại của đảo thuộc Indonesia gọi là Kalimantan. Ngày nay người Dayak còn khoảng hơn hai triệu người. Người Dayak và người Việt có khá nhiều đểm giống nhau. Xin đưa ra một vài ví dụ:

1. Nơi cư trú là các vùng ven sông nước, làm ruộng nước. Phương tiện di chuyển chính là thuyền, không hề biết xử dụng bánh xe.

2. Người Dayak cư trú trong các nhà sàn mái cong võng rất giống với hình nhà sàn được khắc hoạ trên các trống đồng Đông Sơn và các mái đình cổ ở miền Bắc Việt Nam. (3)

3. Phụ nữ có quyền ngang hàng hoặc hơn

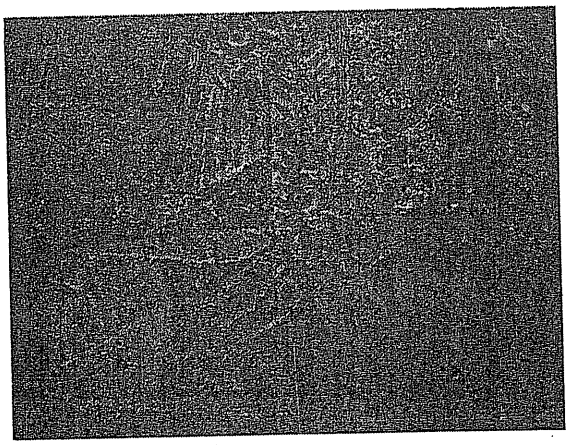

Chiến sĩ DS cầm đầu lâu cách điệu

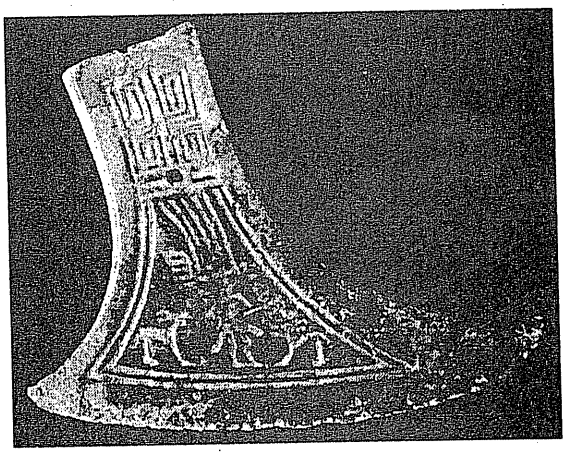

Rìu DS cán hoa văn xoáy ốc

phái nam (tục ở rể).

4. Khi có người chết, họ dùng thuyền làm đám tang đưa linh hồn người chết về bên kia thế giới. Các học giả Tây Phương dựa vào phong tục này để giải thích các hình thuyền trên tang trống Đông Sơn.

5. Cho đến giữa thế kỉ 20, người ta vẫn còn thấy rải rác tục săn đầu người ở Indonesia. (4) Giống như người Đông Sơn, người Dayak cũng chôn theo người chết nhiều đồ tùy táng bằng đồng với những đồ án hoa văn giống nhau đến ngạc nhiên.

6. Gọi quốc gia hay vùng đất của họ là *"nước tôi"* thì chỉ có Việt Nam và người Dayak là hai dân tộc duy nhất trên thế giới dùng từ này.

Có thể hãy còn quá nhiều công việc còn phải làm để tìm cho ra câu trả lời trọn nghĩa về mối quan hệ tộc thuộc giữa người Đông Sơn và người Dayak, ví như cần phải có thêm nhiều công trình nghiên cứu dài hơi và nghiêm túc về Nhân chủng học (Anthropology), Ngôn ngữ học, Dân tộc học... song nếu như nói: cư dân Đông Sơn với người Dayak là những người láng giềng gần gụi chẳng những về mặt chủng tộc mà còn gần gụi về mặt văn hoá hẳn sẽ là một câu trả lời dễ làm hài lòng tất cả.

4. Tản mạn thêm một chút nữa.

- Hồi Văn (Greek-T)

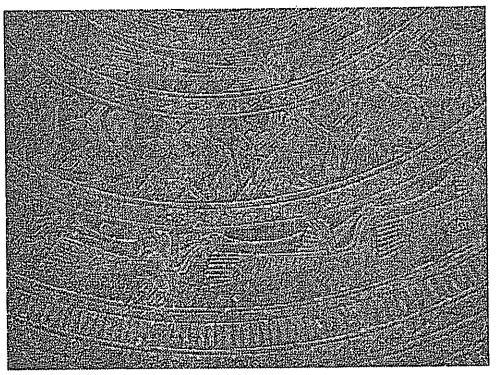

Hoa văn trên trống DS

Trong số các hoa văn trên đồ đồng Đông Sơn có loại hoa văn hình học dùng để trang trí mang những tư duy toán học chưa dễ giải mã. Hoa văn này được gọi là hồi văn hay hoa văn hình chữ công. Các học giả Tây Phương gọi là Greek- T. Dựa vào hoa văn này Heine Gender cho rằng, Văn Hóa Đông Sơn có nguồn gốc ngoại lai mặc dầu ông là người đề xướng và đặt tên cho nền văn hóa của thời đại đồng thau và sắt sớm ở Bắc Việt là Văn Hoá Đông Sơn. Vào năm 1932, ông cho Đông Sơn có liên hệ đến nền văn minh cổ Hallstatt ở Trung Âu. Từ Âu Châu, nền văn minh này ảnh hưởng đến thời cổ đIển của Hy Lạp, truyền sang Trung Hoa trong thời nhà Chu và ảnh hưởng đến nhóm Bách Việt vào thế kỉ thư III- IV trước CN, thời mà ông cho là cực thịnh của văn hóa Đông Sơn. (5)

Quả thật, thoạt nhìn ta thấy hồi văn của Hy Lạp rất giống hồi văn Đông Sơn nhưng khi nhìn kĩ lại, hoa văn Đông Sơn là những biến thể của hoa văn vòng tròn tiếp tuyến hay dấu hỏi - loại hoa văn chủ đạo mà ta thường thấy trên hàng trăm, nghìn món đồ đồng Đông Sơn. Có lẽ, vào thời Heine Gender đưa ra luận thuyết của mình ông chưa biết tới các nền văn hoá tiền Đông Sơn hay là ông cố tình chứng minh cho học thuyết thiên di và chủng tộc thời thượng thời bấy giờ nên đã không nhận ra các hoa văn thời Đông Sơn không phải là sự đột biến ngẫu nhiên mà nó có một quá trình phát triển trải hàng ngàn năm từ thời Phùng Nguyên (2000 năm trước CN) qua Đồng Dậu, Gò Mun. Ngày nay người ta có thể theo dõi được từng bước đi của nó thể hiện rõ nhất trên đồ gốm.

Và cũng dựa vào hoa văn này, tôi đã cho những chiếc bình đồng phát hiện ở Kerinci và

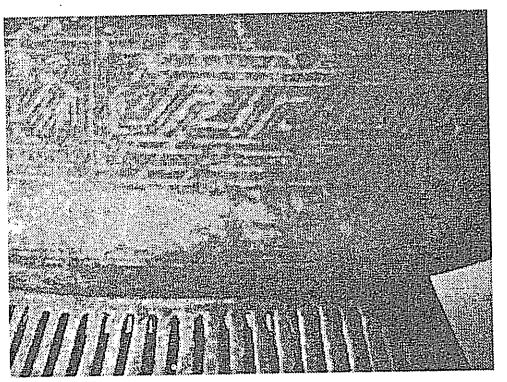

Bát đồng: hoa văn biến thể dấu hỏi

Madura của Indo nói trên xuất xứ từ bắc Việt Nam.

- Về những "ông" bình Vôi ăn trầu.

Người ta tìm thấy rất nhiều bình vôi ăn trầu có hoa văn Đông Sơn tại Indonesia nhưng cho đến nay vẫn chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu xuất xứ và niên đại của chúng. Như chúng ta đã biết tục ăn trầu tại Việt Nam cũng sớm như ở Indo nhưng các nhà khảo cổ

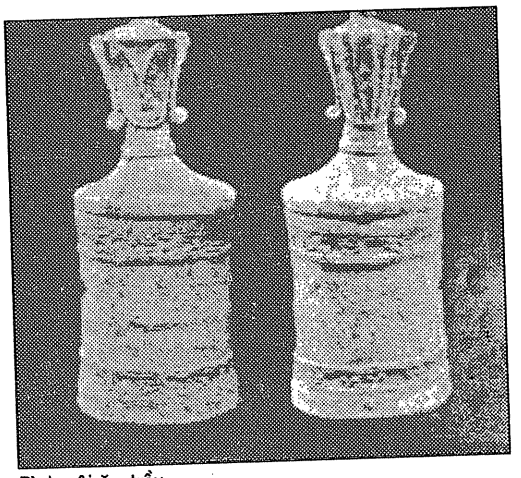

Bình vôi ăn trầu

học vẫn chưa tìm thấy được một bình vôi ăn trầu Đông Sơn nào, mặc dầu dấu vết của tục ăn trầu đã tìm thấy trong một số mộ hình thuyền tại Bắc Việt trong thời gian gần đây. (6) Phải chăng, những "ông" bình vôi thời Đông Sơn đã được làm bằng những ống trúc có màu vàng óng ả, thứ cây mọc khắp nơi lại gọn nhẹ, không gây nên các phản ứng hoá học... như người Mường hiện vẫn dùng đựng vôi chống vắt cắn khi đi rừng nên nó không còn giữ lại được hình ảnh của mình qua hơn 2000 năm bị chôn vùi trong lòng đất ở một sứ xở nhiệt đới.

Câu trả lời chính xác cho sự vắng mặt của các "ông" bình vôi ĐS chỉ có thể nhờ vào lưỡi cuốc của nhà khảo cổ trong tương lai.

- Sự xuất hiện nhà nước sớm.

Cho đến thế kỉ thứ V chưa có dấu vết một vương quốc nào ở Indonesia trong khi người Tàu có nước Điền ở Vân Nam, ta có Âu Lạc vào những năm 250 trước CN. Học giả Aurousseau đã bỏ công tìm kiếm nhiều năm vẫn không thấy dấu vết nào vào những năm trước đó.

Tuy nhiên về mặt tình cảm chúng ta vẫn nghĩ *"Vua Hùng Vương là có thật."* Đó cũng là đề tài khoa học của giới sử học Bắc Việt theo đuổi từ mấy chục năm nay. Nước ta chưa có chữ viết vào thời đó. Các bằng chứng trưng ra tuy dồi dào phong phú nhưng vẫn chưa có tính cách "dứt điểm" để thuyết phục. Chúng ta mong chờ nguồn tài liệu mới từ khảo cổ học hơn là sử học trình ra những hình ảnh rõ nét hơn về nhà nước Văn Lang của các vua Hùng.

Thay cho lời kết

Thời đại đồng thau ở Việt Nam - với văn minh Đông Sơn đã làm cho mỗi người chúng ta rất đỗi tự hào. Nhưng, trên những nẻo đường mà tôi từng đi từ nam Trung Hoa cho đến Indonesia trong thời gian gần đây đã cho tôi có được tầm nhìn rộng hơn về vai trò của Văn hóa Đông Sơn tại ĐNA.

Nghề nghiệp của tôi không cho phép dấn thân vào những cuộc hành trình vô tận - đi tìm nguồn gốc của các nền văn minh, song tôi đã thực sự bị một không gian đầy sắc mầu của văn minh Đông Sơn - từng lăn tỏa trên một khu vực rộng lớn của hành tinh này hơn 2000 năm trước quyến rũ.

Xin được chia sẻ cùng các bạn.

Tháng 5, 2001.

Chú thích

1. Cũng vì người Java này mà mãi cho đến các thập niên 60-70 người ta còn cho người Việt cổ xuất thân từ các hải đảo lên Bắc Việt cư trú. Hiện nay các học giả Indonesia cũng như Tây phương cho rằng, vào thời thượng cổ, người Indonesia xuất phát từ lục địa Đông Nam Á. Họ cũng cho rằng, nguồn gốc con người xuất phát từ Phi châu, đến Trung Đông chia ra hai ngã, một ngã đi Âu châu và một ngã đi Đông Nam Á. ĐNÁ lại chia làm hai phần, phần lục địa hay Nam Á (Austroasiatic), phần đại dương gồm các quần đảo Philippin, Indo hay còn gọi là Nam Đảo (Austronesian).

2. Nguyễn Bá Lân. *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam.* Tập I. Sài Gòn 1972. Xem thêm: Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận.*

3. Xem them Nguyễn Văn Huyên. *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* Nxb. KHXH. II tập. Hà Nội 1995 - 1996.

4. Khi đề cập đến vấn đề này với các chuyên gia ở Jakarta, họ muốn lướt qua thật nhanh. Đặc biệt người Dayak nổi tiếng rất hung dữ. Cách đây chỉ hai tháng, họ đã chặt đầu rất nhiều dân cư ở các đảo khác sang Kalimantan sinh sống, chính quyền trung ương không can thiệp kịp. Theo các tài liệu Dân tộc học thì người Việt cổ cũng có tục này. Hoa văn trên các trống quan trọng và trên chiếc thạp của Nam Việt Vương vẫn có cảnh chiến binh Đông Sơn kề dao sát cổ tù binh bị trói. Một số minh họa khác có cảnh chiến sĩ tay cầm khí giới, tay cầm đầu lâu. Vào năm 1996, người ta tìm được ở Thanh Hóa một dao găm cán tượng người, lưng đeo đầu lâu.

5. Heine Gender. *Văn hóa Đông Sơn và cuộc thiên di của người Nam Đảo.*

6. Bùi Văn Liêm. *Mộ thuyền trong văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam.* Tư liệu Viện Khảo cổ học.

AN NAM TỨC SỰ

Nguyên tác TRẦN PHU
Người dịch: LÊ MẠNH HÙNG

Giới Thiệu: An Nam Tức Sự *là tác phẩm của Trần Phu, một sứ giả đời Nguyên đi sứ sang Việt Nam và ở lại triều đình nhà Trần từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1293 (tức thời Trần Anh Tông). Tập sách này được viết ra chỉ năm năm sau thất bại lần chót của quân Mông Cổ trong cuộc chiến xâm lược Việt Nam (trận Bạch Đằng xảy ra vào năm 1288), chính vì vậy, bên cạnh những nhận xét có thái độ trịch thượng tác giả đã để lộ những ấn tượng sâu sắc khâm phục chế độ nhà Trần thời đó.*

Đây là một tác phẩm ngắn gồm hai phần: một phần tức sự bằng thơ khoảng 120 câu và cứ giữa hai câu thơ lại có một đoạn bằng văn xuôi ngắn giải thích. Tác phẩm này đã được giáo sư Tạ Trọng Hiệp nghiên cứu kỹ lưỡng trong một bài thuyết trình tại trường E.P.H.E (École Pratique des Hautes Études) ở Paris vào năm 1968. Dưới dây chúng tôi, mặc dầu vốn liếng chữ Hán ít ỏi, xin mạn phép dịch lại một vài đoạn trong bản văn ngắn này để chúng ta có thể biết thêm một chút về xã hội Việt Nam dưới thời nhà Trần. Nếu có sai sót gì xin quý vị độc giả lượng thứ.

Lê Mạnh Hùng

*

Phiên Âm: *Tôn ty song tiển túc, lão ấu nhất viên lô*

Dân giai đồ tiễn gian. Hữu nhiếp cách lý chí điện tắc khứ chi. Giao nghênh chi tế bào hối. Bách nhân giai tiễn nhi dĩ. Nam nhân tất khôn, hữu quan tắc dữ thanh cân mịch chi. Dân tất tăng dã.

Dịch Nghĩa: Sang hèn đều đi đất; già trẻ tận trọc đầu

Dân chúng ai cũng đi chân không. Có những người đi giầy da, nhưng khi đến cung điện thì đều cởi ra. Khi ra ngoài thành để đón sứ giả họ mặc áo dài và cầm hốt. Đàn ông ai nấy đều cạo trọc đầu. Nếu là quan thì dùng một tấm khăn mầu xanh bọc che. Cả nước đều là sư cả.

Phiên Âm: *Trắc kiệu khinh ư lộc, tù ba tật tự phù*

Túc bì hậu thậm, đăng sơn như phi. Mãng thích tắc vô kinh cụ. Phụ tử nam nữ đồng xuyên nhi dục; đông hạ giai nhiên. Thiện thủy, hữu tiềm hành sổ bách lý dã.

Dịch Nghĩa: Leo núi nhẹ như hươu, vượt sóng nhanh tựa vịt (phù: le le, một loài vịt trời)

Da chân thật dầy, leo núi như bay. Không sợ mọi thứ gai góc. Bố, con, trai gái đều tắm cùng sông, mùa đông và mùa hạ cũng vậy. Giỏi nghề bơi lội, có những người có thể lặn đi dưới sông đến cả trăm dặm.

Phiên Âm: *Tà câu thanh tăng mạo; Khúc lãnh hắc la nhu*

Cân sắc thâm thanh, hữu tăng vi chi quản ngạch, dĩ thiết tuyến tiền cao nhất xích nhi khuất chi. Cập hạng dĩ đái tốc phản kết kỳ hậu. Đỉnh hữu thiết câu. Hữu chức chưởng tắc đái vu câu. Gia cư tù thủ. Kiển khách nãi cân. Viễn hành tắc nhất nhân phụng cân tòng. Duy thủ kết dĩ hắc la bào tốc, viễn vọng như đạo gia luân cân nhi ích xuất kỳ bàng, phát giai thị lộ. Thụy quốc giai y hắc sam. Tứ cử bàn lãnh dĩ la vi chi. Phụ nhân diệc hắc y đãn bạch lý quảng xuất tựu dĩ duyên kỳ lãnh bạc tử thốn dĩ thị vi dị. Thanh, hồng, hoàng tử chư sắc tuyệt vô.

Dịch Nghĩa: Nón lụa xanh móc séo; áo là đen cổ cong.

Khăn mầu xanh đậm được bọc che cả trán bằng một sợi dây sắt. Cao đến một thước về phía trước, sợi dây này được kéo bọc đến phía sau cổ và giữ bằng một miếng băng. Trên đỉnh đầu buộc một móc câu. Những người có chức chưởng buộc miếng băng này vào trong móc đó. Ở nhà họ không chít, chỉ khi có khách thì mới chít khăn ra tiếp. Nếu đi xa, có một người hầu đi theo mang theo khăn. Chỉ có người trưởng tộc mới búi tóc, lấy khăn lụa đen chít lên, trông xa như cái nón tròn của đạo sỹ nhưng lớn hơn. Tóc lộ ra ngoài và sõa xuống hai bên. Mọi người trong nước đều mặc áo đen có bốn vạt. Cổ áo cong làm bằng lụa. Đàn bà cũng mặc áo đen, nhưng lớp đụp bên trong

mầu trắng lớn hơn làm thành một lớp viền quanh cổ rộng đến một tấc. Các mầu xanh, hồng, vàng, tím hoàn toàn không có.

Phiên Âm: *Để nha thân yển thỉ, La ngã bối quyền hồ.*

Kỳ dư nhân dụng bố nhất thất trường trượng (1) dư, dĩ viên mộc nhị, các trường ngũ thốn khế bố lưỡng đoan. Cánh dĩ thằng khế viên mộc thượng. Dĩ đại trúc quán thằng. Lưỡng nhân dư chi. Nhân tắc kỳ trung nhược củ dương thỉ nhiên. Danh viết: Để nha. Quý giả tắc dĩ cẩm bạch giang, dụng hắc tất thượng thí hắc du chỉ ốc, cao tứ xích hứa, nhuệ kỳ tích nhi quảng kỳ liêm. Liêm quảng ước tứ xích, vũ tắc trương chi, tình tắc triệt ốc nhi dụng cái. Tù xuất nhập dĩ hồng liễn, châu bình. Bát nhân dư chi, thậm lệ. Tượng bối thượng thí yên tuấn. Phàm tọa danh viết: La Ngã, nhân tọa kỳ thượng quyền khuất như hồ. Tượng ngạch thiên linh sổ thập, hành tắc lang lang yên.

Dịch Nghĩa: Kiệu khênh người như lợn; Cưỡi voi cong tựa chồn

Những người khênh dùng một miếng vải dài chừng hơn một trượng; lấy hai thanh gỗ tròn mỗi cái khoảng năm tấc đặt ở hai đầu tấm vải và dùng dây buộc ở hai đầu. Sau đó họ dùng những cây tre lớn móc xuyên qua các sợi dây này và dùng hai người khiêng. Người được khiêng như vậy trông như con dê hoặc con heo được người ta mang đi vậy. Cách khiêng đó được gọi là Đề Nha (2). Những người quyền quý thì dùng gấm hoặc lụa. Những thanh cáng được sơn đen và trên được che bằng một cái mái bằng giấy dầu đen, cao khoảng bốn thước mái nhọn song bên dưới thoải rộng ra. Mái rộng khoảng bốn thước. Khi mưa người ta dương mái này lên, trời nắng thì bỏ mái ra dùng lọng. Vua ra ngoài thì dùng một cái kiệu mầu đỏ và một tấm bình phong mầu đỏ đậm có tám người khiêng trông thật là đẹp. Trên lưng voi thì đặt đủ thứ yên cương. Cách ngồi này gọi là La Ngã (3), khi ngồi như vậy lưng người ta cong lại như lưng con chồn. Ở cổ voi người ta treo khoảng chục hàng chuông; khi voi đi chuông kêu reng reng.

Phiên Âm: *Sanh tiêu vi xúi kỹ; lao lễ tự dâm vu (4)*

Thường yến vu kỳ Tập Hiền điện. Nam tửu, nữ xướng các thập nhân, giai tọa địa. Tọa hữu tỳ bà, tần tranh, nhất huyền chi chúc. Kỳ khu dĩ huyền sách tương hòa. Ca tắc tiên lý luân nhi hậu từ. Điện hạ hữu thích, lộng thượng cán, trượng đầu khối lỗi. Hựu hữu cẩm khố, khỏa kỳ thượng thể, thao trịch hào nỗ. Phụ nhân xích cước, thập chỉ trảo tra nha khởi vũ, xúi thái.

Dịch Nghĩa: Bầy kỹ vây sênh phách; đám vu cúng bò rượu

Thường dự yến nơi điện Tập Hiền. Các con hát nam và nữ, mỗi loại mười người đều ngồi dưới đất. Cùng ngồi có các đàn tỳ bà, đàn tần tranh và các loại nhạc cụ một dây. Tiếng hát và tiếng đàn hòa điệu với nhau. Khi hát, họ trước hết xướng la lá lên rồi mới ca thành câu. Dưới sân điện có những người biểu diễn đấm đá, leo cột gỗ, biểu diễn con rối buộc vào đầu những cây gậy. Lại có những người mặc quần đùi, cởi trần nhẩy nhót hò hét. Đàn bà chân đất, mười ngón tay doãng ra như những cây sậy múa và làm những bộ điệu xấu xa.

Phiên Âm: *Khúc ca Thán thời thế; nhạc tấu Nhập hoàng đô*

Nam tử thập dư nhân, giai khỏa thượng thể liễn tý, đốn túc, hoàn nhiễu nhi ca chi. Các hành nhất nhân cử thủ tất sổ thập nhân giai cử thủ. Thuỵ thủ diệc nhiên. Kỳ ca hữu "Trang Chu mộng điệp," "Bạch Lạc Thiên mẫu biệt tử," "Vi sinh, Ngọc Tiêu" đạp ca, hạo ca đẳng khúc. Duy "Thán thời thế" tối thương uyển nhiên nhi mạc bất khả hiểu. Đại yến điện thượng đại nhạc tắc tấu vi phủ hạ chi hậu. Nhạc khí cập nhân giai bất kiến. Mỗi chước tửu tắc đại hô viết "Nhạc, tấu kỳ khúc" Phủ hạ nặc nhi tấu chi. Kỳ khúc viết "Giáng Hoàng Long," viết "Nhập hoàng đô," viết "Yến Giao Trì," viết "Nhất Giang phong." Âm điệu diệc cận cổ đãn đoạn xúc nhĩ.

Dịch Nghĩa: Khúc ca "Than thời thế"; nhạc đánh "Nhập hoàng đô"

Có khoảng trên mười người con trai, tất cả đều cởi trần, tay nắm tay, chân đạp đất đi vòng quanh vừa đi vừa hát. Mỗi khi có một người dơ tay lên thì cả mười người khác cũng làm như vậy. Hạ tay xuống cũng thế. Trong những bài ca này có những bài như "Trang Chu mộng điệp" (Trang Chu nằm mơ hóa bướm), "Bạch lạc Thiên mẫu biệt tử" (Mẹ Bạch Cư Dị từ biệt con), "Vi sinh, Ngọc Tiêu" (truyện nàng Ngọc Tiêu và chàng Vi sinh). Những bài ca này đều được hát lớn và dùng chân đạp xuống đất làm nhịp. Chỉ có bài "Than thời thế" là rất thê lương nhưng mờ mịt không thể hiểu nổi. Khi có đại yến tại điện thì ban nhạc lớn được đặt ở đàng sau trong một cái phòng thấp. Cả nhạc khí lẫn nhạc công đều không trông thấy. Mỗi khi rót rượu thì người ta hô lớn "Nhạc, đánh khúc này." Ở dưới dạ rồi nổi nhạc. Những khúc này có khúc tên là "Giáng Hoàng

Long" (Rồng vàng xuống"; khúc tên là "Nhập Hoàng Đô" (Vào Hoàng Đô) "Yến Giao Trì," "Nhất giang phong." Âm điệu cũng gần với các điệu cổ nhưng nhanh hơn.

Phiên Âm: *Long nhị thường xuyên bích; Lâu đằng bất ly bồn.*

Dĩ long hoa nhị hòa an tức hương du tẩn vi tiểu đĩnh như cân, trường xích hứa; sưu bích thượng nhiên chi. Chung nhật bất tuyệt hương. Thậm thanh hinh. Mân, Quảng nhân tân lang giai đạm can giả, dĩ lâu đằng, thạch khôi hòa chi. Giao nhân duy đạm nhuyễn tân lang; thủ tân thái nốn giả, dĩ lầu đằng diệp nhị thốn đồ hiện khôi lý nhi thực. Quý giả dĩ hoàng ngân khạp, đồng huề chi bất ly tả hữu. Chung nhật thố chước bất khả hưu.

Dịch Nghĩa: Hoa nhãn thường trên tường; trầu cau không rời bát

Lấy nhị hoa long nhãn trộn với đầu hương an tức nhồi với nhau làm thành những thanh nhỏ dài chừng khoảng một thuốc. Cắm vào tường rồi đốt lên. Suốt ngày không hết mùi thơm. Mùi thơn thật thanh mát. Người đất Mân (Phúc Kiến), Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) ăn cau đều ăn cau khô. Họ trộn cau này với trầu và vôi để ăn. Riêng người Giao (Việt Nam) chỉ ăn cau mềm, lấy cau còn tươi non, dùng lá trầu khoảng một hai tấc, quết vôi làm bằng vỏ sò rồi bọc lại ăn. Những người quyền quý có một ống nhổ bằng vàng, dùng một đứa trẻ con cầm mang theo, không lúc nào rời xa cả. Suốt ngày họ khạc nhổ vào đó không lúc nào ngưng.

Phiên Âm: *Đại (Con đại mội = đòi mồi) trâm xuyên đoản phát; trùng nữu khắc ngoan phu.*

Phụ nhân đoạn phát, lưu tam thốn tốc vu đỉnh thượng. Khuất kỳ sa, tối tốc như bút vô hậu mấn hoàn, diệc vô cao mộc hoàn nhĩ chi chúc. Phú giả, đại mạo nhĩ dư cốt giác nhi dĩ. Chuy thù kim châu vô hữu dã. Nhân giai văn thân vi câu liên khuất chi văn như cổ đồng hoạch đỉnh yên. Thức hựu hữu niết tự vu hung viết "Nghĩa dĩ tổn khu, hình ư báo quốc" tuy tù tử điệt diệc nhiên.

Dịch Nghĩa: Trâm mồi ghim tóc ngắn, vật uốn khắc da dầy

Đàn bà cắt tóc chỉ để khoảng ba tấc buộc lại trên đỉnh đầu. Sau đó họ cuốn lại và buộc búi tóc này lại thẳng đứng như một cái bút. Những người giầu có dùng trâm bằng đồi mồi hoặc sừng để ghim tóc lại. Họ không để lại sợi tóc mai nào cũng như không cuốn tóc thành vòng. Họ không dùng phấn sáp, bông tai nhẫn vàng nào cả. Mọi người ai cũng xâm mình bằng những đường cong ngoằn nghèo và cuốn quít với nhau như những hoa văn tại các đỉnh đồng cổ. Tôi thấy có cả những người dùng mực đen thích lên ngực hàng chữ "Nghĩa dĩ tổn khu, hình ư báo quốc" (Vì nghĩa xả thân, mình đem báo quốc). Ngay đến con cháu nhà vua cũng vậy.

Phiên Âm: *Hữu thất giai xuyên đậu; Vô sàng bất thượng lư*

Ốc vô triết giá, pháp tự đống chí diêm trực tuấn như khuynh. Đống tuy chí cao, diêm cần tứ ngũ xích. Hựu hữu đê giả. Cố giai hắc ám. Tắc tựu địa khai song như cẩu đậu. Nhiên nhân dụng bồ tịch địa tọa nhi hướng minh hiểu. Tháp chi trắc tất hữu lư sí khôi. Thịnh thử diệc nhiên dĩ tỵ nùng chưng chi khí.

Dịch Nghĩa: Có nhà là mở song; không giường nào không có lò.

Nhà cửa không có giá nghiêng. Từ rường, mái nhà đi thẳng xuống diềm. Tuy rằng rường nhà có thể rất cao, nhưng diềm nhà rất thấp chỉ khoảng bốn năm thước mà thôi. Có nhà còn thấp nữa. Vì vậy nhà nào cũng tối tăm. Thành ra người ta ngang mặt đất mở cửa sổ trông như lỗ chó. Mọi người ngồi dưới đất trên những cái chiếu bằng cói, mặt hướng về phía sáng. Bên cạnh giường bao giờ cũng có một cái lò đốt lửa rừng rực. Ngay cả lúc thật nóng cũng vậy. Người ta dùng thế để tránh khí ẩm bốc lên.

Phiên Âm: *Thiên sưu thương xích lỗ, tứ hoạch lạp cao du*

Quốc vô chử súc, duy đãi chu hàng mãi phiến. Đạo tuế tứ thục tuy long đông miêu bồng bồng nhiên.

Dịch Nghĩa: Ngàn thuyền đi lại trong đầm nước mặn; bốn lần thu hoạch hạt mập thơm

Nước không có dự trữ chỉ trông cậy vào thuyền bè buôn bán. Lúa một năm chín bốn kỳ, tuy giữa mùa đông mà mạ vẫn mọc tươi tốt.

Phiên Âm: *Đoản đoản tang miêu phố; Tùng tùng trúc thích cù*

Tang dĩ thầm toại niên chủng dĩ cung tằm. Mỗi gia tam ngũ mẫu. Trúc ly hoàn chi. Thích trúc đại giả kinh thất bát thốn, kiên như thiết. Trảm nhi tráp chi tắc hoạt.

Dịch Nghĩa: Thấp thấp phố bãi dâu, đầy đầy trúc trúc chích đường

Dâu lá và dâu quả được trồng mỗi năm để nuôi tằm. Mỗi nhà ba năm mẫu. Có hàng rào tre bao quanh. Tre, gai lớn, có thể đến bảy tám

đốt, cứng như sắt. Chặt đi cắm vào đất lại sống.

Phiên Âm: *Ngưu tiêu thụy tự kiếm; Long lệ xuyết như châu*

Ba tiêu cực đại giả, đông bất điêu. Trung trừu nhất cán tiết tiết hữu hoa. Hoa trọng tắc cán vi sở trụy. Kết thật hạ thụy. Nhất tuệ sổ thập văn, trường sổ thốn như phì tạo, khứ bì nhuyễn lan như miên bố, cực cam lãnh; nhất danh ngưu tiêu. Long lệ thật như tiểu. Lệ chi vị như long nhãn, mộc dữ diệp diệc tương tự. Nhị quả cổ danh kỳ quả. Hữu ba la mật đại như hồ, phu lối a như phật phát; vị tuyệt cam. Nhân diện tử nhục cam toan, hạch lưỡng mục khẩu tỵ giai cụ. Hựu hữu già tử, lư đô tử, dư cam tử giai trân vị khả thực.

Dịch Nghĩa: Chuối trâu trông như kiếm, nhãn vải xuyên như ngọc

Chuối thật lớn, mùa đông cũng không bị héo. Từ thân mọc ra một nhánh, mùa nào cũng có hoa. Hoa nặng làm thân cây cong xuống khi kết quả. Mỗi nải chuối có chừng chục quả dài mấy tấc trông như những bánh sà phòng, bóc vỏ ăn mềm mại như quả hồng rất mát và ngọt; có một thứ gọi là chuối trâu. Quả vải nhãn nhỏ. Vị vải ăn giống như long nhãn, cây với lá cũng giống nhau. Hai thứ quả này từ xưa đã được coi như là hai quả quý. Có quả mít lớn như quả bí đao, vỏ rằn rằn những gai giống như tóc phật, vị thật ngọt. Quả sấu (nhân diện tử) thịt vừa chua vừa ngọt hột trông giống như mặt người đủ mắt mũi miệng. Lại còn có quả dừa, quả "lư đô tử," quả "dư cam tử" tất cả đều ngon.

Phiên Âm: *Bảo giả la anh vũ, danh hương tiết giá cô*

Anh vũ loa sắc hồng như vân mẫu hình chủy xí tự anh vũ, cố danh. Hương tài tối đa, thủy trầm đàn đàn diệc hữu chi, tự giá cô ban giả vi quý.

Dịch Nghĩa: Chén quý như anh vũ; gỗ thơm vân giá cô

Có loài ốc anh vũ đỏ như vân mẫu, hình dạng có mỏ, cánh giống chim anh vũ (két) vì vậy có tên như vậy. Có rất nhiều thứ gỗ thơm, trầm và đàn hương đều có. Loại có vân như lông chim đa đa được coi là quý.

Phiên Âm: *Dương tinh đồ quỷ tượng, kích thác tụ binh đồ*

Tinh kỳ hoàng, hắc, thanh, hồng, thốc ấp tứ cước, trung họa tinh quan thiên thần hoặc như la sát chi trạng. Hô tập. Trù loại tắc dĩ đại trúc tiệt vi đồng, khẩu chi, tuy viễn diệc văn.

Dịch Nghĩa: Dương cờ vẽ hình quỷ; đánh mõ họp quân binh

Cờ sí mầu vàng, đen, xanh, đỏ. Tại bốn góc có vẽ hình sao, thiên thần hoặc quỷ dữ như la sát. Cái đó gọi là tập. Để tụ tập binh sĩ, lấy cậy tre lớn chặt một đốt gõ vào tuy ở xa cũng nghe được.

Phiên Âm: *Tỵ ẩm như linh thích; đầu phi tự triển lô*

Tập tự tỵ ẩm như ngưu nhiên. Tửu hoặc dị tiểu quản hấp chi.

Dịch Nghĩa: Uống rượu bằng mũi như cái phễu; đâu bay lên bay xuống như bánh xe quay nửa vòng.

Tất cả đều dùng mũi uống như là trâu vậy. Họ dùng một cái ống nhỏ để hít rượu lên.

Chú thích:

1. Trượng, thước tấc đây đều dùng các đơn vị đo lường của Tàu cũ. Một trượng khoảng 3,3 m; một thước khoảng 0,33 m trong khi một tấc là 3,3 cm.
2. Đề nha, âm Pinyin đọc là diya. Đây chắc là phiên âm một danh từ Việt cổ hiện không rõ là gì.
3. La Ngã, phiên âm Pinyin luowo, chắc lại là một tiếng Việt cổ nữa được phiên sang tiếng Hán.
4. Lao đây là lễ thái lao, cúng thịt bò hay thịt trâu; lễ là rượu ngọt dùng để cúng tế.

Sau *Sài Gòn Tuyết Trắng*, mời quý vị đọc

Quê Hương Thương Ghét

Nỗi Lòng Người Việt Hải Ngoại

Vũ Thụy Hoàng

44 năm trong ngành báo chí

33 năm với Washington Post

để biết

Những vui buồn, yêu ghét khi về quê nhà, khi đi kiếm vợ

Những đấu trí ly kỳ với hải quan

Những mạo hiểm của Lý Tống, Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn, Trần Văn Bá

Những dằn vặt, ước vọng đối với thân nhân, đất nước

Xác Thực, Sống Động, Ý Nhị

Sách dày 432 trang

Giá $20. Ngoài Mỹ $24.

Sài Gòn Tuyết Trắng: $18.

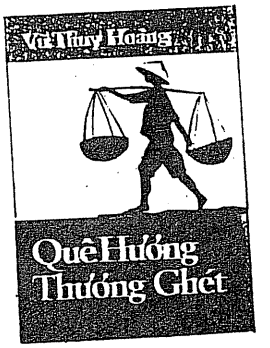

Xin gửi check, money order về: **Catherine Vũ, P.O. Box 5060 Springfield, VA. 22150**

website: www.geocities.com/vuthuyhoang

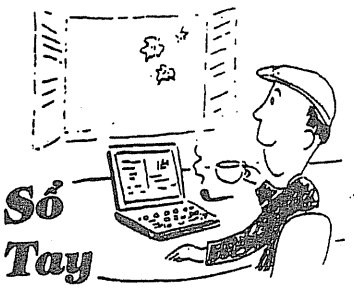

AI LO SỢ HƠN AI?

Đầu tháng Sáu, đảng Cộng Sản đã quản chế Hòa thượng Thích Quảng Độ và cho báo *Nhân Dân* viết bài bôi nhọ ngài. Ngày 7 tháng Sáu, nhiều vị tăng ni từ Huế đã lên đường đi Quảng Ngãi thăm Hòa thượng Thích Huyền Quang, bị chặn lại và "mời" trở về chùa. Công an nói có tai nạn trên đèo Hải Vân nên cấm mọi xe cộ lưu thông. Trong lời khuyên trở về chùa cũng có ý dọa tai nạn khác có thể sẽ xảy ra! Công an không chặn bắt, không ngăn cản các nhà tu hành ở ngay trước cửa chùa, không gây ra một cuộc đối đầu nào ngay tại cố đô Huế. Nhưng sau cùng họ vẫn ngăn cản được không cho ai đi thăm Hòa thượng Huyền Quang. Điều này chứng tỏ guồng máy công an có những người khôn ngoan nhất nước Việt Nam bây giờ, lúc nào họ cũng đầy sáng kiến!

Nhưng cũng thật tội nghiệp cho nước Việt Nam. Khi những người thông minh tài trí nhất nước chỉ được dùng vào công việc kiềm chế, ngăn cản tự do của người dân, thay vì đáng lẽ phải dùng vào việc sản xuất thêm của cải cho cả nước tiêu dùng, đó là những tài nguyên của đất nước đang bị phí phạm. Ở các nước độc tài, đặc biệt là độc tài nhân danh một ý thức hệ, công an thường là lớp người ưu tú trong nước. Vì những người tài trí, khôn ngoan nhất ở xứ nào cũng đi tìm những việc làm có lợi lộc và cơ hội thăng tiến cao nhất. Ở Mỹ thì các bạn trẻ tìm vào đại học, học chuyên về những ngành máy vi tính, viễn thông, đầu tư, ngân hàng, v.v.. Ở Việt Nam thì họ xin vào Đại học Công an!

Trong lúc các tăng ni, Phật tử ngồi xuống bên đường niệm Phật, như Hòa thượng Thích Quảng Độ căn dặn, có những người mặc thường phục tới vây quanh, "dùng lời lẽ nặng nề có ý mạt sát" đối với quý vị tu sĩ. Nếu có những người được huy động chỉ để "sử dụng ngôn ngữ mạ lị" mà tiếng Việt còn gọi là "chửi bới" như vậy, chắc hẳn phải là lực lượng công an văn hóa - tầng lớp ưu tú của những người ưu tú, giống những người mạo viết thư cho báo Nhân Dân nói Hòa thượng Thích Quảng Độ lấy tiền cứu trợ nạn lụt. Sử dụng ngôn ngữ thô bạo cũng là một cách dùng bạo lực đối với người nghe, nhưng chắc hẳn các vị chuyên tu tập phép từ bi, hỉ xả cũng chỉ đáp lại bằng đức vô úy, nghe những lời nói "thiếu ái ngữ" mà chẳng động tâm. Mà chắc rằng nhiều cán bộ văn hóa trong lực lượng công an giường cột của Đảng, sau giờ làm việc trở về nhà cũng có người vào bàn thờ thắp hương sám hối. Chỉ vì miếng cơm manh áo mà họ phải làm những việc trái với lương tâm, trái với những lời cha mẹ dậy dỗ. So sánh những người la hét, chửi bới, và những người bình thản niệm Phật, ai lo sợ hơn ai?

Chúng ta có thể tưởng tượng cảnh các vị công an văn hóa làm việc ồn ào chung quanh những tăng ni đang niệm Phật nhất tâm bất loạn hay ngồi im lặng thiền quán. Đó là hình ảnh một cuộc đối đầu giữa một bên là một chế độ quen cai trị bằng tính sợ hãi (mà chính họ cũng đang sợ hãi,) bên kia là những người tu hành mong giải thoát mọi người khỏi nỗi sợ. Ước mong sao các công an văn hóa sau khi chứng kiến những con người tâm không quải ngại, lòng không còn sợ hãi, về nhà họ sẽ hiểu được người ta có thể sống tốt đẹp hơn nếu vượt thoát khỏi sự sợ hãi.

Khi cộng sản mới vào chiếm miền Nam, các cán bộ phường, xã cũng đầy tự tin, họ khinh miệt các vị tu sĩ không biết gì về Chủ nghĩa Xã hội của họ. Khoe khoang chiến thắng rền vang của Đảng, có cán bộ hỏi một nhà tu rằng: Tôn giáo của các ông đã thua rồi. Các ông có bao giờ thắng được như chúng tôi hay không? Một nhà tu hành đã trả lời: Đạo lý có mặt ở thế gian này đã vài ngàn năm. Để coi một ngàn năm nữa chủ nghĩa của các bạn có còn hay không!

Đó là một câu hỏi mà không cán bộ nào dám nghĩ tới, ngay cả các lãnh tụ của họ cũng không dám nghĩ tới. Cho nên họ sợ. Càng ngày càng sợ.

Tôi biết một gia đình người bạn, năm 1979 ở ngoại ô Sài Gòn, cậu con trai đến tuổi bị bắt lính, gọi là đi nghĩa vụ quân sự. Gia đình không biết làm cách nào khác, phải cho con đi trình diện, làm thủ tục nhập ngũ. Giữ con lại thì mất hộ khẩu, trốn vào đâu khi còn đang đi học, và trong nhà thì đến tám

miệng ăn? Cháu trai tên là Hùng, được cán bộ phường xóm chọn cho đi bộ đội, coi như cho một điều vinh hạnh. Trên phường tổ chức một bữa tiệc tiễn đưa để làm gương cho các thanh niên khác. Trong bữa tiệc, cha mẹ của chàng được mời phát biểu ý kiến. Và bà mẹ, với giọng nói quê mùa của một người vùng biển, không e dè sợ sệt, đã lên diễn đàn tâm sự đầu đuôi.

Bà mẹ mở đầu với các lời ca tụng mà bà nghe trong đài phát thanh, cảm ơn Đảng và Nhà nước cho con bà được vinh dự đi làm nghĩa vụ quân sự trong lúc đất nước cần đến. Rồi bà xin Đảng và nhà nước trông nom con trai bà, cháu còn bé dại, mà từ nhỏ lớn lên cháu vẫn chỉ mong được đi tu để "thờ phụng Thiên chúa" chứ không biết quân sự là cái gì. Bà kể tiểu sử con bà đi học Tiểu chủng viện Xuân Lộc, giữa chừng thì phải trở về nhà vì nhà nước giải tán các chủng viện. Nhưng trong lòng cậu thiếu niên này thì lúc nào cũng chỉ mong có ngày được hiến cuộc đời cho Thiên chúa. Tuy nhiên, lúc này Tổ quốc cần đến thì cậu sẵn sàng nhập ngũ, điều đó không gây trở ngại nào cho chí nguyện của cậu. Bà mẹ nêu lên một tấm gương mà cậu có thể noi theo. Đó là đức Giáo hoàng Gioan 23, ngài đã từng vào quân đội, rồi lại tiếp tục đi tu, và sau cùng lên đến ngôi Giáo hoàng. Như vậy thì nếu cậu con trai giữ được chí hướng, có ngày cậu sẽ được toại nguyện.

Một ngày sau bữa tiệc tiễn hành đó, khi cậu Hùng đeo bị đến trình diện để lên đường tòng chinh thì các cán bộ cho biết Đảng và nhà nước không cần đến sự đóng góp của cậu nữa. Họ giải thích rằng nhiều người muốn hy sinh giúp nước quá nên cậu bị lọt sổ!

Sau này cậu Hùng không theo đuổi được chí nguyện ban đầu, vì các tu viện đều đóng cửa cả. Nhưng đến giờ cậu vẫn không thể giải thích tại sao bài diễn văn cảm ơn của mẹ cậu lại làm cho các cán bộ thay đổi ý kiến. Họ xét lại lý lịch của cậu, và nhờ thế cậu không bị bỏ xác ở chiến trường Cam Bốt như 50 ngàn thanh niên Việt Nam khác. Một người mẹ chỉ cần thành thực kể lể về niềm tin vững chắc của mình, vậy mà đã cứu được mạng con.

Có một cách giải thích: là họ sợ. Họ không biết ông Giáo hoàng Gioan 23 là ai, nhưng chắc là to lắm. Bắt một người vào quân đội rồi mà anh ta vẫn còn giữ trong đầu ý nghĩ mai này ra khỏi lính sẽ đi tu, rồi có ngày có thể làm lớn nữa, thế thì thật khó kiểm soát. Nếu cứ bắt cả bọn đi lính hết rồi mai mốt ai cũng thành giáo hoàng cả, thì hơi nguy hiểm cho Đảng.

Tôn giáo là một thế giới khó hiểu. Đời sống tâm linh là một cõi huyền bí mà các đảng viên cao cấp nhất cũng lơ mơ không biết nó chuyển hóa con người ra sao. Dọa người ta bằng còng số tám, làm người ta sợ tù. Cắt hộ khẩu, cắt tem phiếu, làm người ta sợ đói. Nhưng làm cách nào kiểm soát được cõi tâm linh sâu thẳm của con người? Không biết. Những gì không thể hiểu được thì cũng không thể tiên đoán hậu quả sẽ ra sao. Cán bộ đảng, cũng như các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, họ sợ nhất là tình trạng lờ mờ, bất trắc.

Chính nỗi hoang mang lo sợ đó đã khiến Bộ Chính trị đảng Cộng Sản đối phó một cách quyết liệt với Hòa thượng Thích Quảng Độ. Họ sợ những thứ mà họ không hiểu, do đó không biết dùng phương pháp nào kiểm soát. Họ bắt giữ rồi trục xuất những đại biểu Nghị viện Âu châu, tháng Tư là bà Lars Rise người Na Uy, tuần này là ông Olivier Dupuis người Bỉ, cũng chỉ vì họ sợ. Tháng trước Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Giames Kelly đã báo trước việc giam giữ Linh mục Nguyễn Văn Lý sẽ gây trở ngại cho chuyện thông qua Hiệp định Thương mại. Tuần này Bộ Ngoại giao Mỹ lại cảnh cáo việc giam lỏng Hòa thượng Thích Quảng Độ và bắt 10 vị Thượng tọa sẽ làm cho Quốc hội Mỹ càng khó thông qua Hiệp định. Đảng Cộng Sản không thấy sợ áp lực kinh tế, tài chánh của Liên hiệp Âu châu hay của Mỹ. Họ sợ những tăng ni vì các vị tu hành có khả năng hiểu được thế giới tâm linh con người.

Chính những kẻ đang đàn áp các tăng ni trong lòng họ đầy sợ hãi. Các công an văn hóa có thể vừa mở miệng mạt sát các tăng ni vừa phấp phỏng trong bụng vì lo sợ. Họ không biết bao nhiêu phúc đức ông bà đời xưa để lại, giúp cho họ có cái công việc nhẹ nhàng và lợi tức cao như vậy, mà nay họ đem tiêu phí thế này, rồi đời sau con cháu sống ra sao? Không lẽ bố làm công an rồi con cháu lại cũng chỉ biết đi làm công an thôi?

Sẽ đến ngày những người tu tập đức từ bi hỉ xả sẽ có thể tặng cho mọi người đức vô úy, tấm lòng không sợ hãi, để chuyển hóa được cả những

người đang đàn áp họ. Vì đức tin sẽ cảm hóa được con người, kẻ đồ tể cũng có khi quay đầu giác ngộ. Chúng ta có thể dùng đức tin đó, hiệp thông cùng các tăng ni ở Việt Nam ngày hôm nay, nguyện cầu cho tương lai một nước Việt Nam lấy lại niềm tin, thoát khỏi sợ hãi. Và không phí phạm tài nguyên vào những công việc vô ích lại khiến chính những người công an tự làm mất cả phẩm giá của họ.

NHỮNG LỜI PHẢN KHÁNG MỚI

Có biến chuyển trong khuynh hướng của những nhà trí thức độc lập ở trong nước khi họ lên tiếng phản đối chế độ cộng sản. Trước đây, những cựu đảng viên cộng sản như các ông Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự thường phê bình giai cấp lãnh đạo trong đảng về các vấn đề chủ nghĩa, lý thuyết. Những người ngoài đảng như Hà Sĩ Phu, Phan Đình Diệu, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế cũng nhắm vào giới lãnh đạo cua đảng Cộng Sản khi phê phán các chính sách, đường lối. Ngày nay, với kỹ thuật thông tin mới, các mạng lưới internet đang tràn ngập những tin tức và phê phán của những nhà trí thức mới cất lên những tiếng nói mới. hững lời phê phán của họ không nhắm nói cho những người cầm đầu đảng Cộng Sản nghe. Họ mượn cớ viết cho các lãnh tụ đảng để cất lên tiếng nói của người dân Việt Nam, cho mọi người dân Việt Nam, đặc biệt cho chính các đảng viên cộng sản và giới thanh niên trong nước nghe. Có thể nói, một "thế hệ" trí thức phản kháng mới đang xuất hiện, và đang phát triển

So sánh những lời lẽ của Tướng Trần Độ gần đây và của những lá thư viết trên mạng lưới "Đối Thoại" thì chúng ta đã thấy rõ điều này. Những ông Vũ Cao Quận, Ngô Yên cũng như ông Trần Khuê và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân đang phổ biến các bài viết để cho đồng bào chung quanh đọc, chứ không phải chỉ nói những câu chuyện "nội bộ giữa các đảng viên Cộng Sản" hay kiến nghị lên bề trên. Họ nói cho đồng bào thấy rõ mối nhục nhã của toàn dân, mà vì đảng Cộng Sản nên dân ta phải gánh chịu.

Những ông Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Tướng Trần Độ, v.v. trước đây thường nêu lên những hành động đàn áp của chính quyền cộng sản khi cúp điện thoại của họ, khi ngăn cản không cho ai thăm viếng họ, hoặc bao vây kinh tế gia đình họ. Đó là những ki phạm quyền tự do của các công dân, nhưng đồng bào trong nước đã quen sống trong vòng kiềm tỏa và điện thoại còn là một món xa xỉ, cho nên các lời tố cáo trên khó khích động lòng người.

Khác với các vị trên, trong những bài phổ biến qua mạng lưới Nối Kết mang tên "Đối Thoại," các ông Vũ Cao Quận, Ngô Yên đã trực tiếp khích động tâm tình giới trẻ Việt Nam, vạch ra mối nhục nhã của người dân Việt Nam hiện nay. Ông Vũ Cao Quận đã phê bình "Sáu đặc trưng của Chủ nghĩa Xã hội" mà đảng Cộng Sản nêu lên. Những đoạn văn phê bình đó có tính lý thuyết nhắm vào các đảng viên, và cũng chứa đựng những lời tố giác về tình trạng đất nước cho giới trẻ lắng nghe: "Nông dân bị bọn cường hào ác bá đày đọa, sưu cao thuế nặng, như cái gương Đồng Nai, Thọ Xuân Thanh hóa, Uy Nỗ Đông Anh, Quỳnh Phụ Thái Bình.. rồi Đầm Dơi Cà Mau, và gần đây là Đắc Lắc. Hàng vạn nông dân nổi dậy ..."

Về đời sống công nhân ở thành phố, ông Vũ Cao Quận, một đảng viên lão thành ở Hải Phòng viết, "Công nhân thì bị chủ xí nghiệp liên doanh bắt làm lao động thêm giờ đến kiệt sức, rút đế giày đập vào mặt, bắt quỳ, bắt phơi nắng, thậm chí bắt chui qua háng, mắng chửi, sỉ nhục." Ông dẫn lời một thành viên Hội đồng Nghiên cứu Lý luận, "Tôi xin báo cáo các anh, 'quốc doanh' bóc lột lao động ghê gớm! Trả lương thấp như thế, các giám đốc tham nhũng như thế, có bóc lột không?"

Trong mạng lưới "Đối Thoại, tiếng nói của chủ nhân đất nước - Đối thoại để có dân chủ," Ngô Yên trực tiếp viết cho giới trẻ đọc. Với tựa đề "Con em ta đang bị nhồi sọ," ông tố cáo đảng Cộng Sản làm phí thời giờ và năng lực của học sinh, sinh viên Việt Nam vì những giờ học lý thuyết Mác xít bắt buộc. "Chủ nghĩa Mác Lenin là học thuyết của một đảng, đảng Cộng Sản. Nó là việc nội bộ của đảng... Sao lại bắt những nhà trí thức tương lai của đất nước (phải học) trong khi tính khoa học của nó đã bị thực tiễn phủ nhận một cách toàn diện, triệt để, nhanh chóng...? Và trong một bài mang tựa đề "Sinh viên, tuổi trẻ Việt Nam nên biết," ông Ngô Yên đã trình bày tình

trạng tụt hậu kinh tế của Việt Nam so với các nước láng giềng, đặc biệt từ năm 1975 đến nay, để giới trẻ có học ở nước ta cảm thấy thấm thía nỗi nhục nghèo khó, thua kém cả thế giới chung quanh.

Đọc những bài trên, cũng như lá thư gửi Nông Đức Mạnh của ông Trần Khuê và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân đăng trong số báo này, chúng ta có thể nói phong trào chống chế độ ở trong nước đang lên mạnh. Hoạt động đòi tự do của các tôn giáo, cho đến các cuộc nổi dậy của nông dân và đồng bào thiểu số, tuy bị báo chí của Đảng bưng bít, nhưng giới trí thức phản đối đang tận dụng khả năng của mạng lưới thông tin tân tiến để phổ biến các tin tức đó. Họ vận dụng tình tự giới thanh niên thành thị. Nhưng chúng ta thấy chiều hướng của phong trào phản đối chế độ đang thay đổi. Không còn những nhân vật nổi danh như Hoàng Minh Chính, Trần Độ bàn những vấn đề chủ nghĩa, lý thuyết, các lời phản đối bây giờ là những lời giản dị, bộc trực, nêu những sự việc cụ thể, các con số hiển nhiên, vạch rõ bản chất thối nát và bất lực của chế độ đang tự phong độc quyền cai trị. Và một điểm nổi bật trong các tài liệu đang phân tán là nhấn mạnh đến nỗi nhục của một dân tộc nghèo khó, bị áp bức, trong khi người Việt Nam vẫn tự nhận mình là một dân tộc thông minh, hiếu học, cần cù. Những tiếng nói mới này đi sát với đời sống, dễ thấm nhập vào lòng người.

NGHÈO ĐÓI CŨNG LÀ NHỤC NHÃ

Nói đến lý do khiến phải thay đổi chính trị ở Việt Nam, hai tác giả không bàn về những cái hay cái dở của chủ nghĩa Cộng Sản mà nhấn mạnh đến đời sống của người dân. Người dân Việt Nam cần được sống ấm no, và không thể chịu nhục nhã vì nghèo đói mãi. Lý do khiến dân Việt Nam nghèo và nhục như vậy, chính vì một đảng giành độc quyền cai trị mà thực chất là một triều đình vua quan bất lực.

Hai tác giả không sử dụng các lý thuyết xa xôi mà nói thẳng những điều cụ thể, cho thấy sự bất lực của chế độ. Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân hỏi thẳng ông Nông Đức Mạnh: *"... các đ/c đã tự nhận có sứ mệnh phải độc quyền lãnh đạo, độc quyền cai trị ... chẳng khác gì vua chúa ngày xưa tự xưng mình là Con Trời (thiên tử)...* **Cứ coi là thế đi, thì cũng phải biết cai trị một cách tử tế chứ?"**

Nói thẳng, các cán bộ cộng sản bây giờ chẳng khác gì các quan lại đời xưa. Ngay trong báo chí của Đảng cũng không còn dùng tiếng cán bộ mà gọi họ là "quan chức." Lời Lê Quý Đôn được trích dẫn: "Quan nhiều thì dân khổ." Và hai tác giả đề nghị với ông Nông Đức Mạnh: "Thôi thì các đ/c đảng viên cộng sản đã thích làm "quan" thì đ/c cũng làm "vua" đi cho đồng bộ." Nêu lên tính cách trùng dụng của hai hệ thống, vừa có nhà nước lại vừa có Đảng, người đọc nào cũng hiểu được câu hỏi: "Cần gì phải có Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc với đủ các thứ đảng ủy, đảng đoàn, chi bộ, đoàn thể linh tinh cho thêm tốn kém. Mỗi kỳ họp Quốc hội với hơn 400 vị "quan" chỉ làm cái việc vỗ tay và giơ tay biểu quyết (lời ông Lê Quang Đạo) mà tốn kém hàng chục tỷ đồng. Thật là một sự lãng phí kinh khủng. Mỗi một đợt họp Đại hội Đảng từ cơ sở phường - xã, quận - huyện, tỉnh - thành phố lên đến Đại hội toàn quốc tốn kém hàng ngàn tỷ. Cũng là một sự lãng phí khủng khiếp... Xưa kia, đầu tỉnh chỉ có một tổng đốc, đầu huyện chỉ có một tri huyện, đầu xã chỉ có một lý trưởng mà thuế dân đã nuôi không xuể. Thế mà bây giờ chỗ nào cũng mấy chục ông "lý trưởng", mấy chục ông "tri huyện", mấy chục ông "tổng đốc" hỏi dân nào cung phụng nổi?"

Không những phí phạm về hệ thống quan chức, đảng Cộng Sản còn tiêu phí tiền của dân trong việc nuôi dưỡng những "nhà lý thuyết quốc doanh" để đánh lừa dư luận. Hai tác giả bác bỏ lối lý luận biện minh cho tình trạng nghèo đói: *"Chúng tôi cũng không thể chấp nhận lập luận của các nhà nghiên cứu: ... đói nghèo không quan trọng bằng mất bản sắc dân tộc. Thế hóa ra những nước giàu họ mất hết bản sắc dân tộc chăng? Rồi chính họ (các nhà nghiên cứu) lại viết bài ca ngợi Nhật Bản, Thái Lan và nhiều nước giàu khác giữ bản sắc dân tộc tốt lắm, ta nên 'tăng cường' và 'đẩy mạnh việc học tập,' Thật là lập luận luẩn quẩn và ngụy biện. Thế mà nhà nước ta vẫn kiên trì chi hàng trăm tỉ cho báo chí quốc doanh cổ động cho những lập luận như thế liên tục trong vài chục năm nay."*

Bài viết của hai ông bà Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân nhắm vào đối tượng chính là các cán bộ cao cấp cho đến các đảng viên cộng sản. Nhưng có những điều mà hai nhà trí thức khoa học nói sẽ khiến cho tất cả mọi người Việt Nam phải suy nghĩ. Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tự biện hộ cho tình trạng chậm tiến của đất nước

bằng cách đổ vạ cho chiến tranh, hết chiến tranh thì đổ cho "các thế lực thù nghịch." Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân đặt câu hỏi: *"Ở tư thế kẻ chiến thắng ra khỏi chiến tranh 25 năm mà tình hình đất nước lại như thế này thì lỗi tại ai?"*

Người Việt Nam có thể chấp nhận sống nghèo, nhưng không chịu để cho đảng Cộng Sản coi cả nước là một lũ ngu, bắt dân nghe các lập luận giả dối mãi. Và một nỗi đau đớn, nhục nhã mà những người trí thức ở Việt Nam đã tỉnh thức nhận ra, sẽ đến lúc mọi người dân trong nước cũng nhận ra. Đó là nỗi nhục nghèo đói, thua kém các nước lân bang. Trước đây gần 20 năm, đạo diễn Trần văn Thủy làm phim Chuyện Tử tế đã cho nghe một lời bình luận rằng *"Cái nhục của nghèo đói còn lớn hơn nhục mất nước."* Ngày nay Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân viết: *"... vì sao cũng là ra khỏi chiến tranh - mà là kẻ bại trận, Nhật Bản lại tiến nhanh như thế? Bây giờ Đại hội IX của ta lại bàn phải phấn đấu để đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp và đến năm 2010 thì phải có bình quân (lợi tức) đầu người 800 USD. Mà thật ra 800 USD cũng vẫn là một nỗi nhục.*

Người Việt Nam biết suy nghĩ thế nào cũng nhìn ra nỗi nhục mà hai tác giả đã vạch ra. Nếu trong 78 triệu người Việt Nam có được một triệu người hiểu nguyên nhân của nỗi nhục đó là do một nhóm người tự giành độc quyền cai trị rồi đưa đất nước vào vòng nghèo khó nhục nhã, thì chế độ cộng sản phải sụp đổ. Như hai tác giả cảnh báo: "Dân đã mất tự do, phải sống trong đói nghèo, áp bức sẽ chẳng có con đường nào khác ngoài con đường khởi nghĩa.."

DÂN VIỆT NGHÈO HƠN CẢ DÂN TRUNG HOA?

Đầu thế kỷ trước, các nho sĩ nước ta đánh thức "Con rồng Việt Nam" tỉnh dậy để thấy nỗi nhục mất nước. Ngày nay nhiều người trong nước tiếp tục truyền thống đó, nêu lên nỗi nhục nghèo đói để đánh thức giới trẻ Việt Nam. Liệu con rồng có tiếp tục ngủ hay không?

Trong bài "Sinh viên, tuổi trẻ Việt Nam nên biết" do mạng lưới Nối Kết phổ biến, ông Ngô Yên ở Hà Nội so sánh: *"Năm 1975... so với miền Nam Việt Nam, kinh tế Thái Lan có phần kém ... hơn chút ít... Thế mà 22 năm sau (1997) theo số liệu của Liên Hiệp Quốc thì PIB* (sản lượng quốc gia)/ *người của Thái Lan đã đạt 2,660$* (đô la Mỹ), *còn người Việt Nam chỉ có 330$/người, tức là Thái Lan thu nhập bình quân đầu người gấp hơn 8 lần Việt Nam."* Ông Ngô Yên, một đảng viên cao tuổi, nói thẳng cho các sinh viên trong nước nghe tiếp: *"Mà Thái Lan chẳng có Đảng Cộng Sản, chủ nghĩa Mác-Lenin lãnh đạo gì cả!"* Và nếu kinh tế Việt Nam cố tăng trưởng 7% một năm cũng phải mất 20 năm mới đuổi kịp mức Thái Lan 15 năm trước đây. (Mấy năm nay kinh tế Việt Nam chỉ tăng khoảng 4%, 5%.) Ông Ngô Yên đặt câu hỏi, *"Ta tiếp quản Sài Gòn gần như nguyên vẹn với thêm cả trên 10 tấn vàng... cũng thua vừa vừa chứ sao thua những tám lần?*

Không cần so sánh với một nước tư bản như Thái Lan, so với một nước cộng sản khác là Trung Quốc cũng thấy dân Việt Nam thua kém. Lợi tức theo đầu người năm 1998 ở Trung Quốc là 750 Mỹ kim, so với Việt Nam 350 Mỹ kim, họ cũng gấp hai lần. Tính trên thu nhập đầu người, dân Trung Hoa đứng hàng 145, dân Việt Nam đứng hàng 173 trong số 200 nước trên thế giới.

Ngày xưa nói đến dân Tầu là người ta nghĩ đến cảnh nghèo. Ngày nay không biết bao giờ người Việt đuổi theo cho kịp họ. Cộng Sản Việt Nam thường đi theo Trung Cộng chậm năm, mười năm. Đặng Tiểu Bình đổi mới năm 1979 thì 1986 Trường Chinh cũng đổi mới. Giang Trạch Dân ký hiệp định thương mại với Mỹ rồi Lê Khả Phiêu mới dám ký. Bắt chước về hình thức thì dễ, điều khó là không theo được quyết tâm của đảng Cộng Sản phương Bắc.

Tại sao họ giàu hơn mà dân mình vẫn nghèo khó? Vì giới lãnh đạo cộng sản ở Trung Hoa hiểu biết hơn về cơ chế kinh tế, vì thế họ quyết tâm hơn. Ông Yu Zhiping, Phó thị trưởng thành phố Chương Châu bên bờ Đại Vận Hà thuộc tỉnh Giang Tô, nói, *"Tại sao chúng tôi tụt hậu so với các nước khác? Vì nền kinh tế tập trung hoạch định."* Trong dăm năm qua Trung Quốc đã quyết định tư nhân hóa hàng loạt các xí nghiệp quốc doanh và khuyến khích các xí nghiệp tư phát triển, vì họ biết rằng không thể nào cứu vãn lãnh vực quốc doanh được nữa. *Báo* The Wall Street Journal *cho biết hiện nay* **mỗi ngày trung bình có hơn 800 xí nghiệp tư ra đời ở Trung Hoa.** Năm 1990 các doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc sản xuất hơn một nửa sản lượng quốc dân, hiện nay chỉ còn dưới một phần ba. Ngược lại, các doanh nghiệp tư tiến từ 5% lên 18%, và các loại doanh nghiệp khác như liên doanh đi từ 4% lên 26% sản lượng quốc dân.

Dưới đây chúng tôi trình bày thêm tấm gương ở tỉnh

Giang Tô để hy vọng chuyển tới các ông Ngô Yên, Vũ Cao Quận, và các bạn thanh niên, sinh viên trong nước, ngõ hầu cung cấp thêm tin tức. Năm ngoái sản lượng tỉnh Giang Tô tăng 10.6%, tỷ số cao hơn số trung bình toàn quốc, và gấp hơn hai lần mức tăng trưởng ở Việt Nam. Và trong năm đó số hàng tỉnh này xuất cảng tăng thêm 41%.

Tỉnh Giang Tô, có thành phố Tô châu nổi tiếng, là nơi các nhà kinh doanh, và cả các đảng viên cộng sản, đang thay đổi triệt để cơ cấu các xí nghiệp. Những xí nghiệp mang danh "tập thể" nay đang được bán hàng loạt không thương tiếc. Các doanh nghiệp nhà nước đang biến dần.

Ông Huang Xiaoping, vốn là một nhà nuôi ong, nay làm chủ một xí nghiệp sản xuất máy chạy diesel có lời bậc nhất, mang tên Changfa ở thành phố Chương châu. Ông cho biết máy của hãng ông bán rẻ bằng nửa giá máy Nhật và Âu châu. Ông Hoàng đã bắt đầu sự nghiệp khi mua một xí nghiệp quốc doanh. Khi ông thành công, các viên chức tỉnh không ghen tức, không chống phá mà còn đề nghị ông mua luôn hai nhà máy quốc doanh đang cạnh tranh với ông. "Đó là những nhà máy chết," ông nói.

Ở Chương Châu, 98% các doanh nghiệp là công ty cổ phần mà hầu hết thuộc về tư nhân. Ở Vụ Giang, phía Nam Tô châu, gần như tất cả các xí nghiệp đều thuộc tư nhân. Quan chức nhà nước ở Vụ Giang cho biết họ đã bán các xí nghiệp quốc doanh thâu được 100 triệu Mỹ kim. Họ dùng số tiền đó để lập một quỹ đầu tư và trang trải những món nợ không thể thu hoàn mà các ngân hàng của nhà nước cho vay, bồi thường các công nhân bị sa thải, còn dư xây dựng hạ tầng cơ sở. Phó thị trưởng Vụ Giang cho thấy cán bộ cộng sản Trung Quốc không cần núp dưới cái dù Mác xít nữa, không bẻ cong lý thuyết Mác xít để che đậy một cách vô ích nữa. Ông Wu Haibao nói, "Tư tưởng Karl Marx không nghĩ đến tình trạng kinh tế hiện đại."

Những cải cách ở Giang Tô được khơi động từ khi chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân công bố "nhiều hình thức sở hữu". Hai năm sau, Trung ương Đảng Cộng Sản nói rõ hơn, quyết định "cổ động nhiều hình thức sở hữu, cạnh tranh công bằng và phát triển bình đẳng." Tỉnh ủy đã nhân đó tư nhân hóa hàng loạt, bãi chức các giám đốc doanh nghiệp nhà nước vay nợ không thể trả, chính quyền dần dần rút ra khỏi lãnh vực kinh doanh.

Tổ hợp kinh tế nhà nước Sunshine Group ở thành phố Vô Tích khi được phép đã tư nhân hóa, người sáng lập Lu Keping đã can đảm sa thải ngay 8,000 (tám ngàn) công nhân, đổi lại, hứa hẹn cấp hưu bổng và tìm việc cho họ. Công ty Sunshine sản xuất hàng len ở thành phố nơi nhân vật Thúy Kiều đã trải qua trong kiếp đoạn trường. Ở đầu kia xa lộ nối với nhà máy của Sunshine, các cổ đông tư nhân trong công ty cổ phần Yingxiang Group sản xuất đồ poyester đang thương lượng mua hết phần vốn của chính phủ. Và công ty này đang tuyển thêm công nhân. Ông Xu Guangxiang chủ tịch công ty nói doanh nghiệp của ông đang lớn như lúa mọc lên, vì hồi trẻ ông là một nông dân. Thời đó thành quả canh tác tăng vọt sau khi ruộng đất được trả về cho nông dân, cũng như bây giờ các xí nghiệp lớn lên sau khi cổ phần hóa và tư nhân hóa. Ông Xu nói, "Hồi đó khi chúng tôi trồng trọt được cái gì là phải nộp cho Hợp tác xã, dạ dày trống rỗng. Khi chúng tôi được phép bán hoa mầu mình tạo ra thì mới có cái ăn."

Mấy hình ảnh nhỏ trên đây cho thấy các cán bộ cộng sản Trung Quốc dám đổi mới, và giới lãnh đạo của họ chấp nhận thay đổi cơ cấu kinh tế, dứt khoát không ngập ngừng. Chúng ta có thể hiểu tại sao hiện giờ lợi tức dân Trung Hoa cao gấp đôi đồng bào ta. Và trong năm, mười năm nữa nước láng giềng phương Bắc sẽ tiếp tục đi nhanh như vậy.

Trong khi đó đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn còn sợ thay đổi. Ngay cả những chuyện nho nhỏ như một cuốn sách do Viện Quản lý Kinh tế Trung ương của nhà nước xuất bản cũng bị cấm lưu hành, sau khi được giới thiệu qua Tạp chí *Thế Kỷ 21* ở California. Trong số báo Tháng Sáu này, ông Xuân Quang tường thuật một cuộc tọa đàm ở Hà Nội nhân dịp cuốn *Đánh thức con rồng ngủ quên: Kinh tế Việt Nam vào ngưỡng cửa Thế kỷ 21* do nhiều chuyên gia kinh tế ở trong nước và ngoại quốc đóng góp. Trong bài viết rằng "ai nấy đều ngạc nhiên" về việc cuốn sách trên được phép xuất bản ở Việt Nam mặc dù đã bị sửa đổi. Kết quả là sau khi công an Hà Nội đọc báo *Thế Kỷ 21,* đã ra lệnh ngưng phổ biến cuốn sách này, mà chính một cơ quan nghiên cứu của nhà nước xuất bản!

Khi thông tin và tư tưởng kinh tế còn bị công an kiểm soát như thế, bao giờ con rồng Việt Nam mới thức dậy? Các bạn thanh niên và các nhà trí thức trong nước sẽ tìm câu trả lời.●

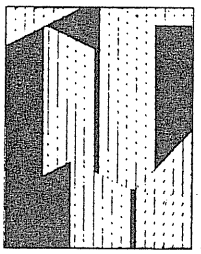

Đời sống quanh ta

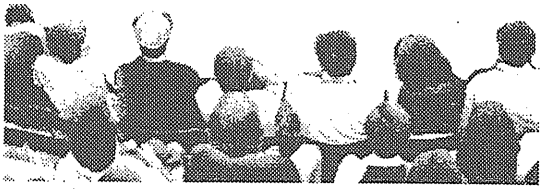

MICROSOFT MUỐN MỞ THÊM CỬA SỔ VÀO ĐỜI TƯ NGƯỜI TIÊU THỤ?

THANH THẢO

Trong thời gian hiện tại, nếu muốn mời vài người bạn đi nghe nhạc, quí vị thường sẽ phải gọi điện thoại đến nhà, hoặc điện thoại di động, của những người bạn đó để hẹn một dịp thuận tiện cho cả nhóm. Giả dụ một hay hai người trong nhóm không thể dự cùng buổi trình diễn tiện cho những người còn lại, quí vị sẽ phải tìm ngày khác, gọi lại, chờ đợi trên đường dây điện thoại mất khá nhiều thời gian, đôi lúc phải để lại lời nhắn vì tìm không được người này hay người khác. Tất cả công sức chỉ để chọn được một buổi tối nào đó thích hợp cho mọi người. Ngoài công sức, việc làm thông thường này còn tốn thời gian. Tuy vậy, vì thích vui nên chúng ta lập lại việc làm này nhiều lần, trong nhiều trường hợp khác nhau mà không suy nghĩ đến vấn đề thời gian hay công sức.

Nhận biết nhu cầu của đa số người tiêu thụ, công ty Microsoft vừa tung ra một chiến dịch quảng cáo chương trình mới, đầy tham vọng, dự trù hoàn tất trong vòng vài năm sắp tới. Microsoft dự định sẽ bán một chương trình điều hành thời khóa biểu rất tối tân cho giới tiêu thụ, những người đang sử dụng hệ thống điện toán Windows và mạng lưới điện toán MSN.

Theo phóng viên Dan Carney trong bài viết trên tạp chí *BusinessWeek* số phát hành đầu tháng Bảy, 2001, công ty Microsoft dự trù lưu trữ tất cả dữ kiện liên quan đến lịch trình sinh hoạt của người tiêu thụ tham gia chương trình này trong một trung tâm lưu trữ trung ương. Điều này cho phép máy điện-toán của công ty Microsoft tìm ngày giờ phù hợp của tất cả thành viên trong nhóm nào đó, nếu cần, để hẹn cùng gặp gỡ tại buổi hòa nhạc, theo thí dụ ở trên. Như vậy, thay vì cần dùng ít nhất 15 phút đến nửa giờ hoặc lâu hơn để hẹn nhau cùng đi chơi, với phương pháp điều hành lịch trình điện toán của Microsoft, người tiêu thụ thời đại mới có thể đánh ngày, giờ vào chương trình điện toán, rồi bấm "con chuột" vài cái là cả nhóm cùng được hẹn vào ngày giờ nhất định thuận tiện cho mọi người. Cả một cuộc hẹn tốn không đầy một phút. Điều này là điều đáng mừng chứ. Hay đáng lo?

Câu trả lời tùy thuộc vào quan điểm của quí vị. Những người bận rộn đến đâu và không còn giờ tiếp xúc với người thân đều công nhận dịp nói chuyện dùng âm thanh (dù qua điện thoại) là một trong những sinh hoạt nhắc nhở chúng ta mình vẫn còn là người thật chứ chưa bị biến thành một người máy robot, hoàn toàn làm việc theo sự sai khiến của kỹ thuật. Nhưng bỏ qua phương diện xúc cảm của con người, vấn đề đáng ngại hơn được nhiều phân tích gia luật pháp và kinh tế khuyến cáo là sự việc với chương trình điều hành lịch trình điện toán, công ty Microsoft sẽ có cơ hội nắm giữ một số tài liệu cá nhân khổng lồ có một không hai trong lịch sử nhân loại. Điều này là một nguy hiểm đáng ngại!

Thứ nhất, để tìm ra ngày giờ thuận lợi nhằm "hẹn" giúp những thành viên trong nhóm một chương trình nào đó, Microsoft cần biết được lịch trình của từng người trong nhóm, và cần biết những người đó đang ở đâu, có đang "sinh hoạt" trên mạng điện toán hay không, để còn trả lời cái "hẹn" chứ! Không những đã muốn biết hết thói quen, lịch sinh hoạt, nơi chốn hay đến, và từng chi tiết nhỏ nhặt về đời sống hàng ngày của từng cá nhân, Microsoft còn muốn lưu trữ hết những tài liệu này dùng... một mình. Điều này quá đáng! theo luật sư Irwin R. Gross, thuộc tổ hợp luật sư Wilson, Sonsini, Goodrich & Rosati, tổ hợp luật sư thụ lý nhiều vụ kiện chống lại hình thức kinh doanh có tính cách chiếm lĩnh thị trường độc quyền của Microsoft.

Nhưng đó chỉ mới là phân nửa kế hoạch của Microsoft. Nửa thứ nhì là việc công ty này đang mướn bao nhiêu chuyên viên kỹ thuật điện toán để soạn thảo những chương trình nhằm giúp biến Microsoft thành một trung tâm nơi người tiêu thụ có thể mua, bán, liên lạc với nhau,

điều hành vấn đề tài chính, và sắp đặt thời khóa biểu sinh hoạt cho mình. Để hoàn tất những điều chương trình điều hành lịch sinh hoạt của giới tiêu thụ, Microsoft sẽ cần lưu trữ hết những chi tiết nhỏ hàng ngày của giới tiêu thụ như hẹn bác sĩ, dự định nghỉ phép, chương trình du lịch, số thẻ tín dụng, thú tiêu khiển, và cả những món hàng mua sắm trên mạng điện toán, mua vào giờ nào trong ngày, ngày nào trong tuần, trong tháng, mua cho ai...vân...vân. Tại sao Microsoft lại có thể hỏi những chi tiết này? Vì trên đây là những sự kiện nhỏ tạo thành lịch sinh hoạt của mỗi cá nhân.

Hiện dịch vụ chương trình điều hành lịch sinh hoạt của Microsoft chưa có trên thị trường, nhưng giới tư pháp đã bắt đầu tìm hiểu về yếu tố hợp pháp của vấn đề lưu trữ chi tiết cá nhân riêng tư. Trong buổi hội thảo cấp Bộ Trưởng Tư Pháp tiểu bang toàn quốc tại Boston hồi cuối tháng Tư năm nay, nhiều vị bộ trưởng đã nêu quan ngại về thế lực ngày càng lớn mạnh ngoài tầm kiểm soát của công ty Microsoft trong kế hoạch đầy tham vọng này. Tuy chưa hoạch định một hình thức đối phó pháp lý nào, những bộ trưởng tư pháp và các luật sư hiện diện tại cuộc hội thảo đều lo ngại càng ngày Microsoft càng trở thành một tên "đàn anh" kiểm soát hoàn toàn thị trường tiêu thụ trên thế giới.

Biết đến lo ngại này, Microsoft đang trấn an dư luận bằng cách ráo riết tung ra những lời cam kết sẽ không làm mất niềm tin của giới tiêu thụ. Microsoft giải thích để nhận được những chi tiết cá nhân của giới tiêu thụ nhằm thực hiện chương trình điều hành lịch sinh hoạt cá nhân, Microsoft bán dịch vụ điều hành này lấy tiền phục vụ hàng tháng. Đã có tiền đóng hàng tháng của người tiêu thụ, Microsoft sẽ không cần thiết phải bán những chi tiết cá nhân này cho bất cứ kỹ nghệ thương mại hoặc sản xuất nào cả, mà chỉ lưu trữ số chi tiết khổng lồ có một không hai trong lịch sử nhân loại này vào một trung tâm của công ty mà thôi. Không lẽ Microsoft lại đem đổi niềm tin của giới tiêu thụ để lấy thêm tiền hay sao? Microsoft đã hứa như thế, vậy kế hoạch mới có gì đáng ngại đâu!

Chuyên gia kinh tế và luật pháp bất đồng với quan điểm trên. Họ cho rằng đáng ngại vô cùng ở chỗ xưa nay chưa một công ty kinh doanh tư hữu nào, hay một chính quyền nào có vị thế đầy quyền lực như công ty Microsoft đang có và sắp được thêm. Bây giờ và vài năm tới Microsoft có thể giữ lời hứa không đả động gì đến những chi tiết cá nhân quí giá được lưu trữ, nhưng liệu những năm sau đó, khi nắm trong tay kho tàng vô giá, Microsoft có thể... đổi ý được không? Lời hứa trong giới thương mại có giá trị bao nhiêu khi so với một tài sản khổng lồ, chưa thể xác định, đó là chi tiết cá nhân của hàng tỉ người trên trái đất? Đem bán hết những chi tiết này Microsoft sẽ cầm chắc tiền của giới đại tư bản trong tay trước đã, còn ai muốn kiện hãy chờ... hạ hồi phân giải!

Không ai dám bảo đảm Microsoft sẽ làm gì khi nắm chắc trong tay quyền lực với chương trình điều hành lịch trình sinh hoạt giùm giới tiêu thụ. Nhưng một điều chắc chắn, để không trở thành một trong hàng tỉ nạn nhân tương lai của đại công ty này, chúng ta có thể chọn... không chơi trò chơi nguy hiểm trên.

Không biết quí vị nghĩ sao, riêng Thanh Thảo, nếu cần hẹn đi chơi với một nhóm bạn, gọi điện thoại nói chuyện vài câu thú vị hơn. Và nếu có phải nhắn lại, rồi đợi người này người kia xác nhận cái hẹn, đó cũng là một thú vui vì biết mình đang sống thật và cảm nhận bao nhiêu yếu tố nhỏ nhặt, phiền toái nhưng đáng yêu, tạo nên cuộc sống đó. Nếu đã không còn nhận thấy những cảm xúc này, con người thật và người máy khác nhau chỗ nào? Mà đã là người máy, thời gian đối với họ có ý nghĩa gì đâu, vậy tiết kiệm thời gian để làm gì?

TRÁNH RƠI VÀO VÒNG NỢ THẺ TÍN DỤNG

TH. TH.

Mùa Hè sắp đến mang theo nỗi lo về chi phí trang trải những chương trình nghỉ Hè đối với những gia đình có con cái vị thành niên. Không hiểu sao những ngày gần kỳ nghỉ Hè nhiều thứ tốn phí khác lại thi nhau dồn vào một lúc. Nào là buổi lễ mừng người cháu gái tốt nghiệp Đại Học, lễ cưới con người em họ xa, tiệc mừng sinh nhật con một người cháu trai, tiệc mừng Thượng Thọ một người Bác, tiệc kỷ niệm ngày cưới lần thứ bao nhiêu quên mất rồi của vợ chồng gia đình người bạn lâu ngày không gặp... Lại còn những thứ hóa

đơn tiền bảo hiểm xe mỗi sáu tháng, bảo hiểm nhà hàng năm, và hóa đơn tiền thuế xe trả nha lộ vận hàng năm hầu như chỉ đợi những ngày này là rủ nhau dồn lại hộp thư nhà mình một tháng cho tiện việc. Không những thế, có thể xe quí vị vừa cần sửa thắng, thay vỏ bánh xe, hay chính quí vị vừa bị bệnh vài tháng phải nghỉ dưỡng sức không lương. Nhiều hóa đơn kiểu này, biết tính làm sao?

Nếu là người đã hội nhập gần như hoàn toàn vào đời sống tại Mỹ, quí vị sẽ không phải là những người thiểu số dùng đến thẻ tín dụng (credit cards) đủ loại, đang chờ sẵn, chỉ mong được mang ra sử dụng vào những dịp kẹt tiền kiểu này. Có sao đâu, quí vị chắc nghĩ rằng mình chỉ cần được gỡ rối trong giai đoạn này thôi, và nhằm nhò gì vài trăm bạc, cứ trả cho yên thân đi rồi sẽ tính sau không muộn. Nhưng quí vị có biết rằng chỉ cần một lần "kẹt tiền" dồn một lúc như vầy, cả hồ sơ tài chính tương lai của mình có thể bị ảnh hưởng hay không?

Mặc dù thống kê Liên Bang cho thấy đa số người Mỹ không gặp trở ngại trả chi phí đều đặn hàng tháng, vì tùy theo mức lợi tức, đa số chúng ta biết tính ngân sách chi thu gia đình phù hợp với những thứ chi phí này để tránh dùng đến thẻ tín dụng. Chỉ có những loại phí tổn "đột xuất" của những "ngày mưa gió" (rainy days) mới thường là dịp chúng ta đem các thẻ nhựa này ra gỡ rối. Nhưng liệu những thẻ nhựa có gỡ rối thật không, hay chúng ta đang đem "giao trứng cho ác?"

Theo thống kê của Quỹ Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ năm 1998, người Mỹ đã dùng thẻ tín dụng để trả rất nhiều loại chi phí "đột xuất", loại chi phí chỉ xảy ra hàng năm hay mỗi sáu tháng, nên chúng ta quên mất mình cần phải trả. Vì lý do này, người Mỹ đã chi trung bình $17.60 Mỹ kim trong mỗi $100 Mỹ kim để trả nợ thẻ tín dụng, tăng 11% so với năm 1989. Tuy thoạt nhìn con số $17.60 trên mỗi $100 chúng ta có thể không cho là nhiều quá, vì dù sao cũng đỡ hơn đi vay cắt cổ (theo kiểu Việt Nam), và đỡ bị mất mặt, nhưng nếu tính thành tỉ lệ, 17.6% phải chi trả tiền lời thẻ tín dụng khiến cho mức lợi nhuận 11% thu từ cổ phiếu chứng khoán không đủ bù tiền chi ra. Mà đâu phải lúc nào cổ phiếu chứng khoán cũng có lời!

Vậy chúng ta phải làm sao để tránh rơi vào vòng nợ trả mãi không hết của hóa đơn thẻ tín dụng? Theo chuyên gia tài chính Paul Commins, một người có cái nhìn được cho là bi quan trong lãnh vực này, nhưng ý kiến của ông có thể giúp quí vị tránh mắc nợ "đột xuất." Ông Paul Commins đề nghị quí vị dùng những con số chi phí của năm trước đó làm khuôn mẫu để tính chi phí cho năm nay, rồi để dành hàng tháng cho những "ngày mưa gió" không định trước được. Đề nghị của ông Commins rất lý tưởng, nếu theo được, quí vị chắc chắn sẽ tránh mắc nợ thẻ tín dụng rồi mang nợ nhiều năm cho những "ngày mưa gió" này.

Theo đề nghị của ông Commins, quí vị chia chi phí cuộc nghỉ Hè năm ngoái ra làm 12, rồi để dành riêng số tiền này mỗi tháng vào một quỹ tiết kiệm (savings account). Hóa đơn tiền thuế nhà? Cũng chia làm 12, để dành vào quỹ tiết kiệm này. Hóa đơn tiền bảo hiểm xe, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhà mỗi sáu tháng một lần? Chia những khoản tiền này làm 6, để dành con số như vậy vào quỹ tiết kiệm. Còn những đám cưới, tiệc mừng... quí vị cũng lấy những con số đã chi năm ngoái, chia trung bình ra, để dành khoản tiền tương tự trong quỹ để dành hàng tháng. Chỉ mong sao quí vị đừng may mắn được nhiều người mời hơn năm ngoái vì nếu không, có thể thẻ tín dụng lại được xem là cứu cánh nhất thời mất!

Nhưng đâu phải chỉ có những hóa đơn kể trên mới là loại "đột xuất," còn những chi phí đáng kể khác như tiền sửa xe, sửa nhà cửa, hay... sửa sắc đẹp, tính ra sao đây? Ông Commins cho rằng quí vị cứ tính mọi thứ mình làm chủ đều cần được bảo trì. Chi phí bảo trì mọi thứ, kể cả bản thân mình là từ 1% cho đến 3%, vì thế quí vị cần lấy giá trị của mọi thứ mình có trong nhà, nhân khoảng 3%, dùng số này chia 12 tháng, rồi để dành khoản tiền tương đương trong quỹ tiết kiệm. Vấn đề được nêu ra là chỉ cần biết phòng xa, quí vị sẽ tránh trở thành con nợ của những nhà băng cấp thẻ tín dụng, đang chực chờ sẵn để nhận tiền lời hàng tháng từ quí vị.

Còn trường hợp nguy ngập quan trọng như bị thất nghiệp vì bị đau yếu không đi làm được, chúng ta phải tính sao? Không có tiền, lấy đâu ra mà chi phí, nói chi đến để dành. Ông Commins để nghị quí vị mua loại bảo hiểm trả tiền bệnh tật có thời hạn (temporary disability

insurance). Thống kê liên bang cho thấy, một người làm việc khỏe mạnh tuổi từ 20 đến 35 có cơ hội bị bệnh tật phải nghỉ việc cao gấp hai lần bị tử nạn trước tuổi 65. Như vậy, bảo hiểm nhân thọ trong thời kỳ này quan trọng bằng phân nửa bảo hiểm mất lợi nhuận vì bệnh tật. Nếu có thể mua cả hai loại bảo hiểm, quí vị nên trả nhiều hơn cho bảo hiểm thất nghiệp vì bệnh tật nếu thuộc lứa tuổi này.

Như bao nhiêu bài học căn bản trong các sách về tài chính, kế toán đã trình bày, khoản tiền quan trọng nhất, tiền dự trữ phòng khi thất nghiệp, là tiền không một người lo xa nào có thể thiếu được. Khoản tiền này lý tưởng phải bằng ba đến sáu tháng lương, để riêng trong một ngân quỹ tiết kiệm có lời cao, thời hạn định kỳ dài mà quí vị cần quên số (account number) cho đến khi bị thất nghiệp. Bằng những cách này quí vị mới tránh trở thành nạn nhân của các chủ nợ thẻ tín dụng.

Vậy thẻ tín dụng để làm gì? Và liệu nếu chưa có khoản tiền phòng bị cho những "ngày mưa gió" hay những chi phí "đột xuất" nào cả, thì chúng ta phải làm sao?

Xin thưa, theo thiển ý của Thanh Thảo, thẻ tín dụng chỉ thật sự giúp những người không cần được giúp, vì chỉ khi nào quí vị có thẻ tín dụng không tốn tiền chi phí hội viên hàng năm, và sau khi mượn trả tạm, quí vị trả dứt hết nợ trong vòng 25 hay 28 ngày (tùy theo chu kỳ thẻ cho phép) thì quí vị mới có lợi, còn nếu không, quí vị sẽ phải trả tiền lời và nếu trễ một ngày trong chu kỳ, còn phải trả tiền phạt trễ từ $10 cho đến $25 Mỹ kim. Số tiền này sẽ thành đáng kể nếu nhân lên nhiều thẻ.

Trở lại với ngân quỹ phòng bị, đây là vấn đề khó khăn đối với rất nhiều người. Nếu không có ngân quỹ sẵn, đề nghị quí vị bắt đầu ngay, vì thà trễ còn hơn không có. Này nhé, nếu tính từng chút theo đề nghị của ông Paul Commmins, quí vị sẽ bớt đi ăn tiệc, thay vào đó sẽ gửi thiệp mừng, kèm theo ngân phiếu ít hơn nếu mình đi dự tiệc, ngoại trừ trường hợp thân quá, không bỏ qua được. Nếu chưa để dành cho kỳ nghỉ Hè năm nay, có thể quí vị cần chọn địa điểm nào rẻ tiền thôi, và thay vì bay đi xa, có khi lái xe hoặc đi xe lửa vừa đỡ tốn tiền hơn, vừa đỡ mệt hơn. Đặc biệt hơn nữa, khi tính toán kiểu này, quí vị sẽ thấy những món hàng "đại hạ giá" (on sale) không còn hấp dẫn bao nhiêu, vì nếu phải trả bằng thẻ tín dụng, tiền lời thẻ đáng sợ hơn tiền tiết kiệm khi mua món hàng vào lúc hạ giá.

Nhưng nếu theo đúng những đề nghị của ông Paul Commins, có thể quí vị sẽ thấy đời sống chán quá, chẳng còn thú vị gì. Nhưng xưa nay, có sách nào cho rằng sự an toàn tài chính là thú vị đâu. Trái lại an toàn tài chính là một cuộc tranh đấu liên tục giữa những gì giới trung lưu chúng ta muốn có và có đủ điều kiện có được. Quyết định hoàn toàn trong tay quí vị. Và nếu lỡ phải dùng đến thẻ tín dụng trong mùa Hè năm nay, quí vị hãy cố kiểm soát để đừng vung tay quá trán, nhưng cũng không nên quá thất vọng, vì quí vị vẫn thuộc khối đa số người Mỹ, phải trả tiền lời thẻ tín dụng cao hơn tiền lợi thu được từ những món đầu tư khác!

Dù sao làm thành viên khối đa số nghe vẫn êm tai hơn thiểu số, tuy trong trường hợp này, nếu thuộc khối thiểu số, có lẽ tương lai tài chính của chúng ta an toàn hơn (biết rồi, khổ lắm, nói mãi!)

HÃY CẢM NHẬN NỖI BUỒN

TH. TH.

Cảm giác buồn bã không phải lúc nào cũng không lành mạnh. Trái lại, nhiều bác sĩ tâm thần cho rằng nỗi buồn là một tình cảm quan trọng, góp phần làm cuộc sống chúng ta có ý nghĩa hơn trong nhiều lãnh vực.

Sống trong những xã hội tân tiến, phải chạy đua với thời gian, đôi khi chúng ta quên mất nỗi buồn là một hình thức giải tỏa một trong thất tình của chúng ta. Những hình ảnh quảng cáo trong đó người mẫu nào cũng cười thật tươi, trông vui cứ như... Tết càng làm chúng ta khó chấp nhận nỗi buồn hơn. Nhưng bạn thử suy nghĩ xem nỗi buồn không đáng công nhận sao nếu chúng ta dành thời gian cho niềm vui, cho sự sung sướng. Tâm lý gia từ lâu nay vẫn cho rằng làm sao một người có thể được gọi là đang "sống," chưa kể đến sống với sự nhạy cảm, nhận thức được những việc xảy ra chung quanh mình, và được kể là thành thật, thông minh, nếu như người đó không chịu nhận mình cũng có lúc buồn.

Không buồn sao được nếu chúng ta phải sống trong xã hội ngày nay và không ít thì nhiều, phải nhìn thấy những bất công xảy ra khắp nơi?

Vì vậy, thay vì dấu giếm nỗi buồn, nhiều chuyên gia tâm lý cho rằng chúng ta nên cảm nhận thứ tình cảm này một cách đầy đủ. Nói cách

khác, hãy dành thời gian để chúng ta được phép buồn. Những cách sau đây được đề nghị, mong quí vị thử cho phép mình buồn xem sao. Thanh Thảo đã thực hiện vài cách này lâu rồi, theo thói quen tự nhiên thôi, nhưng rõ ràng, sau khi cho phép mình được buồn, Thanh Thảo tìm được nguồn vui từ những sự việc nhỏ nhặt chung quanh, giống như mình vừa nghỉ phép xong, về làm lại công việc cũ, sống đời sống quen thuộc bớt thấy chán hơn trước.

1. 1. Cho phép mình được cảm nhận nỗi buồn: Là phụ nữ Á Đông, nhất là người Việt, có lẽ đa số quí vị đã theo khuôn phép gia đình từ nhỏ là hãy dấu giếm nỗi buồn, đừng để người khác thấy. Nhưng quí vị có dấu mãi được không? Và nếu cứ bị dấu hoài, nhiều phân tích gia cho biết nỗi buồn có thể thật sự gặm nhấm tâm tư của bạn, biến thành những chứng bệnh buồn bã kinh niên, và chán đời, chán sống (dù thật sự khi đã thành chán đời bạn sẽ không còn biết bắt đầu suy nghĩ từ đâu mình chán đời). Phân tích gia tâm lý khuyên quí vị nên chấp nhận mình buồn, và suy nghĩ, đào sâu xem vì đâu mình buồn. Người nào hay sự việc nào gây cho mình nỗi buồn, hay mình chỉ buồn nhân tình thế sự khi thấy cảnh bất công.

2. 2. Dành hẳn một ngày cho nỗi buồn: Dành sẵn trong thời khóa biểu một ngày hay một buổi chiều tối chẳng hạn mỗi tuần, hay mỗi hai tuần cho nỗi buồn. Thời gian này bạn hãy để dành để chỉ tìm hiểu chính mình, trong sự đơn độc. Bạn có thể nghe nhạc cổ điển, nhạc buồn... trong lúc tìm hiểu xem mình có cảm thấy buồn trong thời gian vừa qua hay không. Phải làm gì để tránh không bị buồn giống như thế nếu đó là những hoàn cảnh mình có thể tránh được. Hoặc chỉ biết mình buồn vì sự việc chung quanh, mà không thể thay đổi sự việc, thì ít nhất mình cũng cảm thấy nỗi buồn đó được chính thức công nhận. Vấn đề tâm lý là khi biết mình sẽ có khoảng thời gian riêng để đối diện với tâm tư, với nỗi buồn, thì những lúc khác cảm thấy buồn chán, bạn có thể tự nhủ, hãy tạm quên, nhưng sẽ tìm xem mình buồn gì vào giờ nhất định. Làm được như vậy nhiều lần, bạn sẽ cảm thấy hân hoan một cách lạ thường. Hẹn với chính mình quan trọng đâu có kém gì hẹn với người khác!

3. 3. Xác định nỗi buồn bằng tên gọi: Trong thời gian tìm hiểu vì đâu mình buồn, bạn hãy nhận thức kỹ và gọi tên từng sự buồn chán một. Nếu cần nhiều thời gian hơn để tìm hiểu nỗi buồn, bạn hãy dành thời gian trong lần kế tiếp chẳng hạn. Vấn đề là đừng vội vã, có thể hấp tấp khi định nguyên nhân gây ra nỗi buồn. Trong trường hợp buồn chán lâu mà không sao tìm ra lý do, quí vị có thể tìm sự trợ giúp của một chuyên gia tâm lý, một bác sĩ tâm thần.

4. 4. Thay đổi cách suy nghĩ: Hãy cho rằng cảm giác buồn là một phần của đời sống, ai trưởng thành cũng phải trải qua. Và đa số chúng ta mang theo trong đời một số nỗi buồn, có cái thay đổi được, có cái không thể thay đổi. Những gì thay đổi được, quí vị nên tìm cách thay đổi, và nỗi buồn như vậy đã góp phần tạo thêm kinh nghiệm sống và sự trưởng thành cho mình.

5. 5. Biết nhận rõ khi nào nỗi buồn trở thành nỗi chán đời: Cảm xúc buồn là một trong những tình cảm thông thường của đa số chúng ta. Nhưng sự chán đời là một việc hoàn toàn khác. Chán đời thường dẫn đến những trường hợp không lành mạnh, có thể xui khiến chúng ta làm những việc bất thường. Theo các bác sĩ tâm thần, khi nỗi buồn trở thành sự chán đời là lúc quí vị bị xuống cân, bị mất ngủ đều, bắt đầu suy nghĩ đến cái chết hoặc hành động tự tử, và không còn ham thích những sinh hoạt mình vẫn chuộng, hay gặp gỡ, liên lạc với những người mình thân yêu. Thêm vào đó, nếu càng ngày bạn càng cảm thấy buồn chán đến độ lười biếng không muốn rời khỏi giường, khỏi nhà... trong một thời gian liên tục, quí vị cần phải tìm bác sĩ trị liệu.

Theo thống kê liên bang Hoa Kỳ, bệnh chán đời hàng năm cướp đi 30,000 sinh mạng, ngoài nửa triệu người tự tử nhưng được cứu sống khác. Đa số những người tử vong vì chán đời là những người có thể được cứu thoát nếu họ đối phó được với nỗi buồn của mình từ thời kỳ phôi thai, hoặc tìm được sự trợ giúp kịp thời. Bệnh chán đời hiện được chữa trị bằng thuốc và bằng tâm lý trị liệu. Hy vọng khi quí vị dành thời gian cảm nhận nỗi buồn, và cho cảm tình này một chỗ đứng tương đối trong đời sống, bạn có thể tránh được trường hợp nỗi buồn trở thành bệnh chán đời.

XÃ HỘI MỸ QUỐC NĂM 2000

(tiếp theo)

TRẦN QUÁN NIỆM

LY DỊ, LY THÂN

Trong hai bài trước tác giả đã trình bầy về hôn nhân, dân

số, khuynh hướng gia đình của xã hội Hoa Kỳ căn cứ trên kết quả Kiểm Kê Dân Số năm 2000, nhưng nếu không đề cập đến vấn đề ly dị, thì quả là thiếu sót, vì đó là một yếu tố quan trọng trong đời sống tại Mỹ.

Quả thật thế, tỷ lệ ly dị là 43% trong thời gian 15 năm đầu của cuộc hôn nhân thứ nhất. Tài liệu này không do sở Kiểm Kê dân số thực hiện vì không phải nhiệm vụ của họ, mà là kết quả của cuộc phỏng vấn 10,000 phụ nữ thực hiện năm 1995 bởi Trung Tâm Quốc Gia về Thống Kê Sức Khỏe (National Center for Health Statistic viết tắt NCHS), trụ sở đặt tại Atlanta tiểu bang Georgia. Thống kê của cơ sở này cho biết, cô dâu tuổi càng lớn, sự đổ bể hôn nhân càng ít xẩy ra (chắc là vì sự chín chắn, già dặn thay vì bồng bột, tự ái, bất cần). Cô dâu ở lứa tuổi choai choai (teen-age) có nhiều hy vọng đổ vỡ gia đình trong vòng 10 năm. Chính xác hơn, có thể nói là gần 50% các cuộc hôn nhân có cô dâu tuổi từ 18 hay trẻ hơn ly thân hay ly dị trong vòng 10 năm đầu, trong khi đó với cô dâu 25 tuổi trở lên, chỉ có 25% ly dị trong vòng 10 năm đầu. Nói chung cho toàn dân số nước Mỹ, vào thập niên 70, cứ năm gia đình có một gia đình đổ vỡ, vào thập niên 90, mỗi ba gia đình có một gia đình ly dị. Tỷ lệ gia tăng là 65%.

Yêu nhau lắm cắn nhau đau

Nếu chỉ quan sát phớt qua trên mặt nổi của xã hội Mỹ, thật khó mà tưởng tượng là tỷ lệ ly dị lại cao đến mức đó. Trên đường phố, những cặp tình nhân âu yếm nhau công khai. Buổi sáng hai vợ chồng chở nhau đi làm, trước khi xuống xe, kề môi hôn thắm thiết như tiễn đưa nhau một chuyến đi xa nhiều ngày. Chiều về đón nhau lại lập lại chiếc hôn nồng nàn. Rồi Ngày Tình Yêu (Valentine), kỷ niệm ngày cưới, kỷ niệm sinh nhật v.v. mỗi dịp đều tặng hoa hồng, tặng thiệp. Bất kể ngày đêm, ôm điện thoại nói chuyện rù rì hàng giờ, câu nói 'anh/em yêu em/anh, anh/em nhớ em/anh' là câu đầu môi chót lưỡi. Tưởng chừng gắn bó suốt đời. Nhưng vậy mà không phải vậy. Yêu nhau đấy rồi bỏ nhau đấy, dễ như chơi chỉ vì những lý do lặt vặt, như ngủ ngáy to quá chẳng hạn, không chiều ý của nhau chẳng hạn. Các cụ Việt Nam thường ví von 'bát đĩa trong rổ còn có lúc xô xát nhau nữa là vợ chồng.' Sống bên nhau lâu ngày tật xấu lộ ra, ý kiến bất đồng, dễ thành xích mích, cãi cọ. Thay vì nhường nhịn, sợ mang tiếng xấu cho gia tộc, tội nghiệp cho đàn con không còn đầy đủ cha mẹ để nghĩ đến chuyện hàn gắn, dân Mỹ tức tốc lôi nhau ra tòa. Ly dị trở thành chuyện của đời thường, chẳng ai ngạc nhiên.

Bỏ nhau rồi gặp người khác vừa ý lại làm đám cưới linh đình, có khi đến lần thứ ba, thứ tư cũng chẳng ai thắc mắc.

Tình ái refund

(quơ đại, trả lại, lấy tiền về)

Người Việt sinh sống tại xứ Mỹ, hội nhập nhanh lắm, nên ly dị và đám cưới lia chia, chẳng thua gì Mỹ. Nhiều khi trong tiệc cưới, vừa định chúc đôi uyên ương sống hạnh phúc đến đầu bạc răng long, thì nhìn kỹ mới hay lão... dâu, lão... rể đã đầu bạc, răng long sẵn rồi, khỏi phải chúc.

Mỗi lần được mời đi đám cưới, bà xã tôi đòi đi mua sắm cho bằng được, khuân về năm bẩy chiếc áo dạ hội. Tôi tiếc tiền cằn nhằn, bà trả lời tỉnh queo: 'Hơi đâu mà đứng lựa cho mất công, em ôm đại về nhà mặc thử, vừa ý thì mua, không thích thì trả lại, có mất mát gì đâu nào.' Nhiều khi bà không thèm mua, mặc đỡ đi ăn đám cưới xong, vài ngày sau đem trả.

Mới qua Mỹ được ít năm mà bả đã tiêm nhiễm được tâm lý đó, huống hồ dân Mỹ chính cống. Yêu nhau, vừa ý là làm đám cưới cái rụp, chẳng có gì phải đắn đo suy nghĩ vì sau này nếu 'cơm chẳng lành, canh không ngọt,' phá đi làm lại mấy hồi. Có lẽ tâm lý đó giải thích được phần nào tỷ lệ ly dị khá cao hiện nay tại Mỹ.

Màn cuối của tất cả những cuộc ly dị là chia con, chia của (ngoài nhà cửa, xe cộ, đồ đạc, tiền bạc, ngày nay người ta còn đòi chia cả tiền hưu trí). Tranh cãi như quân thù, không biết ai thắng ai bại, nhưng thành phần chịu thua thiệt nhiều nhất vẫn là đám con nít, như đã trình bầy ở bài trước.

XE JEEP TƯƠNG LAI

Trong chiến tranh Việt Nam, chắc chẳng ai còn lạ gì chiếc xe Jeep do quân đội Việt, Mỹ thường dùng. Mới đầu là xe Jeep cao, nhưng sau này nhận thấy xe dễ bị lật khi xử dụng nơi địa thế gập ghềnh với tốc độ cao, do đó quân đội được cung cấp loại xe Jeep lùn tiện dụng và an toàn hơn. Và giới ghiền phim gián điệp cũng chẳng lạ gì chiếc xe thể thao của điệp viên James Bond 007. Chiếc xe này máy cực mạnh, chạy nhanh, có thể bay bổng lên trời như phi cơ, hay lặn dưới nước như tầu ngầm. Lại có thể phóng hỏa tiễn phá hủy xe đuổi theo, hay xịt nhớt

xuống mặt đường cho xe sau lật v.v. Bước qua thế kỷ 21 quân đội Mỹ ở khắp nơi trên thế giới sẽ được trang bị loại xe F-350 do hãng Ford chế tạo, là kết hợp giữa hai loại xe vừa kể. Xe được sử dụng như xe Jeep hoặc xe Truck loại nhẹ, tuy không thể bay bổng hay lặn dưới nước như xe gián điệp, nhưng sẽ có những đặc điểm:

1- Trang bị súng phóng lựu và súng bắn tia lazer.

2- Có thể phun nhớt và thả đinh xuống mặt lộ hoặc tạo màn khói để vô hiệu hóa xe kẻ thù đang truy đuổi.

3- Phía trước và phía sau xe có gắn đèn với tia sáng cực mạnh làm mù mắt kẻ thù trong giây lát.

4- Khi máy xe được khởi động, tại tay cầm để mở cửa xe có một luồng điện cao thế có thể giựt và làm tê liệt trong phút chốc kẻ nào định mở cửa.

5- Kính và vỏ sắt bọc xe thuộc loại đặc biệt, đạn không bắn thủng.

6- Xe được trang bị hệ thống điện toán cá nhân (personal computer), ống nhòm quan sát bằng tia hồng ngoại để quan sát về đêm, cũng như máy dò bom.

7- Hệ thống điện toán kiểm soát dấu tay và giọng nói của tài xế trước khi cho phép anh này mở máy xe.

8- Xe được trang bị hệ thống lái Quadristeer, điều khiển góc quay của bốn bánh xe để xe có thể quẹo rất gắt.

Chiếc xe mẫu vừa được trưng bầy tại Trung Tâm Xe Hơi Quốc Tế (International Automobile Center) bởi công ty Ford để các giới chức cao cấp trong quân lực Hoa Kỳ xem xét và thử nghiệm trước khi chấp thuận sản xuất hàng loạt. Phí tổn một chiếc khoảng 45 ngàn Mỹ kim. Khi được hỏi công dụng chính yếu của xe, kỹ sư vẽ kiểu Germaine Fuller cho biết: 'Đây là loại xe đa năng, đa hiệu, xử dụng ở đâu cũng được, nhưng mục đích của chúng tôi là chế tạo một chiếc xe đặc biệt dùng trong công tác chống kẻ phá hoại hoặc quân gian hoạt động trong thành phố, vì trong những thập niên gần đây thay vì tham chiến qui mô, quân đội Mỹ được xử dụng nhiều trong việc bảo vệ an ninh trật tự cho từng vùng trên thế giới.'

Bản tin không thấy đề cập là các bạn trẻ thích chơi xe để cua gái, có thể mua được không.●

SÁCH MỚI! SÁCH MỚI!

Trong di cảo đồ sộ Trần Dần để lại, có những cuốn sổ ghi chép ông viết cho ông, không nhằm phổ biến cho ai khác, nên giá trị văn học và sử liệu rất cao. Nhà văn Phạm Thị Hoài đã bỏ công đọc những trang viết tay khó đọc, đoán chữ, hiệu đính, ghi chú những cuốn sổ tay này, giới hạn từ năm 1955-1960, là thời gian Trần Dần bị trừng trị trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Lời nhân chứng chính là Trần Dần, có những điều mới mẻ soi sáng thêm về phong trào cải cách ruộng đất, về Nhân Văn Giai Phẩm, về mặt trái của giới lãnh đạo Văn nghệ Hà Nội (*Văn Học* số 180 tháng 4, 2001).

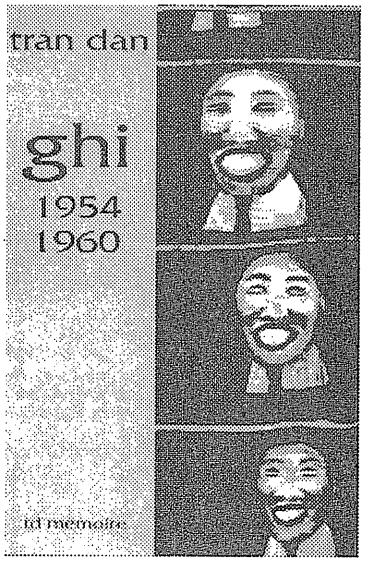

Những ghi chép của Trần Dần tập hợp trong tập sách này là chứng chỉ tự cấp về bảy năm mở ra quyết định cái thành quả hoạn nạn đó. Đối với chúng ta, đó là những văn kiện và sử liệu vô giá về một giai đoạn văn chương và lịch sử cho đến nay vẫn còn xếp sổ, nếu quả còn có sổ. Với Trần Dần, đó là phần mở đầu *"tác phẩm dành cho một người,"* tác phẩm bất đắc dĩ mà thành đồ sộ và gay cấn nhất của văn nghiệp ông, khi *"ghi trở nên một hình phạt,"* khi ông *"bắt tội mình," "cưỡng bức"* mình vào một "chế độ ghi sổ tay" ba mươi năm ròng rã. (*Phạm Thị Hoài*, Berlin tháng 4 năm 2000).

TRẦN DẦN
ghi 1954-1960

460 trang
Giá 18MK tại Hoa Kỳ
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2MK
TD MÉMOIRE xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành
tại nhà sách VĂN NGHỆ:
9351 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 934-8574

CON TRẺ VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Bác sĩ
TRẦN MINH TÙNG

Lúc sau nầy, trong giới đứng tuổi Việt Nam Hải ngoại, thường có một câu - phân nửa phàn nàn, phân nửa khoe khoan - rằng mình "bị" mời đi đám cưới quá nhiều: có khi luôn hai ba đám một tháng, tháng nầy qua đến tháng kia. Đi ăn thành ra chán ngán còn về túi tiền cũng phải than van (vì phải đi tiền chứ không đi quà như Mỹ). Mời nhiều cũng hay, chứng tỏ mình giao thiệp rộng, nhưng cũng tại mình thêm tuổi, con cháu tới thời dựng vợ gã chồng, cho nên mới có nhiều đám. Thành ra càng nhiều đám cưới, càng thấy mình già! Hôn lễ diễn ra bình thường, rình rang hay trang trọng, tuy nhiên có một điều khác, dầu rằng ít ai để ý: hầu hết là do con trẻ chủ động, cha mẹ nghe theo hoặc làm cố vấn, nhưng mà dự phần gián tiếp chớ không điều khiển thực sự như xưa. Sánh đôi là do "chúng nó" chọn lựa, xếp đặt thường do "bầy trẻ" lo cho: cha mẹ từ lâu đâu còn quyết định chuyện gì (ngoài chuyện nhang đèn lễ bái đám nhỏ thú nhận không biết). Rõ ràng "con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đó."

Cha mẹ nhún vai, hơi buồn (hay là hãnh diện) chi tiền (hay một phần tiền vì là con trẻ tự lo gần hết), nhưng thường chấp nhận, nghĩ rằng con mình đã lớn, đủ vi đủ cánh để bay một mình. Thời đại đã đổi, con người cũng thay. Nhưng nếu nghĩ lại, thì cần tự hỏi: con trẻ đã thay, nhưng đến mức nào và tại sao ? Có phải phai lạt là tại thời gian hay tại văn hóa ngoại lai quyến rũ dẫy đầy? Người trẻ Việt nam mất gốc tới đâu? Còn nhớ những gì, và thật tha thiết hay chỉ hững hờ? Sau đây là những ghi nhận nho nhỏ cùng những suy tư về vấn đề đó, mong sẽ gợi thêm chú ý và cố gắng đặt vấn đề một cách khách quan. Thanh niên, mầm giống tương lai, đáng được hiểu rõ, ngõ hầu đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng.

Người trẻ hải ngoại

Việt Nam là xứ thanh niên, người dưới 25 gồm hơn phân nửa dân số. Ở tại bên nhà là vậy, bên ngoài hải ngoại không khác là bao. Tuy dễ xử dụng các loại phương pháp ngừa sanh, nhưng người Việt nam hải ngoại vẫn còn ưa chuộng, muốn có đông con cho nên mắn đẻ, sanh sai hơn người bản xứ. Tại Mỹ, tuy còn phải đợi kết quả kiểm tra dân số 2000 mới có tài liệu chánh xác, nhận định gần như chắc chắn là ngay bây giờ, con số thanh niên, trẻ nít trong các gia đình Việt Nam đông hơn là các gia đình cư dân chánh gốc.

Về mặt văn hóa xã hội, di dân có thể chia ra nhiều loại:

- Di dân đợt một là người di cư khi đã trưởng thành, tinh thần có thể coi là Việt Nam gần như thuần túy.
- Di dân đợt hai là những đứa trẻ, con người di cư, sanh tại đất khách, không hề biết đến Việt Nam, gia tài Việt-tính rất ít, và về văn hóa gần như là Mỹ hay Pháp hay Gia nã đại hoàn toàn.
- Đợt ba là cháu nội ngoại của người di cư, sanh tại xứ người.
- Đợt bốn là chắt di cư và cứ tiếp theo như thế. Từ đợt số hai về sau, con người đều thảy trưởng thành trong vòng không khí văn minh xứ người, không biết hay biết rất ít về chuyện Việt Nam.
- Một loại "pha chè" là nhóm di dân đợt 1 1/2 (Một rưỡi), giữa nhóm số một và số hai. Danh từ để riêng để chỉ những người lưu vong khi hồi còn trẻ, dưới 5-6 tuổi, sanh tại Việt Nam nhưng lại trưởng thành ở tại ngoại quốc. Gia tài văn hóa phức tạp: vừa Việt một phần, vừa Mỹ về sau. Trên mặt thực tế, nhóm nầy thường đứng gọp chung với nhóm hai, ba vì

chịu ảnh hưởng môi trường văn hóa hiện tại (Mỹ, Pháp...) nhiều hơn gia tài huyết thống (Việt Nam).

Hội nhập

Nhìn cách tích cực, quá trình Mỹ hóa, Pháp hóa chỉ là kết quả tự nhiên của việc bắt buộc thay đổi, hội nhập, khi người di cư phải sống với một văn hóa khác hơn nhưng đang làm chủ (nghĩa đen và trắng) đời mình. Ta phải thích ứng cho nên nhập giang tùy khúc, sống cũng như "họ" (chủ nhà), nếu không theo họ hoàn toàn. Đã là di dân, không cần tuổi tác, ai nấy cũng cần thích ứng, biến mình, ngõ hầu hội nhập. Bất luận lớn nhỏ, ai ai cũng phải xử dụng ngôn ngữ địa phương, chấp nhận thay đổi cung cách, thái độ, sao cho giống người bản xứ, để không quá khác với "người bình thường" tại chỗ. Người lớn di cư mà còn phải vậy mới mong lọt vào trong xã hội chủ nhà không quá khó khăn, trách chi các trẻ hội nhập, thành Mỹ hay Pháp một cách nhanh chóng và hoàn toàn, trong khi ít có gì khác trì kéo, ngăn chận.

Vì thật con trẻ dễ dàng hội nhập và đầy đủ hơn mọi bề. Cha mẹ có thể không nói công khai nhưng vẫn khích lệ con em theo chiều hội nhập, mong sao trẻ nhỏ sớm vào xã hội dòng chánh. Trong khi ấy, xã hội chủ tự nó đã là một mạnh sức quyến rũ nhờ sức hấp dẫn của một tập thể cường tráng, xa hoa đứng hàng nhất nhì trong các cường quốc thế giới.

Thế nên người trẻ, mặc dầu là con di cư, nhưng ít khi nghe nhắc gốc rễ của mình trong khi, ngược lại hứng chịu đủ thứ áp lực khiến dễ tự nhận rằng mình là dân bản xứ. Khác với cha mẹ, họ học và dùng Anh ngữ, Pháp ngữ từ khi mới lớn lên, một cách tự nhiên, không ngập ngừng bập bẹ như cha mẹ phải tìm, phải dịch từng chữ trước khi lên tiếng. Họ cũng ít phần do dự khi phải lựa chọn ăn uống: ăn Mỹ hay Pháp cũng được, ăn Mc Donald có khi còn chuộng hơn là các món "quốc hồn, quốc túy" di cư. Chưng diện, đi đứng, cử chỉ, thái độ bề ngoài của họ cũng đổi, trở thành giống dân tại chỗ. Bên trong cũng thay: tâm trạng, cách nhìn, tư thái, các sự hiểu biết, ước định sự việc đều là như người bản xứ. Họ thích Michael Jackson, coi như thần tượng trong khi quên bỏ Thái Thanh.

Được trang bị như thế, dĩ nhiên con trẻ coi mình là Mỹ, là Úc, và lấy cái thế "nước ngoài" để mà phê phán sự việc. Họ sẽ lấy mực thước Mỹ, Pháp đo lường cử chỉ, thể thái họ gặp, họ sẽ như người Mỹ hay Pháp phê bình lịch sử cận đại, cuộc chiến, chánh trị Việt Nam, lắm khi lắc đầu không hiểu thái độ chống Cộng của cha ông họ... bởi vì cho đấy là không hợp tình, hợp lý, đúng với người "thường" (tất nhiên là Mỹ, hay Pháp hay Úc, sống trong xã hội yên lành và không ly loạn). Chính tại vì thế mà họ nhiều khi chạm trán với người sanh ra trước họ, và bởi hai bên thuộc hai hệ thống tư tưởng khác nhau, có thể ở sát bên nhau mà không hiểu nhau.

Sâu hơn nữa, người trẻ có những nhu cầu mà người Việt lớn tuổi không có hoặc ít khi nhận ra, thí dụ nhu cầu riêng tư (privacy): muốn có phòng riêng, góc riêng, được quyền giữ kín vài điều ở trong đời sống - thư từ, bạn hữu... và nói cách chung, quyền được người lớn tôn trọng một phần độc lập, tự do cá nhân.

Nhu cầu vừa nói thường xem thuộc quyền tổng quát đòi người khác phải tôn trọng sự riêng tư của từng cá nhân, không luận tuổi tác, vai vế. Do đó con trẻ sẽ có quyền đối đáp, biện minh nếu bị la rầy đồng thời yêu cầu cha mẹ phải làm bổn phận, thay vì luôn luôn phục tùng, ríu ríu vâng lời không cãi lại. Cũng chung với quyền vừa nói, đám trẻ đành quyền quyết định, hay đòi tham gia quyết định trong các lựa chọn đời riêng của nó. Thí dụ nó nghĩ rằng phải chính nó lựa chọn con đường nó sẽ đi, nghề nó sẽ làm, thay vì phải tùy cha mẹ định đoạt. Nếu trường hợp ấy xảy ra, thì là có thể đổ vỡ: cho dù con trẻ có thể vâng dạ thì lòng vẫn không phục tòng, mà tiềm tàng bất mãn. Tôi biết có nhiều trường hợp cha mẹ mạnh thế và có thể nói gần như độc tài, chỉ định lựa nghề cho con; con trẻ khuất phục, vâng lời mẹ cha và đành phải học một môn vốn dĩ không ưa. Cái khó là lúc về sau, khi đã thành tài theo như cha mẹ ước muốn, đứa con lại chán, bỏ nghề, học lại khoa khác mà mình vẫn thích, thành ra phí phạm ít ra một vài năm. Thế là còn ít, chỉ mất tiền của: có khi mất luôn cả con vì nó giận hờn, làm reo, bỏ hẳn cả học và phí cả đời... Chuyện đôi bạn cũng thế nhưng bực cha mẹ biết khôn, ít khi ngăn cản ra mặt theo kiểu đời xưa. Do đó mới thấy số lượng hôn nhân dị chủng (Việt Nam lấy người ngoại quốc) tăng nhiều, đầu các cha mẹ không vui.

Có những vấn đề nhị hơn, thí dụ đứa con mong chờ cha mẹ bày tỏ, biểu lộ tình cảm một cách rõ ràng hơn, thẳng thắn, bộc trực, thay vì

kín đáo giữ gìn hay là che giấu đi như người Á đông. Là vì người trẻ di cư đã quen nếp sống trực lộ Mỹ-Âu nên cần trông thấy dấu chỉ thương yêu phát từ cha mẹ, thành ra nghi ngờ hay là thất vọng khi gặp thái độ dửng dưng, tưởng là ghẻ lạnh của các người lớn quen kiểu đông Á thời xưa.

Chính tại không quen hay là không hiểu tư thái tế nhị của lớp người trước thoát từ thói quen xa xưa cho nên người trẻ mới thấy phiền hà, bực tức, đôi khi xảy ra xung đột. May mắn là việc chạm trán tương đối ít thấy, vì còn phải nhớ là chính cha mẹ cũng đang lột lốt và ngay chính họ cũng đang thích ứng và "ngoại-quốc-hóa" phần nào. Cha mẹ thiệt ra đã hiểu - dầu chỉ mập mờ - đoạn đường mà họ đã đi, cho nên có phần chờ đợi, thông cảm những gì các con đòi hỏi, tuy khó hình dung chính xác mức độ. Dầu vậy cũng tránh được một số lớn va chạm trực tiếp và ít khi xung đột lớn đi đến đổ vỡ. Chỉ những bất bình nhỏ nhặt, khó chịu, bực bội, sẽ thành nguy hiểm nếu bị chất chứa lâu ngày.

TRẦN CÔNG NGHỊ

AI VỀ QUÊ MẸ

Gởi Kim Anh

ai về quê mẹ chiều nay
tiền giang con nước lúc đầy lúc vơi
chia tay từ buổi đổi đời
về đây họp mặt rạng ngời thân thương

"mẹ già như chuối ba hương ,
như xôi nếp một như đường mía lau"
nhớ ơn chín chữ cù lao
công cha nghĩa mẹ biết bao nhiêu tình

quê ta cảnh đẹp người xinh
người đi ta lại nhớ mình hôm nao
sông xa gợn sóng lao xao
thuyền rời sông nước trăng vào bến mơ

mẹ ta là mẹ âu cơ
trăm năm trần thế bây giờ cõi tiên
chắp tay cầu nguyện mẹ hiền.

6.2001

Vẫn còn Việt Nam

Tuy nhiên còn một yếu tố khác nữa thường làm đỡ bớt bất đồng ý kiến giữa hai thế hệ: sự việc người trẻ di cư không hẳn chuyển hướng hoàn toàn và họ còn giữ một phần khá lớn nét tánh bản sanh cha mẹ cùng với cộng đồng lưu truyền. Nói rõ hơn, họ còn khá nhiều nét tánh Việt Nam, bên trong nhiều hơn bên ngoài, và chưa hoàn toàn mất gốc.

Ăn uống là chuyện nhỏ nhoi nhưng củng khá rõ: trẻ Việt vẫn thích thức ăn Việt hơn ngoại quốc, mặc dầu vẫn biết thưởng thức món ăn nước ngoài.

Tiếng Việt họ nói không rành, bập bẹ, ngập ngừng như người ngoại quốc, nên không thích nói. Cứ nghe các buổi phát thanh các đài Việt Nam hải ngoại khi nào phỏng vấn vài người thanh niên thì biết: người trẻ đang được phỏng vấn phát ngôn nguyên hết cả tràng tiếng Mỹ trong khi tiếng Việt thì ấp úng tiếng được tiếng không. Cuối cùng gần như nói chuyện tiếng Anh, đúng hơn là thứ ngôn ngữ "ba rọi," đa phần là tiếng nước ngoài trộn với vài câu quốc ngữ. Thế nhưng có khá nhiều người đi học chữ ta, Việt ngữ: chỉ riêng Quận Cam có trên năm mươi lớp dạy Quốc ngữ, còn các nơi khác chỗ nào cũng có. Các lớp thường bấp bênh vì toàn dựa vào công khó các người tình nguyện và có rất ít tài nguyên. Nhưng nỗ lực ấy rất đáng kính phục nếu nhớ thêm sự hy sinh của các phụ huynh có công đưa đón con em, và nhớ thiện chí của các trẻ em, có thể chỉ là vâng lời người lớn lúc đầu nhưng sau tự mình cố gắng và vui để học.

Về mặt tôn giáo cũng vậy. Các nơi phượng thờ mọc ra như nấm, không một cộng đồng lớn nhỏ nào thiếu. Nhà thờ vay mượn, chùa miếu tạm thời lúc đầu... rất mau biến thành họ đạo, chùa chiềng, thánh thất vĩnh viễn, do chính công đức của người Việt nam xây thành. Và các tổ chức tôn giáo sở dĩ sống được và tăng triển mạnh là nhờ các người trẻ, có thể hồi đầu chỉ theo cha mẹ, nhưng mà sau đó vui với cộng đồng, hưởng ứng không khí thành kính tôn thờ các Đấng Chí Cao. Riêng các

phong trào thanh niên phát từ các chùa hay các nhà thờ: Hướng đạo, Thiếu nhi, Gia đình Phật tử... đua nở, lớn mạnh. Phúc trình nhiều loại cũng cho thấy thêm tỉ lệ thanh niên thiếu nữ đi tu, chọn bước theo đường tôn giáo rất cao, rõ ràng khác với Mỹ-Âu là nơi tôn giáo kém lần vai trò quan trọng.

Cũng rất hiển nhiên là cách kết bè, làm bạn của các người trẻ di cư. Các con trẻ Việt chơi với tất cả mọi người, không kể màu sắc, dân tộc. Nhưng gần như đương nhiên, họ riêng thân thích với người đồng chủng hay là ít ra với dân thiểu số da vàng. Tất cả đều nói tiếng Anh nhưng nếu kết bạn hay là làm "băng" hay là lập "đảng" theo như truyền thống của tuổi thanh niên thì luôn với người Việt Nam, kể như là dễ kết bè hơn hết. Nét ấy sẽ giữ đến lớn và khi lên đến Đại học, có thể còn rõ hơn nửa.

Để chọn người yêu, thường thường cũng một kiểu ấy. Thanh niên, thiếu nữ Việt Nam kén vợ, kén chồng thường ở trong vòng đồng bào vì nhiều lý do: vì sẵn quen nhiều hơn quen người Mỹ, vì dễ tiếp xúc, vì dễ thông cảm, giao thiệp... Dầu cho lý do thế nào, người Việt hay ngó về phía "người mình" khi muốn mối tình dài lâu và chỉ khi nào không được mới nhìn ngả khác, phía người khác giống.

Nét khác, cũng là đặc thù, là tánh siêng học của các thanh niên di cư. Có thể giờ đây đức tánh kể trên bớt đi một phần, nhưng từ rất lâu, người trẻ Việt Nam hiếu học đã làm thầy cô và hết mọi người quan sát trầm trồ khen ngợi vì đi ngược lại trào lưu chung của học đường Mỹ hiện đang có phần buông xuôi thả lỏng. Con trẻ Việt Nam nhiều đứa được đứng đầu lớp, nhưng dầu không hẳn xuất sắc độ ấy, cũng thường siêng năng, chăm chỉ và lo học hành, nhiều hơn học trò Âu Mỹ, trong các lớp nhỏ chí đến lớp cao, coi việc thi học là chánh, trội hơn các mục tiêu khác. Đúng ra là phải nhấn mạnh chữ "thi": đó là mục tiêu tối hậu của một số lớn của người Việt mình - chúng ta học nhiều vì muốn đỗ đạt để lấy mảnh bằng làm chứng mình đã thành công (achievement), dấu chỉ có thể chưng ra với đời.

Và cũng từ đó thoát ra một vài tật không mấy gì hay. Thí dụ muốn đậu nên ta học nhiều, tự nhiên là vậy, nhưng mà đa số học theo lối "gạo," lại còn học "tủ" và có nhiều khi tìm cách đi ngang, về tắt - miễn là giựt được mảnh bằng thì thôi. Do đó chúng ta không từ một mánh khóe hay phương hướng nào để đặng thi đậu, dầu phải làm việc không đúng lương tâm bình thường. Ta thật cũng không khác gì một số thanh niên quốc ngoại - cũng làm đủ cách để lo o bế thành công, nhưng có phần khác với lại đa số thanh niên Âu Mỹ, thay vì chạy theo lý tưởng mảnh bằng, có thể tìm nhằm mục tiêu trừu tượng, tìm tự thể hiện (self-realization). Hành động của họ nói chung không nhằm lợi ích tức thì là thi đậu, thành người chức phận hoặc có địa vị, mà cố phát triển năng khiếu cá nhân. Do đó, thay vì tìm học những môn tiện ích hữu dụng, thí dụ để làm bác sĩ, kỹ sư... hay kiếm cấp bằng, họ sẽ có thể "lông bông" học về văn chương, kịch nghệ, khoa học xã hội hay các món khác không thấy có danh, có tiền tức khắc. Hiện giờ một số con em chúng ta đã đến mức ấy và tìm những con đường không nhất thiết sẽ có tư lợi tức thì để đi vào con đường nghệ thuật, trí thức hay là thẩm mỹ thuần túy, nhưng con số nầy vẫn còn hiếm. Người trẻ Việt nam vẫn còn nuôi mộng thành công thực tiễn (có tiền, địa vị...) và vẫn theo đòi bằng cấp...

Nhưng mà rõ ràng hơn hết, Việt Nam tính nơi họ được thể hiện ở cách nhìn gia đình quyến thuộc. Với đại đa số các người Việt nam, dù sanh tại Mỹ hay tại quê nhà, gia đình vẫn còn là gốc, ôm chặt cá nhân và đem ý nghĩa rõ ràng vào trong cuộc đời. Tuy không mù quáng vâng phục như xưa, nhưng họ vẫn coi ông ba, cha mẹ, anh em, gia đình là đơn vị chánh, họ là thành phần mật thiết liên hệ. Bình thường thì họ không mấy quan tâm, nhưng khi nào cần, khi phải hợp sức, góp vào một tay thì ít khi nào mà họ câu nệ, càu nhàu. Họ nuôi cha mẹ khi nào già yếu, họ giúp anh em trong lúc khó khăn, hy sinh sự nhỏ cũng như việc to mà ít khi nào đặt hẳn câu hỏi tại sao phải làm, coi như đó là tự nhiên, bổn phận phải có và không khước từ. Họ không ngại ngùng khi phải xin xỏ cha mẹ cũng như họ chẳng đắn đo cần phải giúp anh em, không giống người Mỹ, và ít hay không dùng chữ "vay mượn" trong vòng thân quyến. Gia đình thường ở chung nhau, đầu tiên là vì tiện lợi rồi tại ấm cúng, thân thích, và như thế mãi đến khi dựng vợ gã chồng mới thôi. Người thanh niên Mỹ hay Âu, dầu gái hay trai, đa số đến tuổi đại học đã thích ở riêng. Người Việt ít khi chịu bước ra đời trước khi thành thân, đầu vào Đại Học nhưng mà chưa có gia đình vẫn còn tự nhiên theo cha theo mẹ. Nhưng vào bất cứ tuổi nào, tương quan lại với bà con luôn

luôn chặt chẽ và "nhìn bà con" là việc trọng đại và là đáng ghi và có ý nghĩa.

Đối với cộng đồng cũng một chiều hướng như trên. Người trẻ Việt Nam có thể líu lo bằng tiếng Âu-Mỹ, tung tăng kiểu cách Tây Âu nhưng có một điều không thể chối cãi: bên trong huyết quản của họ là dòng máu Việt. Có thể là do di truyền, có thể là nhờ cha mẹ, nhưng họ vẫn còn tìm lại gốc nguồn và vẫn còn nhớ căn nguyên. Về mặt tinh thần, khi thêm tuổi tác, tự nhiên họ sẽ tìm hiểu thế nào là con người, đất nước, văn hóa, tinh hoa, phong tục Việt Nam. Cụ thể họ đi về thẳng Việt nam, quê nhà, để xem gốc rễ của mình (và thường lắm khi thất vọng vì cái nghèo đói và nhất là nét hư đồi, ngoan cố của chế độ cộng sản, tuy vẫn rung động trước cảnh quê hương). Hay họ tò mò tìm hiểu lịch sử cận đại, cuộc chiến Việt Nam, tại sao họ đã hiện diện nơi đất nước nầy, tìm đặt trở lại bài toán Đông dương.

Có vài trường hợp, lý luận như người ngoại quốc, rơi vào cái bẫy nhân ái giả dối mà Cộng sản đã giăng từ trước, họ cho cha mẹ là quấy, có lỗi hay là sai lầm. Nhưng thường hơn, họ theo cha mẹ, suy nghĩ như là người dân tỵ nạn, không quên nợ nước, thù nhà... Nhưng nói cách chung, họ thường một mực tỏ lòng quảng đại, thương dân, yêu mến đồng bào, không quên cội nguồn. Nếu cần, họ sẽ dấy động: hội họp, xuống đường, biểu tình, tổ chức đêm không ngủ, và khi có chuyện, họ sẽ biểu dương lực lượng: để chống tham nhũng, trợ giúp tiếng nói của dân, hô hào cứu trợ hay làm công tác giúp dân... Thế rồi họ đi vận động, đi xin chữ ký, xin tiền, kêu gào tẩy chay, ủng hộ, đi bộ, rửa xe gây quỹ, tổ chức hội chợ trình diễn văn nghệ... không thiếu một hình thức hoạt động nào mà không có họ. Rất nhiều sinh hoạt cộng đồng sở dĩ thành hình là nhờ căn bản thanh niên, thuần túy là hoạt động thanh niên.

*

Đọc lại mấy dòng vừa qua, tôi sợ mình đã có phần quá độ lạc quan. Dầu sao xu hướng ngoại hóa sợ rằng vẫn mạnh hơn là yếu tố giữ lại truyền thống. Số người thanh niên sanh để, lớn lên ở tại nước ngoài càng ngày càng đông và sẽ tự nhiên đồng hóa, trở thành Mỹ, Pháp hay Gia nã đại, một cách tự nhiên, dễ dàng, vì một lý do duy nhất: sống còn. Và trong lúc ấy, những người mới qua thưa dần và các nét dân tộc tánh rồi sẽ phai mờ vì bởi không còn mấy ai để nhắc hay là để làm gương. Cá tính Việt Nam do đó sợ sẽ phai dần trong các đám người sắp tới, mặc đầu bề ngoài thì vẫn là Việt Nam.

Hy vọng có thể đi ngược lại với trào lưu tự nhiên ấy, dầu biết mỏng manh. Trong thực tế không mong chận đứng được sự đồng hóa - vì là hiện tượng tự nhiên. Cường độ di dân cũng theo thời cuộc mà giảm dần đi. Còn lại yếu tố môi trường có thể ảnh hưởng khiến con người có sẽ giữ hay nhớ tánh chất Việt Nam của mình hay không. Nếu cộng đồng mạnh và có đôi phần hấp dẫn thì có thể giữ con em, không mất đi hẳn về phía "bên kia," tức là văn hóa nước ngoài. Thế nên các sinh hoạt cộng đồng lớn nhỏ thảy đều quan trọng vì là đang xây nên tòa nhà cầm chân người trẻ và tạo môi trường khiến họ quyến luyến, thiết tha, trìu mến quê hương, để ít ra nếu không trở về hẳn với nguồn gốc nước cũ, thì cũng giữ những mối liên hệ với tập đoàn gốc rễ.●

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TẤM HUY CHƯƠNG

HOÀNG NGỌC LỄ

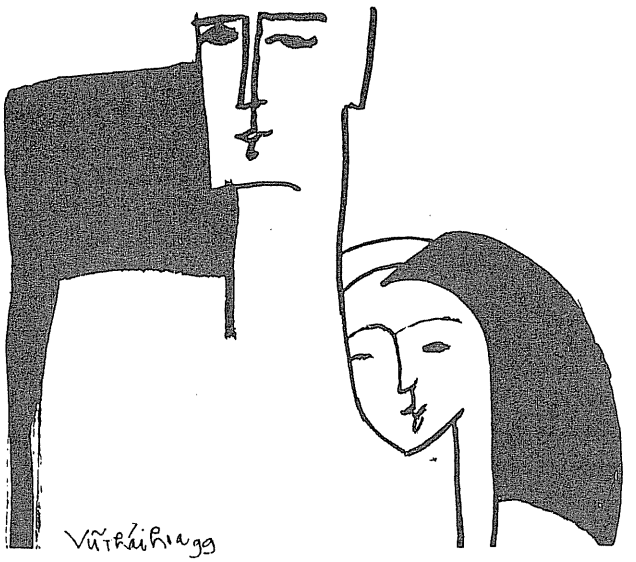

Ông Tấn khệ nệ vác, bưng một đống cờ vàng xọc đỏ vô nhà rồi trịnh trọng lên tiếng:

"Đến sáng thứ Bảy này, ba muốn cả nhà ta phải đi biểu tình kỷ niệm ngày 30.4."

Thấy chồng tuổi già sức yếu nhưng mỗi năm hễ đến dịp 30.4 là ông lại thức đêm, họp hành tùm lum, đi nói chuyện hết nơi này, chốn nọ. Rồi còn đem đủ thứ việc về nhà bắt vợ con làm. Bà bực tức trả lời:

"Tại sao năm nào ông cũng làm như vậy. Để được điều gì cơ chứ!"

"Được điều gì à! Bà chỉ có nước vào hùa với chúng nó là giỏi! Bà không thấy cái nhục mất nước à!"

"Thế ông đi biểu tình như vậy liệu có đòi lại nước được không? Có rửa được cái nhục mất nước như ông nói không, hay chỉ lại mặc niệm suy tôn, ủng hộ đả đảo, bích chương biểu ngữ, cản đường cản lối rồi sau đó lại tan hàng rã ngũ!"

Đang đọc sách trên lầu, thấy cha mẹ to tiếng, và từ lâu bất bình về việc biểu tình, biểu ngữ, bích chương, Minh, con trai lớn của ông bà Tấn chen vào:

"Thưa ba, con thấy mẹ nói đúng đó! Tại sao mình lại không biết làm gì khác ngoài cái chuyện đả đảo, hoan hô như vậy. Bây giờ ngoài mấy ông cựu quân nhân như ba ra thì đâu còn ai thích xuống đường như vậy nữa! Mà xuống đường biểu tình để làm gì cơ chứ!"

"Anh đừng nói liều, các cộng đồng quốc gia người ta đang rầm rộ xuống đường. Hết hội đoàn này tới hội đoàn nọ đang ráo riết chuẩn bị. Sao anh lại nói chỉ có vài người cựu quân nhân như bố anh mà thôi. Mà không làm cựu quân nhân như cái thằng bố anh đây thì lấy ai giữ nước giữ làng cho các anh thảnh thơi đi ăn đi học. Các anh chỉ là lũ vong ơn."

"Đâu phải là chúng con vong ơn. Chúng con luôn kính trọng và mang ơn những chiến sĩ đấu tranh oai hùng đã bảo vệ quê hương đất nước nhưng chúng con không thể nào chấp nhận và ủng hộ những tổ chức này, tổ chức nọ thừa cơ là nhảy ra khua chuông gióng mõ."

"Anh bảo ai là người khua chuông gióng mõ. Anh ám chỉ cái thằng bố anh ấy à!"

"Tại ba mới sang chưa biết đó chứ! Ở bên này đã có biết bao nhiêu là hội đoàn, đoàn thể cứ thành lập ra được vài ngày rồi lại tan. Nhiều người ăn không ngồi rồi không biết làm gì, họ thành lập hết hội đoàn này, đoàn thể nọ để bám lấy hư danh. Lợi dụng những ngày lễ này lễ nọ, tổ chức biểu tình để có dịp phất cờ ra oai rồi hiệu triệu, diễn văn. Đủ trò múa

rồi."

"Anh đừng nói càn! Ngày 30.4 là một ngày nhục nhã, ngày mang hận mất nước, mọi người có bổn phận biểu lộ đồng tình lột mặt nạ cộng sản đã vi phạm hiệp định hòa bình Paris tấn chiếm miền Nam và đòi buộc lương tâm người Mỹ phải can thiệp."

"Can thiệp gì bây giờ thưa bố! Người Mỹ nói chung trọng óc thực tế, đối với họ bây giờ là kinh tế và việc làm. Bố đem chuyện Việt Nam ra mà nói với người Mỹ lúc này khác nào như bố đứng giữa sa mạc mà gào thét một mình vậy đó!"

"Anh đừng hỗn láo. Tôi khổ công cho anh ăn học thành tài để bây giờ anh chống đối lại tôi như vậy đó hả!"

"Không phải là con chống đối lại bố nhưng nhiều lúc bố độc đoán quá sức! Việc đi biểu tình thì nếu bố thích thì bố cứ việc đi một mình. Đó là quyền tự do của bố. Tại sao bố lại không tôn trọng quyền tự do của người khác mà bắt mọi người trong gia đình phải cầm cờ theo bố hoan hô, đả đảo."

"Là người có lương tâm thì phải biết cái nhục mất nước chứ! Ai cũng như anh, ai cũng chỉ muốn có nhà cao cửa rộng, có job thơm nhiều tiền. Sống chết mặc ai thì lấy ai mà cứu nước."

"Cái chuyện bố đi biểu tình không dính dáng gì với việc cứu nước cả. Cứu nước thế nào được khi mà chỉ một nhóm người diễn hành la hét. Thụ động khóc than nỗi hờn vong quốc mà không có được một đề cương sáng kiến cứu nước thì việc làm đó có khác chi những con đà điểu to cao nhưng chỉ biết rúc mình trong cát mỗi khi có biến."

"Như vậy là anh hỗn láo lắm rồi. Tôi báo cho anh biết nếu không có những thằng chiến sĩ hăng say chiến đấu hy sinh xương máu như thằng bố anh đây thì liệu anh có được cái ngày hôm nay không?"

Thấy chồng và con trai lớn mỗi lúc một to tiếng. Bà Tấn hòa giải:

"Thôi thì con nó không muốn đi thì thôi. Ông bắt ép nó làm gì, hơn nữa nó sang đây từ ngày chưa mất nước thì nó đâu biết thế nào là cái nhục mất nước thì ép uổng nó làm gì."

"Đúng là đồ vong bản, ăn hại đái nát. Không khéo mấy thằng này, mấy thằng được đãi ngộ cho đi ăn học đến nơi đến chốn lại là những thằng tiếp tay với cộng sản mạnh nhất. Đúng là đồ ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản."

Minh thấy bố nóng giận và có những lời nói có vẻ hằn học, dễ gây tranh cãi mất lòng nên anh kiếm cớ, có chuyện cần phải ra đi. Bỏ mặc lại ông bà Tấn tiếp tục tranh cãi với nhau.

Đã hai năm nay, kể từ ngày ông Tấn qua đây theo diện H.O. thì năm nào cứ đến ngày 30.4 là gia đình ông chia ra làm hai phe tranh cãi và nhiều khi cuộc tranh cãi đã biến thành một cuộc chiến tranh kéo dài và gây ra sự căng thẳng, giận dỗi lâu ngày.

Năm đầu tiên khi ông mới sang, lục lại chồng báo cũ thấy tin một trung tá nọ được tổng thống Mỹ mời vào tòa bạch ốc để trao lại tấm huy chương anh dũng bội tinh ngôi sao đồng, ông cũng bảo Minh, con trai lớn của ông viết thư cho bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, xin lại tấm huy chương mà trước đây khi ông là tiểu đoàn trưởng đã được cố vấn Mỹ trao gắn.

Thay vì tìm địa chỉ để viết thư cho bố thì Minh lại hỏi:

"Bố xin huy chương để làm gì?"

"Để làm gì à! Anh có biết đây là một huy chương cao cấp nhất mà Mỹ dành cho người ngoại quốc không? Anh có biết bố anh chiến đấu anh dũng như thế nào mới được trao gắn không?"

"Nhưng theo con thì nó chỉ là một kỷ niệm tinh thần mà thôi thì cần gì phải xin lại một cách gấp gáp như vậy! Bố để từ từ, con sẽ hỏi tìm địa chỉ bộ Quốc phòng rồi sẽ viết thư sau."

"Các anh thì chỉ được cái nhùng nhằng. Nhờ đến việc gì cũng tìm cách chối quanh. Khi đẻ các anh ra, khi chạy tiền lo cho các anh đi học thì chúng tôi đâu có nhùng nhằng như vậy. Tấm huy chương nó cả là một chứng tích của chiến thắng quả cảm và oai hùng, chẳng thế mà người có huy chương Hoa Kỳ được liệt kê vào ưu tiên thứ nhì để có thể lên đường định cư ở Mỹ."

"Nhưng bây giờ bố đã định cư ở Mỹ rồi thì cần gì nữa."

Đại loại những câu chuyện chính trị liên quan đến cuộc chiến Việt Nam, đến những cuộc biểu tình nhân ngày 30.4 đã gây bất đồng, rạn nứt nặng nề trong gia đình ông Tấn.

Sang Mỹ không bao lâu là ông tìm liên lạc những đồng đội cũ, những bạn tù, những hội đoàn, đoàn thể chính trị rồi ông tham gia hết hội đoàn này đến hội đoàn nọ. Ông bỏ tiền đổ xăng chạy ngược chạy xuôi, nhiều khi mua cả vé máy bay đi Seatle, Washington... để tham dự cuộc họp này, phiên họp nọ khiến vợ con ông rất bất bình. Đã vậy, ông còn ép buộc vợ con ông phải tích cực tham gia, nhiều hôm đi

họp về, ông chở một xe vải vàng đỏ để chật phòng khách rồi bắt vợ con phải may cờ quạt, khẩu hiệu. Cô con gái út mới sang với ông sau này thì còn hiểu và thông cảm cho ông còn hai người con lớn sang đây trước thì chống ông ra mặt. Bà Tấn thì bất mãn lắm nhưng không dám nói.

Ông Tấn tin tưởng mãnh liệt vào cuộc giải phóng của một tổ chức nọ mà ông đã từng nghe bàn tới từ khi còn ở Việt Nam. Sang đây, ông tìm cách móc nối cho bằng được. Thỉnh thoảng người ta thấy ông đi lại, giao du với một vài người khác trạc tuổi ông. Thấy họ luôn có vẻ khẩn cấp và quan trọng.

Đã nhiều lần ông Tấn bóng gió từ giã vợ con. Thậm chí có nhiều lần ông nói thẳng với một vài người bạn khác của ông rằng: "Anh em mình sau này gặp nhau không khó." Ý ông muốn đề cao mình sau này sẽ trở thành một nhà lãnh đạo chăng?

Rồi một hôm đi họp về với vẻ mặt trịnh trọng, ông họp vợ con lại và tuyên bố:

"Bố sẽ lên đường sang Thái Lan thăm chiến khu. Quân đội đồng minh và hoàng gia Thái đã yểm trợ cho ta một căn cứ quy mô để có thể huấn luyện quân lính từ trong nước qua và một số nằm vùng ở Cao Miên. Họ hứa là mình có bao nhiêu quân thì họ sẽ trang bị cho bấy nhiêu quân dụng vũ khí."

"Ai nói với bố như vậy! Bộ bố ngủ mơ à!" Minh lên tiếng.

"Chuyện của cách mạng thì làm sao có thể tiết lộ được. Bố chỉ thông báo như thế để ngộ nhỡ vắng bố thì mẹ và các con hiểu và các con lo chăm sóc mẹ các con."

"Bố đừng nghe những thằng ba xạo. Chúng thấy bố mới qua rồi ve vãn để thêm vây thêm cánh. Chúng con ở bên này lâu rồi và chứng kiến nhiều trò lừa đảo. Trước đây đã có phong trào gây được tiếng vang lớn và được sự yểm trợ nhiệt tình của đa số bà con nhưng rồi họ kinh tài riêng tư, kiếm tiền bỏ vào túi chính họ thôi. Chuyện đổ bể, ăn chia không đều rồi phong trào xẹp lép, giống như chiếc bong bóng xì, gây bực tức, căm phẫn trong quần chúng. Sau đó lại biết bao nhiêu phong trào, mặt trận được thành hình rồi có ông là lính bỗng tự phong tướng, ông xưng thủ tướng, tổng thống, toàn phường bát nháo lừa lọc cả."

"Anh không thể cá mè một lứa như vậy. Đụng chạm đến những người yêu nước chân chính vì nước hy sinh, chiến đấu là bất lễ, bất kính!"

"Chiến đấu cái gì bây giờ. Trong khi cả thế giới người ta hô hào hòa bình, hiệp thông hòa giải thì bố lại hô hào chuẩn bị gậy gộc vào bưng chiến đấu. Chiến đấu cái gì khi quân đội hồi xưa của bố có cả hằng triệu quân tinh nhuệ, bên cạnh nửa triệu quân Mỹ và đồng minh trang bị cực kỳ tối tân còn thua chạy thì nay bố và các bạn của bố đã già rồi; ông nào, vị nào cũng xấp xỉ "thất thập cổ lai hy" rồi thì đánh đấm với ai. Chưa bắn địch thì súng giật đã ngã chúi rồi thì đánh đấm với ai."

"Anh hỗn láo và ngạo mạn qúa sức! Anh xỉ nhục bố anh như vậy mà coi được à! Thử hỏi không có những thằng lính già như bố anh đây thì các anh có được sung sướng như ngày hôm nay không? Đừng đua đòi theo bọn 'ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản' mà bán linh hồn, làm lợi cho cộng sản!"

"Chúng con hoàn toàn không chấp nhận cộng sản, nhưng chúng con cũng không chấp nhận bạo loạn. Tại sao bố và những bạn chiến đấu của bố lại không nghĩ ra một phương thức khác, không đoàn kết với nhau để trở thành một lực lượng duy nhất trong đó có mọi thành phần, mọi lứa tuổi, mọi khuynh hướng chính trị và thành phần xã hội. Chúng ta có một tiếng nói duy nhất và một sức mạnh tổng thể dựa trên tình đoàn kết quốc dân thì lúc ấy chúng ta mới nói chuyện đại sự được. Chúng ta chỉ trích và lên án cộng sản vì độc tài, độc đoán nhưng chúng ta có mở lòng, mở trí ra mà chấp nhận người khác không? Quốc gia như bố và các bạn đồng đội của bố thì cộng sản chưa đánh, mình đã bôi mặt đánh nhau chết trước rồi. Hỏi bố là ở Cali này có bao nhiêu hội đoàn, có hội đoàn nào có đề cương chống cộng rõ rệt hay họ chỉ vá víu, cốt được thành lập ra để chống đối bêu xấu lẫn nhau..."

Nghe đến đây, ông Tấn cảm thấy bị xúc phạm tới tột cùng. Máu nóng hừng hực bốc khắp người. Cơn tức giận trào dâng, khiến ông uất nghẹn. Ông không ngờ thằng con lớn của ông nay lại chống đối ông ra mặt. Ông đã bị nhiều người trai trẻ vặn hỏi ông những điều tương tự. Nhưng nay những lời lẽ này nó lại phát xuất từ miệng lưỡi của thằng con trai lớn của ông. Ông uất muốn chết. Lòng ngực ông nhói đau, mắt ông hoa cả lên và đầu óc ông cực kỳ rối loạn. Ông cảm thấy không thể tiếp tục sống chung với anh con trai được nữa.

"Như vậy là quá lắm rồi! Anh là thằng con bất hiếu. Anh hãy để cho tôi yên và ngay ngày mai, xin anh mướn nhà khác cho tôi ở. Tôi

phải ra khỏi chốn này và mai này, tôi chết bờ, chết bụi ở đâu thì anh cứ mặc xác tôi."

Nói tới đây, ông Tấn mệt mỏi và như thiếp đi trong bất động, bên tai ông vẳng nghe tiếng quân hành, ông mơ màng thấy tổng thống Mỹ đang gắn anh dũng huy chương đồng lên ngực ông và xa xa những hàng quân đang diễn hành, cờ vàng xọc đỏ tung bay chen lẫn cờ Hoa của đồng minh Mỹ quốc. Ông ú ớ, thiêm thiếp trong cơn chập chờn. Mắt ông nhắm tít và tay ông lần sờ lên tấm huy chương vừa mới gắn. Trên bầu trời những tiếng phản lực hét trời tung bay thao diễn. Ông giật mình choàng tỉnh và nhận ra đây là nhà ông. Ông nhớ lại cuộc cãi vã vừa xảy ra trong căn nhà này. Ông tủi thân và nước mắt cứ thế tuôn rơi.

Bà Tấn biết ý chồng. Bà biết rằng ông Tấn đã quyết định điều gì thì không thể thay đổi. Bà sợ rằng ngày mai đây bà phải dọn nhà đi nơi khác theo ông. Bà sợ, sợ rồi đây, ông sẽ lên đường đi Thái Lan vào bưng chiến đấu. Bà khóc, tiếng nấc nghẹn lời. Bà nhớ lại những ngày khổ sở, lặn lội thăm nuôi chồng. Bà nhớ lại những ngày vui mừng đi lãnh những kiện hàng của thằng con gửi về. Rồi ngày ông được trả tự do. Ngày sung sướng hạnh phúc cùng chồng lên đường đoàn tụ với các con.

Bà nghĩ lại những giờ phút sung sướng đi nhận hàng. Những kiện hàng to lớn, lớn ngang với niềm hãnh diện của bà. Rồi có hàng có quà, bà bán đi thăm nuôi ông. Ông tự hào có thằng con hiếu để. Mỗi lần thăm nuôi ông, mặc dù chỉ được một vài câu trao đổi ngắn gọn trước mặt người quản giáo, nhưng bà hiểu, bà hiểu ông nói gì:

"Đời mình khổ nhưng con mình nó sung sướng hạnh phúc là được rồi bà ạ! Tôi sung sướng và tự mãn có thằng con hiếu thảo..."

Bà biết ông bóng gió nói thế. Bà biết rằng ông vô cùng tự hào sung sướng có thằng con ngoan ngoãn, hiếu thảo. Nó đã cật lực làm ăn, dành dụm gửi tiền về nuôi cha mẹ và nhờ đó bà mới có phương tiện để ra trọ ở Hà Nội và thường xuyên thăm nuôi ông. Bây giờ hai cha con qua đây lại kình địch lẫn nhau. Bà biết rằng chồng bà đã cố chấp và dồn con vào thế chống đối. Nghĩ đến đây, nước mắt bà trào dâng.

Bà bâng khuâng nhìn ông nằm bất động, mặt mũi ông thâm tím vì tức giận rồi bà nhìn qua cửa sổ, những con nhạn lạc bầy nhịp cánh mệt mỏi trong bầu trời mây mù vần vũ. Bà thấy lòng quặn đau và lo sợ điều gì.●

(30/05/01)

HÀ THƯỢNG NHÂN

PHÙ DU

Viết nhân cuộc cải táng mộ Tạ Ký

Anh về nằm cạnh anh Bùi Giáng (1)
Thiếu rượu nhìn nhau lại thử điên.
Đời đã điên từ thiên vạn kỷ
Lọ là thi sĩ mới oan khiên?

Hai tên đăng tử làng Trung Phước
Học mãi chưa xong một chữ tình
Khi dạy Đoạn trường thơ mấy đoạn
Thương mình, thương quá Nguyễn tiên sinh (2)

Hai đứa trẻ con trong cuộc sống
Bạc đầu vẫn cứ vị thành niên
Bao nhiêu nhan sắc yêu chưa đủ
Chưa đủ đầy trang sách thánh hiền.

Hỡi ơi! Tạ Ký! ơi Bùi Giáng!
Một chữ tài hoa đã tội tình
Cuộc sống nếu quên "sầu ở lại" (3)
Làm sao hiểu nổi nghĩa phù sinh?

"Phù sinh thì có chi mà tiếc?
Hết kiếp tìm nơi nghĩa chủng về" (4)
Lời nói Leiba giờ nhắc lại,
Nghe lòng chợt tỉnh giấc đam mê.

1. Ngày 5-4-2001 mộ Tạ Ký được đem về Thủ Đức chôn cạnh mộ Bùi Giáng. Bùi Giáng và Tạ Ký là người cùng một làng, cùng xóm, hai người lại xấp xỉ tuổi nhau: Bùi Giáng sinh 1926, Tạ Ký 1928.
2. Nguyễn Du tác giả Đoạn Trường Tân Thanh
3. Tên một tập thơ Tạ Ký
4. Thơ J. Leiba. Leiba là tên hiệu của nhà thơ Lê Văn Bái.

LA SINH MÔN

(Rashomom)

GIỚI XUYÊN LONG CHI GIỚI
(Akutagawa)
NGUYỄN VĂN THỰC dịch

Giới Xuyên Long Chi Giới (1892 - 1927) là tác giả tiên phong, và là nhà văn hàng đầu của nền văn chương hiện đại Nhật, kiểu như Nhất Linh, Khái Hưng bên mình. Giải văn chương hàng năm lớn nhất của Nhật mang tên ông. Truyện La Sinh Môn này ông đã tái tạo từ chuyện La Sinh Môn trong tập Cổ Ký Sự. Truyện này trích dịch từ Giới Xuyên Long Chi Giới toàn tập, xuất bản năm 1977.

*

Trời đã tối, có một anh đầy tớ đang chờ mưa tạnh dưới La Sinh Môn. Chẳng còn ai ngoài người đầy tớ nơi cái cổng bề thế ấy. Chỉ có một con dế cũng đang chờ dưới cây cột lớn. Ngoài ra cũng có đôi người đội nón chóp sơn mài hoặc những chiếc mũ trông như khăn đóng loáng thoáng ngoài đại lộ Châu Tỉnh. Rốt cuộc rồi cũng chỉ có một mình người đầy tớ.

Sao lại như vậy? Hai ba năm trở lại đây động đất, gió lốc, hỏa hoạn, đói kém đã tiếp nối xảy ra, cho nên phố xá Kinh Đô mới tiêu điều như thế. Theo sử sách chép lại thì những khi ấy người ta chẻ tượng Phật, đồ thờ, những thứ sơn son thiếp bạc bằng gỗ này, chất từng đống như đống củi dọc đường. Phố xá mà còn như thế, huống hồ La Sinh Môn, người ta chẳng hơi đâu mà sửa sang ngó ngàng. Cổng mau chóng trở thành hoang phế; chồn cáo và những phường đạo tặc dùng làm nơi trú ngụ. Chẳng những thế người ta còn mang xác người chết đến vứt bừa ở cổng; dần dần thành thói quen. Vì vậy, khi mặt trời khuất bóng, ai cũng cảm thấy gai người, chẳng dám đặt chân đến.

Thay vào đó quạ không biết từ đâu đến tụ tập ở đó thật nhiều. Ban ngày không biết bao nhiêu là con vừa kêu vừa lượn vòng quanh những phù điêu mái cổng. Đặc biệt, khi ánh tà dương nhuộm đỏ màu chiều, người ta thấy chúng lấm tấm như mè vãi trong khoảnh trời trên cổng. Cái lũ quạ chẳng qua đến để mổ thịt người chết trên gác cổng. Bây giờ tuy trời cũng đã muộn mà chẳng thấy con nào, nhưng đó đây trên những phế tàn và khoảng trống giữa những phế tàn đó, cùng trên những bực thang đã xanh rêu, phân quạ lốm đốm. Người đầy tớ mặc chiếc áo màu lam đã sờn rách ngồi ở bậc thứ nhất của chiếc thang bảy bậc, vừa măn măn cái mụt bọc mưng mủ trên má, vừa đờ đẫn nhìn mưa đổ.

Tác giả ở phần trước đã viết "Người đầy tớ chờ mưa tạnh," nhưng trời có dứt mưa đi nữa, người đầy tớ cũng chẳng có gì khác để làm. Anh ta không còn có thể trở về nhà chủ như thường lệ nữa. Chủ đã cho anh thôi việc bốn năm ngày nay. Cũng ở khúc trước, viết là đương thời phố xá Kinh Đô tiêu điều tàn tạ. Người đầy tớ hầu hạ chủ lâu năm, nhưng nay bị thôi việc, thì sự kiện này thực ra cũng chỉ là một gợn sóng dội li ti giữa cái thời suy vi ấy. Cho nên thay vì nói "Người đầy tớ chờ mưa tạnh" thì nên viết "Người đầy tớ bị mưa giam chân đó không biết đi nơi đâu và đang hoang mang lạc lối" thì đúng hơn. Ngoài ra, thời tiết cũng ảnh hưởng đến cõi lòng của người đầy tớ thời Bình An này rất nhiều. Cơn mưa từ bốn giờ chiều tới giờ chẳng có dấu hiệu gì sẽ ngưng. Người đầy tớ đang cố gạt mọi sự qua một bên và cố nghĩ đến cuộc sống ngày mai - hay có thể nói là anh đang vừa miên man nghĩ đến đường cùng khốn khó, vừa, nghe mà không nghe, tiếng mưa rơi từ nãy giờ trên đại lộ Châu Tỉnh.

Mưa bao trùm La Sinh Môn, và từ xa tiếng mưa dào dạt vọng về. Chạng vạng đưa trời xuống thấp, và trên kia, mép mái cổng lợp ngói chênh chênh tựa vào lớp lớp mây đen

Chẳng có gì để mà có thể chọn nên làm cái gì, và làm như thế nào. Nếu có được chọn đi nữa, thì cũng chỉ chọn chết đói trong chòi tranh hoặc chết đói bên đường. Cho nên, chỉ còn có có nước trú dưới cái cổng này như một con chó hoang mà thôi. Nếu không được chọn lựa làm gì cả, người đầy tớ sau khi đi tới đi lui cùng một con đường, rồi cũng chỉ quay trở về nơi cũ. Nếu rồi lại hoàn nếu. Dẫu người đầy tớ không có gì để chọn, nhưng khi đã nói đến nếu, thì trước sau gì cũng chỉ dẫn đến chỗ khẳng định là chỉ có nước đi ăn trộm, mà ăn trộm thì lại chẳng có gan.

Người đầy tớ hắt hơi mạnh rồi thẩn thờ đứng dậy. Chiều lạnh Kinh Đô làm cho người ta ao ước một bếp lửa. Gió từ phương xa thổi về lồng lộng giữa những cột cổng buổi hoàng hôn. Con dế dừng chân dưới chân cột sơn son, cũng chẳng biết đi đâu.

Người đầy tớ rụt cổ, so vai áo lam sờn rách với lần áo lót đỏ sậm, và nhìn lung quanh cổng. Nếu muốn kiếm một nơi để ngủ thẳng giấc, chẳng lo mưa gió, chẳng ngại người ngó, thì dẫu gì nơi nầy là nơi có thể trú qua đêm được. Thật may, anh ta nhìn thấy có chiếc thang sơn son lớn bắc lên tận gác trên. Nếu có ai trên đó, thì cũng chỉ có người chết mà thôi. Người đầy tớ, cứ để mặc cho phần dưới chiếc đại đao giắt bên hông trồi ra ngoài vỏ, nhón bàn chân mang dép rơm lên bực thang dưới cùng.

Mấy phút sau, nơi bậc thang giữa của chiếc thang lớn, có một người đàn ông co mình lại như mèo, nín thở đưa mắt quét qua vùng phía trên thang. Ánh sáng trên gác lập loè soi má phải người đàn ông, má có cái mụn bọc nằm trong chòm râu còi. Người đầy tớ thoạt đầu cứ đinh ninh rằng trên ấy chỉ có người chết. Khi anh ta leo thêm hai ba bực thang rồi nhìn vào, thấy có ai đó đang đốt lửa và ánh sáng dường như cứ di động trong đó. Ánh lửa vàng đục lắt lay trong các góc và trên những tổ nhện giăng trên trần; người đầy tớ một lúc sau mới hiểu: Đêm hôm mưa gió như vậy mà lại đốt lửa trên La Sinh Môn thì người ấy hẳn không phải là người thường. Người đầy tớ rón rén tựa cắc kè, đoạn trèo nhanh lên tới bậc thang trên cùng, rồi ép sát người, và vươn cổ dài hết mức, bồn chồn nhìn vào phía trong gác. Quả như người ta vẫn đồn đãi, có một số tử thi nằm ngổn ngang, nhưng vùng mà ánh sáng chiếu đến được hẹp hơn là anh ta nghĩ, nên anh không biết có bao nhiêu xác. Dù ánh sáng lờ mờ, anh cũng thấy có xác trần truồng, có xác còn áo xống đắp mình và dĩ nhiên xác nam xác nữ lẫn lộn. Thi hài nằm rải rác trên sàn gác, tay giang dài miệng há hốc như những hình nhân nặn bằng đất sét, làm người ta phải ngờ rằng liệu những hình nhân ấy có phải là những con người đã từng sống trên đời. Những phần nhô nơi vai, nơi ngực bắt ánh lửa lờ mờ, nhưng những phần trũng lại đầy bóng tối, nên hình hài thinh lặng tựa câm.

Người đầy tớ bỗng dưng bịt mũi, vì mùi thối từ những tử thi rửa nát ấy. Nhưng chỉ một chốc, anh ta quên luôn cả che mũi, vì luồng cảm xúc đang hoàn toàn trấn át khứu giác.

Người đầy tớ thoáng thấy một người đang bò lom khom giữa những xác chết. Đó là một lão bà áo quần màu đỏ sậm, lưng còng, gầy xọp, tóc bạc như lông đầu của khỉ, tay phải cầm một miếng ván thông đang cháy, nhìn chằm vào mặt của một xác chết; tóc dài, dám xác ấy là một xác đàn bà.

Người đầy tớ bị sáu phần sợ, bốn phần hiếu kỳ khích động đến quên cả thở một lúc. Nếu mượn từ ngữ từ Cổ Ký Sự, thì anh ta cảm thấy như "lạnh cả châu thân." Thế rồi, lão bà cắm miếng ván thông vào kẻ sàn gác và đưa cả hai tay lên đầu của tử thi, mà nãy giờ bà cứ nhìn chằm chằm, như khỉ bắt chí cho con, rồi bắt đầu nhổ từng sợi tóc một của xác chết ấy. Bà già nhổ từng sợi tóc một, và người đầy tớ cũng bớt sợ dần, nhưng đồng thời lòng ghét bà già lại dần dần tăng lên - Không, nói ghét bà già thì có lẽ không đúng lắm; đúng ra là anh ghét mọi hành vi gian ác, và có thể nói là ghét cay ghét đắng. Và bây giờ nếu có ai hỏi anh chàng đầy tớ, mới lúc nãy đây đứng suy nghĩ dưới cổng, liệu anh sẽ chọn làm phường đạo tặc hay chịu chết đói, có lẽ bây giờ anh sẽ không ngần ngại chọn chết đói. Lòng căm ghét sự ác của anh đầy tớ phừng phực như ánh lửa của miếng ván thông bà đang cắm trên sàn gác, đến độ làm cho anh đã đinh ninh như trên.

Người đầy tớ không hiểu vì sao bà già lại đi nhổ tóc xác chết. Cho nên, lấy lý mà xét, không biết nên cho đó là tốt hay xấu. Tuy nhiên đối anh, đi nhổ tóc người chết mà lại nhổ giữa đêm hôm gió mưa gió trên gác La Sinh Môn này là một hành động hoàn toàn không chấp nhận được, và dĩ nhiên lúc này anh ta đã quên béng đi chuyện lúc nãy chính anh cũng đã tính làm nghề trộm cướp.

Thế rồi, người đầy tớ đưa hai tay nắm đao

và phóng vụt lên khỏi thang lên trên gác. Và vừa nắm chuôi đao chạm trổ, anh ta vừa sãi bước đến trước bà già. Bà sợ cứng cả họng.

Bà nhìn sững người đầy tớ, rồi giật bắn người như cung vừa bung giây.

"Mụ kia tính chạy đi đâu!?"

Người đầy tớ vừa quát vừa đưa tay cản bà già, sợ quá sức, đang cố chạy tháo thân; loạng choạng giữa những xác chết, và vừa cố chạy vừa cố đẩy người đầy tớ ra. Anh đầy tớ xô lại không để cho bà già đi. Hai người lặng lẽ giằng co nhau một lúc giữa những xác chết, nhưng thắng bại vừa nhìn vào là biết ngay. Người đầy tớ chộp cánh tay lão bà, vặn quặt. Cánh tay chỉ có da bọc xương như chân gà.

"Bà làm cái gì đây, nói đi! Nếu không nói thì bà biết tay tôi!"

Người đầy tớ buông bà già ra rồi đột nhiên hươ lưỡi thép bạc trước mặt bà. Nhưng bà vẫn yên lặng, hai tay run rẩy, thở hào hển và mắt trợn trừng tưởng như tròng muốn lòi ra ngoài. Bà vẫn lặng thinh như người câm. Khi thấy thế, người đầy tớ biết rõ ràng ngay là bà già hoàn toàn nằm trong tay sinh sát của mình. Khi đã vỡ lẽ ra như thế, nỗi ghét cháy bùng lúc nãy không biết hạ xuống tự lúc nào; cái còn đọng lại trong lòng bây giờ chỉ là một sự hài lòng thanh thản của một người sau đã làm xong công việc. Cho nên người đầy tớ vừa nhìn xuống bà già, vừa dịu giọng:

"Tôi chẳng phải là cảnh binh, cảnh bung gì ráo; tôi chỉ đi tạt qua đây, cho nên tôi chẳng bắt bà và chẳng làm gì bà đâu! Nhưng tôi hỏi bà, vào giờ này mà bà còn làm gì trên cổng này?"

Nghe hỏi thế, bà già càng mở to mắt ra nhìn chăm người đầy tớ với đôi mắt mí đỏ quạch và sắc như ánh mắt loài ác điểu. Rồi bà chuyển động chiếc môi dính liền với mũi như thể đang nhai gì đó; trái cổ của bà lượn lên lượn xuống, và cổ họng của bà phát ra tiếng như tiếng quạ kêu, hào hển:

"Tóc tôi mà tôi nhổ nầy, tóc mà tôi nhổ nầy, tôi tính sẽ làm một lọn tóc giả."

Người đầy tớ thất vọng quá sức; thất vọng và nỗi ghét nhơ lúc nãy cùng ùa vào lòng một lúc với sự khinh khi lạnh lùng. Bà già kia cũng nhận ra cái khí sắc đó; bà vừa nắm lọn tóc bà nhổ từ đầu tử thi trong tay, vừa lúng búng trong miệng như ếch kêu:

"Ừ, thì nhổ tóc xác chết cứ cho là xấu đi, nhưng những kẻ nằm chết ở đây cũng chỉ là những kẻ có lẽ chẳng cho những chuyện đại loại như thế nầy là quá lắm đâu! Anh có biết không, cái chị đàn bà mà tôi nhổ tóc, mang cả những con rắn chỉ bằng gang tay mà chị ta đã mổ bụng phơi khô đến đồn quân ngự lâm bán, và nói là cá khô. Nếu chị ta không bị bệnh dịch mà chết, hẳn cũng lại tiếp tục mang đi bán. Đã thế cái thứ cá ả bán, lại được khen là ngon và được đám lính đều đặn mua làm đồ ăn trưa. Theo tôi, cái điều chị ta làm, xấu mà chẳng xấu. Có lẽ chỉ là đói ăn vụng túng làm càn. Vì thế, cái điều tôi làm hôm nay chẳng có gì là xấu cả. Đói ăn vụng, túng làm càn. Người đàn bà sa vào bước đường cùng kia có lẽ cũng chẳng trách gì chuyện tôi làm đâu!"

Bà lão nói đại khái như thế.

Người đầy tớ đút đại đao vỏ vạ, tay trái tựa lên chuôi, lạnh lùng nghe bà già nói, và dĩ nhiên, tay phải cũng sờ sờ chiếc mụn bọc mưng mủ đỏ trên má. Tuy nhiên, trong khi nghe bà nói, gan dạ lại bắt đầu lại chớm dậy trong lòng người đầy tớ, cái gan dạ mà anh ta đã thiếu khi đứng dưới cổng lúc nãy; nó chuyển qua một cái hướng hoàn toàn khác với cái hướng gan dạ mà anh đã có khi quần thảo với bà già. Người đầy tớ không những không còn loay hoay giữa chuyện nên làm kẻ trộm hay là chịu chết đói, mà còn, nếu căn cứ theo cái sắc diện mà nói, cái chuyện chịu chết đói đã bị xua ra khỏi ý thức đến nỗi nó trở thành một chuyện anh ta không còn nghĩ đến nữa.

"Vậy a?" - Khi bà lão vừa dứt lời, người đầy tớ gằn giọng, có vẻ như chế diễu.

Thế rồi người đầy tớ sãi chân ra phía trước và bỗng nhiên, tay phải cất khỏi chiếc mụn bọc và chụp lấy cần cổ bà lão, nói như rít:

"Thế tôi trấn lột bà, bà cũng không hận gì tôi chứ? Nếu không, thời tôi sẽ phải chết đói rã thây."

Người đầy tớ tức tốc lột cả áo xống bà lão ra. Rồi đá mạnh bà già đang nằm khư khư chân anh ta, lộn nhào trên các tử thi. Từ đó đến chỗ lổ gác kê thang chỉ dăm bước. Người đầy tớ kẹp áo xống vừa mới trấn lột bên hông và nhanh như chớp leo nhanh xuống thang, lẩn vào đáy đêm tối. Bà lão té xuống như chết giấc, nhưng chẳng mấy chốc, lại dựng tấm thân trần truồng của mình lên giữa những xác chết. Bà vừa như rên rỉ, như lẩm bẩm, vừa, với thanh củi thông còn cháy trong tay, bò tới lổ kê thang, và từ đó, tóc bạc ngắn rối bời, liếc xuống dưới cổng. Bên ngoài chỉ có đêm đen hun hút.

Chẳng ai biết người đầy tớ đi đâu.●

GÓP Ý VỚI ÔNG NGUYỄN GIA KIỂNG

VỀ LỜI CÁO BUỘC VUA QUANG TRUNG LÀ TƯỚNG CƯỚP

HOA TRINH

Trong bài phỏng vấn của Đinh Quang Anh Thái đăng trên *Thế Kỷ 21* số 144, ông Kiểng xác định *"nhân vật Nguyễn Huệ thực sự chỉ thuần túy là một tướng cướp."* Ông cho biết số tài liệu dùng để viết về Nguyễn Huệ gồm có tài liệu của nhà Thanh do Tưởng Quân Chương công bố tại Sài Gòn cùng tài liệu của các giáo sĩ và người Tây phương có mặt tại Việt Nam lúc đó. Ông còn khẳng định rằng tài liệu của các giáo sĩ và người Tây Phương đặc biệt có giá trị vì trước hết là họ "khách quan."

a. Trước hết hãy bàn về cái ông học giả Tưởng Quân Chương nào đó mà ông Kiểng đề cập. Ông Tưởng Quân Chương này không phải là một sử gia thành danh về Việt Nam, vì tôi chưa thấy ai nhắc đến vị học giả này hay tác phẩm của ông ta. Tra cứu các tác phẩm ngoại quốc, cũng chẳng thấy học giả nào trích dẫn Tưởng Quân Chương. Hơn nữa, nếu bảo ông ta sử dụng tài liệu nhà Thanh thì tài liệu nào? Ngụy Nguyên, tác giả *Càn Long Chinh vũ An Nam ký* (ấn bản 1842)? *Thanh sử* chăng? Hay *Đại Thanh Thực Lục*? Hay báo cáo mật của Tôn Sĩ Nghị sau khi bị bại trận? Báo cáo mật của Phúc Khang An, người thay Tôn Sĩ Nghị trấn thủ Lưỡng Quảng, và điều đình một hòa ước với vua Quang Trung, xin vua Thanh sắc phong vua Quang Trung làm An Nam Quốc Vương (trước Nguyễn ánh, người khai mở đế nghiệp nhà Nguyễn, cả gần hai chục năm)? Nếu quả thực có tài liệu ấy, các sử quan nhà Nguyễn dưới triều Tự Đức, khi soạn bộ *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, đã vồ lấy ngay ngõ hầu hạ uy tín anh em "Ngụy" Tây Sơn. (Xin mở ngoặc đơn ở đây: Khi duyệt lại đoạn sử nói về chiến công của Quang Trung, Tự Đức đã đổ là tại số nhà Lê đã dứt; KĐVSTGCM, Quyển 47, tờ 41-2; Việt ngữ 1998, II:847)

Xin lỗi ông Kiểng, tôi phải nói thực ý nghĩ mình: Học giả Tưởng Quân Chương và số 6.000 (sáu ngàn) kỵ binh của ông ta có lẽ chỉ có trong trí tưởng tượng phong phú của riêng ông Kiểng. Ông có thể rút nó xuống còn 600 hay 60 người cũng được, nhưng chỉ nên giữ trong đầu ông, đừng công bố vào sách báo. Như thế là ngụy tạo lịch sử, một tội ác tinh thần đời sau khó tha thứ.

Như hậu thế sẽ không bao giờ tha thứ cho những người cố tình huyễn truyền tin đồn đầy sai lạc cáo buộc vua Minh Mạng "đi lại" với chị dâu là Tống Thị Quyên, đến khi chị mang thai thì giết đi, lại còn giết cả hai cháu là Hoàng Tôn Đán và Mỹ Thùy. Thực ra, chỉ có Tống thị bị Lê Văn Duyệt dìm nước chết năm 1824 (không thuộc "tam ban triều điển" như Petrus Ký và các giáo sĩ bịa đặt); Hoàng Tôn Đán bị biếm làm thường dân, năm 1849 mới chết; và Mỹ Thùy thì chết năm 1826 vì bệnh. Ông Kiểng thấy chưa? Khi các giáo sĩ và tay chân bản xứ tung ra loại tin đồn vô căn trên, họ chẳng khách quan chút nào, chẳng tôn trọng sự thực chút nào. Ngược lại, cạnh những lời bịa đặt, chửi rủa quàng xiên họ còn tìm mọi cách vận động cho các cường quốc "giải phóng" Đại Nam khỏi ách cai trị của quỉ Sa-tăng (tức ông vua không theo đạo Công giáo). Họ nhằm mục tiêu chính trị giai đoạn là hạ uy tín vua Minh Mạng bằng mọi giá, vì vua Minh Mạng đã ra công chống lại âm mưu công-giáo-hóa ngôi vua nhà Nguyễn. Nhưng ông Petrus Trương Vĩnh Ký, trong tập *Cours d'histoire annamite* [Bài giảng lịch sử

an-nam-mít], và nhiều tác giả sau này đã sao chép lại một cách thoải mái. Đó là chưa kể những "lời chứng" của Pellerin hay Pagès như vua Gia Long giết Hoàng tử Cảnh, hay vua Minh Mạng chết vì té ngựa giữa lúc làm lễ thượng thọ ngũ tuần (thọ 50 tuổi), dù lễ thượng thọ đã chấm dứt cả nửa năm trước ngày Minh Mạng băng hà.

b. Tài liệu của những nhà truyền giáo hay khách buôn Tây phương không "khách quan" như ông Kiểng tin tưởng. Những điều họ viết ra đều có chủ đích cả. Các thương buôn thì nói về sự giàu có, phong phú của những vùng đất mới được các đoàn thám hiểm "khám phá" ra. Ông Kiểng không biết, hay đã quên, những mẩu chuyện về những người da tím, mắt mọc giữa trán, sống trong những thành phố cúi xuống nhặt được vàng; hay các ông tiểu vương Muslim ở Jawa và Achin giàu có đến độ phải chứa vàng dưới biển, mỗi lần thủy triều xuống, ánh hoàng hôn hắt chiếu xuống những khối vàng y rực sáng cả một góc trời?

Các nhà truyền giáo thường chỉ tường trình về các xứ xa lạ trong khuôn khổ mục tiêu truyền giáo giai đoạn. Trong trường hợp vua Quang Trung, họ lại càng *không thể giữ khách quan*. Từ năm 1777, hoặc ít nữa từ năm 1780, ông Giám mục Pigneau de Béhaine đã quyết định yểm trợ Hoàng thân Nguyễn Chủng, tức vua Gia Long (1802-1820) sau này, trong cuộc khai phục cơ đồ nhà Nguyễn đã bị anh em Tây Sơn chiếm đoạt. Điều ấy có nghĩa các nhà truyền giáo từ Bắc chí Nam đều vận động lật đổ người mà họ gọi là "Tiếm vương." Nếu có cơ hội, ông Kiểng tìm đọc bộ *Đại Nam Thực Lục*, tập *Tiền Biên*, và quyển I, *Chính Biên*, hẳn thấy rõ vị thế của các giáo sĩ đối với nhà Tây Sơn ra sao.

Sự thiếu hiểu biết của ông Kiểng về sử học nói chung, và Việt sử nói riêng, là quá hiển nhiên, và ông cũng biết rất ít về các nguồn sử liệu. Mới đọc dăm ba cuốn sách của các nhà truyền giáo, ông Kiểng ngỡ đã bắt được thiên thư.

c. Nên lưu ý rằng qua những tài liệu một chiều của các nhà truyền giáo, người ta vẫn tìm được những lời khâm phục của họ với vua Quang Trung. Tôi xin chép ra đây một số tài liệu của các giáo sĩ Tây Phương lưu trữ tại văn khố Hội truyền giáo Pháp do Bà Đặng Phương Nghi dịch ra tiếng Việt in trong sách *Một vài sử liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ* của một nhóm học giả:

- Ngày 17, một phần quân đội Trung Hoa vào thủ đô cùng với Vua Chiêu Thống. Ngày 19 sứ giả của hoàng đế Trung Hoa là đại tướng chỉ huy quân đội thiên hoàng, tên gọi là Tổng Đốc (Tôn Sĩ Nghị) đã nhiệm mệnh và tuyên bố Chiêu Thống làm vua Bắc Kỳ [thực ra nên dịch là Đàng Ngoài; sử quan Nguyễn thì gọi là "nước An-Nam"]. Viện binh Trung Hoa gồm độ 280,000 người, một nửa đóng trong thành phố, nửa còn lại ở bên kia sông... (trang 198)

- Ngày 30 tháng 1 Quang Trung rời Kẻ Vôi trên lưng voi và đến chung sức, khuyến khích đội ngũ ông nhưng khi thấy họ chiến đấu không được hăng hái lắm ông liền bỏ voi và dùng ngựa. Theo lời đồn, ông đeo hai cái đoản đao (gươm) và chạy ngang dọc chém rơi đầu nhiều sĩ quan và binh lính Trung Hoa làm rất nhiều người chết về tay ông. Ông luôn mồm hô xung phong và lúc nào cũng ở trận tuyến đầu. Lúc bấy giờ một số ít tàn quân Trung Hoa bị rối loạn hàng ngũ, lại bị dồn ép và bị tấn công cả bốn mặt, thấy hậu vệ đội Bắc Kỳ [lính Đàng Ngoài của vua Lê] nao núng chúng liền bỏ cuộc và chạy thẳng về thủ đô. Quang Trung dẫn quân Tây Sơn đuổi theo chúng bén gót, phá được một cửa thành và làm chủ tình thế. (trang 208)

Về việc này, ông La Mothe đã thốt lên rằng:

"Thật là hiếm những người đáng sợ và quỷ quyệt như ông ta! Ông ta [Quang Trung] đã cho đem về Phú Xuân và về tân Kinh Đô của ông bằng đường bộ chứ không phải bằng đường thủy (vì ông sợ tàu bè chất nặng quá có thể chìm xuống đáy biển hoặc gặp bão giữa đường) hai, ba nghìn cỗ đại bác và súng thần công (chiến pháo), không biết bao nhiêu là súng dài và khí giới khác cùng với số tiền bạc và (đại khái) tất cả những vật liệu quý giá bắt được của quân Tầu. Đó, kết quả của cuộc chinh phạt ấy là như vậy, nó đem đến đau đớn và nhục nhã cho quân Trung Hoa và lợi lộc cùng vẻ vang cho quân Tây Sơn... (trang 210)

- Tiếm Vương dũng cảm và tàn bạo, chúa tể Nam Kỳ Thượng [Bắc Đàng Trong] và Bắc Kỳ [Đàng Ngoài] không mấy lo sợ quân đội gồm người Ấn Độ, Xiêm, Trung Hoa và Bồ Đào Nha... Ngay đến Hoàng đế Trung Hoa cũng có vẻ vì nể Tân Attila này vì ngài vừa mới phong ông làm vua Bắc Kỳ [Đàng Ngoài] qua trung gian một vị đại sứ, quên cả việc 50,000 binh lính Trung Hoa đã chết vì tay Tiếm Vương năm ngoái chỉ trong một trận giao chiến thôi. Trận đó quân Trung Hoa được trang bị đầy đủ khí giới, từ súng

cho tới gươm và đông gấp 10 quân Tiếm Vương... Tiếm Vương không thèm tới [Đàng Ngoài] để nhận sắc phong tại thủ đô chúng tôi (Hà Nội) và chỉ chịu phái một vị quan thường nhân danh ông. Ông này mặc áo của chúa ông (Quang Trung) làm vị đại sứ Trung Hoa phải kính nể... (trang 211)

Đây là vài đoạn có thể gọi là khách quan hay đáng tin cậy trong các tài liệu của người Tây Phương, viết về đối thủ của chúa Nguyễn tức người mà họ muốn đưa lên ngôi báu để mở mang đất Chúa. Con số 50,000 [5 vạn] quân Thanh bị giết có khiến ông Kiểng bắt Hội truyền giáo phải ăn năn là phóng đại lên chăng? Có lẽ không. Ông Kiểng vốn tuyệt đối kính cẩn những sự khách quan của giáo sĩ và thương gia Tây phương. Chỉ vì ông Kiểng chưa được đọc những tài liệu này, hoặc đọc rồi mà không muốn nhớ.

d. Còn phe sử quan nhà Nguyễn, dĩ nhiên, không thể đánh bóng một triều đại thua trận, mà những người cầm đầu đã chịu cảnh trừng phạt năm voi xé xác, xương cốt bị đào lên để chịu phạt đánh trượng, rồi xiềng xích trong ngục, đầu lâu dùng làm đồ chứa nước tiểu của Hoàng gia.

Trong cuốn *Đại Nam Liệt Truyện Chính biên, Ngụy Tây* (q. 30) [Tạ Quang Phát dịch sang Việt ngữ, Viện Khảo Cổ Saigon ấn hành năm 1970], các sử quan nhà Nguyễn viết như sau:

- *Nguyễn Văn Huệ tiếng nói như chuông to, mắt lập lòe như ánh chớp, là người thông minh, giảo hoạt, giỏi chiến đấu, người người đều kinh sợ.* [thanh như cự chung, mục thiêm thiểm nhược điện quang, giảo hiệt, thiện đấu, nhân giai đạn chi]. (*Ngụy Tây*, Quyển 30, trang 17B, phần Việt ngữ trang 72-73.)

- *Ngày ấy, Huệ xua quân nhập thành, áo chiến bào biến thành màu đen vì thuốc súng* [thị nhật Huệ khu binh nhập thành, sở phục chiến bào biến vi tiêu hắc sắc, giai hỏa dược khí dã]. (*Ngụy Tây*, Quyển 30, trang

TRẦN VẤN LỆ

ƯỚC GÌ TỚI ĐƯỢC CHỖ CHIÊM BAO

Bước tới đèo ngang bóng xế tà... **Câu thơ Bà Huyện chợt bay qua, tôi cầm lên ngó, ồ không phải! Không phải là thơ, mưa mới sa... Tôi giụi mắt tôi, rồi ngó núi, núi mờ mưa bụi, núi không cao, nhưng trời đã thấp vì mây thấp, chiều gió làm nghiêng mấy cọng lau. Tôi biết chứ, mình, đang xứ lạ, núi này đâu phải núi Hoành Sơn! Đèo Ngang ai khéo đưa tên đặt, thay chữ Tàu, nghe quá dễ thương!**

Bà Huyện Thanh Quan qua một núi, qua nhiều hơn nữa, dặm gian nan. Bà từ đất Bắc đi vào Huế, mới nửa chừng đường đã thở than. Ở nhỉ người xưa sau chiến cuộc cũng buồn như kẻ hậu sinh thôi! Đường đi một nửa, trời mây nước, sao lại đầy vun nỗi ngậm ngùi? *Một mảnh tình riêng!* Bà góa bụa? Hay nhìn cái bóng, thấy cô đơn? Tôi, bây giờ cũng như Bà nhỉ, cái bóng theo bên, cái bóng buồn! Ôi chữ buồn trong nghĩa *chẳng vui*, câu thơ Bà Huyện hạt mưa rơi. Từ đâu? Không phải Đèo Ngang nhé! Mà ở đây mà! Trong mắt tôi!

Xe tôi chạy dọc theo triền núi. Núi của người dưng, lạnh lẽo, mờ. Trời xế chiều mưa, mưa bất chợt, đủ làm tôi nhớ một câu thơ: *Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà*... Hỡi ơi tôi một kẻ đi xa, mỏi chân không được nhìn non nước để ngắm cỏ luồn giữa đá hoa... Bà Huyện Thanh Quan mà hạnh phúc, sống hay là chết cũng quê nhà; còn tôi bất hạnh đời vong quốc, sống chết cam đành một kiếp ma...

Xe tôi chạy dọc theo triền núi, chạy dọc câu thơ, tới chỗ nào? Tôi nhắm mắt, và, tôi muốn ngủ, ước gì tới được chỗ chiêm bao! Ôi Quê Hương đẹp như tranh vẽ! tôi đốt hương cho mỗi nấm mồ, cho cả mộ phần tôi sắp sẵn, giữa lòng Đất Nước, giữa trang Thơ!

34B).

- *Người nhà Thanh chấn động dữ dội, già trẻ dắt dìu nhau chạy về hướng bắc. Cả trăm dặm tuyệt không có người và khói bếp* [Thanh nhân đại chấn tự quan dĩ bắc lão ấu phù huề bôn tẩu, số bách lý tuyệt vô nhân yên].(*Ngụy Tây*, Quyển 30, trang 35A).

"Tướng cướp" dẫn "một bọn lâu la ô hợp" ra Bắc chỉ trong năm ngày đại phá hàng vạn quân Thanh, làm dân nhà Thanh ở biên giới phải khiếp đảm bỏ chạy ngược về hướng bắc cả trăm dặm, Vua Càn Long nhà Thanh phải nể vì và phong làm An Nam Quốc Vương, thì "Tướng cướp" này phải thật khác thường. Ông Nguyễn Gia Kiểng đồng ý chứ? Nhưng thông thường, trong một nước, nếu ai đó chiếm đoạt được giang sơn từ tay người hay dòng họ khác thì lịch sử chân chính không ghi là "tướng cướp." Riêng trường hợp Việt Nam, người ta thường chỉ nguyền rủa những kẻ rước voi dày mả tổ, cắt xén đất đai tổ tiên dâng biếu cho ngoại bang trong cuộc mưu bá, đồ vương. Đó mới thực sự là những tên đạo tặc. Lê Mẫn Đế hay Chiêu Thống chỉ là một trong những đạo tặc kể trên. Biết bao tên bán nước khác nữa đã múa may, quay cuồng trên đất nước Việt suốt hơn một thế kỷ qua, nhắc đến chỉ hổ bút, tủi mực. Ông Kiểng nên tìm đọc nhiều hơn nữa về lịch sử Việt Nam.

e. Sau khi vẩy mực vào mặt vua Quang Trung, ông Nguyễn Gia Kiểng mất đi sự thận trọng của người trí thức, vẩy luôn mực vào mặt mũi cụ Trần Trọng Kim: "Ông Trần Trọng Kim cũng *dựng đứng* ra con số hai chục vạn quân Thanh, không có trong một sử liệu nào, để thổi phồng tầm vóc của trận Đống Đa và ca tụng Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh."

Viết câu này, ông Kiểng hoặc hàm hồ, hoặc thiếu hiểu biết về lịch sử Việt, hoặc cả hai, vì hàm hồ và thiếu hiểu biết thường cặp đôi với nhau khá thân thiết. Trước hết, mặc dù cụ Trần Trọng Kim không phải là một nhà nghiên cứu sử học chuyên nghiệp, nhưng ở vị thế một nhà giáo và học giả tên tuổi, hẳn cụ Kim phải căn cứ vào tài liệu nào đó để viết về nhà Tây Sơn. Tôi không biết Cụ Trần Trọng Kim đã sử dụng các tài liệu nào, vì cụ không nói rõ. Nhưng trong thời đại cụ thì người nghiên cứu sử, dù tài tử hay chuyên nghiệp, ngoài các sách của giáo sĩ và tác giả Tây phương, đều biết đến các bộ *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Đại Nam Liệt Truyện Chính Biên,* Quyển 30: *Ngụy Tây*, hay *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* và *Chính Biên* của Quốc sử quán nhà Nguyễn. Con số "hai chục vạn (200,000) quân Thanh" có ghi trong *Ngụy Tây* như sau: *"Vì không hạp với Tôn Sĩ Nghị, Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh cáo bệnh không đi. Tôn Sĩ Nghị một mình vâng chiếu đem hai lộ quân hai mươi vạn (200,000) của Quảng Đông, Quảng Tây và của Vân Nam, Quý Châu chia làm hai đường, một đường theo ngả Lạng Sơn tiến đến do Tôn Sĩ Nghị đem đi, một đường theo ngả Tuyên Quang tiến đến do quan Tổng binh Quý Châu đem đi, cùng nghe theo quyền tiết chế của Tôn Sĩ Nghị."* [Vĩnh Thanh dĩ dữ Nghị bất hạp xưng bệnh bất hành. Nghị độc phụng chiếu xuất Lưỡng Quảng. Vân Qúy lưỡng bộ binh nhị thập vạn, phân vi lưỡng đạo, nhất tùng Lạng Sơn lai, Nghị xuất chi, nhất tùng Tuyên Quang lai, Quý Châu Tổng binh xuất chi, tịnh thính Nghị tiết chế]. (*Ngụy Tây*, quyển 30, trang 30B; bản Việt Ngữ trang 124-125).

Còn tài liệu của người Tây Phương, giáo sĩ La Mothe lại ghi nhận số quân Thanh độ hai mươi tám vạn (280,000). Trong cuốn *Lịch sử giáo hội Công Giáo* của Linh Mục Bùi Đức Sinh (Tập II, trang 338) có ghi Giáo Sĩ La Mothe được phong lên giám mục năm 1796, làm phụ tá cho giám mục Labartette, giám mục Đàng Trong. Như thế ông giáo sĩ La Mothe này có thật, và ở Đại Việt trong thời Tây Sơn và nhà Nguyễn tranh hùng. Nói cách khác, Cụ Trần Trọng Kim *không hề* "dựng đứng ra con số hai chục vạn quân Thanh để thổi phồng tầm vóc của trận Đống Đa." Tài liệu Pháp và Việt đều nhắc đến con số hơn hai chục vạn quân Thanh này. Nếu tự trọng xin ông Kiểng lên tiếng xin lỗi hương hồn cụ Trần Trọng Kim cho phải đạo.

Trong bài giới thiệu về quyển sách của ông Kiểng trên tờ *Thế Kỷ 21,* số 144, tháng 4 năm 2001, ông Vương Hữu Bột đã viết: *"Đầu sẽ rối mù lên và không hiểu tác giả định nói chuyện gì, cho ai nghe. Mà chính tác giả cũng vạch ra một nhược điểm của những người Việt Nam mà ông quen biết là cái tật không biết cách truyền thông cho người khác hiểu. Ngay cả Hồ Chí Minh là người sử dụng tiếng Việt tài tình bậc nhất trong thế hệ của ông, cũng được hiểu lầm nữa. Câu "sông có thể cạn, núi có thể mòn" là một thành ngữ thông dụng trong tiếng Việt. Nhưng Nguyễn Gia Kiểng lại hiểu rằng ông Hồ "sẵn sàng chấp nhận chiến tranh đến sông cạn, núi mòn, không lý gì đến sự tàn phá..." (trang 4). Từ nay chúng ta*

phải hết sức cẩn thận trong khi định thề thốt với ai, "dù sông cạn, núi mòn, tình yêu của em đối với anh vẫn không thay đổi."

Ông Kiểng đã lên tiếng trả lời ông Vương Hữu Bột trong *Thế Kỷ 21* số 145: *"Tôi trích câu nói đó để chứng tỏ ý chí theo đuổi chiến tranh đến cùng, bất chấp mọi tàn phá mà đất nước phải chịu đựng. Ông Vương Hữu Bột cho đó là một sự hiểu lầm vì thành ngữ "sông cạn đá mòn" vốn chỉ là để nói lên một sự thủy chung rất lãng mạn giữa trai gái.*

Sự thực ông Hồ Chí Minh đã nói (gần như) nguyên văn như sau: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không thể nào thay đổi. Đế quốc Mỹ có thể gia tăng ném bom tiêu diệt nhiều thành phố nhưng sẽ không lay chuyển được quyết tâm của quân và dân Việt Nam chiến đấu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước."

Rõ ràng đó là một lời tuyên chiến, quyết đánh đến cùng, không có gì là thơ mộng cả. Ông Hồ Chí Minh đã nói như vậy trong bài diễn văn đọc trước hội nghị hiệp thương Chính trị trung ương ngày 17-7-1967.

Đoạn văn trên chẳng hiểu ông Nguyễn Gia Kiểng đã tìm được ở đâu? Ngày 17-7-1967, không thấy tài liệu nào cho biết ông Hồ viết hay đọc diễn văn ở đâu cả. Chỉ có ngày 17-7-1966, ông Hồ lên đài phát thanh đọc lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, anh dũng tiến lên đánh Mỹ cứu nước, vì "Không có gì quý hơn độc lập tự do" (*Hồ Chí Minh toàn tập*, quyển 12, trang 107).

Nếu tôi không lầm, ông Hồ chỉ sử dụng cái thành ngữ "sông cạn, núi mòn" vào năm 1946.

Sau khi ký Hiệp ước sơ bộ ngày 6-3-1946, khi bị Giám Mục Lê Hữu Từ lên Hà Nội chất vấn, ông Hồ trả lời: "Cái thế của mình bây giờ phải quỳ mà đi tới Độc Lập, xin cụ cứ tin tôi đi." (*Giám Mục Lê Hữu Từ* của Đoàn Độc Thư và Xuân Huy, trang 89). Trước khi lên đường qua Pháp, ông Hồ viết thư gửi đồng bào Nam Bộ như sau:

"Đồng Bào Nam Bộ đã hy sinh đấu tranh mấy tháng trường để gìn giữ non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ. Đồng Bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. **Sông có thể cạn, núi có thể mòn,** *song chân lý đó không bao giờ thay đổi!* (Hồ Chí Minh viết sáng 31-5-1946 tại Hà Nội; *Hồ Chí Minh toàn tập,* Quyển 4, trang 139).

Tháp tùng ông Hồ sang Pháp có Đại úy Vũ Đình Huỳnh sĩ quan tùy viên, ông Đỗ Đình Thiện và Tướng Salan. Ngày 1-6-1946 chính phủ Cộng Hòa Nam Kỳ ra đời. Tướng Valluy đã thông báo cho ông Hồ biết tin trên khi bước lên phi cơ. Khi máy bay ngừng ở Le Caire (Ai Cập) ông Hồ nhận được điện tín đặc biệt do Cao ủy Thierry Georges d'Argenlieu gửi đến về tin trên. Sang Pháp ông Hồ xin với chính phủ Pháp cho Việt Nam được thống nhất, Việt Nam là nước tự do trong Liên hiệp Pháp, nhưng chính phủ Pháp không chấp nhận. Ông quay sang Mỹ đến Toà Đại Sứ Mỹ ở Paris để gặp Đại Sứ Jefferson Caffery nhưng không được gặp, chỉ được Đệ nhất tham vụ là ông Georges M. Abbott tiếp. Trong cuộc gặp này, ông Hồ xin Mỹ can thiệp với Pháp cho Việt Nam được độc lập theo hiến chương Liên Hiệp Quốc về Quyền dân tộc tự quyết vừa mới được công bố. Ông Hồ còn đề nghị biến Việt Nam thành thị trường tự do cho doanh gia Mỹ và Mỹ được quyền sử dụng hải cảng Cam Ranh. Mỹ không trả lời. Trở về Việt Nam, ông Hồ phải đối diện việc Tướng Valluy cho lệnh chiếm đóng Hải Phòng và Lạng Sơn, rồi tiếp tục chiếm các công sở của Việt Nam ở Hà Nội. (Xem *Việt Nam Niên Biểu, 1939-1945*, Tập I-A: 1939-1946, của Chính Đạo, Văn Hóa, 1996).

Ngày 13-12-1946 ông Hồ lại kêu gọi Chính Phủ Pháp lần chót trước khi kêu gọi toàn dân kháng chiến, như sau: *"Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Tôi biết là nhân dân Pháp không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách. Chúng tôi tha thiết với nền độc lập, nhưng nước Việt Nam độc lập ở Khối Liên Hiệp Pháp.*

Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao nhiêu sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm..." (Hồ Chí Minh toàn tập, Quyển 4, trang 201).

Như vậy câu nói *"Sông có thể cạn, núi có thể mòn"* ông Hồ viết ra vào thời điểm chưa đánh Pháp, chưa ăn bom Mỹ. Rõ ràng đó không phải là lời tuyên chiến, quyết đánh đến cùng và không lý gì đến sự tàn phá. Ông Kiểng nên nghiên cứu tài liệu kỹ càng hơn và nên xin lỗi độc giả về điều viết sai với ẩn ý không tốt mới nêu ra ở trên.●

5/2001

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ

(1975-2000)

Bài 10: Nhóm Viết Hồi Ký

TRẦN ANH TUẤN

2/ Giới Cựu Quân Nhân: Các sĩ quan cấp tá

Cấp tá viết hồi ký gồm khoảng 18 người, theo thứ tự tên gọi là Trương Dưỡng, Trần Kim Định, Vương Văn Đông, Phạm Bá Hoa, Đặng Trần Huân, Đỗ Kiểm (?), Trần Khắc Kính, Hoàng Ngọc Liên, Vũ Văn Lộc, Phan Nhật Nam, Trần Ngọc Nhuận, Phan Lạc Phúc, Phan Lạc Tiếp, Trịnh Tiếu, Võ Đại Tôn, Trần Đình Trụ, Tạ Tỵ, và Ngô Văn Xuân.

Nói một cách tổng quát, khi chúng ta rời bỏ thế giới hồi ký của cấp tướng để đọc hồi ký của cấp tá là chúng ta sang một thế giới khác. Một thế giới của quân nhân và một thế giới của văn nhân. Một đàng là về quyền lực quốc gia và một đàng là văn chương nhân bản.

Thật vậy, thế giới hồi ký của các cựu sĩ quan cấp tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa là một thế giới đầy ắp tình cảm. Tình đồng tù. Tình chiến hữu. Tình phu thê. Tình phụ tử. Tình đồng hương. Và trên hết, tình người giữa những kẻ cựu thù. Độc giả nào đã có dịp đọc qua hồi ký của giới này hẳn không ngăn được dòng lệ cảm thông. Đó là những dòng lệ lúc đớn đau, lúc ngậm ngùi, lúc thương xót, lúc cảm khái, lúc hãnh diện, lúc tự hào... Về hình thức, nhiều hồi ký cấp tá là những áng văn trong sáng, chữ dùng nhiều khi đắc địa, có thể trích làm bài giảng văn mẫu trong các trung tâm Việt ngữ tại hải ngoại. Điển hình của hồi ký loại này là tác phẩm của Phan Lạc Phúc, Phan Lạc Tiếp, Phạm Bá Hoa, Đặng Trần Huân, Vũ Văn Lộc...

Trước hết là Phan Lạc Phúc. Ông quê quán Sơn Tây, xuất thân khoá 2 trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức. Sau khi ra trường, ông được đưa ra các đơn vị tác chiến trong vai trò trung đội trưởng, đại đội trưởng rồi tiểu đoàn trưởng. Chức vụ cuối cùng của ông năm 1975 là trung tá chủ bút nhật báo Tiền Tuyến, cơ quan ngôn luận của QLVNCH. Trước năm 1975, ông được nhiều người biết đến với mục "Tạp Ghi" hàng ngày dưới bút hiệu Ký Giả Lô-Răng trên Tiền Tuyến. Khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, ông bị bắt đi tù tập trung trong 10 năm (1975-1985). Từ năm 1991, ông được đi định cư ở Úc-đại-lợi và tái xuất hiện trên nhiều báo chí hải ngoại, nhất là trên Chiêu Dương, một nhật báo khá thành công ở Úc vốn do một cựu nhân viên báo Tiền Tuyến sáng lập. Hồi ký đúng hơn là bút ký, như ông khẳng định- của ông đã được nhà Văn Nghệ ở California xuất bản năm 2000, tựa đề *Bè Bạn Gần Xa* (460 trang).

Trong sách, Phan Lạc Phúc tự nhận mình là một người nông dân nhà quê. Đặc điểm "nhà quê" này được nhiều người tự nhận. Ngoài Ký Giả Lô Răng, nhà thơ Hà Thượng Nhân của tờ Tự Do và Tiền Tuyến ngày xưa cũng thường tự nhận như thế. Và còn nhiều người khác. Nhưng các ông có làm ruộng bao giờ đâu mà được nhận là nông dân! Các ông chỉ hóm hỉnh, tinh quái, phóng khoáng, hào sảng, lân tài, làu thông ca dao tục ngữ, trọng lễ nghĩa nhưng ghét gò bó trịnh trọng, ham làm nhưng cũng ham chơi, sống giản dị nhưng đầy tình nghĩa, và rất "quân tử Tàu." Đó là những đặc điểm của một sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp. Đó cũng là tụ điểm cảm thông giữa những con người có mang trong mình tinh hoa của châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Hương, sông Tiền, sông Hậu...Và đó là lý do mà ai còn nhiều chất Việt trong người vẫn thường tự nhận mình là "nhà quê" hay "nông dân."

Trường hợp Phan Lạc Phúc cũng vậy, phải là sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp mới dễ dàng thốt ra đôi hàng chữ ngắn nhưng

vẽ được cả một khung cảnh nông thôn gần gụi và thân thương của biết bao người Việt trên khắp nẻo đường đất nước hay đang an cư lạc nghiệp nơi xứ lạ, nguyên văn: "Khi mùa Xuân đã cạn ngày, hội hè đã vãn, những cây gạo miền Bương Cấn đã tưng bừng nở đỏ thì cũng là lúc chim tu hú lảnh lót gọi hè về trong rặng vải bên sông" (trang 30). Lời văn thật êm đềm, nhẹ nhàng, và gợi nhớ đến phát khóc!

Lần đầu tiên tôi đọc Bè Bạn Gần Xa là khi tôi đưa học sinh đi du khảo ở trung tâm trượt tuyết Boreal, gần Reno thuộc tiểu bang Nevada, hồi tháng 3 năm 2001 vừa qua. Trên đoạn đường khứ hồi dài sáu tiếng đồng hồ ngồi trên xe hơi mà không phải lái từ thành phố Oakland, California đi Boreal, tôi đem Bè Bạn Gần Xa theo để giết thì giờ. Nhưng tôi đã không thể đọc sách liên tục cho đến trang cuối. Tôi đã phải ngưng ngang ít nhất năm, bảy lần để chùi nước mắt cứ tự nhiên ứa ra theo nội dung của sách. Đó là đoạn khi tác giả tả cảnh một viên thượng úy Cộng Sản tại trại tù Sơn La dụng công gài bắt tác giả và thượng tọa Thích Thanh Long đào trộm khoai mì. Tác giả đã tả rất ngắn, chỉ sử dụng vài chi tiết, để làm nổi bật tinh thần vô úy của vị sư già, cùng vài câu nói để thấy sự đắc chí của viên quản giáo khi bắt được quả tang hai sĩ quan trung cấp "ngụy" vi phạm nội quy trại, để rồi kết thúc bằng một câu hăm dọa vớt vát của viên thượng úy Cộng Sản sau khi chính bản thân người này lóe sáng tình nhân ái và bỏ qua mọi chuyện: "Sau không được thế nữa nhá. *Ninh tinh*" (trang 76). Câu chuyện do tác giả kể lại, mà tôi tin là có thật, thật cảm động, phản ánh tình người kể cả sự kính nể- vẫn chưa hề mất giữa kẻ coi tù và người bị tù nếu người bị tù chứng tỏ giá trị của mình trong những hoàn cảnh thích hợp! Một đoạn cảm động khác là khi một bác sĩ "ngụy" trong trại tù giải phẫu mắt cho người tù già. Đến ngày mở băng, người tù hình sự thấy lại ánh sáng, chập chững tiến lại ngã vào vòng tay của anh bác sĩ "ngụy" để rồi cả hai, người bác sĩ miền Nam và anh tù hình sự miền Bắc cùng rơi nước mắt giữa sân trại tập trung Thanh Phong thuộc tỉnh Thanh Hóa (trang 156). Một đoạn khác khiến độc giả đọc đến rơi nước mắt là tấn bi hài kịch do một sĩ quan QLVNCH chủ động. Vì bệnh tình quá bết bát nên được bạn bè cáng ra ngoài chờ chết, cố trung tá ngành Chiến Tranh Chính Trị Lê Văn Hóa vẫn chịu chơi, vẫn tếu, vẫn hát "Ò e, con ma đánh đu, thằng Tây nhẩy dù, Zorro bắn súng!" để đáp lại sự từ giã của các bạn đồng ngũ và nay đồng tù (trang 212).

Bè Bạn Gần Xa cũng là quyển sách đáng đọc ở chỗ nó đã làm sống lại những sinh hoạt văn chương và mỹ thuật, điện ảnh và ca nhạc kịch, truyện chưởng Kim Dung và tình hình báo chí... thời VNCH. Những thông tin quý giá về cảnh tù tội nhưng hào hùng quả cảm của các chiến sĩ Biệt Kích Dù cũng được đưa ra ánh sáng bởi một chứng nhân có nhận xét tinh tường và một ngòi bút sâu sắc là cựu trung tá Phan Lạc Phúc. Nhận xét về người thủ lãnh của Biệt Kích Dù đang trong vòng tù tội nhưng luôn luôn bất khuất, tác giả đã viết một câu rất chính xác và thấm thía, nguyên văn, "Ở trong Quân Đội miền Nam, về nhân cách, ai xứng đáng là đàn anh của đại úy BKD Nguyễn Hữu Luyện (1) bây giờ?" (trang 186). Cuối cùng Bè Bạn Gần Xa còn hiến những chi tiết về đời sống thực trong các trại tập trung suốt mười năm trường từ Liên Trại 2 và trại Yên Hạ (Sơn La) qua trại Tân Lập (Vĩnh Phú), từ trại Thanh Phong (Thanh Hóa) qua trại Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh), từ trại Ba Sao (Hà Nam Ninh) đến trại cuối cùng là Xuân Lộc (Đồng Nai). Và, như một "bonus" cho độc giả, tác giả đã cung hiến cho chúng ta những thông tin căn bản về một số bản nhạc bất hủ, cuộc đời của một số ca sĩ, thi sĩ, văn sĩ mà nhiều độc giả hằng mến mộ, như ban hợp ca Thăng Long, như ca sĩ Thái Thanh, nhà văn Mai Thảo... vốn là bạn bè thân thuộc của ông.

Đoạn tác giả Phan Lạc Phúc mô tả lại cuộc sống của những người lính thành phố tuy phản ánh sự trung thực của ông đã chỉ làm độc giả ngán ngẩm nếp sống tắc trách và hưởng thụ của những người lính thành phố trong thời chiến. Ấy là đoạn tác giả thành thực cho biết cứ khoảng 9, 10 giờ đêm là những người lính thành phố -tức tác giả và bạn bè tác giả-, nguyên văn: "tà tà kéo nhau đến Đêm Mầu Hồng" (trang 39) để thưởng thức nhạc và rượu. Trong đoạn dưới, tác giả lại than thở là, nguyên văn, "ân hận... *trước đây mình vụng tính, vụng suy để đến nỗi vợ con mình, gia đình mình di lụy*" (trang 267). Thế tác giả giỏi tính thì tính gì nào? Tính chạy thoát thân, để vợ con tiếp tục sung sướng nơi đất khách quê người chăng? Hẳn tác giả, hơn ai hết, phải hiểu là không giữ được nước, sao giữ được nhà?!

Ngoài ra, cũng cần nói đôi điều về việc tác giả so sánh cụ nghè Nguyễn Sĩ Giác với một

trong những người bạn của tác giả, thi sĩ Lam Giang Nguyễn Quang Trứ. Năm 1964, vị tiến sĩ Hán học cuối cùng của Việt Nam, cụ nghè Nguyễn Sĩ Giác, còn làm giáo sư Hán Văn tại trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. Bấy giờ thị lực của cụ đã rất yếu nên cụ phải sử dụng kính lúp để soi chữ trên bảng. Nhưng tôi vẫn còn nhớ rất rõ giọng bình văn sang sảng cùng nét chữ rất hùng mạnh của cụ trên bảng đen, rõ ra cung cách của một nhà Hán học đại khoa có chân tài. Người như thế sao lại, nguyên văn, "mới xứng đáng thưa chuyện" với một lão nhân bất quá xuất thân tú tài vốn là nhân viên của Đài Phát Thanh Sài Gòn và là cộng tác viên của nhật báo Tiền Tuyến trước năm 1975?! Tác giả cũng ca tụng trình độ nghiên cứu sử của Lam Giang Nguyễn Quang Trứ. Nhưng nếu có dịp theo dõi những bài viết về sử của Lam Giang, độc giả sẽ thấy nhận định về sử của ông rất lạ. Xin đơn cử vài thí dụ trích trong quyển sách mới nhất của ông vừa được xuất bản tại Việt Nam (Xin xem: Truyện Hay Trong Sử Việt của Lam Giang Nguyễn Quang Trứ, Hà Nội, nxb Thanh Niên, 2001, 336 trang). Tự Đức, chẳng hạn, được Lam Giang gọi là, nguyên văn nơi trang 18: "hôn quân." Hay một nhận định khác nơi trang 33, nguyên văn: "Cá sấu nghe bài văn tế của quan Hình Bộ Thượng Thư (tức Nguyễn Thuyên) sợ hãi quá, kéo hết bầy đàn thê tử, rủ nhau ra biển...!" Hay nữ sĩ Hồ Xuân Hương có họ với vua Quang Trung, nguyên văn nơi trang 60: " Về sau cô em họ xa của hoàng đế Quang Trung là nữ sĩ Hồ Xuân Hương..." Hay một nhận định khác của Lam Giang có mùi vị... "xã hội chủ nghĩa" về thơ Đường nơi trang 72: "Chúng ta quý trọng thơ Đường... *còn vì thơ Đường có những bài tả chân, tả thực cuộc sống của đa số dân chúng lầm than, đói rét.*" Và nhất là nhận định rằng Mỵ Châu là người có nghề đặc biệt, nguyên văn nơi trang 79: "... *giỏi nghề chế tạo cung đồng và mũi tên bằng đồng.*" Vân vân.

Hành trạng của cụ nghè Nguyễn Sĩ Giác và thi sĩ Lam Giang Nguyễn Quang Trứ xét ra khác nhau nhiều lắm, cân bằng hai vị như nhau đâu có chỉnh?!

Sự so sánh cố giáo sư Trần Quang Huy với cụ nghè Kim Lũ của tác giả cũng là một sự so sánh khập khiễng và vô ý nghĩa. Một đằng là bậc đại nho đỗ Đệ Tam Giáp Đồng Tiến Sĩ Xuất Thân khoa Canh Tuất niên hiệu Duy Tân thứ 4 (1910) lúc mới 23 tuổi. Một đằng là kẻ hậu sinh hậu học, mãi 64 năm sau mới tốt nghiệp tiến sĩ ở Đài Loan. Tuy giáo sư Trần Quang Huy là một nhân tài của Việt Nam và, tiếc thay, đã mất trong một cuộc vượt biên bằng thuyền hồi đầu thập niên 80 cùng với gia đình, ông chỉ vào hàng học trò của cụ nghè Kim Lũ. Sao tác giả lại khinh suất so sánh thầy với học trò con học trò cháu như thế?!

Một số lỗi chính tả trong sách cũng nên đề cập ở đây để lưu ý tác giả nếu ông có ý tái bản sau này: *chi âm* thay vì đúng ra phải là *tri âm* nơi trang 31, giầy *bottle de saut* thay vì đúng ra phải là giầy *botte de saut* nơi trang 73, tên của thi sĩ Lam Giang dòng trước viết đúng, dòng sau lại viết là Lam Dang nơi trang 428, Triêu Dương thay vì đúng ra phải là Chiêu Dương nơi trang 460...

Sau Phan Lạc Phúc là Phan Lạc Tiếp, người em. Vốn xuất thân cùng một gia đình, Phan Lạc Tiếp cũng có văn tài như người anh. Chỉ khác với người anh còn ở lại Việt Nam và đi tù 10 năm do đó ghi lại cho chúng ta cảnh sống trong các trại tù tập trung Cộng Sản sau năm 1975, Phan Lạc Tiếp di tản ngay từ tháng Tư năm 1975 đã hiến cho độc giả những chi tiết bi thảm về cuộc di tản của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa.

Đó là nội dung của *Nỗi Nhớ* (California, Mõ Làng xb, 1995, 190 trang). Cuộc di tản đã được tác giả kể lại rất cụ thể và vô cùng sống động. Xuất phát từ một tâm hồn nhậy cảm cộng với sự tinh tế và sâu sắc của một nhà văn và hiểu biết của một cựu sĩ quan hải quân, Nỗi Nhớ đã làm độc giả nhiều phen không ngăn được dòng lệ kinh hoàng và uất hận. Thực vậy, không kinh hoàng và uất hận sao được khi cả một đoàn 27 chiến hạm đầy chật những quân và tướng trốn chạy một kẻ thù không có lấy một chiến thuyền làm thuốc, để rồi giữa biển khơi, tất cả 27 chiến hạm làm lễ cuốn cờ và bỏ mũ, vứt áo và lột lon, để được tiếp tục sống.

Phan Lạc Tiếp còn có *Quê Nhà 40 Năm Trở Lại* (California, Mõ Làng tb, 1998, 311 trang). Với bút ký này, độc giả có dịp theo dấu chân tác giả trở lại Việt Nam năm 1994. Kẻ bỏ đi năm 1975 không phải không nghi ngại kẻ thù cũ. Nhưng lòng yêu quê hương bản quán và tình gia tộc đã mạnh mẽ hơn sự sợ hãi và Phan Lạc Tiếp đã quyết tâm lên đường thăm lại cảnh cũ người thân xưa. Kết quả của cuộc hành hương là một tác phẩm đầy nét văn hóa đặc thù và miên viễn của người dân gốc Bắc cho dù là phía những người còn ở lại với "Bác

và Đảng" hay phía những người đã di cư năm 1954 rồi di tản ra hải ngoại năm 1975.

Tác giả đưa chúng ta thăm lại Hà Nội với Hồ Gươm và 36 phố phường, Sơn Tây với núi Tản sông Đà... cùng những nỗi bồi hồi và xúc động của một kẻ đi xa và đi lâu nay mới có dịp trở về. Tác giả đã tỏ ra là một con người ướt sũng tình cảm, kể cả tình cảm bạn bè. Khi ông đi qua địa phương nào thì nhớ ngay địa phương ấy là quê của ai trong số các bạn: như Đặng Xá là làng của anh Trần Đức Uyển-Tú Kếu, Bương Cấn là quê hương của chị Đỗ Quý Toàn, làng Trúc Động là quê hương của anh Phí Ích Nghiễm tức Dương Nghiễm Mậu...

Điểm đáng kể là Phan Lạc Tiếp ngay thật và thẳng thắn khi diễn tả hiện trạng Việt Nam khi ông về thăm nhà. Ông đã không dấu nỗi thất vọng của mình là thời cuộc đã làm Hà Nội mất đi cái tinh tế của Hà Nội. Quê hương ngày nay đối với ông là cảnh phố Hàng Đào trơ những cửa sổ gẫy, cũ (trang 99), nhà cũ của gia tộc ông thì chỗ nào cũng chỉ thấy tường vôi long lở, gẫy xập (trang 164-65), làng ông thì cái gì cũng như bé lại, long gẫy, và điêu tàn (trang 209). Đến thơ văn thì ông trích câu sau đây, trang 184:

Từ khi có đất, có trời
Không chi độc ác bằng loài Việt Minh.

Ngay các món ăn quê hương, ông cũng nhận xét là người ta có thể làm được ngon lành tại hải ngoại một cách tinh khiết và đẹp đẽ hơn nhiều. Ông còn kết luận, nguyên văn nơi trang 25, "ta ra đi, mang theo quê hương phải chăng là như thế!"

Những nhận xét và diễn tả như trên là sáng suốt và phù hợp với thực tế chứ không đến nỗi "tránh né nhiều vấn đề thuộc mặt trái cộng sản," như tác giả Đặng Trần Huân đã kết án Phan Lạc Tiếp chỉ vì một rặng liễu bên Bờ Hồ Hà Nội (Xin xem Chữ Nghĩa Bề Bề của Đặng Trần Huân, California, nxb Văn Mới, 2000, trang 84).

Quê Nhà 40 Năm Trở Lại cũng đề cập đến một số văn thi sĩ được nhiều người mến thích như Quang Dũng và Hoàng Cầm.

Tác giả đã có dịp đến thăm gia đình Quang Dũng, nói chuyện với người đàn bà đã phải chịu đựng suốt đời vì chấp nhận cuộc sống lứa đôi với nhà thơ, và hiến cho những ai tò mò một số chi tiết về cuộc đời của tác giả Tây Tiến và Đôi Mắt Người Sơn Tây.

Tác giả Phan Lạc Tiếp cũng ghi lại cuộc đến thăm Hoàng Cầm, người viết vở kịch thơ Lên Đường và nhân đó, ông đã trích dẫn một số câu trong bản kịch. Nhưng tôi sợ sự trích dẫn của tác giả Phan Lạc Tiếp đã không được chính xác. Một bài thơ trong vở kịch thơ Lên Đường in nơi trang 69 của ông là:

Thân thế đã trôi dòng sự nghiệp
Giang hồ đau tủi giấc tha hương
Rồi mai chắc có con thuyền bé
Lửa một khoang đầy sưởi bốn phương.

Cách nay gần nửa thế kỷ, tôi đã từng đóng vai cụ đồ trong vở kịch, đã phải học thuộc những đoạn thơ này, nên nhớ như sau:

Thân thế đã trôi dòng sự nghiệp
Giang hồ đau tủi giấc tha hương
Rồi mai chắc có con thuyền lại
Lựa một khoang đầy xuôi bốn phương.

Nhân đây, thấy tác giả cho biết hay ngâm nga thơ trong Lên Đường, tôi xin ghi thêm một bài thơ khác của cụ đồ trong vở kịch:

Lệ sông núi bên đèn ẩn hiện
Nhìn tóc mây thấy nhện vương tơ

CHU VƯƠNG MIỆN

ĐƯỜNG ĐI KHÔNG TỚI

Thi sĩ Hoàng Cầm đi tìm lá diêu bông
một đời tìm lầm hoài không thấy.
về già ngồi câu bến sông Hồng
mà ngỡ thả chài sông Đáy

Quận chúa ML cả đời đi tìm chồng
bắt đầu từ Cái Răng - Phụng Hiệp
cả đồng lúa làng tre cả biển đông
cuối cùng đứng trên mỏm Vọng phu mà khóc

Ta một đời tìm Em
từ lúc đầu xanh đến khi đầu trọc
Em ngọn ngành nơi nào
kiếp xưa - kiếp này - hay kiếp khác

Thi sĩ Hoàng Cầm
Quận chúa ML
ta
giống y chang chàng Từ Thức

Tuổi già tưởng nát nắng mưa
Ai ngờ thơ thẩn bây giờ điền viên
chắc tác giả còn nhớ?

Ngoài ra, một trong những tác phẩm của Tản Đà là Tản Đà Vận Văn, nhưng rất tiếc đã bị tác giả đổi thành Tản Đà Văn Vận (trang 116).

Cựu đại tá Phạm Bá Hoa xuất thân khóa 3 đặc biệt Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Trong cuộc đời binh nghiệp, ông lần lượt đảm trách các chức vụ trung đội trưởng và đại đội trưởng rồi có khi làm tỉnh trưởng, nhưng "nghề" chính của ông là chánh văn phòng. Ông lần lượt làm chánh văn phòng cho Tư Lệnh Sư Đoàn, Tư Lệnh Quân Đoàn, Tổng Tham Mưu Trưởng, Tổng Tư Lệnh, Tổng Trưởng Quốc Phòng... từ năm 1961 cho đến khoảng năm 1968. Chức vụ cuối cùng của ông là Đại Tá Tham Mưu Trưởng Tổng Cục Tiếp Vận. Ông không di tản năm 1975 và vì thế, phải chịu nhiều năm dài trong các trại tập trung Cộng Sản từ Bắc chí Nam. Sau khi được thả ra, ông sang định cư ở Houston, Texas.

Hồi ký của cựu đại tá Phạm Bá Hoa có nội dung khác hẳn những hồi ký vừa kể. Tựa đề *Đôi Dòng Ghi Nhớ* (Texas, Ngày Nay xb, 1994, 268 trang), đây là một hồi ký chính trị, ghi lại những biến cố trên chính trường Việt Nam Cộng Hòa từ năm 1963 cho đến ngày 30/4/1975. Giai đoạn lịch sử này tương ứng với thời gian tác giả đóng vai trò tuy không có hào quang của một nhân vật trên mặt nổi nhưng lại là người sắp xếp và do đó thấu hiểu những uẩn khúc của hậu trường, cùng diễn trình của nhiều biến cố có tầm mức lịch sử ngay từ lúc khởi thủy. Việc ghi nhận này rất thẳng thắn và thành thật. Ngòi bút Phạm Bá Hoa can đảm, trung thực, bất vị thân. Hãy nghe lời trần tình của ông với những vị chỉ huy trực tiếp cũ là đại tướng Trần Thiện Khiêm và đại tướng Cao Văn Viên nơi đầu sách, trang ii: "tôi nói lên... *những sự thật liên quan đến quí vị... dù rằng quí vị cho là có hay không có cũng chẳng sao.*" Lời trần tình có pha chút thách đố đó có lẽ vì tác giả đã... chán quá rồi chăng?!

Trong vai trò chánh văn phòng cho Tham Mưu Trưởng Liên Quân tại Bộ Tổng Tham Mưu quân đội VNCH tức thiếu tướng Trần Thiện Khiêm năm 1963, tác giả Phạm Bá Hoa là người sắp xếp buổi họp của các tướng lãnh và chỉ huy trưởng các quân binh chủng để khởi đầu cuộc binh biến lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm. Cuộc họp được tổ chức ngay tại văn phòng của thiếu tướng Trần Thiện Khiêm, lúc ấy biến thành bản doanh của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng (HĐQNCM). Những chi tiết sống động và những diễn biến của cuộc đảo chánh được ghi nhận đầy đủ, có thể làm tài liệu kham khảo cho các nhà viết sử sau này. Thí dụ như cuộc điện đàm cuối cùng giữa tổng thống Ngô Đình Diệm và trung tướng Dương Văn Minh vào lúc 5 giờ chiều ngày 1 tháng 11 năm 1963 với thái độ dứt khoát, cạn tầu ráo máng của viên sĩ quan này. Và nếu ai từng sống qua biến cố lịch sử ấy hẳn còn nhớ đài phát thanh Sài Gòn trong ngày 1 tháng 11 năm 1963 lâu lâu lại phát đi những bức điện ủng hộ HĐQNCM của các địa phương hay các quân binh chủng thì nay mới hiểu rằng nội dung những bức điện ấy đều do một người, tác giả của *Đôi Dòng Ghi Nhớ*, thảo ra cả. Về cái chết của hai anh em tổng thống Ngô Đình Diệm, tác giả cũng cho biết là theo bác sĩ (Huỳnh Văn) Hưởn, y-sĩ-trưởng bệnh xá Tổng Tham Mưu lúc bấy giờ, người phụ trách khám nghiệm và lau vết thương cho hai ông, thì cả hai ông vừa bị bắn và vừa bị đâm bằng lưỡi lê (trang 36).

Đôi Dòng Ghi Nhớ cũng là một bảng lượng giá các nhân vật chính trị VNCH, nhất là các viên tướng trong QLVNCH. Theo ông, tổng thống Ngô Đình Diệm là người lãnh đạo có bản lãnh chính trị (trang 48). Cũng theo ông, tướng Dương Văn Minh không đủ bản lãnh của người lãnh đạo (trang 77) lại vô trách nhiệm (trang 82), tướng Nguyễn Khánh là con người đầy tham vọng với một bụng thủ đoạn đê hèn, ngoan cố, bản chất độc tài, có giòng máu cải lương (trang 97 và 101), tướng Nguyễn Hữu Có tin nhiều vào tử vi, tướng số, và địa lý, còn kiến thức tổng quát và kiến thức quân sự thì có nhiều giới hạn (trang 118 và 123), các tướng Nguyễn Chánh Thi, Dư Quốc Đống có dũng khí của con nhà tướng (trang 137 và 161), tướng Phan Xuân Nhuận thì quá hèn (trang 162), tướng Huỳnh Văn Cao khoác lác (trang 23 và 163), hai tướng Đặng Văn Quang và Nguyễn Văn Toàn tai tiếng xấu lắm (trang 182-83), tướng Đồng Văn Khuyên không có khả năng diễn đạt cho người khác hiểu ý mình dù bằng lời nói hay bằng chữ viết (trang 186)...

Nhận định về hai tướng Nguyễn Văn Thiệu và Trần Thiện Khiêm, ông cho biết họ đã bỏ lại đàng sau tất cả những gì không phải là tài sản của họ để lặng lẽ ngồi nhờ xe của toà Đại

Sứ Mỹ ra sân bay rời khỏi Việt Nam trong đêm tối. Rồi ông chua chát và thất thanh kết luận: Còn gì để nói đây!? (trang 221), "Tổ quốc tôi, đất nước tôi, dân tộc tôi, đến thời mạt vận rồi sao!" (trang 231). Nhận định về cuộc chạy trốn của đại tướng Cao Văn Viên ngày 27/4/1975, ông cho biết đại tướng không quên cử người xử lý thường vụ chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng mà theo tác giả, ông nhớ là trong thủ tục tham mưu không hề dự liệu cử người xử lý thường vụ trong trường hợp này, trường hợp bỏ đơn vị chạy trốn. Ông mỉa mai cho biết, nguyên văn: "Mà biết đâu là quân Cộng Sản đang bao vây Sài Gòn, bỗng dưng lăn đùng ra chết ngắt hết trơn thì việc cử người như vậy vẫn có tác dụng chớ!" (trang 232).

Đặc biệt, Đôi Dòng Ghi Nhớ ghi nhận một sự kiện kinh khủng trong chiến tranh Việt Nam. Đó là việc, lấy nguồn tin từ bà Trần Thiện Khiêm, tác giả cho biết bà Nguyễn Khánh đã hai lần đưa cho người em làm Tổng Lãnh Sự Việt Nam tại Hongkong, mỗi lần 500 triệu, tổng cộng một tỷ bạc VNCH để đổi lấy đô-la (sách đã dẫn, trang 95). Sau tiết lộ kinh khủng đó, tác giả Phạm Bá Hoa đặt một câu hỏi chắc như đinh đóng cột, rằng, "Ai mua tiền Việt Nam trên đất Hongkong nếu không phải là Cộng Sản Việt Nam?" (vẫn trang 95). Câu nghi vấn đó của tác giả Phạm Bá Hoa nay đã được phía bên kia kiểm chứng là xác thực. Nếu muốn, xin độc giả tìm đọc *Đồng Đôla Trong Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước* dựa theo hồi ký của Thăng Long Huỳnh Bá Việt và những người làm công tác tài chánh đặc biệt trong chiến tranh với sự cộng tác của các nhà văn Nguyễn Quang Sáng, Hiền Phương, Thanh Giang, và Hoàng Xuân Huy (Tp. Hồ-chí-minh, nxb Trẻ, 1997, 411 trang) để biết Ban Kinh Tài MTDTGPMNVN đã mua tiền VNCH từ đâu để đem về chi phí cho chiến trường miền Nam.

Sách bao gồm rất nhiều phần đối thoại liên quan đến các biến cố quan trọng. Phần đối thoại này được in với khổ chữ khác thường, lại in nghiêng, biểu lộ cách ghi lời nói trực tiếp theo đúng phương pháp ghi chép tài liệu. Tôi tin rằng tác giả đã thực sự ghi lại những phần đối thoại ấy trong sổ riêng của ông. Nhưng năm 1994, khi ông hoàn tất tác phẩm này, những sổ riêng ghi đối thoại đó có còn trong tay ông hay không, vì ông cho biết tất cả các tài liệu giấy tờ đã bị ông đốt hết trước khi ông đi trình diện tập trung hồi tháng 6/1975 rồi? Rất tiếc chi tiết quan trọng này đã không được ông cho độc giả biết rõ ngay từ đầu. Hình thức diễn tả của ông chỉ làm độc giả hiểu lầm tính chất của những mẩu đối thoại trong sách.

Điều chắc chắn là có những phần trích dẫn đối thoại trực tiếp đã không phù hợp với thực tế. Xin lấy một thí dụ nhỏ. Trang 55 có đoạn như sau:

"Trung Tướng Khiêm đứng hẳn lại và một lúc sau mới lên tiếng:

- Ông ấy có nói gì nữa không?

- Dạ không.

- Sáng tôi gặp các ông ấy hẳn hay."

Trung tướng Trần Thiện Khiêm người miền Nam, chắc ông không hề nói "ông ấy" hai lần như mẩu đối thoại ngắn trên đây. Ông chắc đã nói "ổng" theo lối nói và thói quen của người miền Nam!

Các địa danh được tác giả lúc viết rời, lúc viết dính nhau, không theo một quy tắc nhất quán nào cả: như Cầnthơ và Mỹtho nơi trang 7 nhưng Tây Ninh và Bình Long nơi trang 9, rồi Biên Hòa trang 20 nhưng Phướctuy, Sàigòn, và Vũngtàu trang 21, Vĩnhlong trang 29 nhưng An Giang trang 30, vân vân.

Điều tác giả Phạm Bá Hoa có thể yên tâm là, ít nhất đã có một độc giả tin ông, tin ở tấm lòng trung cang nghĩa khí của ông. Đôi Dòng Ghi Nhớ, vì thế, là một trong rất ít hồi ký chính trị hoàn tất sau biến cố 30/4 có cơ tồn tại với thời gian. Ông là một sĩ quan QLVNCH có tư cách.

Alameda, tháng 6 năm 2001

(Còn tiếp)

(1) Cựu chiến sĩ Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện đã được giải thoát và định cư tại Hoa Kỳ. Hiện ông đang xướng xuất việc truy tố Joiner Center For the Study of War and Social Consequences thuộc Viện Đại Học University of Massachusetts việc họ đã chỉ sử dụng những người từ Hà Nội để nghiên cứu về cộng đồng tị nạn Việt Nam tại Hoa Kỳ. Điều đáng tiếc là khi thông báo việc phản đối này trong cộng đồng Việt Nam, Nguyễn Hữu Luyện lúc nào cũng được giới thiệu là, nguyên văn, "sinh viên cao học." Hóa ra giá trị của cựu đại úy BKD Nguyễn Hữu Luyện chỉ là giá trị của một sinh viên cao học sao?! Ngày nay, có hàng ngàn hàng vạn sinh viên cao học mỗi năm, nhưng Nguyễn Hữu Luyện thì tôi tưởng chúng ta chỉ có một.
Cái tên Nguyễn Hữu Luyện đã quá đủ, xin đừng thêm thắt điều gì làm giảm giá trị của một người anh hùng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

MỘT NHẬN XÉT TÂM LÝ VỀ THAM - SÂN - SI

NGUYỄN HỮU CHI

(Tiếp theo và hết)

3. Từ lý thuyết tới thực hành: phương pháp diệt Tham, Sân, Si

Khi mới tới Bắc Mỹ, một số người Việt tỵ nạn cảm thấy thoải mái sau khi so sánh cái quá khứ đen tối với cái hiện tại tự do và đầy đủ, để rồi suy luận ra một tương lai tràn đầy hứa hẹn. Nhưng sau vài năm quen với lối sống bên này, chúng ta lại thấy đời sống nơi "đất hứa" này chỉ là một cuộc vật lộn không ngừng, và tương lai chỉ là một chuỗi ngày cô đơn, không tiến triển nhiều như đã kỳ vọng. Thế là chúng ta thất vọng, cảm thấy "đời là bể khổ," và nghĩ rằng cần phải "diệt tham vọng." Vậy chúng ta phải làm sao để diệt được tham vọng? Thật khó mà trả lời, vì câu trả lời tùy thuộc vào nhân sinh quan mỗi người. Tuy nhiên, nhiều người cũng nghĩ như tôi và cho rằng tham vọng nằm trong cái ngã, và muốn diệt tham vọng, ta phải diệt cái ngã. Tiếc thay, chúng ta có quan niệm khác nhau về cái ngã, nên khó đồng ý với nhau về phương pháp "diệt ngã."

Theo quan điểm của tôi như đã trình bày ở trên, cái ngã phát triển theo dòng thời gian, làm cho con người ý thức được khả năng và cá tính của mình trong quá khứ, hiện tại, và tương lai. Cái ngã cũng phát triển trong xã hội, làm cho con người ý thức được vai trò của mình trong xã hội, cùng với ý niệm về đạo đức, nhân cách, và tình cảm yêu-ghét v.v... Vậy, muốn tận diệt cái ngã, ta phải tìm cách sống ngoài dòng thời gian và ngoài xã hội loài người.

a) Muốn sống ngoài dòng thời gian, ta phải thi hành những biện pháp sau đây:

* Gạt bỏ ra ngoài suy nghĩ tất cả mọi hiểu biết, nguyên tắc đạo đức và kinh nghiệm sống mà ta đã học hỏi được trong quá khứ (nhất là không vấn vương với các vấn đề liên quan đến "vinh" hay "nhục").

* Trong hiện tại, sống thanh thản như "hoa nở, cỏ mọc" (không nghĩ ngợi, không thèm muốn, không để ý những chuyện xảy ra xung quanh ta).

* Không quan tâm đến ngày mai (không màng danh lợi cho ta hay cho bất cứ một thân thích nào khác).

b) Muốn sống ngoài xã hội, ta phải thi hành những biện pháp sau đây:

* Cắt đứt tất cả mọi dây liên hệ tình cảm (không yêu và không ghét bất cứ một ai).

* Không phán xét người khác (không cần biết "phải" hay "trái," "đúng" hay "sai" , "đẹp" hay "xấu").

* Bỏ ngoài tai mọi điều khen, tiếng chê (không ham vinh và cũng không sợ nhục).

Nếu ta thi hành được những biện pháp trên, cái ngã tất bị diệt. Khi cái ngã đã bị diệt, tham vọng cũng tiêu tan. Tiếc thay, khi bàn về vấn đề *"diệt ngã"* chúng ta chỉ lý thuyết suông mà thôi, vì trong thực tế tôi chưa từng thấy người nào diệt được cái ngã. Một khi chúng ta còn mong muốn con cái chúng ta thành công và dân tộc chúng ta được sống trong tự do và thịnh vượng, chúng ta vẫn còn bị cái ngã chi phối.

Còn vấn đề *"diệt tham vọng"* thì thật là nan giải. Ngoài cái khó khăn diệt ngã, ta còn gặp phải cái mâu thuẫn trầm trọng: người muốn diệt tham vọng vẫn còn nuôi tham vọng thành công trong chương trình diệt trừ tham vọng. Cái mâu thuẫn này đưa người muốn diệt tham vọng vào tình trạng phi lý, vào một vòng luẩn quẩn, không có lối ra. Nói tóm lại, *mong muốn tiêu diệt tham vọng chỉ là một ảo vọng.* Vì ảo vọng thường đẩy con người vào cõi sân-si, nên một cuộc thảo luận về vấn đề diệt tham vọng dễ trở thành một cuộc tranh luận gay gắt giữa người đối thoại, không mang đến một kết quả gì.

Tốt hơn hết là ta không nên thắc mắc đến vấn đề "diệt tham vọng" mà nên chú trọng

đến vấn đề *"diệt ảo vọng"* vì tham vọng có tính cách xây dựng, còn ảo vọng có tính cách phá hoại, không những phá hoại xã hội mà phá hoại luôn cả bản thân người ôm ảo vọng. "Diệt ảo vọng" không phải là một vấn đề nan giải. Trước hết, người nuôi cái *"tham vọng diệt ảo vọng"* không bị rơi vào hố phi lý như người ôm cái "tham vọng diệt tham vọng." Hơn nữa, diệt ảo vọng tương đối không khó lắm. Ta chỉ cần giữ một tinh thần duy lý và thực tiễn, để biết mình biết người, để tránh rơi vào cảnh đua đòi phi lý, để tìm những mục tiêu tiến thủ nằm trong khả năng của mình. Nói tóm lại, ai cũng có thể diệt ảo vọng được, vì nó không đòi hỏi chúng ta phải theo một lối sống trái với cái ngã của chúng ta.

Muốn diệt ảo vọng, bước đầu tiên là chúng ta phải tự xét để xem chúng ta có mắc vào một ảo vọng nào không. Chúng ta phải biết rõ chúng ta mong ước cái gì, và những điều chúng ta mong ước có quá tầm tay của chúng ta không. Tôi dựa trên nhận xét này để phác họa ra một trắc nghiệm như sau để giúp các bạn độc giả kiểm điểm lại con đường tiến thủ.

Bạn lấy một tờ giấy, chia ra làm 10 hàng và 2 cột. Trên mỗi hàng ở cột bên trái, bạn ghi một mong ước mà bạn *thực sự* muốn đạt trong vòng năm năm tới. Dù mong ước cao hay thấp, bạn cố tìm ra được 10 mong ước khác nhau. Nếu bạn không có một mong ước nào, bạn quả là một người may mắn đã vào được vùng Cực Lạc.

Sau đó, bạn *cố hết sức khách quan* phỏng tính mức khả năng hay phương tiện bạn cần phải có để thực hiện những điều bạn mong ước. Đối chiếu với mỗi mong ước, bạn tự cho một điểm *"khả năng thực hiện được điều mong ước"* (từ 1 đến 10), rồi ghi số điểm đó trong cột bên phải. Mức *"khả năng"* càng cao, số điểm càng lớn: số "1" là điểm tối thiểu (nếu bạn cảm thấy rất ít hy vọng thực hiện được điều mong ước nào đó); số "10" là điểm tối đa (nếu bạn tin chắc là bạn có dư khả năng đạt được điều bạn mong ước).

Sau hết, bạn cộng tất cả 10 điểm "khả năng" lại, để có một nhận xét đại cương về mình như sau:

* **Từ 10 đến 25 điểm**: bạn là người hay mơ mộng, không đủ sức để thực hiện những điều bạn mong ước. Bạn phải tỉnh táo tự hỏi tại sao bạn lại phải tự trói mình vào cái thế thất vọng và bất mãn triền miên như thế này.

* **Từ 26 đến 50 điểm**: bạn sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong đời. Bạn cần phải xét lại con đường tiến thủ. Không nên xây mộng ước quá cao.

* **Từ 50 đến 75 điểm**: bạn là người tương đối thực tế. Tuy nhiên, bạn cần phải xét lại một số mong ước của bạn để có một đời sống thoải mái hơn.

* **Trên 75 điểm**: Rất mừng cho bạn là người may mắn biết cái giới hạn của mình. Tuy nhiên, nếu bạn đạt số điểm quá cao, có thể bạn là người quá e dè hoặc có thể bạn là người muốn hưởng một lối sống an nhàn.

Nói tóm lại, giầu-sang chưa chắc mang lại hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc luôn luôn đến với chúng ta khi chúng ta đạt được cái tham vọng của chúng ta, dù là một tham vọng nhỏ bé. Trái lại, nếu chúng ta theo đuổi một ảo vọng hão huyền thì chắc chắn là chúng ta không thể nào tránh khỏi cảnh đau khổ triền miên. Vì thế, nhân loại không khổ vì tham vọng, nhưng thường sa vào cảnh điêu linh vì ảo vọng.

Khi đọc tới đây, chắc có độc giả muốn biết "Lòng mong muốn được vào cõi Niết Bàn hay được lên Thiên Đàng là một tham vọng hay ảo vọng?" Tiếc thay tôi không đủ kiến thức về thần học để trả lời câu hỏi quan trọng này. Tuy nhiên, tôi chỉ biết rằng Đức Phật Thích Ca dạy con người không nên rơi vào cảnh *sân-si* (giận dữ và đam mê). Đấng Chúa Cứu Thế cũng khuyên ta *"Hãy tha thứ cho kẻ khác như Chúa đã tha thứ cho ta vậy"* (tránh *sân*) và *"Hãy trả lại César những cái gì của César"* (tránh *si*). Hai đấng tối cao đã thấy rõ ràng *sân-si* chỉ tạo ra cảnh điêu linh cho loài người.

4. Cái loạn của Sân-Si

a) Bất Mãn Và Nổi Loạn

Dùng phương pháp quy nạp để ấn định mức tham vọng vẫn có thể đưa đến kết luận sai lầm, dù rằng tất cả tiền đề đều đúng. Vì thế, tuy duy lý và thực tiễn, người tham vọng vẫn có thể bị thất bại. Tuy nhiên, khi thất bại, người tham vọng vẫn còn tỉnh táo tìm cách thích ứng với thời cuộc. Trái lại, người theo đuổi ảo vọng hão huyền tất nhiên dễ thất bại hơn là thành công. Khi thất bại, họ không biết tìm lối thoát khỏi giấc mơ của họ, nên rơi vào trong tình trạng bất mãn (frustration). Người ở trong tình trạng bất mãn có hai phản ứng khác nhau tùy theo trường hợp. Nếu họ cảm thấy không có khả năng tiêu diệt nguyên nhân của sự bất mãn, họ âm thầm chịu đựng (*"vì số*

phận"), hay tìm cách lẩn trốn (*"để thoát khỏi cõi đời ô trọc"*). Trái lại, nếu họ tin rằng họ có đủ sức để đương đầu với những kẻ đã làm cho họ bất mãn, họ sẽ vùng lên đập phá và chém giết. Nói tóm lại, thất bại đưa tới bất mãn, và bất mãn được hóa giải bằng hai cách: hoặc sống nhẫn nhục (withdrawal), hoặc phẫn uất và bạo động (aggression).

Cuộc tàn sát người Hoa ở Nam Dương gần đây là một thí dụ điển hình về cái sân-si của ảo vọng. Người Hoa rất thành công trong lãnh vực kinh tế. Người Nam Dương so sánh mình với người Hoa giầu có hơn mình, và mong muốn giầu có như người Hoa. Cái mộng này khó mà thực hiện được vì người Nam Dương không có kinh nghiệm thương mại, không có truyền thống cần cù, nhẫn nại, và tháo vát như người Hoa, v.v.. Khi Nam Dương bị khủng hoảng tiền tệ, nạn thất nghiệp lan tràn, vật giá gia tăng, giấc mơ *"giầu có như người Hoa"* bị tan ra mấy khói. Thế là người Nam Dương nổi lên cướp giết người Hoa, tuy rằng người Hoa không phải là thủ phạm gây ra khó khăn kinh tế cho người Nam Dương. Ta cũng nên biết, người Nam Dương so sánh mình với người Hoa (tương đối thành công hơn một chút), rồi tưới nỗi uất ức lên đầu người Hoa. Họ không có ý tưởng "viển vông" so sánh mình với người da trắng tư bản quá ư giầu mạnh, nên họ không căm thù những người da trắng đang làm giầu trong nước họ.

Kiều dân Ấn Độ trú ngụ ở Uganda cũng mắc cái "tội" giầu hơn người bản xứ. Họ lâm vào cảnh bi thảm hơn người Hoa ở Nam Dương chỉ vì chính Tổng Thống Amin (một cựu trung sĩ trong Quân Đội Hoàng Gia Anh, rất thích ăn thịt người) lại cầm đầu phong trào đàn áp. Cũng như ở Nam Dương, những chủ đồn điền da trắng giầu mạnh lại không bị đàn áp. Nói chung, ở các nước đa chủng hay đa văn hóa, thất vọng kinh tế thường đưa tới căm thù chủng tộc hay giáo chiến. Đó là mầm nguy hiểm trong bản tính so sánh giữa người với người.

Trong khi bàn luận về sự liên quan giữa bất mãn và nổi loạn, ta cũng nên phân biệt giữa tình trạng nghèo đói và tâm trạng bất mãn. Người bất mãn là người không đạt được mục đích của mình. Vì vậy, người bất mãn chưa hẳn đã là người nghèo sống trong cảnh nghèo khổ. Thực ra người dễ rơi vào tình trạng bất mãn nhất lại là những người trí thức thuộc giai cấp tiểu tư sản bị kẹt trong cảnh "ông không ra ông, thằng không ra thằng." Họ là những người sung túc, có đủ thì giờ và kiến thức để thắc mắc về những chuyện đại sự. Nếu bất mãn, họ có khả năng tìm tòi và suy luận về nguyên nhân của sự bất mãn. Vì thế, họ dễ bị lôi cuốn vào con đường bạo kháng để giải quyết những cái bất mãn của họ. Và cũng vì thế, ta thấy đại đa số lãnh đạo các phòng trào cách mạng trên thế giới (kể cả cách mạng vô sản) đều xuất thân từ gia đình trung lưu trong xã hội.

Trái lại, những người nghèo đói ít khi nghĩ đến nổi loạn. Cùng lắm thì họ đi ăn cướp lẻ tẻ để sống qua ngày đoạn tháng. Thông thường, người nghèo đói âm thầm chịu đựng "số phận hẩm hiu" của mình. Họ sống một đời sống cơ cực, nhưng họ không rơi vào tình trạng bất mãn lâu dài, vì họ biết duy trì một mức tham vọng rất thấp, nên rất dễ được thỏa mãn. Được một chén cơm mốc thay cho củ khoai mì là họ đã thấy sung sướng rồi, nên họ không muốn phiêu lưu vào những phong trào chống đối. Họ sống theo câu châm ngôn *"Có thực mới vực được đạo."* Nói tóm lại, những người nghèo đói ít khi nghĩ đến chuyện cách mạng, nhưng dễ bị rơi vào màng lưới tuyên truyền của những cán bộ trong phong trào cách mạng.

Dựa trên yếu tố tâm lý này, các chính quyền cộng sản đã dùng chính sách "bóp bao tử, nhử cái mồi" để bảo vệ chế độ. Khi cần phải ổn định tình hình, Nhà Nước chỉ nhả ra một chút gạo là lôi cuốn được đám người đói khổ về với mình. Tuy nhiên, người nào dễ bị mua chuộc, thì cũng dễ phản bội. Vì thế, Karl Marx đã phải khuyến cáo các đàn em phải thận trọng: trong một cuộc cách mạng vô sản, không nên tin tưởng đám người vô sản bần cùng (lumpenproletariat) vì điều mong ước sâu đậm của những người này là tiến lên giai cấp tiểu tư sản, chứ không muốn ôm cái ảo mộng được vào Thiên Đường Cộng Sản.

b) Bất Mãn Và Bất Ổn Ở Việt Nam

Mối liên hệ giữa thất vọng, bất mãn và bất ổn tại Việt Nam rất phức tạp vì tình hình chính trị và xã hội không giản dị như ở các nơi khác. Tôi sẽ phân tích tâm trạng người thống trị và người bị trị trong ba giai đoạn: (i) giai đoạn đàn áp ở miền Nam, (ii) giai đoạn "đổi mới" nửa vời, và (iii) giai đoạn hiện tại.

(i) Giai Đoạn Đàn Áp Tàn Tệ Trước Thời "Đổi Mới"

Sau ngày 30/4/1975, đa số dân chúng Miền Nam vẫn không quên những hành động tàn ác

của Việt cộng trong quá khứ — từ cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu ở ngoài Bắc cho đến cuộc tàn sát ở Huế. Vì thế, một số người Miền Nam (nhất là những người di cư hồi 1954) không có ảo vọng gì vào chế độ mới. Họ biết là sẽ bị hành hạ sau khi "giải phóng" nên còn đủ duy lý để gồng mình chịu đựng những hành động tàn ác của Nhà Nước, và đủ tỉnh táo để tìm một lối sống thích hợp cho qua ngày.

Trái lại, có một số người khác lại tin tưởng vào lòng yêu nước và thương dân của "Bác." Họ là những người theo đuổi một ảo tưởng mơ hồ. Họ muốn quên quá khứ, không muốn nhớ những cảnh đẫm máu mà họ đã chứng kiến vì họ muốn bảo vệ ảo vọng của họ về "hoà bình và thống nhất," về "tình ruột thịt Bắc Nam." Hành động tàn bạo của các cán bộ sau ngày 30/4 làm những người này bị xúc động. Họ cho rằng đã bị cộng sản lừa bịp (thực ra chính họ tự lừa bịp họ). Tâm trạng rối loạn này làm họ mất hết khả năng thích ứng với tình trạng mới.

Trong khi toàn dân Miền Nam bị đàn áp tàn tệ, quá khứ bị phỉ nhổ, tương lai mù mịt, gia đình tan nát, đạo đức tiêu tan, mọi người đều rơi trong tình trạng khủng hoảng về ngã (identity crisis). Một số người thiếu khả năng tự kiềm chế chỉ biết nghĩ đến hiện tại, tìm cách sinh sống như đàn thú đi tìm mồi. Họ bị đẩy vào tình trạng vong ngã, mất nhân tính. Trong khi đó, giới lãnh đạo Hà Nội hãy còn ôm cái ảo vọng "nhẩy vọt" lên XHCB, nên không chịu nhìn vào thực tại, và không biết thích ứng lanh lẹ. Họ hành hạ dân lành gần mười năm trời mới nhận ra cái sai lầm của họ, và nghĩ đến cái chuyện "đổi mới."

Ta cũng nên biết, tâm trạng người miền Nam trong thời điểm này khác hẳn tâm trạng người miền Bắc trước ngày "đổi mới." Bị đàn áp và bóc lột trên 30 năm, bây giờ họ cảm thấy thoải mái hơn sau khi chiến tranh chấm dứt vì cho mình là kẻ "chiến thắng." Vì thế, họ không bất mãn với chế độ vì còn hy vọng Đảng và Nhà Nước sẽ mang cho họ một đời sống hạnh phúc như đã hứa vì họ cho rằng những lời hứa đã bị tạm trì hoãn trong thời chiến.

(ii) Giai Đoạn Đổi Mới

Với chính sách "đổi mới" và tiền viện trợ và tiền đầu tư đổ ào ào vào trong nước, kinh tế phát triển trên 8% mỗi năm [5], mặc dù thối nát và nhân quyền bị đàn áp. Các nạn nhân của chính sách đàn áp tàn tệ trước kia nay cảm thấy có một đời sống kinh tế tương đối thoải mái hơn. Hơn nữa, đà phát triển này kéo dài gần 10 năm làm cho mọi người nghĩ rằng nền kinh tế sẽ cứ tiếp tục bành trướng như vậy. Mọi người bắt đầu nghĩ đến tương lai kinh tế. Họ đặt trọng tâm tham vọng vào lãnh vực kinh tế. Họ muốn có một đời sống ổ định, nên không muốn nêu ra vấn đề tự do và nhân quyền.

Bây giờ cả hai miền có mực sống cao hơn nhờ phát triển kinh tế (tuy không bằng Nam Hàn, Thái Lan, hay Đài Loan). Tuy vậy, ta đừng tưởng nhầm rằng mức tham vọng chính trị của người dân sẽ tự động tăng trưởng theo đà phát triển kinh tế. Thực ra, người dân càng no ấm, "công trạng nuôi dân" của Đảng và Nhà Nước lại càng được đề cao hơn, và chế độ độc tài đảng trị lại càng vững chắc hơn nữa! Nói tóm lại, trong chế độ độc tài, *đà phát triển kinh tế càng lên cao, tham vọng chính trị (đòi họ tự do nhân quyền) của người dân càng xuống thấp.*

Chính sách "đổi mới nửa vời" có hậu quả ru ngủ người dân, nhưng lại tạo ra tình trạng bất ổn trong hàng ngũ cán bộ. Các "cán bộ trung kiên" (mệnh danh là phe "bảo thủ") bị thay thế bởi các "cán bộ tư bản đỏ." Họ trở nên bất mãn khi thì thấy bỗng nhiên mất hết

MIÊN DU

NGƯỜI TÌNH TRĂM NĂM

Con đường tôi đi
Là người tình trăm năm
Mỗi một ngày
Tôi thủ thỉ với đôi chân
Mang nhớ nhung vào đến chỗ tôi nằm
Như kết chặt hai mảnh đời là một
Và tôi chẳng bao giờ còn hoảng hốt
Cứ thế!
Tôi ra đi lúc bình minh
Rồi trở về
Khi mặt trời thác sau núi
Tôi bước đi hồn không còn thui thủi
Vì người tình ở cạnh mỗi bước chân
Kề môi hôn một chút tình dấm dúi
Chẻ cuộc đời ta cũng chẳng phân thân...

Đalat 04/10/01

quyền sinh sát mà họ đã nắm trong tay trước kia (so sánh theo thời gian). Họ rất phẫn nộ khi họ so sánh họ với các đồng chí "tư bản đỏ," vì thấy mức sống của họ không bằng đời sống con chó tây của các tên này (so sánh xã hội). Khuynh hướng "không được ăn thì đạp đổ" đi cùng với truyền thống độc tài và tàn bạo trong nhóm "cán bộ trung kiên" là một đe dọa lớn cho chế độ.

Vì tình trạng bất ổn, các "cán bộ tư bản đỏ" không dám nghĩ dài hạn, nên cố vơ vét để phòng khi bão tố chính trị có thể xẩy ra bất cứ lúc nào. Thế là chế độ "tư bản đỏ" biến thể thành chế độ "tư bản phạm pháp." Cái diễn biến này cũng dễ hiểu. Như đã trình bày ở trên, chỉ nghĩ đến hiện tại mà không nghĩ dài hạn trong tương lai là triệu chứng của một tâm trạng du đãng.

(iii) Giai Đoạn Kinh Tế Suy Sút

Gần đây, các công ty ngoại quốc thấy rằng đầu tư vào một chế độ "tư bản rừng" rất nguy hiểm, nên họ bắt đầu rút vốn, nhất là sau cơn khủng hoảng tiền tệ ở Đông Nam Á. Hơn nữa, khi Việt Nam không còn là một thị trường đầu tư thuận lợi cho giới tư bản, các nước tư bản Âu Mỹ cũng cắt bỏ một số dự án viện trợ, có lẽ vì thấy các dự án này không còn cần thiết cho giới đầu tư Âu Mỹ nữa.

Thiếu tiền đầu tư và tiền viện trợ, đà phát triển kinh tế tại Việt Nam tụt thang và không đáp ứng được mức tham vọng kinh tế của người dân như họ đã kỳ vọng. Dân chúng bắt đầu thất vọng, và bất mãn, nhất là thấy đám "tư bản đỏ" giầu có gấp ngàn lần người dân bình thường. Vì thế, Nhà Nước trở nên một mục tiêu thuận tiện để người dân trút cái bực tức lên đầu vì Nhà Nước đã thất bại (tính theo tương đối) nhất là sau bao nhiêu năm Nhà Nước đã khoe khoang cái công trạng "nuôi dân" của mình. Bất mãn kinh tế dần dần chuyển thành bất mãn chính trị như ta đã thấy trong các cuộc nổi loạn đòi quyền sống ở Thái bình, và đòi quyền tự do tín ngưỡng ở nhiều nơi khác. Nói tóm lại, trong bất cứ một chế độ độc tài nào, khi đà phát triển kinh tế xuống thấp hơn trước, mức tham vọng chính trị của người dân mới bắt đầu bộc phát. Ta nên nhớ *đà phát triển kinh tế đi xuống* (the negative rate of economic growth) chứ không phải *mức sống nghèo đói của người dân* (the poor standard of living) mới tạo ra bất mãn chính trị.●

Chú Thích:

[1] Người đầu tiên đưa ra quan niệm "*nhu yếu thành công*" (need for achievement) là Gs H. A. Murray (1938). Mãi đến năm 1953, các học giả mới thực sự chú ý đến vấn đề này nhờ cuốn *The Achievement Motive* do các Gs. D.C. McClelland, J. W. Atkinson, R.A. Clark, và E. L. Lowell viết. Sau đó hàng trăm nhà nghiên cứu tâm lý học khác đã chứng minh *nhu yếu thành công* quả có ảnh hưởng đến đời sống hàng ngày của con người và đà phát triển kinh tế trong nước.

[2] Freud phân tích cái ngã ra làm ba phần: *thú ngã* (id), *siêu ngã* (superego) và *thực ngã* (ego). Đời sống tâm lý mỗi người tùy thuộc vào sự tương quan của ba phần này. Tôi thấy lý thuyết về ngã (self theory) theo quan điểm tâm lý xã hội gọn gàng hơn là quan điểm phân tâm học của Freud, vì tham vọng phát triển trong xã hội và đi liền với đời sống xã hội. Muốn biết qua lý thuyết và những kết quả nghiên cứu về ngã, xin đọc cuốn *Self Studies, The Psychology of Self and Identity* do K. E. Scheibe trình bày (Nhà xuất bản Preager, 1995). Muốn biết thêm, nên đọc cuốn *The Self and Social Life* gồm 12 bài lý thuyết về ngã do Gs. B R. Schlenker chọn lọc 1985 (Nhà xuất bản Mc-Graw-Hill, 1985).

[3] Trong cuốn *Why Men Rebel*, do Đại Học Princeton xuất bản năm 1971, Ted Gurr trình bầy đầy đủ lý thuyết về bất mãn và kết quả những khảo cứu về vấn đề này bởi một số giáo sư tâm lý. Ông dựa vào lý thuyết bất mãn để đưa ra lý thuyết bạo kháng: bất nãn bắt nguồn từ so sánh theo thời gian (trước khổ hơn bây giờ) và so sánh xã hội (khổ hơn người khác), bất mãn tạo ra khuynh hướng bạo hành (agression), bạo hành dễ trở thành bạo kháng. Phong trào bạo kháng nếu không đàn áp ngay lập tức, sẽ lan rộng và trở thành một cơ nguy cho nhóm thống trị.

[4] Theo lý thuyết về ngã, con người luôn luôn không muốn có mâu thuẫn trong cái ngã của mình (self consistency drive). Vì thế, khuynh hướng chung là không chấp nhận những điều gì đi ngược cái ngã. Đó là nguồn gốc của cái *si* trong cái ngã. Khi thất bại làm tổn thương bản ngã, con người tìm đủ mọi cách để giải thích sự thất bại của mình để bảo vệ cái ngã: thông thường là đổ lỗi cho người khác, và hướng sự bực tức vào người đó (scapegoating). Đó là nguồn gốc của cái *sân* trong cái ngã. Về điểm này, *self theory* tương tự như *Theory of Cognitive Dissonance* do Gs. L. Festinger trình bày năm 1957 (nhà xuất bản Row, Peterson).

[5] Sự tiến triển này không phải là một "thành công" đáng kiêu hãnh khi nền kinh tế bắt đầu từ con số không. Một người nghèo đói kiếm được một chén cơm mỗi ngày, bỗng nhiên kiếm được hai chén cơm mỗi ngày (đà tiến triển 100%) thì đâu có gì mà kiêu hãnh!

ĐI TÂY, ĐI MỸ

TIÊU DAO

Dạo còn sống bên Pháp, tôi vẫn thường có dịp đón bà con bạn bè ở Mỹ sang chơi. Có người từ miền đông, có người từ Cali, có người từ Texas, cũng có người từ Georgia hay Florida. Lâu ngày không gặp, vui thì khỏi nói.

Nhà tôi ở ngoại ô phía đông nam Paris, nhưng chỉ cách cửa ngõ vào Paris có chừng mười cây số. Nếu lấy xa lộ A-4 vào giờ đi làm buổi sáng thì có khi mất đến một tiếng; còn như rảnh rỗi đi chơi tà tà vào khoảng giữa trưa thì chỉ thoáng độ mười lăm phút là đã đến Porte de Bercy. Từ đó, cứ dọc theo hữu ngạn sông Seine, qua cầu Austerlitz, rồi theo tả ngạn mà vào đến tận nhà thờ Đức Bà là trung tâm thành phố. Những hôm không vội vã, tôi thích dùng đường nhỏ, băng qua khu rừng Vincennes từ phía bờ sông Marne. Bên kia cánh rừng đã là đường phố Paris. Những sáng mùa thu đi làm, nếu bạn chịu khó dậy sớm hơn chừng nửa giờ để lái xe qua những con đường rừng ngập lá vàng với mặt hồ se lạnh, bạn sẽ có một cảm giác dị kỳ khác hẳn với cái nhịp đời vội vã của người dân phố thị. Bạn cũng có thể bị kẹt xe ngay giữa những con đường rừng ấy - bởi vì thiên hạ cũng có hồn thơ chứ đâu riêng gì bạn - nhưng là cái kẹt xe giữa sương sớm mù mù và lá vàng rơi lả tả. Ngày làm việc chắc hẳn cũng mang theo một chút gió êm đềm.

Thật đáng tiếc là bà con bè bạn tôi chưa bao giờ được nhìn mùa thu Paris như thơ Cung Trầm Tưởng. Họ thường đi chơi vào mùa hè, giữa tháng bảy và tháng tám. Mùa hè Paris trời nóng không thua gì miền nam California. Hầm xe điện ngột ngạt. Vườn Luxembourg bụi khô cây cỏ. Đường phố thì vẫn tấp nập những người là người, phần đông là du khách. Một nửa Paris đã đi nghỉ hè. Tháng tám, nhiều công sở đóng cửa hay thu ngắn giờ làm việc. Những vòi nước phun có cả người tắm. Thỉnh thoảng, nếu bạn hên thì có thể được dịp chiêm ngưỡng vài cô du khách người Hoà Lan hay người Đức khoe bộ ngực trần ung dung ngồi phơi nắng giữa quảng trường Trocadéro trước tháp Eiffel cho đến khi có người cảnh sát đến bên cạnh, nhẹ nhàng mời họ che đậy thêm đôi chút. Nhiều lần tôi đã chứng kiến anh cảnh sát đứng nán ni khá lâu, mà cô đầm yêu thiên nhiên vẫn hiên ngang trơ gan cùng tuế nguyệt. Luật pháp ở xứ sở của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền không quá khắt khe về cái sex như ở Mỹ. Nói chung, các nước có nền văn hoá La-Tinh đều mang một quan niệm phóng khoáng về thể chất và tính dục, khác với quan niệm bảo thủ của các nước có nguồn gốc Anglo Saxon. Chả thế mà những bức tượng đẹp nhất từ thời cổ Hy Lạp qua đến thời kỳ phục hưng của các quốc gia chịu ảnh hưởng văn hóa La Tinh đa số đều là những bức tượng khỏa thân. Bờ vai trần và bộ ngực kiêu căng của những pho tượng trắng trong vườn Luxembourg không hề làm vương vất nét trần tục trong cái nhìn nghiêm trang và xiêm y kính cẩn của một tác phẩm nghệ thuật hàng vương giả.

Nhưng tôi không có dịp ca ngợi lâu những pho tượng trắng của Anatole France khi dẫn bà con tôi đi thăm vườn Luxembourg trong muà hè. Bởi vì các bà chị tôi còn có một mối bận tâm vô cùng to lớn khác. Vườn Lục Xâm Bảo không có chỗ đi giải! Ba Lê không có cầu tiêu công cộng! Có, nhưng muốn đi thì phải trả tiền. Rẻ thôi, có nơi một quan, có nơi hai quan, bỏ đồng bạc vào khe nhỏ trên cửa thì mới mở được mà vào. Còn như đi *free* thì hiếm lắm. "Nước Tây nghèo khổ đến thế cơ à, đến đi đái mà cũng phải đóng thuế!" Ừ nhỉ, nghĩ cũng lạ, sao nó đem bạc triệu sang cả Hà Nội mà cho không, thế mà xả ga có một cái cũng chém đồng bạc! Hay là nó thu thuế ấy mà đem đi cho các nước nghèo?

Sự thật, suốt mười lăm năm sống ở Pháp, tôi chưa bao giờ phải bỏ ra xu nào cho những cái máy tè ấy cả, họa chăng chỉ có một lần

phải áp tải thằng cháu du khách vào đấy mà thôi. Để tôi giải thích thêm cho bạn khỏi hiểu lầm. Tôi gọi là "máy," vì cầu tiêu công cộng ở đường phố Paris không phải là những dãy nhà vệ sinh như ta thường thấy trong các trung tâm thương mại, mà là những cabines nhỏ bằng vật liệu nhẹ, sơn màu beige nhạt không lớn hơn cái trạm điện thoại công cộng là mấy. Bên trong là cầu tiêu hoá học và các vật dụng bằng nhôm trắng xám khiến vào đấy bạn có cảm tưởng như đang ở trong một con tàu vũ trụ. Không bỏ tiền thì cửa không mở cho vào là đương nhiên rồi; nhưng có nơi, không đạp nút dội cầu thì cửa không mở cho ra nữa mới tức! Thằng cháu du khách lên sáu làm gì dám phiêu lưu vào đấy một mình?

Các bà con tôi sống lâu bên Mỹ có thói quen đi mua sắm ở các trung tâm thương mại. Khi đến mall sau một đoạn freeway dài là chạy ù vào chỗ ấy trước đã; xong trước khi về lại ghé thêm lần nữa. Có khi shopping lâu thì ra vào đến quen mặt nhau ở đấy. Cho nên khi phải làm du khách ở một nước không có tự do giải phóng thì một trăm cái tháp Eiffel hay một ngàn cái viện bảo tàng Louvre cũng là điều không đáng kể. Không hiểu sao sống lâu ngày bên Pháp mà tôi không nhận ra điều thiếu sót ấy cho đến khi có dịp tiếp đón bạn bè. Trăn trở mãi với tiền đề không câu kết luận, tôi đành ngớ ngẩn đem hỏi những người bạn Pháp thân thiết nhất, rằng sao nước Tây không có tự do phóng uế? Câu trả lời thật đơn giản, thuần dân tộc tính mà cũng rất kinh tế học, rằng dân Tây không có vụ đái đường! Sáng dậy thì đi ở nhà, đến sở thì đi ở sở, trưa ra quán ăn thì đi ở quán, chiều lang thang khu La Tinh thì cũng vào cà phê mà đi, tối thì lại về nhà! Không có cầu thì cần quái gì cung, cho nên không cần xây cầu tiêu công cộng. Thế còn các máy tè kia? , đấy là một kiểu mẫu tượng trưng cho sự hài hòa của nhịp phát triển kinh tế. Chẳng qua là kỹ nghệ du lịch Tây gần đây lên mạnh, mỗi năm đón chừng mười triệu du khách bốn phương. Cứ tính trung bình mỗi du khách có cái nhu cầu bất ngờ ấy một lần mỗi ngày thôi là hàng năm đã thu hàng trăm triệu. Du khách đâu có nộp thuế lợi tức cho quan thuế Tây, thì tội gì nhà nước bỏ tiền bỏ chổi ra mà quét dọn không cho họ? Bên Mỹ, các đại học công lập còn phân biệt giá học phí rẻ dành cho dân đóng thuế tiểu bang mình, còn dân tiểu bang khác là chém thẳng tay như người ngoại tộc. Học mà còn thế, nữa là chuyện đi tè, sao lại phàn nàn là không có tự do? Tôi nghe ra mà ngao ngán quá!

Đời sống đưa đẩy cho tôi rời Âu châu sang định cư ở Mỹ. Tôi đến quận Cam miền nam Cali và yêu mến vùng đất này như đã từng yêu mến mấy con đường loanh quanh của quận 13 Paris, như hàng trăm ngàn người Việt tha hương khác yêu mến nơi họ dừng chân. Ở đây không có mùa đông, cũng không có lá vàng mưa thu qua những con đường rừng thơ mộng. Ở đây có bờ biển ngút ngàn và xa lộ đi hoài không thấy đến. Ở đây có phở, có bánh tôm, có tiệm kim hoàn Việt Nam thuê người Mỹ mang súng gác, có xe Lexus chữ vàng chói lọi, có cụ già đội nón lá đi ngoài đường miệng nhai trầu móm mém. Sau một thời gian vất vả như mọi người di cư khác, rồi tôi cũng kiếm được một việc làm, đời sống cũng tạm ổn định. Và tôi lại có dịp đón tiếp người bạn đầu tiên từ Pháp đến thăm.

Từ phi trường Los Angeles về đến chỗ tôi ở cách khoảng bốn mươi miles theo xa lộ 405. Hôm ấy là một ngày chủ nhật. Muốn cho bạn tôi được chiêm ngưỡng cái to rộng của thành phố thứ nhì nước Mỹ, tôi lái xe vòng xuống downtown, và trở về bằng xa lộ số 5 khi trời đã xế chiều. Bạn tôi thật mệt mỏi sau một chuyến bay dài, nhưng cũng không dấu vẻ mãn nguyện của một nhà thám hiểm lần đầu tiên đặt chân đến miền viễn tây châu Mỹ.

Khi về đến quận Cam thì trời đã tối hẳn. Tôi rủ anh ghé vào khu Bolsa tìm cái gì ăn tối. Tôi mời anh thưởng thức món bún chả và bánh tôm Cổ Ngư ở một tiệm mà tôi rất thích. Bánh tôm chiên thật giòn, không nhiều khoai, mà cũng không nhiều tôm quá. Còn bún chả nữa mới tuyệt, nướng than vừa chín, lửa hơi xém đủ làm cho rìa ngoài cuả miếng chả đốm chút vụn đen giòn, lại có cả rau muống chẻ, tía tô và kinh giới. Anh là một người Việt sống bên Pháp lâu năm. Anh đã đi nhiều nơi trên thế giới, nhưng đây mới là lần đầu anh có dịp ghé thăm khu Bolsa và Sài Gòn nhỏ, nơi được mệnh danh là thủ đô tỵ nạn của người Việt. Từ một bàn trong góc, anh thích thú quan sát tiệm ăn, từ khách ra vào đến người dọn bàn. Đến khi các món ăn được dọn ra, thì anh xuýt xoa: "Chả kém gì bánh tôm Hàng Xanh với bún chả hẻm Casino ngày xưa nhỉ!"

Dạo ở Paris, anh với tôi thường lui tới một tiệm ăn trong khu Choisy, do một ông cựu luật sư ở Sài Gòn ngày trước làm chủ. Cái thủa

huy hoàng của ông chủ quán thầy cãi khi ông còn vẫy vùng trước ba toà quan lớn thì tôi không được chứng kiến, nhưng tài làm bánh tôm của ông thì quả là hùng biện. Tôi nói thế, bởi vì không những ông tự tay pha bột, rán bánh, mà còn giảng giải bênh vực đĩa bánh tôm rất là hăng say lý lẽ nữa cơ! Ông bảo, con tôm phải to vừa mà đủ râu đủ ria, đủ đầu đủ đuôi, hai mắt trợn trừng nhìn thẳng đằng trước thì mới gọi là tôm. Nghệ thuật của ông là đặt sao cho con tôm phải ngồi chồm chỗm trên cái bánh, chân tôm cắm vững vàng xuống mặt bánh, chứ không được đặt nằm. Mà vỏ tôm không được nứt, lưng tôm thì phải đỏ hồng và cong vừa phải, chứ cong quá đáng đến độ trông khúm núm là không được! Sợi khoai cũng phải mảnh vừa, không quấn lấy chân tôm đến làm cho con tôm trông như hùm sa bẫy, ấy là bất thành. Đĩa bánh tôm hùng biện ấy, ông cựu luật sư bán đắt hơn tiệm khác đến gấp đôi. Thế nhưng chúng tôi vẫn hăng hái bỏ tiền ra ở tiệm ông để được ăn những cái bánh tôm khác thường. Khi ăn, lòng cũng thấy lâng lâng... Bẵng đi một dạo phải đi xa. Một hôm, chúng tôi có dịp trở lại tiệm ông, thấy tiệm càng ngày càng phát đạt, mà khách tây đầm lại nhiều hơn xưa gấp bội. Ông chủ nhớ khách quen, vẫn niềm nở chào đón. Hôm ấy, đương nhiên là chúng tôi lại gọi món bánh tôm. Khi người dọn bàn đưa ra một đĩa rau xà lách to tướng, mà lơ thơ chỉ có vài chùm húng lũi buồn rầu, chúng tôi đã ngỡ là anh đưa nhầm bàn. Nhưng không, đĩa bánh tôm đang được đích thân ông chủ tiệm mang ra kia rồi. Nhìn vào những cái bánh, tôi ngạc nhiên lạ lùng! Con tôm oai hùng năm xưa bây giờ nằm tênh hênh trên đống bột vàng ệch, trần truồng trụi lũi, không đầu không đuôi, không râu ria, không manh giáp. Cái bánh tôm hùng hồn năm xưa giờ biến thành một miếng ăn béo ngậy, nung núc dục tính. Chúng tôi không hỏi, ông chủ quán đã tự thấy có bổn phận phải trả lời, giọng ông đục như nước sông Seine những ngày mưa lũ: "Các cậu thông cảm, không bóc vỏ cắt đầu thì tây nó không ăn. Có khoai thì các mụ đầm sợ lên cân... Cho nên đành chịu vậy!" Rồi ông đổi cao giọng vui vẻ: "Hay là lần sau mời các cậu dùng thử món khác. Tôi mới có món miến lươn xào, ngon tuyệt..." Chúng tôi không bao giờ có dịp trở lại để xem con lươn của ông vẫy vùng thế nào trong đĩa miến. Từ đó, những ngày mưa lạnh, chúng tôi đành mất hẳn một người tình...

Khi chúng tôi ăn xong thì bên ngoài đường phố quận Cam đã lên đèn. Chẳng vội vàng gì nên chúng tôi thong thả gọi thêm cà phê nóng, loại cà phê phin nước đặc quánh của những quán hủ tiếu ngày xưa. Anh bạn tôi được một bữa khoái khẩu, chưa gì đã rủ ngày mai lại ăn thêm lần nữa. Nhìn anh loay hoay lúng túng trong đám chai lọ mắm muối ngổn ngang trên góc bàn để tìm tăm xỉa răng, tôi cười bảo anh rằng tăm chỉ có ở ngoài quầy, mà cũng không biết giải thích với anh tại sao người ta lại không để tăm ngay trên các bàn, có lẽ cốt cho các ông "xỉa răng cọp" đừng có ngồi cà kê lâu quá chăng. Cà phê xong, anh đòi trả tiền. Chúng tôi rất thân nhau, nên chuyện chủ khách không thành vấn đề. Anh giơ tay ra hiệu cho người dọn bàn lại gần, và bảo tính

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

THIẾU NỮ VÀ PHO TƯỢNG

Dốc không vách chiều vẫn nghiêng
Bóng đổ xuống dãy phố ốm
Mắt cô gái như hơi nhíu
Tưởng chừng đời chẳng cuộc cuối
Lầm lì bước vào phiến hoa
Cất tiếng hát thật trần tục
Vút cao đến nỗi đứt vụn
Dòng suy tư của pho tượng
Và bốc đi một lõm hương...
Người thu được sự hiện hữu
Chính kẻ ghi những dòng này
Ở một công viên Na Uy.

tiền. Tôi chưa kịp ngăn, thì người dọn bàn đã tỏ ra khó chịu, sẵng giọng: "Ra ngoài quầy kia dùm đi ông!" Rồi thấy thức ăn còn khá nhiều trên bàn, anh ta tự nhiên tiếp: "Có muốn hộp để 'to go' không?" Anh bạn tôi ngớ người, ngơ ngác như kẻ phạm tội. Song, anh cũng kịp hiểu ra, lắc đầu lủi thủi đi lại quầy. Anh rút ra tấm thẻ tín dụng, đặt lên quầy tính tiền. Rồi anh thật sự lúng túng khi ông chủ tiệm vừa lắc đầu quầy quậy vừa nhìn anh như thấy người hỏa tinh: "Ở đây không nhận cái này, chỉ lấy tiền mặt thôi!" Anh đành phải để tôi trả tiền vì anh không sẵn đô la. Trên đường về, tôi không nghe anh nhắc gì đến chuyện ngày mai trở lại ăn thêm lần nữa cái món bánh tôm chân chính như anh đã nói.

Dọc đường, tôi ghé xe vào một trạm xăng. Anh bạn tôi xuýt xoa vì giá xăng bên Pháp đắt hơn đến mấy lần. Tôi còn đang loay hoay trên tay lái, thì anh đã nhanh nhẹn bước xuống, cắm vòi bơm vào xe. Nghiến răng bóp mãi không thấy gì, anh ra dấu cho tôi vì tưởng máy bơm hỏng. Tôi lại phải giải thích cho anh rằng ở Mỹ, tuy là xứ dầu hỏa, nhưng mua xăng phải trả tiền trước. Tiền có trao thì xăng mới chảy! Nhiều cây xăng cũng chỉ nhận tiền mặt. Ở Âu Châu, việc sử dụng thẻ tín dụng và ngân phiếu xem ra phổ thông hơn ở Mỹ nhiều. Sự thật, đa số các thẻ tín dụng ở Mỹ đều là thẻ mua chịu, khác với Âu Châu, và nhất là Pháp, nơi mà các tấm "carte bleue" - gọi thế vì đa số đều mang màu xanh lơ của hãng VISA - đều có công dụng như loại "American Express" bên Mỹ: không có sẵn tiền trong trương mục thì đừng có hòng mà chà chiếc gì hết. Cho nên các cửa hàng bên Pháp không ngại gì mà không nhận thẻ tín dụng; mà khách mua hàng lịch lãm cũng chỉ hay dùng thẻ. Tưởng tượng, sau một bữa ăn tối ngà ngà với người bạn gái mới quen, bạn chỉ cần khe khẽ làm dấu là nhà hàng đem giấy tính tiền đến trong một chiếc đĩa nhỏ, kín đáo gấp nghiêng về phía bạn. Bạn chỉ việc liếc mắt nhìn, xong rút ví từ tốn đặt tấm thẻ màu xanh da trời vào lòng đĩa. Lịch lãm biết bao! Lãng mạn biết bao! Nhưng người ta sẽ để cho bạn có đủ thì giờ để mà chua xót sau cơn lãng mạn. Một lát sẽ có người đến đem đĩa đi. Bạn không phải móc bạc cắc trước mặt người đẹp để lo đến chuyện "pourboire" gì cả, vì tiền "service" thường đã chém sẵn trong giá thành: người ta đương nhiên coi bạn là người lịch thiệp. Còn có muốn cho thêm tí nữa để được hào hoa thêm, ấy là tuỳ bạn. Rồi họ đem giấy lại cho bạn ký. Những tiệm lớn có khi mang lại một chiếc máy gọn như cái điện thoại cầm tay cho bạn bấm mã số vào. Giữa cái lúc đau lòng ấy, tôi xin khuyên bạn, dù có cố đóng vai hào hoa đến mấy, thì bạn cũng phải ráng mà trợn mắt lên nhìn cho kỹ những con số trước khi thò tay ra bấm mã số hay ký bản án chém đầu. Ký rồi là mồ hôi nước mắt bạn tuôn ra khỏi tủ sắt nhà băng, trước cả lúc đôi chân bạn bước ra khỏi nhà hàng. Có nhầm lẫn, muốn đòi lại cũng còn lâu lắm! (Ở Pháp, hình như người ta làm thơ ca ngợi bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền nhiều hơn là đi kiện để dành được những quyền làm người căn bản đó.) Những cửa tiệm nhỏ không có máy tự động nối với các ngân hàng thì họ có thể kín đáo dùng điện thoại thường trực gọi đến trung tâm tín dụng ngay khi bạn còn đang ngồi ở bàn. Ấy là khi bà chủ tiệm không đồng quan điểm với cô bồ mới của bạn, chẳng thấy vẻ hào hoa chút nào mà cứ trông bạn có vẻ gian manh ăn quịt làm sao ấy.

Ra khỏi khu Sài Gòn nhỏ, chúng tôi tạt qua một trung tâm thương mại lớn vì tôi cần vào siêu thị mua vài thức ăn khô cho ngày hôm sau. Hệ thống siêu thị ở Mỹ không giống như ở Âu Châu, đặc biệt là ở Pháp, vì siêu thị ở Mỹ tuy cũng rất rộng lớn nhưng được phân chia ra hai loại rõ rệt: loại chợ bán thức ăn, và loại cửa hàng chuyên bán các sản phẩm của một ngành công nghiệp riêng biệt như máy móc gia dụng hay áo quần. Ở Pháp cũng có những cửa hàng lớn chuyên biệt như thế; tuy nhiên, sức mạnh của ngành kinh doanh bán lẻ này nằm trong tay một hệ thống có chừng năm hay sáu đại siêu thị. Khái niệm đại siêu thị (hypermarché) là một công thức hoàn toàn Phú lãng sa, nơi mà người tiêu thụ có thể tìm thấy "mọi thứ cần dùng dưới một mái nhà" ("tous sous le même toit" là khẩu hiệu của ngành kinh doanh này). Ở đó, bạn có thể mua từ rau cỏ, thịt cá, bia rượu, cho đến áo quần, giày dép, sách vở, vật dụng trang hoàng nhà cửa, hay giường nệm, vv.. . Máy móc thì từ máy cưa máy đục, máy sấy tóc, cạo râu, cho đến ti-vi tủ lạnh đều có cả. Mỗi mặt hàng, bạn đều có thể tìm thấy hầu hết các nhãn hiệu và các loại giá cả từ thấp đến cao. Thậm chí bạn có thể thấy cả vài hãng xe hơi đem xe mẫu đến quảng cáo trong những ngày lễ lớn ngay bên cạnh hàng rau quả. Nguyên một thế giới sản phẩm tiêu thụ như thế thường được trưng bày

trên một diện tích chừng hai mươi hay ba mươi ngàn thước vuông, tức khoảng gần ba trăm ngàn square feet, trải ra trên hai hay ba từng lầu. Từ từng này lên từng kia bạn phải dùng thang cuốn không có bực, dài như một triền dốc lên đồi. Dĩ nhiên là bạn có thể đem cả xe đẩy đầy rau tươi thịt cá lên thang xuống thang để tìm mua một tấm trải giường hay ngay cả một quyển thơ Apollinaire. Các đại siêu thị chỉ được phép xây dựng ở ngoại ô thành phố, và thường phải gần một trạm xe điện ngầm nối dài, cộng với một bãi đậu xe khổng lồ.

Hồi ở Pháp, cứ hai ba tuần một lần, vợ chồng tôi lại hy sinh một buổi chiều thứ bảy để đến một nơi như thế, tha về các thứ cần dùng. Vì chỗ đậu xe hiếm hoi nên chúng tôi thường phải đẩy chiếc xe đầy ắp các thứ lỉnh kỉnh từ trong chợ băng qua bãi đậu xe xa hàng trăm thước. Có khi vợ đẩy một xe, chồng một xe, con cái thì đứa xách cái này đứa đeo cái kia, cứ như đám rước. Chất xong các thứ vào cóp xe rồi, là thở muốn đứt hơi. Lúc ấy, cái bực mình thứ nhất là phải đem chiếc xe đẩy trả về chỗ của nó, trong khi một đoàn xe cộ dài đang nóng nẩy chờ mình lùi ra để lấy chỗ đậu. Có khi trời lạnh như cắt, sờ mãi không thấy ngón tay mình đâu. Có khi tuyết đổ lầy lội. Có khi nắng nung điếng người. Mà vợ con thì dục như dục tà! Những lúc ấy, dù có là người lịch sự đến đâu đi nữa, bạn có là tôi thì bạn cũng chỉ muốn đẩy quách cái xe chợ vào một góc rồi chuồn cho xong chuyện! Nếu có ai nói gì, thì cứ cãi bừa rằng làm như thế mới là biết điều, vì hài lòng cả vợ con mình và cả những người lái xe nóng nảy đang chờ kia nữa. Nhưng tôi đã bảo là bãi đậu xe ở Paris hiếm hoi vô cùng, nhất là tối thứ sáu hay chiều thứ bảy thì đến giết nhau đi mà đậu. Cứ tưởng tượng lại phải có thêm chỗ để ghếch hàng ngàn cái xe đẩy ngổn ngang nữa thì loạn. Mỗi lần như thế, tôi lại len lén nhìn xuống hai vai để lắng nghe ông thiện ông ác cãi nhau về thế nào là người biết điều, lịch sự. Mà cuộc chiến của các vị thần thì bao giờ mà chẳng bất phân thắng bại?

May mắn thay, ông thiện ông ác trên hai vai tôi đã được các ngài tài phiệt chủ chợ giúp cho có một trọng tài. Ông trọng tài đó chính là một đồng bạc mười quan có hai màu, ở giữa thì trắng xung quanh viền vàng tựa như một tấm lòng ngay thẳng mới vừa hoen ố. Này nhé, khi bạn vào cửa chợ, bạn sẽ thấy hàng trăm cái xe đẩy xếp hàng ngay ngắn, cái này lồng vào cái kia ngoan ngoãn. Bạn xăm xăm tiến lại, lôi ngay ra một cái. Quái lạ, sao cứng chặt đến thế? Bạn nghiến răng lôi mạnh hơn, mạnh hơn. Thì có khi cả hàng xe đẩy xô ào về phía bạn! Bởi vì chúng được nối vào nhau bằng những sợi dây xích, từ những hộp sắt nhỏ gắn liền vào tay đẩy trên mỗi xe. Muốn lấy rời được một xe ra, dễ lắm, chỉ bỏ một ông trọng tài hai màu vào khe nhỏ trên hộp. "Tách" một cái là xong, chiếc xe sẽ ngoan ngoãn theo bạn vào chợ. Ông trọng tài mà bạn ấn vào khe ấy sẽ cứ nằm lắt la lắt lẻo như thế, nửa trong nửa ngoài, nửa kín nửa hở trên cái khe như trêu tức bạn. Bạn sốt ruột muốn nắm cổ ông lôi ra cất đi cho được việc? Ấy, bạn đừng ngây thơ đến thế! Bởi vì ông có nhiệm vụ nằm yên đấy như một sự cầm cố cho lời cam kết của bạn hứa sẽ làm người lịch sự. Nghĩa là bạn chỉ có thể lôi ông ra mà cho lại vào túi bạn khi nào bạn dùng xong chiếc xe đẩy, và ngoan ngoãn đem xe về chỗ cũ, lồng sợi xích có đầu như mỏ neo vào hộp trên tay đẩy cho xe nọ dính với xe kia thành hàng như trước. Thế là xong. Khi đó, bạn sẽ thanh thản làm người lịch sự, mặc cho hai vị thần lương tâm cãi nhau chí chóe, vì cán cân đã nghiêng hẳn về một phía với đồng bạc trọng tài. Nhưng cái thú vị nhất là ở chỗ dù có vội đến mấy, vợ bạn cũng sẽ không bao giờ xúi bạn đẩy đại cái xe vào một xó để rồi xót xa nhìn ông trọng tài nửa kín nửa hở nằm yên trong khe mà không sao lôi ra được. Cái văn minh lịch sự nhiều khi mua được với giá rẻ rề, có chưa đầy hai đô la Mỹ.

Khi đến Mỹ, tôi đã ngạc nhiên thấy các ông trọng tài ở đây không được người ta sử dụng. Các siêu thị cũng có thật nhiều xe đẩy dành cho khách hàng, nhưng không bắt khách hàng phải có trọng tài làm nhân chứng cho lòng tự trọng. Ở các phi trường, bạn có thể phải bỏ bạc cắc vào ống để được dùng cái xe đẩy, nhưng đấy lại là chuyện khác. Đấy là người ta cho bạn thuê một vật dụng, chứ không phải người ta đòi bạn bỏ tiền ra thế chân cho lòng tự trọng, vì ở phi trường hễ bỏ đồng bạc vào là bạn mất nó đứt đuôi đi rồi còn gì nữa! Nước Mỹ là một võ đài khổng lồ của thị trường tự do mà hàng hoá và dịch vụ là nguồn võ sĩ, còn khách hàng là khán giả, các nhà kỹ nghệ và doanh nhân là những ông bầu. Trên đất nước cha đẻ của ngành tiếp thị thì làm gì có chuyện phẩm cách của khách hàng bị nghi ngờ và đánh giá bằng một đồng bạc cắc? Nơi này,

người tiêu thụ là vua, khi nào anh ta còn có tiền để tiêu, hay ít ra, còn có đủ nhân quyền để mà thiếu nợ. Cho nên đi chợ ra, muốn đem cất cái xe đẩy vào tận chỗ xếp, hay ghếch nó lên lề, hay ngay cả xô đại ra một phía xa xa đều là tùy lòng hảo tâm của khách. Miễn là đừng có xô vào xe thiên hạ mà rầy rà to là được. Lúc nào trong bãi đậu xe cũng có năm bảy người vạm vỡ được chủ chợ mướn để suốt ngày chỉ đi làm cái công việc của người lịch sự thay cho khách hàng: đi xếp xe đẩy.

Đã có lần, tôi cắc cớ hỏi một người bạn Mỹ về chuyện ấy. Anh ta là một chuyên viên trong ngành tiếp thị. Anh ta trợn mắt cau mày, cho cái ý tưởng thiết lập một hệ thống đóng "bail" cho các xe đẩy dùng ở siêu thị như bên Pháp là một hành động điên rồ, không chợ nào ở Mỹ dám làm. Hãy cứ tưởng tượng rằng hệ thống thế-chân-nhân-cách ấy được một chợ A áp dụng, thì chắc chắn rằng sẽ có ngay ít nhất một chợ địch thủ B sẵn sàng bỏ tiền ra đăng trên trang đất giá nhất của tờ báo có nhiều người đọc nhất, rằng "chợ A chửi khách hàng, đánh giá tư cách khách hàng bằng một đồng quarter, vv và vv..." Đừng quên rằng lối quảng cáo so sánh trực tiếp nêu đích danh đối thủ ra để cạnh tranh - theo kiểu "Hamburger của hãng chúng tôi có miếng thịt bò 10 phần trăm to hơn miếng thịt trong hamburger cuả hãng XYZ" - là một điều vi phạm luật thương mại của các nước trong cộng đồng các quốc gia Âu Châu, nhưng lại là một vũ khí marketing bén nhậy và hợp pháp trong thị trường nội địa Hoa Kỳ. Nếu ở Pháp, thì quá lắm cũng chỉ được quyền rao lên rằng "Hamburger của hãng chúng tôi có miếng thịt bò... to tướng, to ơi là to" mà thôi. Ngoài việc phản tuyên truyền và bị cạnh tranh, hơn thế nữa, ai mà lại đi dùng những sợi dây xích lẩm cẩm và công sức của chính khách hàng yêu quý để thay thế cho những nhân công nghèo khổ kia? Nếu tất cả các siêu thị trên nước Mỹ đều lẩm cẩm như thế, thì sẽ có hàng chục ngàn người thất nghiệp, tệ đoan xã hội sẽ tăng lên, quỹ an sinh sẽ thâm thủng, tỷ lệ thất nghiệp thấp kỷ lục chưa từng thấy từ ba thập niên qua sẽ có thể bị lung lay. Có khi chương trình thám hiểm không gian bị đình trệ nữa cũng không chừng!... Tôi nghe mà bàng hoàng lo lắng quá!

Anh bạn du khách từ Paris, thành phố ít cầu tiêu công cộng miễn phí nhất thế giới, và tôi mua xong mấy thứ lặt vặt ở siêu thị ra thì dễ đã đến nửa đêm. Anh thích thú nhận xét rằng người Mỹ thật chăm chỉ làm việc. Ở Pháp, sau chín giờ tối là đã chẳng mua được gì vì các siêu thị đều đã đóng cửa, chỉ còn các quán ăn, cà phê và hộp đêm là mở không biết mệt. (Thế nhưng ở Berlin thì các cửa hàng đã đóng ngay từ sáu giờ chiều, mà nói rằng người Đức không chăm làm thì nghe cũng có gì không nên không phải! Tôi nghĩ thế nhưng không muốn nói gì làm cho anh cụt hứng.) Trong khi tôi còn mải chất các thứ vào xe cho gọn, anh bạn tôi đã nhanh nhẩu lon ton đẩy chiếc xe chợ không đi đâu lúc nào. Tôi chờ anh có đến mươi phút, rồi sốt ruột quá, tôi phải trở vào tìm anh. Giữa bãi đậu xe đã vắng người và cửa siêu thị đã bắt đầu khép lại, tôi không nhịn được cười khi thấy bạn tôi vẫn còn ngơ ngác đẩy cái xe từ đầu nọ đến đầu kia để đi tìm nơi cất. Ban nãy khi đến, anh đã sơ ý không nhận ra là tôi đã lấy cái xe đẩy mà không cần phải có trọng tài. Bởi vì ở đây, hai ông thần trên vai tôi không thèm tranh cãi hơi suông nữa. Ở đây, các ông thần đều có luật sư, và ác quỷ đều đưa nhau ra tòa mỗi khi làm việc thiện. Anh bạn tôi đẩy chiếc xe chợ đi tìm chỗ xếp trong bãi đậu xe xứ Hoa Kỳ trông ngây ngô hệt như bà chị tôi nhớn nhác đi tìm cầu tiêu công cộng trong vườn Luxembourg ngày nào vậy. Họ đều là những người sống lâu năm trong những xứ văn minh, họ không làm gì sai trái mà ngược lại chỉ hành động theo một bản năng sinh tồn trong cái môi trường thường ngày họ sống. Họ vẫn ngoan ngoãn nghe và làm theo lời ông thiện trên vai họ. Duy có điều những vị thần, vì là bậc thần tiên nên đã không thèm nhận ra rằng nước Pháp và nước Mỹ, dù chứa đầy văn minh của cải và mang cùng một màu da trắng, cũng vẫn là hai xứ sở, hai dân tộc rất khác nhau. Mỗi dân tộc đều có cái lý lẽ riêng để bênh vực cho những điều bần cùng nhất của riêng mình.

Từ đạo ấy, tôi thường sống một giấc mơ tuyệt vời lúc nửa đêm về sáng. Tôi mơ thấy được cùng mẹ tôi đi chợ Đa Kao, tay bà xách chiếc làn mây đầy thức ăn, nói cười thong thả. Còn tôi tung tăng nhảy nhót đằng sau, tay bóc chiếc bánh giò, ăn xong thảy lá cho con chó mực, rồi hiên ngang ghé vào bờ dậu vạch quần tè. Trong mơ, tôi thấy những vị thần trên vai bà và cả trên vai tôi đều mỉm cười âu yếm.

Dân tộc tôi, dù lang thang khốn khó, cũng có lý lẽ riêng cho những điều mình làm, mà chỉ người dân tôi mới hiểu ra, chỉ thần linh xứ tôi mới có quyền tha thứ.

MÙA TÔM BẠC ĐẤT

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Hai mươi năm qua tôi ăn rất nhiều tôm tép, nhưng chưa lần nào ăn cho ra hồn. Mấy năm đầu định cư Hòa Lan tôi lên khu phố Tàu trên Amsterdam mua tôm khô, củ kiệu đem về bày tiệc mời bạn bè tới nhậu. Nhưng tôm thì cứng như đá, mặn như muối, củ kiệu ngọt như đường và mềm như củi mục ăn không mùi vị gì hết. Ăn tôm Tàu không được, tôi thử ăn tôm Tây. Tôm luộc lột vỏ, bỏ vô ly thủy tinh cao cẳng, dưới đáy ly lót lá xà lách, trên miệng ly gắn khoanh chanh, trước khi ăn rưới xốt cocktail, tiếng Việt mình gọi là tôm cốc -tai. Trông ly cốc-tai rất đẹp mắt và ăn cũng khá ngon. Nhưng ngon nhờ gia vị hầm bà lằng hơn là mùi tôm nguyên chất.

Có một dạo báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh của Hòa Lan loan tin rầm rộ có vài người chết và nhiều người vô nhà thương vì ăn nhằm tôm nhập cảng bên châu Á. Tin gây xôn xao dân chúng Hòa Lan và bay ra tới Đại Tây Dương, trong lúc tàu tôi còn đương lênh đênh trên biển. Nghe tin thủy thủ đoàn bàn tán rùm beng. Cuối cùng thuyền trưởng đề nghị đầu bếp đem tôm đông lạnh liệng hết xuống biển. Ông nói, ngừa trước tốt hơn, lỡ ăn vô có bề gì ở giữa đại dương không có nhà thương rửa ruột.

Vốn lớn lên trên một quê hương giàu tôm cá, hồi đó tôi thấy vài lần người ta ăn nhằm mật cá nóc mới chết chớ chưa nghe ai ăn tôm tép chết bao giờ. Dĩ nhiên loan tin rầm rộ như vậy ắt hẳn không phải tin gà tin vịt rồi. Nhưng trong lòng tôi không nao núng sợ sệt. Tôi quyết định để mấy hộp tôm lại. Chiều nào tôi cũng nhậu bia lạnh ăn tôm thẻ luộc chấm muối tiêu chanh. Tôi ăn trong hai tuần hết sạch ba hộp, sáu ký tôm thẻ. Vậy mà trong người tôi không thấy triệu chứng bịnh đau gì hết. Và cũng từ đó trở đi tôi không còn biết thèm thuồng tôm tép nữa.

Còn vụ ăn tôm cho ra hồn có lẽ là năm tôi mười chín tuổi. Lúc đó tôi sống với gia đình bên vàm sông Ông Đốc. Anh em tôi đi bạn cho người ta, tay làm hàm nhai. Cho nên ngoài nghề đánh cá ra phải có chuyện phụ thêm, nếu không nhằm lúc biển động dai dẳng thì cả nhà kể như treo mỏ.

Mùa động nam năm 1978. Tôi theo bác Ba đặt đó trong ngọn Xẻo Quau ở bên kia vàm sông Ông Đốc. Bác Ba là bạn thân của ba tôi, lần nào qua thị tứ bác cũng ghé nhà lai rai với ba tôi vài xị đế rồi mới chịu về. Thỉnh thoảng

ba tôi cũng bơi xuồng qua xẻo nhậu chơi với bác. Bác làm nghề đặt đó người ta gọi là ông ba Đó riết rồi chết danh. Bác chỉ có Phương, đứa con gái duy nhứt, mười bảy tuổi. Vì bác gái mất sớm, chuyện trong nhà do tay Phương đảm đương. Ban đêm bác ba giở đó về, Phương lựa tôm ra luộc. Sáng mai trời nắng cô trải đệm ngoài sân để tôm ra phơi. Cá còn sống cô đem rộng trong chiếc rộng tre dưới bờ rạch. Hết con nước cô chở cá qua thị tứ nhóm chợ và mua thêm thức ăn. Mỗi lần đi chợ còn bạc lẻ cô mua bài ca đem về, rảnh rỗi lật ra ngâm nga. Buổi trưa người đi rừng thường nghe văng vẳng giọng cô vừa đào vừa kép hát nguyên tuồng cải lương.

Miệt nầy trai gái lần đầu gặp gỡ thường hay hỏi thứ để gọi. Khi thâm tình mới gọi tên nhau. Tôi tên Cu, tên xấu háy, vì dầm mưa dãi nắng da đen thui. Bà con trong xóm gọi tôi là Cu Đen. Không lẽ nói chuyện với nhau Phương cứ gọi tôi Cu nầy Cu nọ, nghe kỳ cục quá. Tôi thứ tám, cô kêu tôi bằng anh Tám.

Công việc của tôi ban đêm bơi xuồng phụ bác Ba giở đó. Ban ngày thăm những tấm đăng, tấm nào rách ít bện lại tại chỗ, rách nhiều kéo lên thay tấm khác. Những ngày nước chết, tôi phụ Phương chẻ cơi, đập tôm, chèo xuồng qua thị tứ đổi nước phông-tên về xài. Rảnh rỗi chúng tôi rủ nhau đi rừng bắt vọp, móc cua, chặt củ hủ chà là hoặc vô vạt cò móc trứng. Có lần lội ngang một trảng nước, trong lòng nước phình lên những bọc trắng như con sứa, lớn bằng cái mâm, nhỏ bằng chiếc nấm. Tôi thò móc cua định móc lên coi. Bác ba vội ngăn:

"Ê đừng làm bể, bọc tôm đó.

"Bọc tôm?"

Thấy tôi ngơ ngác. Bác Ba chỉ cho tôi thấy những chấm đen li ti trong bọc. Bác nói, đó là mắt tôm vì trứng tôm còn non nên chưa thấy rõ, chừng nào già tôm sẽ hiện nguyên hình sau đó bọc bể tôm mới lội ra. Tôm nầy do đất sanh nên người ta gọi là tôm đất. Theo tôi biết thì tôm bầu, tôm gai, tôm càng có ôm trứng dưới dạ bụng, còn các loài tôm bạc tôi chưa thấy trứng bao giờ. Thiệt tình mà nói, cho tới nay tôi vẫn còn nghi ngờ chuyện đất sanh ra tôm, dù là tôm bạc đất đi nữa. Nhưng phải công nhận, tôm bạc đất sanh sôi nẩy nở rất mau. Những ngày nước xổ tôm từ trong ngọn tràn ra ào ạt, chiếc đó bự hơn người ôm vầy mà tôm vô đầy đặc. Hai bác cháu phải nhảy xuống nịt chiếc đó lại rồi lăng lên bờ, chớ kéo để như ngày thường thì không nổi. Tôm đất sống trên trảng, ở nước lợ nên thịt ngọt, luộc không cần thêm màu, phơi khô ruột vẫn đỏ. Nhờ ngon ngọt và màu sắc tự nhiên mà tôm bạc đất bán mắc tiền hơn tôm biển.

Thường thì ban đêm giở đó, sáng sớm về nhà cơm nước xong tôi đánh một giấc tới trưa mới thức dậy. Nhưng một hôm vì mệt quá, tôi ngủ mê man. Đến khi giựt mình thức giấc, lồm cồm ngồi dậy. Ngó dáo dác, trong nhà không một bóng người. Tiếng gió nhẹ lướt qua mái lá nghe xào xạc. Dưới dòng rạch lặng yên không một chiếc xuồng qua lại. Trời ngã chiều, nắng đã nhạt. Tiếng chim rừng kêu vang, con cạc cạc, cơm chim chíp, con ục ục, rù rù.., không nhịp nhàng gì hết, nghe rầu chín ruột chín gan. Nhìn di ảnh của bác ba gái trên bàn thờ, tôi sợ nổi da gà. Miệng khô khốc, lòng hoang mang chưa biết phải làm gì, thì bỗng nghe tiếng Phương ngân nga ở phía sau nhà. *"... Đố ai quét sạch lá rừng, để tôi khuyên gió, gió đừng rung cây. Đố ai nằm ngủ không mơ..."* Tôi bước xuống đi nhanh ra nhà sau, ngó thấy Phương lom khom ở bìa rừng tôi mới yên dạ. Vói tay lấy cái ca úp trên đầu cây cắm cạnh bên chiếc khạp da bò, tôi múc nước súc miệng, tiện tay múc thêm một ca ngửa cổ nốc một hơi. Úp ca lại chỗ cũ tôi men ra bìa rừng. Phương chăm chú lựa trái dác, tôi tới sau đít mà cô vẫn không hay, cứ thản nhiên ngân nga ca vọng cổ. *"... Bốn mùa bông cúc nở xây, thử coi trời bắt duyên nầy dìa ai ơ...ơ..."*

"Dìa tui nè chớ dìa ai."

Bất ngờ ghe tiếng, Phương giựt mình ngó lên thấy tôi, tay chận ngực cô quát:

"Anh mắc dịch, làm người ta hết hồn hết día."

Thấy vẻ cô giận dỗi, tôi cười cầu hòa:

"Tui giỡn chơi mà."

"Anh giỡn như vầy có ngày tui đứng tim chết."

Phương xốc xốc rổ trái dác, nhắm chừng nấu đủ nồi canh, cô đứng dậy đi vô. Tôi men theo, hỏi:

"Bác ba đâu rồi?"

"Qua chợ cân tôm rồi."

"Ủa bác qua bển sao hổng rủ tôi theo cà?"

Ngập ngừng Phương nói:

"Hồi sớm thấy có nắng, ba tui dặn chừng nào anh thức nhờ anh bửa củi ra phơi, nhưng thấy anh ngủ ngon quá tui hổng kêu."

"Trời đất! Sao cô hổng kêu tui, bây giờ bửa ra nắng đâu nữa mà phơi."

LÝ THỪA NGHIỆP

RẰM THƯỢNG NGUƠN

Mai này áo có đơm hoa
quẫy sâu sinh tử bước qua ngõ thiền
chân dung trời đất hiện tiền
buồn vui như cỏ xanh miền vong tâm
Ai về lại với sơn lâm
đêm lên khai thị đêm rằm thượng nguơn.

"Xí, chờ anh bửa chắc người ta phải chẻ ống quyển ra chụm trước."

Cô chỉ tay qua đống cơi phơi ở góc sân:

"Tui bửa hết rồi, anh lợi đẳng ôm vô đi, hổng ấy mưa xuống ướt hết bây giờ."

Tôi ngó lên nhìn trời. Mây đen nghịt ở phía tây, mây trống chưn che khuất hơn nữa ánh mặt trời. Ánh sáng tỏa ra cái mống cụt ngủn nằm vắt vẻo bên phía nồm. Mống dài trời nắng, mống ngắn trời mưa.

"Phương!"

Nghe tôi kêu cô ngoái lại:

"Gì đó?"

Tôi chỉ tay về hướng nồm:

"Coi kìa."

"Tưởng gì, cái mống cũng lạ dữ."

"Ê, mống chuồng là muốn chồng ha ha..."

"Dô duyên."

Cô mắng nhẹ tôi một cái rồi bưng rổ trái dác đi te te vô nhà. Tôi đi qua góc sân gom cơi lại ôm vô. Một lát sau đống cơi đã nằm ngay ngắn trong chái bếp. Phương đương nấu cơm, thấy tôi rảnh tay cô biểu:

"Anh Tám ra đẩy mán xối qua miệng khạp hứng nước và khép cửa lợi dùm cái coi."

Tôi bước ra đẩy chiếc máng xối và khép cửa lại. Ngoài kia cơn mưa chiều đã rớt hột. Phương lụi cụi nấu bếp, trán lấm tấm mồ hôi, hai gò má bóng lưỡng và cặp ngực căng phồng trong lớp áo bà ba. Nhìn Phương máu tôi sôi lên như nồi canh chua đương bốc khói... vừa lo sợ vừa mắc cỡ. Tôi bẽn lẽn đi ra nhà trước ngồi bó gối trên bộ ván mơ mộng...

Thường ngày nấu cơm xong, Phương bới bưng lên bàn thờ cúng bác gái trước, sau đó mới dọn cho cả nhà ăn. Hôm nay bác Ba qua chợ chưa về, sau khi bưng cơm lên cúng cô lấy mẻ un ra nhóm. Ngoài trời mưa đã tạnh, gió ngừng. Mọi hôm sóng bạc đầu va vô bờ rừng mắm vang tiếng rầm rầm. Bây giờ dịu xuống rào rào do những con sóng lượng trường lên bãi.

Đêm nay đoàn xuồng bắt ba khía vô "ruồng" trong ngọn xẻo Quau, từng chiếc lướt qua dòng rạch. Chợt tiếng của một đứa con trai hô lớn:

"Cô Phương ơi tôi thương tối quá trời quá đất cô ơi!!!"

Thêm một đứa khác:

"Bác ba ơi cho tôi ở rể nhà bác 'đi' bác ơi!!!"

Và tiếng một đứa ngâm nga:

"Ông già ơi hỡi ông già, có con hổng gả đốt nhà ông chơi."

Tiếp theo là tràng cười làm vang vội khu rừng. Phương vẫn tỉnh bơ như không có chuyện gì, cô bưng mẻ un ra để trước nhà. Khói un làm nước mắt cô ràng rụa. Cô đi lại ngồi kế bên tôi, vừa quẹt nước mắt vừa nói:

"Lần nào đi ngang họ cũng chọc ghẹo tui om xòm trời đất."

"Ai biểu cô đẹp quá chi."

Giọng Phương nũng nịu:

"Xạo hoài."

Đoàn xuồng qua khỏi, xẻo Quau trở nên yên lặng. Bóng đêm kéo về đánh thức bầy đom đóm trên cây bần trước nhà, ánh sáng nhịp nhàng theo hơi thở làm rực rỡ một góc sân. Tôi day ngang hỏi:

"Sao mà đom đóm tụ lợi có mình ên cây bần?"

Phương thỏ thẻ:

"Tại nó thích mùi bần."

Chợt cô giơ tay lên đập xuống đùi tôi nghe cái chách, vừa ê ẩm vừa đã ngứa, tôi ngó xuống cả chục con muỗi dẹp lép, máu dập ra đỏ lòm. Bàn tay Phương cũng dính xác muỗi và máu, cô chùi tay vô ống quần, rồi ngước lên nói:

"Anh lấy quần dài bận vô không thôi muỗi cắn chết bây giờ."

Tôi bước xuống đi qua vách buồng lấy chiếc quần ka-ki tròng vô. Trở ra ngồi sát bên

Phương. Gió khua nhẹ tấm phên bên hông nhà. Phương nói vừa đủ nghe:

"Gió nồm."

Phải rồi! Gió nồm, gió báo hiệu mùa đông chung tới. Nghĩa là tôi sẽ về thị tứ nay mai. Tôi với Phương thường ôm nhau giỡn hớt và cặp kè bơi qua bơi lại dưới dòng rạch mỗi khi nước ngọt tràn bờ. Tôi đâu lạ gì cái thân thể rắn chắc trong bộ đồ ướt nước bó sát để lộ rõ những đường nét thanh xuân. Nhưng lúc đó lòng tôi không rạo rực như bây giờ. Có lẽ hôm nay biết mình sắp rời khỏi nơi đây nên lòng tôi như lửa cháy. Tôi kéo Phương ôm sát vào người. Chắc Phương cũng nghĩ như tôi, cô không có ý kháng cự, trái lại còn ngã người dựa qua tôi. Được trớn tôi ôm vật Phương nằm xuống bộ ván, hôn lên hai gò má ngâm bóng và tay tôi vẹt hàng nút áo... Hai đứa ôm nhau lăn lộn trên bộ ván. Tới khi nghe tiếng xuồng lụp cụp đậu vô bến, biết bác Ba về, hai đứa vội buông ra. Phương hoảng hồn ngồi dậy nhảy tót xuống đất, vừa gài nút áo vừa chạy vô buồng. Tôi cũng lồm cồm ngồi dậy nhảy xuống, đi thẳng ra bờ rạch. Giống như tên trộm chưa lấy được đồ đã thấy chủ nhà. Tôi chấn tỉnh mình bằng cách hô to:

"Bác ba dìa!"

"Cu đen đó hả?"

"Dạ."

"Mầy sửa soạn dìa ngoải đi cào, chủ nghe mới nhắn với ba mầy hồi chiều."

Nói dứt câu bác trợt chưn té cái đụi, văng giỏ đồ qua một bên. Tôi bước tới đỡ bác dậy. Phương bưng đèn ống khói đi ra, cô vặn tỏ ngọn đèn, soi lượm chiếc giỏ. Tôi kè bác Ba vô nhà, vừa nương theo tôi bác vừa lè nhè:

"Hồi sớm ghé nhà tao với ba mầy mần hết cả lít, tao muốn quắc cần câu vầy mà ảnh còn chưa chịu cho tao dìa nữa."

Phương đem giỏ đồ cất, sau đó cô lên trải chiếu giăng mùng trên bộ ván. Bác Ba rửa mình, thay đồ khô ráo leo lên chui vô, nằm chẳng bao lâu bác ngáy khò khò, không thiết tha tới chuyện cơm canh nữa.

Hai đứa dọn cơm trên chiếc chõng. Đêm nay Phương giống như cô dâu mới về nhà chồng, cô bẽn lẽn không nhìn thẳng mặt tôi. Còn tôi thì nghe lòng lâng lâng, tuy chưa nói ra nhưng biết chắc trước sau gì cũng chiếm trọn trái tim vàng trong túp lều tranh. Muốn không khí bữa ăn không ngượng ngập, tôi gắp tôm bỏ qua chén cho Phương, nhưng khi gắp lên cả chục con tôm dính tòn teng trên đầu đũa. Tôi gặt gặt mà mấy con tôm ôn dịch không rớt xuống. Đợi Phương giơ đũa gạt dùm mới xong. Tôi nói:

"Ở nhà chị tui rang tôm thường cắt đầu cắt đuôi bỏ."

Phương nói:

"Tôm tép lặt đầu, bỏ đuôi đem rang thì mất đi chất ngọt."

Nhờ gắp nhằm chùm râu tôm, không khí bữa ăn trở lại tự nhiên. Chúng tôi bắt sang chuyện mùa đông chung, chuyện tôi sắp sửa ra bãi. Tôi hứa với Phương tôi sẽ trở vô phụ bác Ba trong những ngày biển động... Hai đứa nói chuyện rù rì đến khi nghe chồn cáo rục rịch bò ra săn mồi và nghe tiếng thét của cọn vật xấu số nào đó bị con thú lớn vồ được. Chúng tôi áy náy nhìn nhau, lua vội miếng cơm cuối cùng và bước xuống dọn dẹp chén đũa.

Dọn dẹp xong Phương vô buồng ngủ. Tôi lật nóp ra chiếc chõng chui vô. Lòng tôi nôn nao cồn cào, đã vậy cơn mưa đêm ác ôn lại kéo về làm cho khu rừng vang tiếng rào rào. Hỏi ai mà chịu đời cho thấu. Tôi nghe trong buồng động vạt cọt kẹt, biết Phương cũng ngủ không được. Muốn chui qua buồng nằm với Phương nhưng ngặt một nỗi bác Ba ngủ cách buồng chỉ một tấm vách. Ông già thính tai lắm, say rượu quắt cần câu, chồn cáo xuống bắt cá rộng trong chiếc rộng tre dưới rạch ông còn nghe, huống hồ chi chui vô buồng mò con gái ông bất hợp lệ. Chết với ông chớ hổng phải chơi.

Tôi còn nhớ rõ ràng đó là mùa đông chung năm 1978. Năm mà hầu hết miệt biển quê tôi, đêm đêm người bỏ nhà, ghe bỏ bến vượt biển tìm tự do. Và tôi cũng ra đi giữa mùa đông chung năm ấy.

Sau hai mươi năm tôi trở về. Tóc tôi đã bạc gần nửa mái, trong tâm tôi không còn ảo ảnh nữa. Nhưng làm sao tôi quên được bữa cơm canh chua trái dác, tôm bạc đất rang muối, mỡ, hành. Nhứt là cảm giác đầu đời được ôm con gái. Cái cảm giác mơ mơ màng màng cứ lãng đãng trong tôi ngót hơn hai mươi năm dài xa xứ. Ba má tôi giờ đây không còn nữa. Bác ba Đó cũng đã qua đời. Hỏi Phương. Nghe đâu cô đã có chồng và sanh một bầy con. Người nói cô ở Cái Đôi, người chỉ qua bên Cái Nước, Năm Căn hay rạch Gốc... Địa chỉ tùm lum như vầy, tôi có muốn đi thăm cũng không biết đâu mà lần.

Hồi tôi ra đi mấy đứa cháu tôi còn vọc bùn vọc đất. Bây giờ chồng con lủ khủ, chúng dắt díu về thăm. Một đứa cháu gái kêu con ra

đứng trước mặt khoanh tay, dạy nói:

"Dạ thưa ông Tám."

Nghe cháu gọi tôi dùng mình một cái, già tới nơi rồi. Tôi cúi xuống bồng đứa cháu kêu bằng ông, nó sợ khóc ré lên và day ngang ôm chưn má nó cứng ngắt. Trong gia đình máu mủ ruột thịt với nhau còn lạ lẫm rồi. Thử hỏi khắp xã nầy được mấy người quen.

Bây giờ là tháng ba, mùa gió chướng, mùa ngư phủ ra khơi và mùa tôm bạc bãi. Trước kia mấy ngày nầy những chiếc ghe cào, ghe te đem tôm về phơi lấn hết lối đi. Trưa trưa nghe tiếng đập tôm phình phịch từ đầu khu một tới cuối khu ba. Ngày nay nhà cửa chiếm hết mặt bằng. Tôm tép chẳng thấy phơi. Người ta ở đâu mà đông như kiến. Tôi chen chúc trong khu chợ. Gặp vài người quen chào hỏi. Họ nói chuyện lơ là nhưng không gọi thẳng tên Cu Đen.

Mới hay cho đến cái tên cúng cơm của tôi cũng bị thời gian xóa bỏ. Ghé qua chợ cá, những thau cá, thau tôm lưng lửng, trông chiếc thau đềnh dàng ra, còn người bán thì ngồi chum húm như teo lại.

Tôi đứng lại trước một cô gái bán tôm. Ngày xưa Phương của tôi cũng ngồi nhóm chợ như vầy. Thấy tôi đứng tần ngần ngó. Cô gái sửa lại thế ngồi, nhếch miệng cười duyên và cất tiếng hỏi:

"Bác mua tôm hả bác?"

Tôi không có ý mua tôm, nên ghe cô gái hỏi, tôi giựt mình gật đầu ừa đại:

"Ừ ừ, tôi mua."

"Bao nhiêu bác?"

"Cô cân hết trong thau cho tui."

Cô lẹ làng nghiêng chiếc thau, tay vét tôm gôm lại. Nhúm tôm đủ gói trong chiếc lá chuối vấn kèn, vầy mà cô cũng hỏi tôi mua bao nhiêu.

Tôi đem tôm về nhà nhờ đứa cháu rang muối, còn cẩn thận dặn cứ để nguyên đầu nguyên đuôi cho tôi. Bữa cơm chiều hôm đó, tôi ăn tôm rang xẩm xì, vỏ tôm lợn cợn dán vô cuống họng làm tôi phải khạc nhổ mấy lần. Cháu tôi thấy vậy bưng dĩa tôm lột vỏ bỏ riêng một chén đưa qua cho tôi. Tôm bạc đất lột vỏ màu đỏ, tươi rói, ngon ngọt khỏi chê. Phải chi có miếng xà lách lót dưới, một khoanh chanh để trên và rưới thêm xốt cóc-tai thì ngon biết mấy!●

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU TÁC PHẨM
của NGUYỄN KỲ PHONG

NGƯỜI MỸ
VÀ
CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Liên hệ Quân Sự Chính Trị 1945-1975

Tập I
350 trang; 30 trang hình ảnh lịch sử

Giá $18 (kể cả cước phí)
Thư từ, ngân phiếu xin gởi về

VietnamBibliography
PO Box 230113
CENTREVILLE, VA 20120-0113
E-mail: nguyenkyphong@yahoo.com

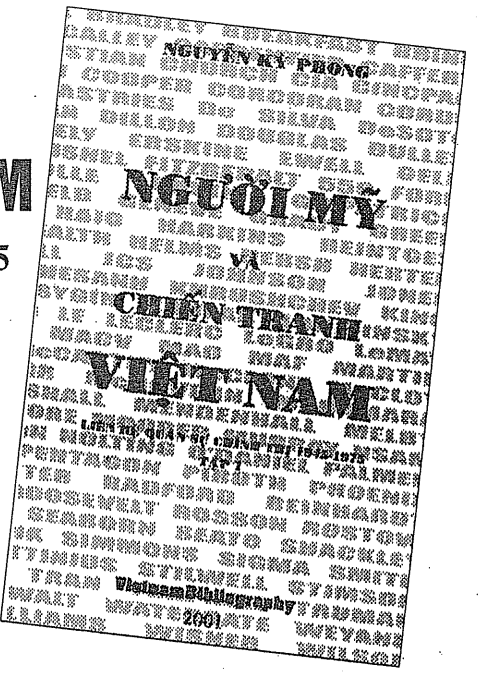

NGHĨA CỦA MÀY NGÀI

trong câu thơ "RÂU HÙM, HÀM ÉN, MÀY NGÀI"*

CAO XUÂN HẠO

Trong dân gian cũng như trong một bộ phận đáng kể của giới nghiên cứu và giảng dạy văn học, câu thơ sáu chữ trên đây, mà Nguyễn Du dùng để phác họa dung mạo của Từ Hải, vốn được hiểu là gồm ba cặp hoàn toàn đối xứng với nhau về ngữ pháp và ý nghĩa, tức nếu diễn đạt một cách thật rõ ràng và nôm na, ba cặp này sẽ có dạng:

"(râu của Từ Hải tựa như) râu của con hùm,

(hàm của Từ Hải tựa như) hàm của con én,

(mày của Từ Hải tựa như) mày của con ngài."

Bên cạnh cách hiểu này còn có một cách hiểu khác, được một số khá đông các nhà nghiên cứu chủ trương, cụ thể là:

"(râu của Từ Hải tựa như) râu của con hùm,

(hàm của Từ Hải tựa như) hàm của con én,

(mày của Từ Hải tựa như) con tằm nằm (1)"

nghĩa là mối quan hệ ngữ pháp và ngữ nghĩa trong cặp từ thứ ba được phân tích khác hẳn mối quan hệ trong hai cặp từ trước: thay vì mối quan hệ xác định có ý nghĩa sở hữu, ở đây ta lại có một mối quan hệ tỷ dụ. Các tác giả chủ trương cách phân tích này cho rằng khi dùng hai từ mày ngài (hay nét ngài) để tả phụ nữ (như trong mấy câu thơ số 20, 927 và 1213), Nguyễn Du muốn nói đến đôi mày của con ngài (nga my), còn khi dùng hai từ này để tả Từ Hải, ông lại nghĩ đến hình con tằm nằm (ngọa tàm my).

Vậy cách hiểu nào xác đáng hơn ?

Vấn đề này tuy cũ và nhỏ nhưng cũng có liên quan đến một vài nguyên lý quan trọng của tiếng ta, cho nên nay có bàn lại chắc cũng không đến nỗi vô bổ: âu cũng là một cơ hội để tìm hiểu thêm cấu trúc của tiếng Việt.

Trước hết, nó buộc ta nhìn lại xem quan hệ ngữ pháp giữa hai từ đơn tiết ghép lại thành cặp, không có giới từ hay liên từ đứng giữa - đặc biệt là khi từ đầu chỉ một bộ phận của cơ thể động vật và từ sau chỉ loài động vật có cái bộ phận ấy, như trong các danh ngữ đang bàn - có thể là những mối quan hệ gì trong tiếng Việt.

Gần gũi nhất với các cặp từ đang bàn là những cặp sau đây, vốn cũng gồm một từ chỉ bộ phận cơ thể động vật và một từ chỉ bản thân động vật, và cũng được dùng như những ẩn dụ để tả người:

(A) *bụng cóc đầu trâu lưng tôm mặt ngựa râu dê*

chân voi đít vịt mắt ếch mình trắm râu trê

cổ gà đùi dế mắt lươn phổi bò tai trâu

cổ ngỗng gối hạc mắt phượng răng chuột thân lừa

đầu bò lưng ong mặt chuột răng ngựa xác ve (2)

Trong tất cả các cặp này, quan hệ giữa hai yếu tố đều là quan hệ xác định có ý nghĩa sở hữu ("của"- có thể dùng để trả lời câu hỏi X gì ? tức X của con gì ? trong đó X là một bộ phận của cơ thể. Không có lấy một cặp nào cho thấy một quan hệ tỷ dụ ("như") theo kiểu "mày ngài = mày như con tằm" (có thể dùng để trả lời câu hỏi X như con gì ? hay X giống con gì ?)

Những cặp danh từ tương tự (cũng gồm một từ chỉ bộ phận cơ thể động vật và một từ chỉ động vật) dùng để gọi tên, chỉ loại hay miêu tả hình dáng, màu sắc của đồ vật theo phép ẩn dụ, như:

(B)*càng cua chân chim da báo đuôi én hàm ếch*

cẳng gà chân chó da cá đuôi chồn lòng tôm

cánh én chân rết da gà đuôi sam lông

bò

cánh gà cổ ngỗng da lợn đuôi tôm lông chuột

cánh phượng cổ vịt da lươn đầu ruồi lưỡi gà

cánh trã cứt ngựa dái dê gan gà lưỡi rắn lưỡi trai mắt cua móng lợn ruột tượng trứng cá

mào gà mỏ ác móng lừa tai mèo vỏ hàu mắt cá mỏ quạ răng ngựa tai voi vỏ ốc mắt cáo mỏ vịt râu tôm trôn ốc vòi voi v.v. (3)

cũng đều cho thấy mối quan hệ xác định có ý nghĩa sở hữu, chứ không hề có trường hợp nào cho thấy một mối quan hệ có ý nghĩa tỷ dụ.

Vậy thứ quan hệ này có thể tìm thấy trong những từ tổ như thế nào?

Để tả người, tiếng Việt còn dùng theo phép ẩn dụ những danh ngữ sau đây:

(C) *mắt bồ câu mồm cá ngão gáy bò tót... mắt cú vọ mũi diều hâu*

(D) *mặt mẹt mày liễu da chì mặt hoa mặt thớt tóc mây mắt huyền da phấn*

(Đ) *chân bàn cuốc mặt trái xoan lưng tấm phản tóc rễ tre*

chân chữ bát mắt hạt huyền óc bã đậu vú chũm cau

chân vòng kiềng mắt lá răm răng hạt huyền mắt ốc nhồi

má bánh đúc môi quả tim răng hạt na râu con kiến

mặt chữ điền mũi cà chua tóc đuôi gà v.v. (4)

(E) *nước da bánh mật lông mày lá liễu ngón tay búp măng lông mày lưỡi mác, v.v.*

Các từ tổ ở nhóm (C), gồm ba tiếng, được cấu tạo bằng hai bộ phận có quan hệ xác định sở hữu, giống như hai thành phần của các từ tổ ở nhóm (A) và nhóm (B). Các từ tổ ở nhóm (D), gồm hai tiếng như (A) và (B), nhưng khác với các từ tổ ở hai nhóm này ở chỗ tiếng thứ hai không phải là từ chỉ động vật. Quan hệ ngữ nghĩa trong các tổ hợp (D) là quan hệ tỷ dụ hoặc có thể hiểu thành quan hệ tỷ dụ. Trong nhóm (Đ) các từ tổ gồm ba tiếng, trong đó tiếng thứ nhất có quan hệ tỷ dụ với từ tổ gồm hai tiếng sau. Trong nhóm này, chỉ có hai từ tổ sau cùng gồm một từ chỉ bộ phận của cơ thể đi trước một từ tổ chỉ động vật. Trong nhóm (E), các từ tổ đều gồm hai thành phần song tiết có quan hệ tỷ dụ với nhau. Ở nhóm này chỉ có từ tổ sau cùng kết thúc bằng một từ tổ chỉ động vật. Sau khi điểm qua tất cả các từ tổ từ (A) đến (E), ta có thể thiết lập mấy quy tắc sau đây:

1. Trong các từ tổ gồm hai tiếng trong đó tiếng thứ nhất chỉ một bộ phận cơ thể và tiếng thứ hai chỉ một động vật, mối quan hệ duy nhất có thể có được giữa hai tiếng này là quan hệ xác định sở hữu.

2. Trong các từ tổ gồm ba (hay bốn) tiếng trong đó tiếng đầu (hay hai tiếng đầu) chỉ một bộ phận cơ thể và hai tiếng sau chỉ một động vật, có vài trường hợp cho thấy một quan hệ tỷ dụ.

3. Trong các từ tổ gồm một hay hai tiếng chỉ bộ phận cơ thể và một hay hai tiếng chỉ bất động vật, có nhiều trường hợp cho thấy một quan hệ tỷ dụ.

Quy tắc 1 có tính phổ biến và tuyệt đối. Chúng tôi có làm một thí nghiệm đơn giản mà bất cứ ai cũng có thể làm lại: lấy bất kỳ tiếng nào trong số hơn một trăm tiếng chỉ các bộ phận trong cơ thể động vật (hay những chất chứa trong cơ thể động vật như sữa, phân, trứng, v.v.) ghép với bất kỳ tiếng nào trong mấy trăm tiếng (từ đơn âm) chỉ động vật của tiếng Việt để xem thử bản thân mình và những người Việt khác hiểu các từ tổ đã hình thành như thế nào. Theo những kết quả mà chúng tôi thu được, không hề có trường hợp nào đi ngược lại quy tắc nói trên. Ngay trong những trường hợp động vật được nói tới không có cái bộ phận hữu quan, như trong các từ tổ *mắt giun, ngà hổ, sừng chim, gan sứa, cánh chuột, vú gà,* v.v., người Việt cũng chỉ có thể hiểu thành quan hệ xác định sở hữu. Trong những trường hợp như vậy người ta thường thốt lên: "Gà làm gì có vú?" hay "Mắt của con giun ở chỗ nào?"

Ba trường hợp được nói tới ở quy tắc 2 - *mắt ốc nhồi, râu con kiến* và *lông mày sâu róm* - xuất hiện trong những điều kiện hạn chế hết sức ngặt nghèo: từ tổ hữu quan, gồm ba tiếng trở lên, phải là một thành ngữ thông dụng đã đi vào vốn *idiom* của dân gian, và động vật được nói tới phải không có cái bộ phận được biểu thị bằng tiếng (hay hai tiếng) đầu của từ tổ: trong trường hợp ngược lại, người nghe lập tức tri giác một quan hệ xác định sở hữu (cf. *mắt diều hâu, mày kỳ lân, nước mắt cá sấu*).

Những trường hợp được nói tới ở quy tắc 3 cũng chịu những điều kiện hạn chế khá nghiêm ngặt. Quan hệ tỷ dụ chỉ có thể có khi nào cái vật được nói tới không hề có một bộ

phận nào có thể theo phép ẩn dụ mà gọi bằng một từ vốn dùng để chỉ một cơ thể động vật như trong các từ tổ kiểu *mặt trống, mắt tre, chân giường, mũi dao, lưỡi cày, cổ chai, họng súng, đuôi áo, đít nồi, răng cưa, tay ghế, dái mít, sọ dừa, cánh cửa,* v.v. Chẳng hạn, trong nhóm (Đ) ta hiểu *chân bàn cuốc* theo quan hệ tỷ dụ là vì bàn cuốc không thể có chân được. Nếu thay vì *chân bàn cuốc* ta lại có *chân bàn tiện* chẳng hạn, thì mối quan hệ duy nhất có thể được cảm thức trong từ tổ tất nhiên sẽ là quan hệ xác định sở hữu. Trong nhóm (D) tất cả các từ tổ đều có thể hiểu như bao hàm một quan hệ tỷ dụ. Tuy vậy, *mặt mẹt, mặt thớt* và *mặt mâm* còn có thể hiểu như bao hàm quan hệ sở hữu (hiểu như "mặt của cái mẹt" cũng có lý như "mặt giống cái mẹt"), trong khi *tóc tơ, da chì, mắt huyền* còn có thể hiểu như bao hàm quan hệ xác định chất liệu theo phép ẩn dụ ("tóc bằng tơ", "môi bằng chì", v.v. cũng có lý không kém "tóc như tơ", "môi màu chì").

Đương nhiên hai quy tắc 2 và 3 không có liên quan gì đến các trường hợp đang bàn, vốn hoàn toàn thuộc phạm vi hiệu lực của quy tắc 1. Cho nên không có gì đáng lấy làm lạ nếu tất cả những người Việt bình thường không biết tới điển *ngọa tàm my* hoặc không thấy *mày ngài* với nó là một, đều hiểu mối quan hệ giữa hai yếu tố của các từ tổ *râu hùm, hàm én, mày ngài* như một quan hệ đồng nhất: quan hệ xác định sở hữu. Vốn mang trong máu thịt các quy tắc vẫn chi phối cách sử dụng cái công cụ giao tế và tư duy hằng ngày của họ, và không bị những nhân tố ngoài ngôn ngữ bóp méo cách hiểu tiếng mẹ đẻ, họ không thể nào hiểu khác đi được. Cách thuyết minh bác học về từ tổ *mày ngài* tạo nên cái lệ ngoại duy nhất cho một quy tắc có tác dụng tuyệt đối trong một phạm vi bao gồm hơn hai vạn trường hợp, và có lẽ cũng là cái lệ ngoại duy nhất trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Du, một nhà thơ vốn chú tâm sử dụng tiếng Việt đúng như người Việt bình thường vẫn hiểu, đến nỗi có khi sẵn sàng đi ngược lại với từ nguyên (5), và bao giờ cũng tôn trọng sự đối xứng giữa các thành tố song hành của câu thơ. Quả thật khó lòng có thể tìm được một trường hợp nào khác mà

TRẦN MỘNG TÚ

NGÔI SAO

Anh yêu!
Đêm mùa Hạ bầu trời đầy sao

Những ngôi sao năm cánh
rơi kín mặt hồ
chiếc kayak đậu cạnh đám lau
em không dám kéo ra trong bóng tối
mặc dù em rất muốn vớt những vì sao

Em ngồi trên bãi
mơ mộng đến anh

Ước gì có anh đang ngồi bên cạnh
em sẽ mở lòng bàn tay anh ra
như mở một ngôi sao năm cánh
em sẽ đặt vào ngôi sao năm cánh đó
bàn tay nhỏ của em
như người lên cung trăng
đặt tất cả những giấc mơ của loài người vào
trong một hạt bụi

Đêm mùa Hạ bầu trời đầy sao
em đếm hoài không hết
Một ông sao sáng
hai ông sáng sao
ba ông sao sáng
bốn ông sáng sao

Em đặt nhầm giấc mơ của em
vào một ngôi sao vừa sa xuống nước

Chiếc kayak vẫn vướng giữa bụi lau
chở một khoang đầy gió. tháng 6/2001

tháng 6/2001

Nguyễn Du dùng một từ này thay cho một từ khác đến mức người Việt chỉ có thể hiểu thành một ý khác hẳn ý của ông như vậy, và cũng thật khó lòng tìm được một câu thơ nào khác của Nguyễn Du trong đó có hai hay ba cặp từ (hoặc cụm ba, cụm bốn từ) đối xứng với nhau chan chát về nghĩa từ vựng như *râu hùm, hàm én, mày ngài* mà lại bị đặt vào những mối quan hệ ngữ pháp và ngữ nghĩa khác nhau đến như trong cách thuyết minh này.

Một điều có ý nghĩa mà ta có thể rút ra từ những sự kiện đã xét ở phần trên là cái tác dụng quy định của số lượng âm tiết (số tiếng) đối với mối quan hệ ngữ pháp (và ý nghĩa) bên trong các từ tổ. Quả như vậy, vai trò của số tiếng trong sự khác biệt về cấu trúc

giữa *mặt lưỡi* (trọng âm [01]) và *mặt lưỡi cày* (trọng âm [101]),

giữa *miệng ống* (- nt-) và *miệng ống nhổ* (- nt -),

giữa *lưng phản* (- nt -) và *lưng tấm phản* (- nt -),

vốn quan trọng hơn là ta có thể tưởng. Ở đây, việc thêm một tiếng thứ ba sau (hay trước) tiếng thứ hai có tác dụng làm cho mối liên hệ giữa hai tiếng đầu lỏng ra rất nhiều. Trong *lưỡi cày* ta có một mối liên hệ giữa *mặt*với cả cụm *lưỡi cày*, và mối liên hệ này, cũng như tất cả những mối liên hệ giữa (hay với) các đơn vị đa tiết trong tiếng Việt, vốn lỏng hơn mối liên hệ giữa hai yếu tố đơn tiết của *lưỡi cày* hay *mặt lưỡi* (không có *cày* theo sau). Chính sự lỏng lẻo đó khiến cho mối quan hệ giữa *mặt* và *lưỡi cày* có thể (tuy không nhất thiết phải) được hiểu như một mối quan hệ tỷ dụ, trong khi giữa *mặt* và *lưỡi* (không có *cày* theo sau) chỉ có thể có quan hệ xác định sở hữu mà thôi. Chính vì vậy mà quan hệ tỷ dụ đòi hỏi từ tổ hữu quan phải có ba âm tiết trở lên. Cho nên ta hiểu được tại sao kiểu từ tổ (D) như *mày liễu* hay *mặt hoa, da phấn,* hiếm hoi đến như vậy so với các kiểu (Đ) và (E) như *chân vòng kiềng* hay *nước da bánh mật*, lại hoàn toàn vô sinh, trong khi các kiểu sau có sức sản sinh khá cao.

Cũng chính vì vậy mà người Việt phải nói *mắt ốc nhồi* chứ không phải *mắt ốc* (mặc dầu đa số những người dùng thành ngữ này không hiểu *nhồi* có nghĩa gì, và tại sao con ốc chưa đủ giống con mắt lồi, mà phải là con *ốc nhồi* kia mới được): phải thêm một âm tiết nữa thì quan hệ sở hữu bao hàm trong mắt ốc mới có thể nhường chỗ cho quan hệ tỷ dụ (cũng có thể nói *ốc bươu* hay một cái gì tương tự miễn là thêm được một âm tiết). Tiếng *con* trong *râu con kiến* - mô hình trọng âm [101] - (= "râu/ria mép mọc ngắn và thưa trông giống như một đàn kiến bò thành hàng") cũng chỉ có chức năng như vậy: thiếu nó (cf. *râu.kiến* - mô hình trọng âm [01]), quan hệ trong từ tổ lập tức trở thành quan hệ xác định sở hữu (= "râu (ăng ten) của con kiến").

Những nguyên lý đã trình bày ở phần trên về cách kết hợp từ ngữ, vốn là những nét rất quan trọng của ngữ pháp tiếng Việt với tính cách là một ngôn ngữ đơn lập, trong đó trật tự của từ trong ngữ đoạn, sự có mặt hay vắng mặt của giới từ và mô hình trọng âm đều bị bỏ qua, coi như không có, trong cách thuyết minh bác học về hai chữ *mày ngài*. Về phương diện ngữ pháp là như vậy. Thế còn về phương diện nghĩa từ vựng của từng tiếng một thì sao?

Theo các tác giả chủ trương cách thuyết minh thứ hai, *ngài* ở đây không có nghĩa là "ngài" mà có nghĩa là "tằm," vì con ngài vốn chính là con tằm, và con tằm chỉ sau vài tháng cũng sẽ là con ngài. Về phương diện sinh vật học điều đó hoàn toàn đúng, nhưng về phương diện thi ca thì có khác. Ở đây, *ngài* và *tằm* là hai hình ảnh có giá trị mỹ học hoàn toàn khác nhau, gợi lên những ấn tượng và những liên tưởng hoàn toàn khác nhau, cho nên, nhất là khi được dùng như những ẩn dụ, *ngài* không thể dùng để chỉ con *tằm* hay ngược lại, cũng như *sâu róm* không thể dùng để chỉ *con bướm* hay ngược lại. Nếu Nguyễn Du muốn có một hình ảnh như các tác giả kia muốn hiểu, chắc hẳn ông phải tìm ra một cách diễn đạt khác, chứ không thể dùng một ẩn dụ mà mọi người đã quen hiểu một cách khác, và chính bản thân ông, cũng ngay trong truyện Kiều, đã dùng theo một nghĩa khác. Giả sử trong điển cố Hán văn chỉ có *ngọa tàm my* là gần gũi nhất với *mày ngài*, thì may ra còn có thể giả thiết là Nguyễn Du đã dịch *ngọa tàm my* ra như thế (một cách dịch mà chắc ai cũng phải thấy là quá kém cỏi đối với Nguyễn Du); nhưng đằng này ta còn có *nga my* là một thành ngữ phổ biến hơn và gần gũi với *mày ngài* hơn nhiều, cho nên ta khó lòng có thể hiểu nổi tại sao các tác giả ấy lại phải đi tìm xa như vậy.

Các tác giả cắt nghĩa *mày ngài* là "mày giống như con tằm nằm" hình như cũng cảm thấy cách hiểu này ít nhất cũng là trái tự nhiên, cho nên mới có ý nghĩ cho rằng Nguyễn Du dùng hai chữ *mày ngài* (6) ở đây là do

"phải theo vần mà dùng ép," chứ lý ra phải viết "mày tằm" mới đúng. Đây là một lời chê bai tuy gián tiếp nhưng khá nặng nề đối với Nguyễn Du, liệt tác giả truyện *Kiều* xuống hàng những anh thợ vần tối dạ nhất. Thật vậy, nếu muốn thay *mày ngài* bằng *mày tằm*, bất kỳ một nhà thơ tầm thường nào cũng có thể tìm cho câu trước và câu sau hai chữ hiệp vần với *tằm* để thay cho hai chữ hiệp vần với *ngài*. Vả lại không ai có thể thích thú với mấy chữ trót dùng ép cho có vần đến nỗi cho nó xuất hiện y nguyên ở hai điểm mấu chốt của thiên tình sử giữa Kiều và Từ Hải như khi nàng gặp chàng lần đầu (câu 2167) và khi chàng trở về đón nàng theo đúng lời hứa với "mười vạn tinh binh" (câu 2274).

Vậy lý do nào đã khiến cho các tác giả ấy tìm cách hiểu khác văn bản đi, bất chấp những quy luật của ngữ pháp, ý nghĩa của từ ngữ, bất chấp sự cân xứng của câu thơ, và cả uy tín của Nguyễn Du mà ta có thể tin là họ cũng thừa nhận như mọi người?

Lý do duy nhất là, theo họ, *mày ngài*, nếu hiểu theo cái nghĩa duy nhất có thể có được của nó, chỉ hợp với giai nhân hay thư sinh chứ không hợp với Từ Hải. Vì đã là đấng anh hùng như Từ thì phải *hổ đầu, yến hạm, ngọa tàm my* như Quan Vũ mới được. Nếu hiểu mày ngài theo nghĩa đúng của nó thì sẽ sai mất điển tích. Quả có thế. Nhưng nếu vì một lý do nào đấy Nguyễn Du không muốn lấy trọn cả cái điển tích ấy, mà chỉ muốn lọc lấy một phần thôi, thì sao? Nếu ông hình dung Từ Hải không giống như Quan Vũ, mà lại giống như... Từ Hải (của Thanh Tâm Tài Nhân chẳng hạn) thì sao? Chắc không ai phủ nhận rằng Nguyễn Du có quyền làm như vậy, và cái giả thuyết này thiết tưởng cũng không có gì là phi lý cả. Vậy ta cũng nên xem thử Thanh Tâm Tài Nhân tả Từ Hải như thế nào.

Ở đoạn duy nhất có miêu tả dung mạo của Từ Hải trong *Kim Vân Kiều truyện*, ông viết (hồi XVIII):

Bạch diện tú my, (Mặt trắng, mày đẹp,
Hổ đầu yến hạm. Đầu hùm, hàm én)

Bức phác họa chân dung này dường như chia ra làm hai phần, một phần là những nét của một thư sinh, một phần là những nét của một võ tướng. Đoạn tiểu sử của Từ Hải ở hồi XVI của *Kim Vân Kiều truyện:*

"... Chàng tinh cả lục thao tam lược, nổi danh cái thế anh hùng. Trước vốn theo nghề nghiên bút. Thi hỏng mấy khoa, sau xoay ra buôn bán. Tiền của có thừa, hay giao du với giới giang hồ hiệp khách..." có thể biện minh cho tính chất lưỡng diện của bức chân dung này. Và đây cũng là một nét mới của văn học Trung Quốc ở thời đại của những Thanh Tâm Tài Nhân và những Bồ Tùng Linh, thời mà kiểu nhân vật vẹn thuần toàn bích đã bắt đầu nhường chỗ cho những kiểu nhân vật uyển chuyển hơn, gần con người bình thường hơn trong cái tính cách đa diện, nếu không phải là mâu thuẫn, của nó.

Và ta có cơ sở để giả định rằng Nguyễn Du chấp nhận bức chân dung song diện này chứ không đồng nhất tướng mạo của Từ Hải với tướng mạo của một Quan Vân Trường, vì ông sống ở một thời đại có đủ điều kiện để chấp nhận và thưởng thức một kiểu nhân vật không vẹn thuần như thế. Nếu vậy, ta có thể hiểu rằng những nét thư sinh trong dung mạo của Từ Hải đã được Nguyễn Du phác bằng hai chữ *mày ngài*. Nguyễn Du bỏ nét "bạch diện" có lẽ vì nó không thích hợp với một con người suốt mười năm "phong trần mài một lưỡi gươm" và cũng không gây được mỹ cảm bao nhiêu, nhất là khi được diễn đạt bằng hai từ Việt *mặt trắng*. Còn *tú my* mà diễn bằng *mày ngài* thì chắc cũng đủ thỏa mãn những độc giả khó tính. Đứng về phương diện điển tích mà nói, giữa một công thức cổ truyền thông dụng và một bức chân dung sinh động của chính nhân vật hữu quan trong cốt truyện được dùng làm lõi cho tác phẩm, chọn căn cứ thứ hai cũng không kém phần hợp pháp, mà lại có phần làm cho bản sắc của nhân vật được tươi mát hơn.

Cuối cùng, cũng nên vì trọng nể Nguyễn Du mà nghĩ lại giùm nhà thơ một chút, xem hai chữ *mày ngài* mà ông trót dùng, xét trên quan điểm mỹ học nội tại của tác phẩm, có dở hơn hình ảnh "mày tằm nằm" mà họ nhất định chọn đến mức phải cố tìm cách hiểu trẹ đi như họ đã làm với cái ý thức hơi lộ liễu cho rằng mình cần ra tay cứu vớt Nguyễn Du, nâng cao ông lên cho ngang tầm cỡ trí tuệ và óc thẩm mỹ của bản thân họ hay không.

Điển tích bao giờ cũng chỉ là điển tích, nghĩa là một công thức cũ đã được công nhận chủ yếu là nhờ vào hào quang của dĩ vãng, và điều này xóa mờ mọi sự phán đoán về hay dở, tức là về thẩm mỹ. Song óc thẩm mỹ của người dùng điển có quyền tuyển lựa và khước từ, và cách tuyển lựa và khước từ cũng có vị trí trong cái mà ta gọi là tài năng của nhà văn. Những người chủ trương cách hiểu bác học về chân

dung Từ Hải hình như không tán thưởng óc thẩm mỹ của Nguyễn Du trong trường hợp đang bàn. Vậy ta cũng nên thử phân tích xem cái hình ảnh mà Nguyễn Du đã chọn để tả đôi mày của Từ Hải, xét về phương diện thẩm mỹ, có thua kém cái hình ảnh mà họ muốn ông phải chọn nhiều đến thế hay không.

Trước hết xin thú nhận rằng bản thân chúng tôi không hiểu nổi khẩu vị của người Trung Quốc đời xưa khi họ dùng hình ảnh con tằm, vốn là một con sâu mềm nhũn, có thân hình trơn tru nhẫn nhụi, chất da đùng đục, sắc da phơn phớt xanh - màu của những đường tĩnh mạch dưới làn da của những cánh tay thật trắng - để tả một bộ lông mày rậm rạp xù xì của một người có mao hệ phát triển và, nếu ta nhớ rằng các nhân vật hữu quan thuộc chủng hệ Mongoloid, ắt phải cứng và có màu đen thẫm. Hay là ngày xưa ở đâu bên Tàu có một giống tằm tua tủa những lông đen như thế? Nhưng dù có chăng nữa thì đối với người nuôi tằm ở Việt Nam hình ảnh con tằm mà họ quen hình dung cũng khác hẳn.

Thế còn *mày ngài* thì ra sao ? Ai đã từng xem kỹ đôi mày (hay nói cho đúng hơn, đôi ăng ten) của con ngài, đều phải chú ý đến vẻ đẹp lạ lùng của nó. Đó là bộ phận đẹp nhất trong con vật vụng về, yếu ớt và chẳng lấy gì làm thanh tú này. Đặc điểm nổi bật của nó là ở chỗ nó xếch lên, hơi cong và khá dài so với "mặt" của nó, hai bên đường sống chính có hai hàng tơ mảnh tỏa ra thành hình lá dương xỉ (hay phượng vĩ) hẹp và nhọn. Ví thử đôi "mày" này màu đen, trông nó sẽ có phần thô hơn, có chiều rộng hơn lông mày trung bình của con người. Nhưng màu trắng sữa và chất liệu mỏng manh, nhẹ nhàng của nó làm cho nó trông rất thanh tú. Đường nét hơi cong của đôi mày ngài khiến cho nó được một dáng dấp mềm mại, hướng đi chếch lên của nó khiến cho nó có được một phong thái uy nghi. Nó chính là mẫu hình của một trong những cách vẽ lông mày trong truyền thống hóa trang trên sân khấu cổ điển của ta, của Trung Quốc và của Nhật Bản, dành cho một số nhân vật trẻ đẹp, hoặc thuộc phái nữ, hoặc thuộc phái nam, tuy mày của đàn ông đương nhiên phải vẽ to và đậm nét hơn của đàn bà, và cũng không phải không bao giờ có thể tìm thấy trên sân khấu cổ điển một vai nữ có đôi mày cong nhưng không xếch lắm, hay một vai nam, nhất là một vai võ, có đôi mày xếch nhưng không cong lắm, v.v. Nếu thừa nhận rằng truyền thống hóa trang của sân khấu cổ điển phản ánh những quan niệm về tướng mạo và sắc đẹp trong văn học cổ điển, ta không còn băn khoăn lắm nữa về nỗi Nguyễn Du dùng hình ảnh mày ngài vừa để tả các ca nhi vừa để tả Từ Hải. Một đôi mày ngài, tuy đẹp và thanh tú, cũng không có gì là không thích hợp trên gương mặt của một võ tướng trẻ trung và tuấn tú, lại càng không có gì là lạc lõng trên gương mặt của một võ tướng vốn xuất thân là một thư sinh.

Như vậy, về đủ các phương diện ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng, thi pháp, điển tích, thẩm mỹ, không hề có lấy một lý do nào bênh vực cho cái cách thuyết minh trái với cách cảm thụ phổ thông về câu thơ *Râu hùm, hàm én, mày ngài*, vốn là một trong những câu quen thuộc nhất đối với dân ta, và xưa nay bao giờ cũng được dân ta hiểu đúng nghĩa và thưởng thức đúng vẻ đẹp của nó, nhờ một cảm thức ngôn ngữ và thẩm mỹ nhạy bén mà không có một sự tìm tòi cầu kỳ và thâm thúy nào có thể thay thế được.●

Chú thích 11/ 1981

* Đăng lần đầu trong Tạp chí Ngôn ngữ, s. 2, 1982, 41-51.

(1) Chẳng hạn, xem các bản *Kiều* có chú giải của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim (1925), của Nguyễn Văn Vĩnh (bản dịch Pháp văn, 1942-1943), của Nguyễn Thạch Giang (1972). Xem thêm: Nguyễn Vinh Phúc (1972); Kiều Thu Hoạch (1974); Đào Duy Anh (1974).

(2) Mô hình trọng âm (từ nay viết tắt là TÂ) của các tổ hợp (ngữ đoạn) hai tiếng này lệ thuộc vào chức năng của toàn ngữ đoạn trong câu hay trong ngữ đoạn bậc trên. Nếu tổ hợp làm định ngữ cho một danh từ chỉ người như *gã, ông, anh, cô*, v.v., TÂ sẽ là [01]. Nếu nó làm thành một vị ngữ (một phần Thuyết) hay một kết cấu chủ vị (Đề-Thuyết), TÂ là [11].

(3) Những tổ hợp hai tiếng này thường là định ngữ cho những danh từ chỉ hình thức như *hình, màu* hay bộ phận (của người hay vật) như *tóc, chân*, và có TÂ [01].

(4) Mô hình trọng âm của các tổ hợp ba tiếng này đều là [101].

(5) Chẳng hạn trong câu *Phận sao phận bạc như vôi*, ông bất chấp từ nguyên của chữ *bạc*, vốn có nghĩa là mỏng manh, để dùng nó đúng như người Việt vẫn hiểu nó: "trắng", như trong *tóc bạc, trâu bạc, voi bạc, bạc má, v.v.*

(6) Xem Kiều Thu Hoạch 1974:68.

NGƯỜI YÊU CỦA NÓ

ĐỖ HẬU

(Tiếp theo)

Đội điều trị 12 là phân viện dã chiến thuộc quân y viện 354, nằm yên ả trộn lẫn trong một làng quê bên sông Đuống. Chiếc xe quân sự cho nó đi nhờ dừng trên bờ đê. Nó rảo bước. Đồng quê đang vào vụ gặt, những cô gái quê kĩu kịt gánh lúa về làng.

Người cảnh vệ chỉ cho nó ngôi nhà nhỏ nép dưới cây sấu già. Nó gõ cửa. Ông trung tá bác sĩ trưởng khoa mời nó ngồi. Không rời mắt khỏi tập hồ sơ, ông hỏi nó:

"Đồng chí là thế nào với cô Oanh?"

Nó nói nhanh:

"Là người yêu, chồng chưa cưới."

Ông trưởng khoa gỡ cặp kính, ngước mắt nhìn nó:

"Tốt lắm! Hai người cùng đơn vị?"

Nó sốt ruột:

"Vâng. Cùng đơn vị. Sức khỏe cô ấy ra sao? Tôi muốn gặp cô ấy ngay."

Ông ta chậm rãi rời khỏi bàn:

"Chúng tôi sẽ đưa cậu đi gặp cô ấy. Nhưng trước hết tôi muốn cho cậu biết tình trạng của cô ta: Cô ấy bị tai nạn, mất máu nhiều. Chúng tôi đã khâu ba mũi trong cuộc phẫu thuật nhỏ. Lúc đầu tinh thần cô ta rất hoảng loạn, sau có chị gái ở quê lên nên cũng ổn định dần. Tuy nhiên hệ thần kinh còn rất yếu, cần tránh mọi cảm xúc đột ngột."

Nó chồm đến bên ông trưởng khoa:

"Cô ấy bị tai nạn gì thưa bác sĩ?"

Ông trung tá già quay phắt lại nhìn thẳng vào mắt nó: "Chúng ta là người lính! Phải có bản lĩnh để nhận biết mọi việc theo đúng thực trạng của chúng. Dù đó là một thực trạng phũ phàng."

"Tôi vẫn nghe."

"Tôi cũng không dấu cậu: cô ấy bị hiếp dâm."

Nó trợn mắt, mồm há ra nhưng không thốt nên lời. Nó từ từ gục xuống. Một khoảng lặng. Không phải quãng nghỉ của một dấu lặng đơn hay lặng đen trong bản nhạc, mà là một khoảng đen hun hút của sự bất hạnh trút xuống con người. Ông trung tá già đi về phía nó, giọng nói như thảng hoặc mơ hồ:

"Một sĩ quan phát hiện cô ta trong trạng thái bất tỉnh tại một điếm canh trên đê sông Đuống. Khi tỉnh lại hình như cô ta nhớ rõ sự việc nên rất hoảng loạn. Chúng tôi mất nhiều thời gian thuyết phục cô ta cho biết địa chỉ người thân. Cô ta không nhắc đến cậu. Cũng đúng thôi. Cậu chỉ là người yêu... Ngay bây giờ cậu có thể lặng lẽ rời khỏi đây. Cô ta sẽ không biết có một sĩ quan trẻ đến tìm cô ấy."

Nó chồm dậy, cặp mắt ngầu đỏ nhìn xoáy vào ông:

"Xin lỗi! Tôi không đớn hèn đến mức như vậy. Nếu ông không chỉ, tôi sẽ tự đi tìm."

Nói xong nó quay phắt người xô cửa bước ra. Ông trung tá nhanh tay giữ nó lại:

"Con trai! hãy ngồi xuống."

Nó dừng lại. Tự hỏi không biết có nghe nhầm không? Ông trung tá đặt tay lên vai nó. Nó ngoan ngoãn ngồi xuống như bị thôi miên, cả người nó như chìm trong ánh mắt bao dung của ông:

"Xin lỗi! Ta lo cho con bé. Con bé mảnh mai non nớt quá, mấy lần muốn tự tử. Vì ai con biết không? Chính là vì con. Có lần, khi ta vừa lấy hết nắm thuốc ngủ trong miệng ra thì con bé lăn lộn nói trong nước mắt:

'Cha ơi con khổ quá! Con thương anh ấy quá, con phải chết đi cho anh ấy đỡ khổ. Cha ơi!'

'Anh ấy là ai?'

'Là người yêu của con. Con chết đi để anh ấy chỉ đau một lần.'

'Con yêu nó lắm à?'

'Con làm sao sống được nếu không có anh ấy.'

'Vậy con tưởng con chết đi thì nó sống yên ổn sao?'

'Ôi! Vách núi. Cha ơi! Người con trai trên vách núi!'

Nói tới câu đó con bé ngất đi. Ta rất hoang mang, sợ thần kinh con bé có vấn đề. Sau này nghe Lan kể lại ta mới hiểu con bé nhớ về những kỉ niệm tình yêu."

Nó lặng đi. Không biết từ bao giờ, những giọt lệ đã rơi xuống. Nước mắt chảy tràn khuôn mặt nó, người nó rung lên từng chập nghẹn ngào. Ông trung tá lấy khăn thấm nước mắt cho nó. Ông ôm lấy mái đầu nó vỗ về: "Khóc đi con trai. Cứ khóc đi cho vơi nhẹ nỗi đau. Để lát nữa gặp con bé, chỉ còn lại lòng bao dung, nghĩa sinh toàn của trang nam tử." Bất giác, nó ôm chầm lấy ông khóc thổn thức, như ngày nào được nằm trọn trong sự bao bọc của người cha thân yêu.

Nó theo ông trung tá đến trước một dinh cơ lớn. Nhà ngói sân gạch, cây mít bờ ao. Ông trung tá quay lại rỉ tai nó: "Đây là nhà bà Bưởi, vợ bộ đội, một trong những nhà khá nhất trong số nhà dân tình nguyện đón thương binh. Nhà chỉ có hai mẹ con. Giờ này chắc bà Bưởi đang đi gặt, còn con Chanh học buổi chiều chắc cũng chưa về." Nó lách người vượt lên nhưng ông kéo nó lại. Vừa đặt chân vào khoảng sân rộng ông vừa cất tiếng ồm ồm:

"Nhà có ai không?"

Tiếng Oanh nghe yếu ớt:

"Dạ. Con ra đây."

Bóng áo trắng lướt nhẹ trong nhà. Oanh chợt đứng sững, toàn thân như rơi xuống bậu cửa. Nó chạy ào tới. Người Oanh run lên. Nó đã ở ngay sát bên, đôi tay nó đặt trên bờ vai Oanh. Những phút giây im lặng. Bỗng Oanh quay lại ôm chầm lấy nó. Và, nàng nức nở. Những tiếng nức nở òa vỡ từ sâu thẳm cõi lòng. Nó cúi xuống đỡ Oanh vào nhà. Đôi môi tìm môi cuống quít. Chợt Oanh vùng ra, gục xuống, hai tay che mặt nói không nên lời:

"Anh ơi! Thân em ô uế lắm."

Nó ôm xiết Oanh trong lòng, thì thầm an ủi:

"Nước mắt chúng ta sẽ gột sạch tấm thân em."

"Không! Không gì gột rửa được đâu anh. Ôi tình anh! Chỉ có cái chết mới giúp em đền đáp."

"Tình yêu không có sự đền đáp, chỉ có sự hòa điệu của con tim."

"Mà con tim em thì tả tơi."

"Nhưng lại được ấp ủ giữa con tim anh. Mãi mãi."

Những lời yêu thấm đẫm nước mắt. Ông trung tá già ngậm ngùi quay ra. Tay ông cầm khăn mà mặt cứ ngửa lên trời, như muốn hỏi cao xanh một điều gì đó.

Nó ở bên Oanh một tuần. Thời gian làm cho Oanh yên lòng nhưng không đủ làm vết thương lành lại. Lòng nó quặn thắt mỗi khi bắt gặp ánh mắt e ngại của Oanh. Ăn đấy ở đấy, nhưng bao giờ Oanh mới xua tan những mặc cảm trong lòng.

Đêm trước hôm nó về trường, Oanh tỏ ra rất vui. Nửa đêm, Oanh quay sang mơ màng nhìn nó:

"Anh ơi! Thế là cô gái lại trở về, đúng không anh?"

"Đúng! Và thần núi đã mỉm cười."

"Không! Thần núi chưa mỉm cười đâu anh. Anh có biết kẻ nào đã làm nhục em không?"

Nó nghiêng người nhìn sâu vào mắt Oanh:

"Em nói gì?" Oanh bối rối. Nó dịu dàng hôn lên trán Oanh, nơi những sợi tóc vương xòa. Giọng nó thoảng theo tiếng cười bình thản:

"Đừng nói nữa em, chẳng có gì là quan trọng cả."

"Không. Em không thể dấu anh. Em phải nói. Thằng chó chính là Vinh Xuân."

Nó lặng đi, không tin vào tai mình. Thì ra

tay "sĩ quan phát hiện cô ta trong trạng thái bất tỉnh" chính là hắn. Nó bật dậy xô ra cửa. Oanh chới với:

"Anh ơi! anh đi đâu?"

Nó chết lặng bên bàn, miệng lẩm bẩm:

"Thằng chó! Tao sẽ không tha cho mày."

Oanh quì dưới chân nó, ánh mắt ngây dại:

"Em xin anh! Anh hãy giết em đi."

Bàn tay gân guốc của nó đấm mạnh vào cánh cửa lim phát ra một tiếng động khô khốc. Những ngón tay rớm máu. Oanh hốt hoảng quấn vào tay nó những dải băng xanh, mặt cô đầm đìa nước mắt. Nó cúi xuống dìu Oanh về giường, giọng nó dịu lại:

"Xin lỗi em. Bất ngờ quá, anh không làm chủ được mình."

Oanh nem nép ngồi bên mép giường, ánh đèn Hoa kì hắt bóng nàng lắt lay trên vách gỗ. Nó quay lại đưa cho Oanh cốc nước. Oanh uống những hớp nhỏ, cô bỗng thấy bình thản đến lạ lùng:

"Hôm đó, thằng chó nói đưa em về Hà Nội gặp bố để hôm sau bố vào Nam. Đến đê sông Đuống thì hắn dở trò. Khi hắn dừng xe, em nhảy xuống vừa chạy ngược lại vừa kêu cứu. Lúc đó mới tám giờ tối mà bờ đê không một bóng người. Hắn đuổi kịp bế xốc em lên. Em giãy dụa cào cấu, rồi ngất đi. Tỉnh dậy thì đang nằm trong bệnh viện. Biết mình bị hắn làm nhục, em chỉ muốn chết. Em càng nghĩ càng thương anh."

Nó lặng lẽ vuốt tóc Oanh. Tiếng Oanh thấm đầy nước mắt:

"Anh ơi, anh cho em chết đi."

"Bình tĩnh em! Em đã nói ra được là sẽ thấy nhẹ lòng. Từ nay em không được nghĩ đến cái chết. Phải nghĩ đến bố mẹ, đến anh."

Oanh áp khuôn mặt đẫm nước vào ngực nó. Người Oanh rung lên từng chập như đang chìm trong những cơn đau.

*

Những ngày sau đó người nó như mất hồn. Người ta cần nó hoàn chỉnh gấp cuốn giáo trình để đem in mà có hôm cả buổi, nó không đọc được một chữ. Lê Thanh thì tức nó kiểu khác. Mấy lần gạn hỏi mà nó chỉ ậm ờ. Lê Thanh bảo:

"Tùy cậu. Không tin bọn này nữa thì thôi. Nhưng cũng không nên vác mãi cái bộ mặt đưa đám ấy."

Đến lúc đó thì nó nói:

"Ông tưởng đưa đám đã là buồn khổ à?"

"Thì có chuyện gì phải nói ra chứ."

Nó tư lự như nói với chính mình:

"Thật đáng tiếc. Ở đời, chuyện gì cũng có thể chia sẻ, mà sao có lúc lại phải một mình giữ chặt nỗi đau trong lòng."

Một buổi sáng nó xuống xưởng rèn. Bọn trong lớp nhao nhao chào nó. Lê Thanh đăm chiêu:

"Quái lạ. Trời không mưa không gió, sao cậu lù lù đến chỗ này."

Nó làm bộ bình thản:

"Có việc không nhờ ông được sao?"

"Khá lắm. Nếu quả thật có việc gì lôi được cậu về thực tại thì 'mỗ' đây sẵn sàng."

"Ông chỉ quan trọng hóa. Cuối tuần tôi về nhà, ông rèn cho tôi cái xà beng, nhẹ thôi. Đợt này phải sửa cho 'cụ' cái hầm tránh bom cũ."

Lê Thanh nghi ngờ:

"Cậu vác xà beng từ đây về Hà Nội để sửa hầm? Thôi được, tối nay tôi sẽ mang lên cho cậu."

Tối đó khi Lê Thanh vừa về thì nó thay bộ quân phục cũ, xách xà beng ra đi. Trời đầu đông se lạnh. Từng mảng sương mỏng vật vờ trên những hố bom. Nó đứng nép trong bụi cây sát đường, con đường đá bị cày sới nham nhở. Bóng đêm bao trùm làm cánh đồng ngô càng cô quạnh đìu hiu. Bỗng từ xa lấp lóa ánh đèn. Tiếng xe môtô tới dần. Trong bóng tối nhấp nhóa đã hiện ra một bóng người nằm dài như nhái bén trên chiếc xe Môtô ba bánh. Nó lao ra đâm xà beng vào bánh sau. Người lái bay khỏi xe, rú lên rơi xuống ruộng ngô. Chiếc xe chồm lên vật nó xuống vạt cỏ ven đường. Người lái xe vùng dậy lao đến chỗ nó. Và súng. Hắn rút súng khỏi bao. Bỗng từ bụi cây một bóng đen bay vút ra, một tiếng động khô khốc. Người lái xe loạng choạng, khẩu súng sáu văng ra. Và, những tiếng huỳnh huỵch. Khi nó lao tới thì tay lái xe ngồi rũ rượi, cánh tay phải thõng thượt như kẻ tật nguyền. Bóng đen cứu nó là Lê Thanh. Vinh Xuân mắt cứ nhướng lên. Hắn há hốc mồm không sao hiểu được. Lê Thanh hỏi nó:

"Giờ làm sao?"

"Lôi hắn vào ruộng ngô."

Trên bờ mương giữa cánh đồng, Vinh Xuân vẻ chai lì:

"Tôi đã làm gì các cậu để đến nỗi xảy ra chuyện này?"

Nó gầm lên:

"Câm ngay! thằng chó."

Nó lao đến túm ngực thằng chó lôi ngược

lên dằn giọng:

"Chính mày làm nhục Oanh! Tao giết mày!"

Thằng chó như bị điện giật, đầu dập xuống bờ cỏ liên hồi. Mắt thằng chó dại đi vô hồn. Lê Thanh vỡ lẽ, lẳng lặng đưa cho nó khẩu súng của Vinh Xuân:

"Ở đây thanh vắng, ngày mai cả trường sẽ đi xem thằng chó tự tử giữa cánh đồng." Thằng chó òa khóc, cánh tay trái vẫy rối rít, hắn lạy van. Hắn bò đến ôm lấy chân nó, từ hai mép những đụn bọt trắng nhởn ứa ra. Nó rùng mình. Chân nó hất thằng chó, tay đón khẩu súng giương cao. Thằng chó nằm phủ phục, người rung lên theo tiếng rên ư ử. Từ chỗ hắn một vũng nước loang ra. Nó lạnh lùng tháo băng đạn, khẽ rít lên:

"Thằng chó nghe đây: Tao dành riêng viên đạn này cho mày, nếu mày còn làm nhục bất cứ người phụ nữ nào."

Đoạn, nó lắp viên đạn vào súng, tay vứt những viên còn lại xuống lòng mương rào rào. Thằng chó trố mắt đờ đẫn. Nó bỏ đi. Lê Thanh nhìn thằng chó khinh bỉ:

"May cho mày hôm nay gặp Phật. Phải tao, ít nhất tao cũng thiến cái của nợ của mày. Còn nữa, nếu mày dám ho he về chuyện này thì liệu hồn. Lúc đó chính tao sẽ xuống tay."

Lê Thanh quay đi. Vinh Xuân bừng tỉnh, cuống cuồng:

"Em xin anh, cái tay em."

Lê Thanh quay lại giải huyệt cho hắn. Hắn chồm lên ôm lấy chân Lê Thanh như tạ ơn. Lê Thanh hất hắn ra như một con hủi. Hắn nằm thượt như xác chết, bóng đêm nhọc nhằn chìm vào tĩnh lặng khôn cùng.

Vinh Xuân nằm bệnh viện gần một tháng kể từ sau cái đêm kinh hoàng.

Nó quyết định xin chuyển công tác. Lê Thanh rất buồn. Một buổi tối đi dạo, Nó nói:

"Tôi đi rồi nhờ ông lo giúp cho Oanh."

Lê Thanh nhăn mặt:

"Điều cần nói thì không nói, chỉ được cái nói thừa."

"Điều gì cần nói?"

"Thì đấy. Việc xin chuyển đơn vị là vì cậu. Đúng không?"

"Vì cả Oanh, và chủ yếu là vì Oanh. Ông biết đấy, tôi không thể tố cáo thằng Xuân công khai. Bằng chứng đâu? Rồi diễn tả tại hiện trường, rồi đối chất... Thằng Xuân đã giết Oanh một lần. Không ai được phép làm thương tổn Oanh một lần nữa. Chưa kể thằng Xuân còn là đảng viên. Người ta sẽ bảo vệ uy tín của đảng, uy tín cán bộ. Sở dĩ tôi xử thằng Xuân như vừa rồi là bất đắc dĩ."

Nó dừng lại, ngửa mặt nhìn bầu trời lạnh lẽo lác đác mấy vì sao. Nó hít căng lồng ngực thứ không khí mát lạnh. Lát sau nó nói tiếp:

"Chúng tôi xa nhau là một cực hình. Nhưng không tìm ra lối thoát. Chúng tôi không thể hàng ngày cứ đứng từ xa nhìn nhau, hàng ngày cứ bình thản nhìn thằng chó nhăn nhở giữa đám người. Oanh định xin về mất sức. Nhưng đó là sự tuyệt vọng. Rồi Oanh sẽ chết dần chết mòn trong cuộc sống cô đơn day dứt nơi quê nhà. Nếu Oanh đồng ý chúng tôi làm đám cưới thì lại khác. Nhưng Oanh muốn có một khoảng thời gian đủ cho Oanh bình tâm."

Hai đứa im lặng đi bên nhau. Gió heo may mang cái ngọt về cho mía mà sao làm tê tái lòng người.

3.

Mùa Xuân 1975.

Nó đi theo một đội sửa chữa xe luồn sâu trong rừng Tràm. Gọi là đội sửa chữa cơ động nhưng đơn vị đã ở đây hơn hai năm. Bây giờ nó đã là Trạm trưởng trạm sửa chữa thuộc đoàn vận tải Sông Hóa. Từ sau tết Ất Mão, tình hình chuyển biến khác thường. Cả chiến trường miền Tây cứ ong lên như dồn nén chờ đợi trước một sự kiện nghiêm trọng sắp xảy ra. Người ta hối thúc trạm sửa chữa làm việc ngày đêm, nhanh chóng trả hết xe vận tải về các đơn vị, chuẩn bị cho một chiến dịch chuyển quân lớn chưa từng có. Hôm qua cấp trên thông báo bổ xung cho trạm 5 lính thợ thì chiều nay họ đã tới đây. Nó đang loay hoay cùng anh em thay máy tổng thành cho một xe U-oát thì cậu liên lạc báo có lính "mới" về. Nó vừa lau đôi tay đầy dầu mỡ vào một miếng giẻ cũng đầy dầu mỡ vừa đi về lán Ban chỉ huy. Chợt nó reo lên:

"Lê Thanh!"

Lê Thanh lao đến ôm chầm lấy nó. Lần đầu tiên nó thấy Lê Thanh khóc. Khóc nức nở, nước mắt chảy thành dòng:

"Oanh chết rồi!"

Nó lặng đi, chơi vơi như bị sét đánh. Lê Thanh đỡ nó ngồi xuống. Người lính công vụ đưa cho nó bi đông nước. Rất lâu sau nó mới bình tâm. Nó chia anh em về các lán rồi kéo Lê Thanh về lán của mình. Lê Thanh e ngại:

"Để mình về lán cùng anh em."

Nó trầm lắng:

"Cũng chẳng lâu nữa đâu. Chiến dịch sắp bắt đầu. Cả trạm sẽ xé lẻ đi theo các cánh quân vào chiến dịch. Chắc gì đã qua khỏi mà trở về."

Lúc đầu Lê Thanh định dấu nó mọi chuyện. Nhưng những năm tháng chiến đấu đã dạy cho Lê Thanh hiểu rằng: nơi đây, những người lính đang từng giờ đối diện với cái chết. Họ có thể ngã xuống bất cứ lúc nào. Họ có quyền được biết tất cả những niềm vui và nỗi đau của họ đang diễn ra ở hậu phương. Mọi sự dối trá đối với người lính đều là tội ác, cho dù đó là sự dối trá lương thiện. Tối đó Lê Thanh hãm một bi đông trà đặc. Hương trà Thái Nguyên quyện với khói thuốc Tam Đảo làm gợi nhớ cảnh sắc quê nhà. Câu chuyện của Lê Thanh như những thước phim quay chậm từ từ hiện dần.

*

Nó chuyển đơn vị được một tháng thì Oanh ra viện. Người cô xanh xao gầy yếu như chiếc lá rừng. Một lần Lê Thanh đưa Oanh về nhà nó. Mẹ nó thương Oanh. Lần đầu tiên gặp mặt nhưng cụ cứ ôm lấy Oanh mà khóc. Mẹ nó giữ Oanh ở nhà. Hai tuần sau Lê Thanh về đón thì Oanh đã hồi lại, trông cô vui vẻ tươi tắn như ngày nào. Mẹ nó bảo:

"Oanh ngoan lắm, người còn yếu thế mà lúc nào cũng chỉ lo cho mẹ. Con bé lại ham việc, cứ đòi ra chợ ngồi bán rau cho vui. Đi chợ được vài buổi mà cả chợ ai cũng quí."

Cái Minh, em gái nó thì nói:

"Chị Oanh ở nhà với em. Chị còn dạy em học thêm, lại còn gội đầu cho em nữa."

Em gái nó đang tuổi lớn, tóc chấm ngang vai. Năm đó Minh bắt đầu vào trung học. Oanh quyết định ở lại. Cô nói với Lê Thanh:

"Nhà neo người quá. Mẹ thì già yếu, em Minh thì nhỏ dại. Mà em ở đây lại thanh thản như ở nhà mình."

Oanh làm đơn xin nghỉ mất sức. Ông trưởng khoa ngoại đội điều trị 12 xác nhận cho Oanh. Lê Thanh mang tất cả hồ sơ của cô về trường đưa cho Vinh Xuân, hẹn hắn sau hai tuần phải làm xong mọi thủ tục. Hắn làm đúng hẹn, kể cả việc rắc rối nhất là chuyển hộ khẩu của Oanh về Hà Nội từ giữa năm 72. Năm ấy đói. Mẹ nó bán đi hai chỉ vàng sắc thuốc bắc cho Oanh. Nhưng cũng cuối năm đó bệnh phụ khoa tái phát, Oanh tuyệt vọng chống đỡ một cách âm thầm.

Cuối năm 72 Lê Thanh tốt nghiệp ra trường, anh được điều về Z.161 tít trên Yên Bái. Đường xá xa xôi cách trở, Thanh ít có dịp về Hà Nội thăm mẹ nó và Oanh.

Giữa năm 74 thằng Hưng, anh nó trở về. Hưng chuyển ngành về Sở Điện Lực Hà Nội sau "phốt" ở thành cổ Quảng Trị. Khi đó thượng tá Đỗ Hưng là Sư phó sư đoàn bộ binh chủ lực tiến đánh thành cổ. Cánh quân do Hưng chỉ huy có sự phối hợp của lữ đoàn Tăng-Thiết giáp Hai linh tư (204). Cánh quân bị chặn đứng bởi hàng trăm dân thường. Họ đứng ngồi la liệt trước hàng quân, thậm chí nhiều người nằm chắn ngang trước vòng xích xe thiết giáp. Đỗ Hưng cho dừng cuộc hành quân để chờ chỉ thị của Bộ tư lệnh. Bỗng từ xe T54 mở đường mang số 315 cửa nóc bật mở. Tay trưởng xe nhảy vọt ra. Hắn gào thét át cả tiếng tăng đang gầm rú: "Chúng tôi là quân giải phóng vào giải phóng thành cổ. Bà con tránh ra cho chúng tôi tiến quân. Nếu bà con không tránh ra, chúng tôi buộc phải tiến." Đám đông không nhúc nhích. Hắn nhảy vào xe đứng nhô người trên tháp pháo, giương súng AK bắn chỉ thiên. Đám đông không nhúc nhích. Xe 315 gầm rú. Những vòng xích chuyển động. Từ trong lán chỉ huy Đỗ Hưng lao vọt ra. Anh choáng váng rút súng và bóp cò. Tay trưởng xe gục xuống. Xe tăng 315 khựng lại, gầm rú điên cuồng. Người ta đưa tay trưởng xe về trạm cấp cứu. Đỗ Hưng bị cách chức, ngay đêm đó bị đưa đi trại thu dung. Trước lúc Hưng đi, ông đại tá chính ủy ngậm ngùi: "Tớ hiểu cậu. Nhưng đây là chiến trường." Từ đáy mắt khô khốc của ông rơi xuống những giọt lệ. Lúc đó, nếu Đỗ Hưng biết rằng hành động của anh đã làm siêu thoát linh hồn người cha quá cố thì những giọt nước mắt của ông chính ủy sẽ được hiểu theo một nghĩa khác: Ông đang khóc cho thân phận của chính ông.

Đỗ Hưng không bị truy tố trước toà án Binh vì lúc đó anh không ra lệnh tiến quân. Chuyển ngành được ba tháng thì Hưng cưới vợ, một cô giáo. Trước hôm cưới, thằng Hưng về Hải Phòng đón mẹ Oanh lên Hà Nội. Mẹ nó vui như ngày đi hái lá nấu nước thơm cho bố nó ra đèn. Thằng Hưng cưới vợ được đầy tháng thì Oanh bỏ đi. Hôm đó đã nhá nhem tối mà không thấy Oanh về. Mẹ nó chạy ra chợ. Chợ Noi vắng ngắt. Cảnh chợ tàn, hàng quán xơ xác tiêu điều. Bà Tư béo có gánh hàng xén ngồi gần cổng tam quan chùa cũng đang dọn hàng. Bà thường ngồi rốn đến tối. Mẹ nó hớt hải:

"Kìa bà Tư. Bà có thấy cháu Oanh nhà tôi đâu không?"

"Thế cô ấy không kịp về nhà à?"

"Không! cháu đã về nhà đâu."

"Rõ khổ! Hôm nay cô ấy nghỉ sớm, gửi quang gánh trong tam quan rồi bảo tôi là cháu có việc phải về Hải Phòng mấy hôm. Cô ấy dặn nếu cháu không kịp về nhà thì nhờ bà nói lại với mẹ cháu."

Tối ấy bữa cơm nhà nó buồn thiu, còn mẹ nó thì phấp phỏng cả đêm không ngủ.

Bẵng đi cả tháng không thấy Oanh lên. Mẹ nó dò hỏi cả chợ mà chẳng biết tin tức gì. Chỉ có cái Thơm, con bé bán rau hay đi cùng Oanh thì bảo:

"Cháu chả thấy chị ấy nói gì. Nhưng gần đây hình như chị ấy đau bụng dữ lắm mà cứ dấu. Nhiều hôm đang bán hàng chị ấy ngồi sụp xuống. Cháu hỏi thì chị ấy bảo là bụng ngâm ngẩm như đau dạ dày."

Thằng Hưng xin nghỉ phép xuống Hải Phòng. Hôm trước hôm sau đã quay lên. Về Hải Phòng không thấy Oanh, Hưng nói dối là đi công tác qua ghé thăm gia đình. Thằng Hưng sợ mẹ Oanh lo. Mẹ nó thì lo thực sự. Bà cuống lên giục thằng Hưng đi tìm. Hưng bắt cái Minh lục hết đồ đạc của Oanh. Minh tìm được một cuốn sổ Y bạ. Hưng hộc tốc đạp xe ra bệnh viện Huyện. Cô bác sĩ quen giở tập hồ sơ nói với Hưng:

"Oanh bị ung thư cổ tử cung. Khối u di căn đã bốn tháng."

Thằng Hưng về không dám nói với mẹ. Buổi tối thấy mẹ lo lắng quá, Hưng an ủi bà:

"Có lẽ cô ấy đi thăm bạn bè."

Cái Minh reo lên:

"Hay chị ấy lên thăm anh Thanh."

Hôm sau Hưng lại nghỉ phép mò lên Yên Bái. Lê Thanh sững sờ. Nghe Thanh kể lại chuyện của em trai và Oanh hai năm trước, Hưng lồng lên bắt Thanh dẫn đi tìm thằng Xuân để tính sổ. Lê Thanh can ngăn:

"Anh Hưng. Chuyện đâu còn đó. Bây giờ việc cần nhất là phải tìm được Oanh."

"Đúng vậy. Không tìm thấy Oanh, bà cụ nhà anh sẽ không yên lòng."

Lê Thanh dẫn Hưng về Ba Vì. Thấy Lê Thanh, Lan khóc nấc lên:

"Cái Oanh khổ quá. Anh Thanh ơi!"

Bố Lan lập cập đốt hương trước một ban thờ nhỏ ở góc nhà, giọng ông khàn đục:

"Cô ấy đi đã một tuần. Cầu trời cho linh hồn con bé được mát mẻ."

Hưng lặng đi, không tin vào mắt mình. Vừa đi về phía ban thờ Hưng vừa xoáy vào tấm ảnh nhỏ cỡ 4.6 của Oanh lồng trong khung kính lớn. Tay Hưng run rẩy đốt mãi không cháy hết nắm hương. Mọi người đã đến bên cạnh, Hưng nghẹn ngào:

"Oanh ơi! Sao em không về trong vòng tay của mẹ. Sao em phải cô đơn nằm lại chốn này."

Lan òa khóc tức tưởi:

"Oanh ơi! Các anh ấy đã về đây thăm Oanh. Hãy về đây Oanh ơi!"

Tiếng khóc của Lan như xé ruột. Nước mắt chảy tràn những khuôn mặt đàn ông đầu giãi phong trần. Lan đưa anh Hưng nó và Lê Thanh lên triền núi, nơi đặt phần mộ của Oanh. Vừa đi Lan vừa sụt sùi kể lại:

"Oanh lên Ba Vì đã hơn một tháng. Hôm mới lên thì còn tươi tỉnh. Nhưng mấy đêm không ngủ, cứ lo mẹ và gia đình ở Hà Nội đi tìm. Những ngày sau thì Oanh phải chịu đựng những cơn đau quằn quại không ngừng. Mấy ngày liền Oanh vật vã không ăn không ngủ. Em xin phép nhà chồng cho ở bên này với Oanh. Bố em vào rừng kiếm lá thuốc sắc cho Oanh mà cơn đau không dứt. Ông đau lòng quá đành cho Oanh uống thêm sái thuốc phiện. Cơn đau không dứt hẳn nhưng đỡ dịu hơn. Khi cơn đau dịu đi thì Oanh đòi lên núi. Mùa này hoa Hải Đường rất hiếm mà có hôm Oanh cũng tìm được. Oanh tỷ mỷ tách từng cánh hoa xếp thành hình trái tim trên tảng đá. Suốt cả tuần lễ, ngày nào ấm thuốc của Oanh cũng có thêm sái thuốc, ngày nào Oanh cũng lên triền núi bên rừng già. Nhiều hôm Oanh nằm dài trên tảng đá nhìn lên vách núi, miệng ngân nga những giai điệu u buồn. Nhìn cảnh đó lòng em thắt lại. Một lần Oanh hỏi em:

'Lan ơi. Có biết Oanh mơ ước điều gì không?'

'Điều gì?'

Oanh ngước nhìn lên đỉnh núi, nơi những cụm mây trắng đang tụ lại như tấm thảm nõn nà:

'Nếu Oanh phải chết, xin thần núi Tản hãy cho Oanh được nằm lại ở chính nơi này!'

Rồi Oanh nhìn em, ánh mắt mênh mông rất lạ:

'Bọn mình đã lên đây nhiều lần. Nước mắt mình đã ngấm đầy trong thớ đá. Anh ấy đã chấp tay búp sen. Mình đã không cho anh ấy nguyện cầu vì sợ làm mếch lòng thần núi. Vậy mà...' Oanh òa khóc.

Em vừa khóc theo vừa dìu Oanh về. Thấy Oanh, bố em gạt nước mắt quay đi. Em hoảng sợ cảm nhận một điều khủng khiếp, dù mơ hồ nhưng em biết điều đó đang tới gần. Đêm ấy trời đổ mưa. Mùa này mà sấm chớp nổi lên như một điềm dữ. Oanh khóc:

'Lan ơi tao làm khổ mày!'

'Khổ gì. Vớ vẩn! Mai kia mày khỏe, tao để lại tha hồ mà hầu.'

'Ước gì được như vậy. Nhưng tao biết tao không sống nổi đâu.'

'Phỉi phui cái mồm mày. Không là không thế nào. Mày phải sống, phải chờ anh ấy về.'

Oanh ngã vào lòng em nấc lên:

'Trời ơi! Sao tôi khổ thế này. Anh ơi! Em thương anh quá.'

"Em ôm chặt người Oanh, hai đứa khóc tầm tã. Người Oanh rung lên theo những cơn đau. Quá nửa đêm Oanh mệt lả đi. Tiếng Oanh thở đều đều, thỉnh thoảng lại nấc lên thút thít như đứa trẻ bị đòn oan mệt lả vì khóc, còn thổn thức cả trong cơn mê. Sáng dậy em hoảng hốt không thấy Oanh. Em và bố em dớn dác khắp vườn trước vườn sau mà không thấy Oanh. Bất giác em nhìn lên triền núi. Em và bố em hớt hải chạy xuyên cánh rừng già, vừa chạy vừa hú gọi. Bỗng chân em khụy xuống. Trước mắt em, người con gái trong chiếc váy ngủ trắng toát nằm thảnh thơi như một nàng tiên trinh trắng đang chìm sâu trong giấc mộng thiên thu. Nàng tiên gối đầu lên tảng đá, nơi những cánh Hải Đường đỏ sắc xếp thành tên hai người. Em lao đến ôm lấy Oanh gào lên: 'Oanh ơi! Sao nỡ lừa Lan mà lên đây Oanh ơi!' Bố em đứng lặng như núi đá. Cây rừng rào rạt như gặp bão. Và, những người lính hiện ra. Em ngước nhìn lên. Những người lính im lặng ngả mũ. Thì ra đơn vị cũ của em và Oanh đang hành quân giã ngoại trong rừng. Bỗng người lính già quì thụp xuống giằng lấy Oanh trong tay em. Ông nấc nghẹn: 'Con ơi!' Đó là ông chính ủy, bạn chiến đấu của bố Oanh.

"Linh cữu của Oanh được quàn nơi tảng đá. Ngay gần đó, những người lính công binh khoét vào lòng núi một nấm mộ theo ước nguyện của người con gái lúc sinh thời. Người ta rải đầy trên mộ đá những bông hoa Hải Đường. Dường như tất cả những bông Hải Đường hiếm hoi trong cánh rừng đều được gom về đây. Có người còn tỷ mỷ tách từng cánh Hải Đường rắc lên mộ. Những cánh hoa mong manh lọt xuống kẽ đá như những giọt máu nhỏ xuống nấm mộ tình yêu. Đúng! Mộ đá tình yêu. Từ khi xuất hiện ngôi mộ đá, người dân nơi đây coi đó là biểu tượng thiêng liêng của tình yêu sắt son. Một tình yêu có thật, không huyền hoặc ở ngay nơi mà mỗi thớ đá ngọn cỏ đều thấm đẫm những sự tích về thần núi Tản viên.

Họ lặng lẽ đi trong rừng già. Xa xa thấp thoáng những đôi trai gái dắt nhau đi tìm những bông Hải Đường. Lan bảo:

"Từ ngày đó, không biết trai gái từ đâu dắt nhau về đây mà ngày nào họ cũng dập dìu đi tìm Hải Đường đặt lên mộ đá."

Tiếng gió xôn xao đưa vẳng lại tiếng một đôi trai gái ở gần đâu đây:

"Em giỏi quá! Mà sao em biết dưới thung lũng có hoa Hải Đường?"

"Các cụ bảo dưới thung lũng kín gió lại ẩm ướt. Khí thiêng của núi đá khiến Hải Đường mọc thành rừng. Màu hoa đỏ sắc như máu, có thể giữ được quanh năm. Nhưng đường xuống thung lũng hiểm trở nên ít người tới."

"Đúng. Nhưng hôm nay chúng mình đã xuống, đã nhìn tận mắt. Anh sẽ rủ trai làng lấy đá xếp thành bậc xuống thung lũng."

"Ôi! nếu được như vậy thì trai gái các nơi về đây sẽ mãi mãi biết ơn các anh."

Người con gái cười rúc rích. Họ thủ thỉ kể cho nhau nghe về một tình yêu có thật ở chính nơi đây. Tiếng người con gái:

"Anh xem này. Các cụ bảo năm nay, dường như Hải Đường tươi sắc hơn."

Tiếng người con trai:

"Có thể lắm! Có thể tình yêu của họ đã nhuộm thắm sắc hoa."

"Tình yêu của họ?"

"Đúng. Nơi đây đã có một người con trai và một người con gái yêu nhau. Họ dắt nhau đi miên man trong cánh rừng này. Người con gái kể cho người con trai nghe sự tích về một tình yêu xa xưa. Người con trai đọc cho người con gái nghe những vần thơ. Những vần thơ chàng trai viết về tình yêu của chính họ. Chàng trai đưa cô gái lên đỉnh núi. Họ đặt lên tảng đá những bông Hải Đường. Họ nằm gối đầu lên những cánh hoa và cất tiếng hát. Khúc hát du dương những cung bậc tình yêu. Tiếng hát của họ thánh thót như tiếng chim hót, tiếng suối reo. Tiếng hát tan trong gió, còn âm vang lẩn quất giữa núi rừng cho tới ngày nay..."●

Tưởng nhớ hương hồn Oanh
Những ngày đầu xuân
Tân Tị-2001.

QUÊ HƯƠNG VÀ MỘT CÕI ĐI VỀ

Bút ký

NGUYỄN VĂN TUẤN

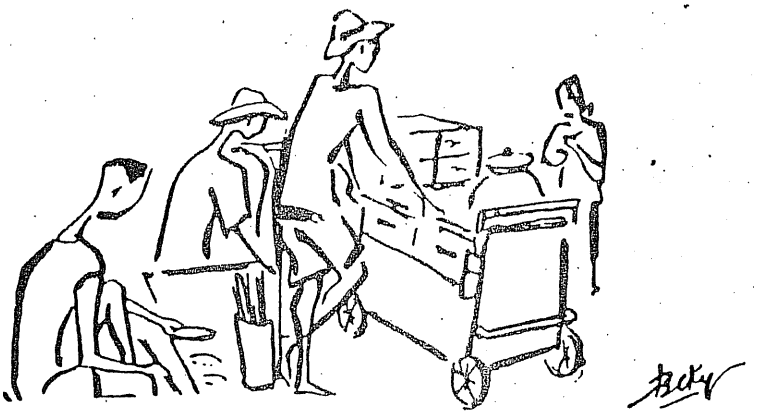

(Tiếp theo và hết)

Nhưng muốn diệt chúng không phải là điều dễ dàng. Nếu dùng thuốc diệt chúng tức là diệt luôn cá, một giải pháp không thể chấp nhận được. Thành ra, chỉ còn cách duy nhất là bắt sống chúng bằng tay. Mà bắt sao cho hết, vì bọn chúng sinh sản theo cấp số nhân. Mỗi khi nhắc đến con ốc này, bà con ai nấy đều ngao ngán cho loài ốc quái ác này, và oán trách mấy quan chính quyền đã quá sơ suất để cho chúng phá hoại như hiện nay. Mùa này, ai cũng lắc đầu khẳng định là sẽ không không khá. Và mùa tới cũng chưa biết ra sao, vì vẫn chưa có cách gì diệt ốc vàng cho hữu hiệu. Ở đồng bằng sông Cửu Long, ruộng lúa là nồi cơm của dân mình. Vậy mà con ốc vàng đang phá nồi cơm ấy.

Trong khi chưa giải quyết xong thảm họa ốc bưu vàng của Đài Loan, thì nông dân ta lại phải đương đầu với bọn Trung Quốc về rắn. Bọn con buôn Trung Quốc đang tìm cách mua rắn của Việt Nam. Họ chỉ thích rắn hổ, rắn sống ở đồng ruộng như rắn mái gầm. Mỗi con rắn hổ được bán với giá US$20 tới US$50 tùy theo loại và trọng lượng. Thế là dân ta đua nhau đi bắt rắn bán cho chúng. Trong cả năm qua, trung bình mỗi ngày có ba đến bốn tấn rắn từ Nam chuyển ra Bắc bằng đường hàng không và từ đó qua Trung Quốc bằng đường xe.

Khi đến mùa lúa, người ta mới thấy chuột bắt đầu hoành hành lúa, vì hết mấy chú rắn thì lấy ai trừng trị mấy chú chuột! Thế là Nhà nước mới thấy cái hại của việc xuất khẩu rắn, và ra lệnh cấm. Nhưng cho tới nay, hàng ngày vẫn có cả tấn rắn được xuất khẩu lậu sang Trung Quốc. Nghe nói mấy con buôn sở dĩ qua mặt được chính quyền là vì họ có cho "quà" công an. Công an chỉ việc chứng nhận rắn nước (tức loại không bị cấm) thì mọi việc đều êm xuôi.

"Email là cái quái gì?"

Hôm sau, tôi chèo xuồng xuống thăm gia đình Dì Dượng Út tôi. Tôi lại được dịp ăn một bữa tiệc, lần này do Dì tôi muốn thiết đãi bằng gà Tây nướng. Ở quê mà được thưởng thức gà Tây thì quả là tuyệt vời. Tôi phải nói là ngon hơn những con gà Tây tôi từng dùng trong ngày lễ Thanksgiving ở Mỹ. Dì Dượng tôi có một người con tên là P., tức là em họ tôi, đang sống ở California. Khi nghe tôi kể chuyện rằng tôi vẫn hay liên lạc với P. bằng "email," Dượng tôi ngắt lời hỏi email là "cái quái gì?" Tôi cố giải thích một cách ngắn gọn email là

thư điện tử hay "điện thư," viết xong, bấm nút một cái, là thằng P. ở San Diego có thể nhận được trong vòng một phút. Dượng tôi (nguyên quán Quảng Ngãi, ngày xưa có tiếng là một trong những người hay chữ trong làng, vì Dượng có bằng Diplôme hay Primaire gì đó), nhìn tôi mỉm cười với vẻ nghi ngờ. Tôi lại giải thích một cách khẳng định hơn nữa là nếu có computer tôi có thể ngồi ở đây mà đọc tin từ bên Mỹ hay bất cứ nơi nào trên thế giới bằng internet. Lại một từ mới đối với Dượng, và lại phải giải thích. Đến đây thì Dượng chịu không nổi nữa và nói thẳng: "Mày xạo quá, có điện thư điện thiếc gì mà đi trong vòng một phút, rồi lại ngồi đây mà đọc báo bên Mỹ nữa, nói như chuyện hoang đường. Mày làm như tao dốt vậy." May cho tôi quá, đang nói chuyện thì có điện thoại của thằng P từ Mỹ gọi về hỏi thăm, và ông em họ tôi đã giải thích cặn kẽ về email và internet. Lúc này Dượng tôi mới cười tươi và hỏi tôi có cách gì lắp ráp máy computer ở nhà để dượng viết thư thăm con cháu bên Mỹ!

Chiều lại, tôi ghé thăm nhà Mợ Tư. Cậu Tư tôi nguyên là một viên chức trong xã thời trước 1975, và đã chết trong thời chiến tranh. Mợ tôi, một người ngoan đạo Công giáo, ở vậy nuôi con cho tới nay. Ngày xưa, mợ có tiếng là hoa khôi trong làng, nhưng nay mợ đã quá tuổi 60 và đã già đến nỗi tôi khó nhận ra mợ Tư mình từng biết. Biết được cô em họ tôi bây giờ đang dạy tiểu học trong làng, tôi cố tìm hiểu tình hình lương, và được biết là rất khiêm tốn (chỉ khoảng 350 ngàn đồng/tháng), nhưng Nhà nước đang dự trù tăng lên khoảng 500 ngàn/tháng. Dù với mức lương như thế, cuộc sống của thầy cô vẫn rất eo hẹp. Tình trạng thiếu giáo viên ngày nay trong làng này là một vấn đề lớn. Vì thiếu giáo viên, nên Nhà nước phải trưng dụng bất cứ ai có khả năng dạy học để đáp ứng với tình trạng học trò tăng, mà số lượng giáo viên dậm chân tại chỗ. Nhiều giáo viên chỉ học xong lớp Tám ngày xưa và chỉ qua một khóa học sư phạm cấp tốc. Nhưng cô em tôi quả quyết nói vậy là được rồi, có còn hơn không!

Không những thiếu giáo viên, mà còn thiếu trường lớp. Gần xóm tôi có hai "lớp học" mà nếu người ngoài mới nhìn vào sẽ lầm tưởng là hai cái chòi vách lá, bàn gỗ xiêu vẹo, và tấm bảng đen treo lủng lẳng tưởng như sắp rơi bất cứ lúc nào. Tôi nghĩ những lớp học chữ nho ngày xưa ở miền Bắc và miền Trung còn có bề thế hơn những lớp học ở làng tôi ngày nay. Học trò ở hai trường này phần lớn là người Miên. Các em đi học không có đồng phục gì cả, chỉ bộ đồ đi ruộng và một cuốn vở cầm tay. Học xong là lại về lo việc đồng áng. Vì số trường lớp không đáp ứng được nhu cầu và số lượng học trò càng ngày càng tăng, nên học trò phải học theo ca, y như người đi làm theo ca ở bên này.

Bàn tán chuyện giáo dục một lúc thì có Cha Th. đi đâu tạt qua ghé thăm. Cha nghe tôi về nên cũng đến làm quen (vì cách đây vài năm tôi có tham gia đóng tiền xây lại nhà thờ). Cha Th. từ Sài Gòn chỉ mới về đây khoảng hai năm, thay thế cha H. đã qua đời vì chết đuối dưới sông. (Nghe nói Cha H. rất linh thiêng, nên sau khi Cha chết, giáo dân xây mộ cho Cha ngay trong khuôn viên nhà thờ). Cha Th. cỡ tuổi tôi, trẻ trung và vui tính, không nghiêm khắc như Cha H. dạo nào. Thành ra, tuy chỉ gặp nhau lần đầu mà chúng tôi tưởng như đã quen nhau từ thuở nào. Chúng tôi trò chuyện thơ văn, chuyện trên trời dưới đất rất tâm đắc. Tôi tò mò hỏi Cha là chính quyền địa phương có làm khó gì không, thì Cha nói là hoàn toàn không, vì chính quyền ở đây chỉ là người địa phương, quen biết nhau cả. Cần nói thêm là Cha Th. ở đây rất uy tín, có khi uy tín hơn cả các viên chức trong làng. Chẳng hạn như khi có công trình dẫn điện về làng, Ngân hàng tỉnh cần một người đứng ra vận động dân chúng góp tiền và công sức, Cha Th. được Ngân hàng chọn làm người đứng ra tổ chức làm việc này. Thậm chí sau này, khi ai muốn vay tiền, Cha Th. cũng là người thường hay được tham khảo.

Nhà thương tỉnh lỵ

Chiều hôm sau, tôi ghé thăm nhà Bác Ba Tr, nguyên làm nghề bán thuốc Nam và thuốc Bắc ở dưới chợ. Bây giờ, Bác Ba không còn bán thuốc nữa, vì già cả và con cái thì mỗi đứa một phương, chẳng ai trông nom tiệm. Nhân dịp ghé thăm, tôi hỏi thăm Bác Ba về Ng, con gái út của hai bác và nguyên là bạn học tôi từ lúc tiểu học trường làng, nhưng những năm cuối trung học và đại học thì mất liên lạc. Tôi rất vui mừng khi nghe nói Ng bây giờ hành nghề bác sĩ ngoài Bệnh viện Thị xã. Bác Tr cho tôi nói chuyện qua điện thoại với cô bạn ngày xưa; tôi không ngờ cô bạn ngày nào rất ít nói, mà bây giờ líu lo như không cho tôi trả lời.

Sáng hôm sau tôi lái xe Honda ra thị xã để thăm bệnh viện và cũng là thăm bạn sau gần 30 năm không gặp mặt. Thị xã Rạch Giá ngày nay được kiến thiết lại giống như một thành phố nhỏ. Nhiều con lộ được xây lại thành bốn lanes và có vẽ đường cẩn thận (nhưng hình như ít ai chịu tuân theo các đường vẽ này). Chợ Rạch Giá đã được dời ra ngoài khu trung tâm và xây lại lớn hơn và sạch hơn cả chợ Bến Thành ở Sài Gòn. Chỉ hai mươi năm, mà tôi cảm thấy xe cộ và người đi đường quá đông, giống y như Sài Gòn hay bất cứ một thành phố nào bên Tây phương.

Loanh quanh một hồi tôi cũng tới bệnh viện. Ng đã đợi tôi tự bao giờ; cô ta vui vẻ dẫn tôi đi một vòng bệnh viện qua các khu điều trị nội khoa và khu khám bệnh cho bệnh nhân ngoài bệnh viện (outpatient). Đến khu nào cũng thấy thân nhân nằm la liệt trên sàn gạch bệnh viện, có khu rất hôi hám và thiếu vệ sinh. Chỉ nhìn ánh mắt của thân nhân cũng thấy họ đang rất lo âu và khổ sở. Có khi thân nhân bệnh nhân nấu ăn một cách dã chiến ngay tại hành lang bệnh viện!

Ng cho tôi biết đây là bệnh viện cho cả tỉnh với cả bốn triệu dân, nhưng chỉ có khoảng 100 giường mà thôi. Cả 25 năm nay, Nhà nước chẳng thêm giường, mà cũng ít khi nào trùng tu lại; phần lớn thiết bị máy móc vốn đã ít đều còn lại từ thời trước 1975, và một số đã hư hỏng từ lâu, không có ai sửa chữa gì cả. Ng dẫn tôi đi khoe cái máy scan mới được Thụy Điển tặng. Tôi xem qua mới biết là máy dùng Cobalt, đã 20 tuổi, và tỏ ý phàn nàn tại sao lại đi nhận máy "second-hand." Cô bạn tôi đưa một ánh mắt bén ngót sang tôi như tỏ vẻ không đồng ý, và nói ai chẳng biết thế, nhưng "Có còn hơn không!" Hình như ở Việt Nam, người ta thích cụm từ này: "Có còn hơn không."

Không thấy phòng thử nghiệm, tôi hỏi cô bạn nếu muốn thử nghiệm máu và nước tiểu để theo dõi bệnh nhân thì phải làm sao. Cô bạn tôi nói phải gửi lên Cần Thơ hay "Thành phố" (tức Sài Gòn), và ngay cả các phòng thử nghiệm đó cũng chỉ làm được một số tests thông thường mà thôi.

Còn bác sĩ thì cũng thiếu, dù bác sĩ mới ra trường bắt buộc phải làm thực tập một thời gian ở bệnh viện, nhưng một số lớn không chịu làm và đi làm bán thuốc Tây cho các công ty thuốc ở Thành phố. Ng cho tôi biết, một số "bác sĩ" ở đây chưa từng học đại học bao giờ, mà chỉ được nâng cấp từ y sĩ hay y tá!

Đến trưa, tôi ngỏ ý mời cô bạn học cũ một tô mì ở"Quán Cây," một quán mì của người Hoa rất nổi tiếng trong thị xã mà bọn học trò tôi thường hay ghé ăn trong những năm trước 1975. Ng. nói quán đó không còn nữa, vì ông chủ đã qua đời và con cái đều đi nước ngoài cả. Tôi thấy buồn, tiếc, như mất mát một kỷ niệm quen thương. Tôi tỏ ý muốn ăn món mắm kho, và cô bạn tôi dẫn đến một cái quán ngay bên cạnh con sông Rạch Giá, rất mát mẻ và lịch sự. Món mắm kho ở đây, với cá đồng tươi, nước xúp đậm đà, mùi vị thơm ngon, cộng với những loại rau xanh đặc sản của miền Tây Nam bộ (như rau bông súng, rau ngổ, đọt khoai lang, v.v...) làm cho món ăn mang đậm sắc thái Nam bộ này, nói như Nhà văn Duyên Anh, là tuyệt cú mèo. Ngồi vào bàn mới có dịp nói chuyện đời sống riêng tư của những ba mươi năm không gặp nhau, và cũng *"Đôi khi trộm nhìn nhau /Xem dung nhan đó bây giờ ra sao?"* Chả hiểu sao tôi lại thấy đau đau khi nhận ra những dấu chân chim đã ở khóe mắt, mà nàng vẫn chưa lập gia đình. Nàng phải trở lại nhiệm sở và tôi phải quay về trước khi trời xế bóng, nhưng hình ảnh của một Ng. năm nào trong chiếc áo dài trắng dường như đã lùi xa vào một chốn nào đó trong ký ức...

*

Chuyến về quê lần này làm cho tôi cảm thấy gắn bó với quê hương hơn. Thực vậy, dù có xa Việt Nam bao lâu và có nhận Úc như một quê hương thứ hai, tôi vẫn cảm thấy mình bị ràng buộc với nơi sinh ra một cách vô hình nhưng thánh thiện. Ba tuần lễ sống lại trong cái làng quê tĩnh lặng này đã đủ cho tôi nhận ra rằng thời gian sống trong kỷ niệm qua nhanh, nhanh hơn cả những chu kỳ của làm việc ở các xứ Tây phương nhiệt náo, ồn ào, quen chạy theo kim đồng hồ. Hai mươi mốt ngày không đủ để tôi đi thăm hỏi bà con hàng xóm trong làng mà tôi đã dự tính trước khi về; không đủ để ôn lại những kỷ niệm vui buồn ngày xưa cùng bạn bè, những đứa còn sống sót sau cơn biến động của đất nước mà tôi vẫn nhớ tên họ và cá tính của từng đứa...

Hai mươi mốt ngày sống ở cái làng quê nhỏ và hẻo lánh này đem lại cho tôi nhiều so sánh và suy nghĩ về tương lai của đất nước. Nói chung, sau ngày Việt Nam từ bỏ chế độ "bao cấp", làng quê của tôi ngày nay có nhiều đổi mới theo chiều hướng tốt hơn. Cuộc sống của

phần đông bà con nông dân quả có cải thiện so với thời thập niên 80. Dù có khá hơn so với thời 80, tôi có cảm giác rằng mức sống của bà con nông dân ở làng tôi chỉ tương đương, nếu không muốn nói là kém hơn, so với thời trước năm 1975. Nếu ngày xưa mức độ chênh lệch giữa người nghèo và người giàu trong làng quá cao, thì ngày nay phần lớn ai cũng nghèo và mức độ chênh lệch trở thành vô nghĩa.

Dù nông thôn miền Nam đang thay đổi theo nhịp độ thay đổi của đất nước, nhưng tốc độ rất chậm so với thành thị. Các nhà đầu tư ngoại quốc ít khi nào chịu khó khai thác nông thôn. Ngược lại, nông dân ta còn quá xa lạ với những cơ chế thị trường lúa gạo quốc tế. Nhà nước chẳng làm gì nhiều để giúp đỡ nông dân hay canh tân ngành nông nghiệp. Trong khi đó thì dân số lại gia tăng quá nhanh, khoảng 2 đến 3% mỗi năm. Thành ra, nông dân ngày nay chỉ làm ruộng để đủ ăn là chính, còn làm giàu bằng ruộng chỉ là một giấc mơ.

Do đó không ai ngạc nhiên khi thấy thu nhập tính trên đầu người của bà con vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay chỉ 190 đô-la Mỹ, thấp hơn một cách đáng kể so với thu nhập của cả nước (340 đô-la Mỹ) và nhất là so với dân thành thị (650$). Theo một nghiên cứu khác của Trường Đại học Cần Thơ, khoảng 60% dân số trong vùng ĐBSCL thiếu gạo ăn từ bốn tới năm tháng, và hơn ba phần tư dân số vẫn còn ở nhà tranh vách lá. Trẻ em thiếu dinh dưỡng ở mức độ báo động (khoảng 40%). Ở làng nào thì tôi không rõ, nhưng ngay tại làng tôi, những con số này quả là đáng tin cậy. Nói chung, nông dân vẫn nghèo và đói.

Người nông dân ở các nước khác nghèo vì lười biếng, không chịu làm việc thì đã đành; ở đây nông dân làm việc quanh năm suốt tháng ngoài đồng, trên sông, vụ mùa tăng từ hai lên ba, lên bốn, mà vẫn hoàn nghèo mới là điều đáng nói. Tôi chẳng phải là nhà kinh tế học, nên chẳng biết phải "bắt mạch" từ đâu cho vấn đề trên. Nhưng tôi tình cờ đọc một bản báo cáo khoa học từ Trường Đại học Cần Thơ và biết rằng năm 1997 sản lượng lúa thu hoạch trong trong vùng ĐBSCL là 14 triệu tấn, tăng gần gấp đôi so với năm 1974. Cũng trong năm 1997, số lượng gạo xuất khẩu từ vùng ĐBSCL là 3 triệu tấn, đem về 800 triệu đô-la Mỹ ngoại tệ cho cả nước. Nhưng trớ trêu thay, chỉ có 15% số tiền này là đến tay người nông dân, một số lớn (45%) lại nằm trong tay các công ty quốc doanh, và phần còn lại lọt về các tay trung gian buôn bán. Không cần phải giải thích bằng những mô hình kinh tế khoa học cho dài dòng văn tự, ai cũng thấy đây là một bất công cực kỳ vô lý. Và sự bất công xảy ra ngay tại đây: trung gian và công ty quốc doanh. Có lẽ đây là cái mấu chốt cần giải quyết.

Vấn đề môi trường cũng là một điều đáng quan tâm. Phần lớn nông dân, vì thiếu học, nên kiến thức khoa học rất hạn chế. Tình trạng dùng thuốc trừ sâu độc hại vẫn lan tràn một cách khó kiểm soát nổi. Phần lớn những loại thuốc này đã bị cấm bán ở các nước Tây phương, được lén lút nhập lậu qua ngã Thái Lan hay Trung Quốc vào Việt Nam. Nông dân không thấu hiểu được sự ảnh hưởng nguy hại của các hóa chất này đến sức khỏe con người và môi trường nên vẫn tiếp tục dùng bừa bãi. Trong những năm mới "đổi mới," có nơi, đồng ruộng không còn cá để bắt! Một số người bị chết vì nhiễm độc. Chưa ai biết được có bao nhiêu người chết vì tình trạng dùng những hóa chất độc hại này. Nhà nước cũng có nhiều chương trình giáo dục về ảnh hưởng của thuốc trừ sâu, và cho đến nay, qua trò chuyện tôi cảm thấy nông dân đã ý thức phần nào về tác hại chúng.

Qua ghé thăm bà con hàng xóm và cảm cái nghèo của họ, tôi mới nhận ra là những quan niệm cao đẹp về nhân quyền, dân chủ mà tôi từng nghe và đọc ở nước ngoài trở thành hoàn toàn vô nghĩa ở đây trong thời gian này. Vấn đề lớn nhất của họ là làm sao để có đủ miếng ăn, có tấm áo mới nhân ngày Tết, có đủ tiền cho con ăn học tới nơi tới chốn. Hình như nông dân làng tôi không biết là có người Việt ở hải ngoại đòi hỏi nhân quyền cho Việt Nam. Dĩ nhiên, nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận những giá trị cao đẹp của nhân quyền, tự do, dân chủ mà Việt Nam cần phải có hay cải thiện, nhưng tôi ước gì những vị đang bàn về những chủ đề này ghé thăm và quan sát cuộc sống của các bà con trong quê, nơi có gần 80% đồng bào ta đang sinh sống, để có thể tự hỏi mình đâu là một ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Cố nhiên, chúng ta ở ngoài này có thể chỉ tay, đổ lỗi và nguyền rủa những kẻ đã làm cho quê hương nghèo khổ, nhưng suy cho cùng, đó chỉ là hành động tiêu cực, quá dễ làm. Chúng ta còn có thể làm nhiều hơn nữa qua các hành động cụ thể có lợi cho người dân nghèo.●

QUẬN CAM

Tác phẩm The Unwanted của Kiên Nguyễn ra mắt tại Quận Cam

Một hiện tượng lạ trong cộng đồng người Việt Quận Cam và có lẽ ở hải ngoại, là có đến khoảng 300 người Việt và Mỹ tham dự một buổi ra mắt sách của một tác giả mới có sách xuất bản lần đầu tiên nhưng đã có tác phẩm bán đến 80,000 ấn bản bằng Anh ngữ trong một thời gian rất ngắn, tính trung bình bán mỗi tuần khoảng 1,000 cuốn. Buổi ra mắt sách *The Unwanted* của Kiên Nguyễn đã diễn ra và được trực tiếp phát thanh trong phòng hội của đài phát thanh Little Saigon Radio vào chiều ngày thứ Bẩy Mồng 2 tháng Sáu 2001 trong một bầu không khí chân tình và cảm động với nhiều người phải ngồi ngoài sân vì phòng hội không đủ chỗ.

Sau lời giới thiệu ngắn gọn của MC. Đinh Quang Anh Thái, ông Vũ Quang Ninh, Giám Đốc Đài Little Saigon Radio đã nói trường hợp của tác giả Kiên Nguyễn mà đài Little Saigon Radio được biết qua chương trình Vietscape do ký giả Phan Trần Hiếu của nhật báo *The Orange County Register* giới thiệu để dẫn tới buổi ra mắt tác phẩm của một người Việt Nam mang hai giòng máu Mỹ Việt hôm nay.

Ký giả Bùi Bảo Trúc đã lên giới thiệu về tác phẩm *The Unwanted* mà theo ông cái tựa sách này rất là khó dịch sao cho ổn. Ông nói đây là một cuốn hồi ký mà tác giả đã ghi nhận theo ký ức của mình từ lúc lên tám tuổi. Bằng những nhận xét rất tinh tế và dí dỏm, ông Bùi Bảo Trúc nói rằng tác giả đã buộc ông vào ghế ngồi trên phi cơ suốt năm tiếng đồng hồ để đọc cho xong tác phẩm The Unwanted, không thể ngưng được. Ông đã giới thiệu tác phẩm như là một công trình nguyên sơ không đẽo gọt của Kiên Nguyễn. Nội dung tác phẩm mà tác giả đã thể hiện trong *The Unwanted* là những bất hạnh của dân tộc Việt Nam sau 1975 như một củ hành nhiều lớp, bóc hết lớp này đến lớp khác. Nhưng trong đa số người dân Việt Nam bất hạnh sau năm 1975 thì thành phần con lai như tác giả *The Unwanted* lãnh nhiều bất hạnh nhất vì đã lỡ mang hai dòng máu, từng được xem là kẻ thù của chế độ. Những đứa con lai chỉ là những công dân hạng hai không ai muốn nhìn nhận và đã bị đầy đọa nhiều trước khi họ được ra khỏi quê hương.

Ông Bùi Bảo Trúc nói tác phẩm là tập hồi ký về chính đời mình mà tác giả và đã viết ra như nó có, không cần phải gọt giũa thêm bớt, qua đó, người đọc đã nhìn thấy cảnh "người ăn thịt người, chó ăn thịt chó"...

Ký giả trẻ Phan Trần Hiếu đã nói sơ lược bằng Anh ngữ về buổi ra mắt sách hôm nay của Kiên Nguyễn với tác phẩm *The Unwanted* đang là một best-seller từ hai tháng qua và đang được dịch ra 17 ngôn ngữ khác nhau.

Kiên Nguyễn ký lưu niệm sách The Unwanted

Ông Nguyễn Xuân Nghĩa, Phụ tá giám đốc đài Little Saigon Radio nói về tác giả Kiên Nguyễn. Tác giả viết *The Unwanted* để phơi bày thảm kịch của cuộc đời mình đã bám lấy tâm thức mình như một ám ảnh, và viết như là một động tác để trục độc ra ngoài. Tác giả là một người chân thật ngồi gỡ cuộn chỉ rối cuộc đời của ông từ lúc ông mới tám tuổi khi biến cố ngày 30 tháng Tư năm 1975 xảy đến. Ngày đẹp nhất trong đời tác giả

qua tác phẩm là ngày sinh nhật lúc năm tuổi với chiếc bánh sinh nhật mà tác giả còn nhớ mùi vị cho đến bây giờ.

Ông Nghĩa cho biết ông cũng đã đọc một lèo hết cuốn sách và nhận thấy tác giả đã viết rất thành thực và tập hồi ký The Unwanted không có nhu cầu phải sửa chữa, gọt dũa như những tập hồi ký thường thấy khác. Điểm đặc biệt của tác giả là đã không có những ý tưởng thù hận những người của chế độ Cộng Sản mặc dù bị họ chà đạp đến cùng cực và dường như còn nói bớt cái tệ hại của chế độ mà tác giả đã sống qua bốn chương sau cùng của tác phẩm. Tác giả đã trình bày sự đê tiện của những con người qua những thủ tục giấy tờ rườm rà và sự độc ác của chế độ bàn giấy Cộng Sản suốt ba năm trời trước khi "tống" một người ra nước ngoài.

Kiên Nguyễn sau khi sang Hoa Kỳ đã từng làm người mẫu (model) giới thiệu những đồ lót nam giới trên các poster. Ông đã theo học và tốt nghiệp bác sĩ nha khoa tại trường Đại Học New York và đã mở phòng nha khoa tại New York. Kiên Nguyễn viết tập hồi ký The Unwanted phơi bày hết quá khứ của đời mình lên trên giấy để giải quyết những cơn ác mộng đầy vò tâm tư tác giả. Tình cờ được một thân chủ đến chữa răng cũng là một *agent* trong làng sách ở New York, vị này đã giới thiệu tập hồi ký với nhà xuất bản Little Brown. Tác phẩm được in ra và đã trở thành nổi tiếng tức thời.

Nhà xuất bản cho biết đã bán được 80,000 ấn bản đồng thời đặt Kiên Nguyễn viết thêm hai tác phẩm nữa. Bác sĩ nha khoa Kiên Nguyễn "tạm" đóng cửa phòng mạch để viết sách và ông cho biết đã viết xong một cuốn và đang chuẩn bị cho một cuốn khác. Tuy không mở phòng mạch nhưng Kiên Nguyễn đã đi chữa răng tình nguyện cho những trẻ em bụi đời và đồng thời khuyên nhủ họ làm lại cuộc đời vì như nhiều người khác, họ cũng có thể có những cơ may thành công.

Tác giả Kiên Nguyễn trắng trẻo, dang dấp thư sinh với khuôn mặt đẹp, mái tóc đen bồng bềnh đã lên ngỏ lời cảm tạ quan khách tham dự và ông đã đọc một đoạn trong chương cuối của tác phẩm *The Unwanted* bằng tiếng Việt như những lời tâm sự của mình một cách chân tình và cảm động.

Để trả lời câu hỏi của một độc giả hỏi tác giả xem mình là người Mỹ hay là người Việt, Kiên Nguyễn đã nói ông sanh ra ở Việt nam và lớn lên ở Việt Nam thì ông là người Việt Nam. Có người hỏi thăm về thân mẫu của tác giả đã được thể hiện qua tác phẩm là hình ảnh của một phụ nữ chịu rất nhiều phong ba bão táp của cuộc đời nhưng đã lo lắng và gầy dựng cho tác giả nên người dù chịu biết bao nhiêu cay đắng. Kiên Nguyễn kể lại câu chuyện ngày ông được nhà xuất bản mời ký hợp đồng xuất bản cũng chính là ngày mà thân mẫu của ông phải vào bệnh viện giải phẫu tim. Ông nói với mẹ rằng ông sẽ mang tác phẩm đến bên giường bệnh của mẹ và nếu chẳng may mẹ ông mất thì ông mang tác phẩm của mình để lên bàn thờ bên cạnh tro của mẹ mình. Và may mắn, thân mẫu của ông đã lành bệnh sau khi giải phẫu.

Các độc giả Kiều Chinh, Xuyến Đông Matsuda... đã bầy tỏ lòng ngưỡng mộ và cảm ơn đến với tác giả sau khi đọc tác phẩm The Unwanted và hy vọng tác phẩm được chuyển sang ngôn ngữ thứ 18 là tiếng Việt. Ca sĩ Quốc Việt, ca sĩ mang hai dòng máu bày tỏ sự biết ơn đến tác giả vì tác giả đã nói lên dùm tâm tư của những đứa con lai bất hạnh của hai quê hương Việt Mỹ.

Buổi ra mắt sách kết thúc bằng một cuộc xếp hàng dài chưa từng thấy trong các buổi ra mắt sách nào của người Việt Nam để xin chữ ký của tác giả, người chưa đầy 35 tuổi và chỉ với một tác phẩm mà tiếng tăm đã vang dội trong thị trường chữ nghĩa Việt Mỹ.

Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam ra mắt Đặc san Nhiếp ảnh

Chiều cuối tuần đẹp trời, Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam đã tổ chức buổi ra mắt Đặc San Nhiếp Ảnh, số 3 Đặc Biệt do Liên Chi Hội Oregon-Bắc California thực hiện đến với đông đảo giới yêu ảnh nghệ thuật tại vùng Nam California vào chiều thứ Bẩy Mồng 9 tháng Sáu năm 2001 tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt.

Nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa cũng là Chủ tịch Hội Ảnh Nghệ Thuật đã lên giới thiệu đôi nét về nhiếp ảnh nghệ thuật cũng như nguyên nhân sự thiếu vắng các tạp chí chuyên ngành nhiếp ảnh bằng tiếng Việt cho giới chơi ảnh. Ông Khoa nói rằng việc ấn hành Đặc San Nhiếp Ảnh lần này do Liên chi hội Oregon-Bắc California là một cố gắng của nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng và các đồng nghiệp trên vùng bắc California. Ông cho biết triển vọng của Đặc San Nhiếp Ảnh trong

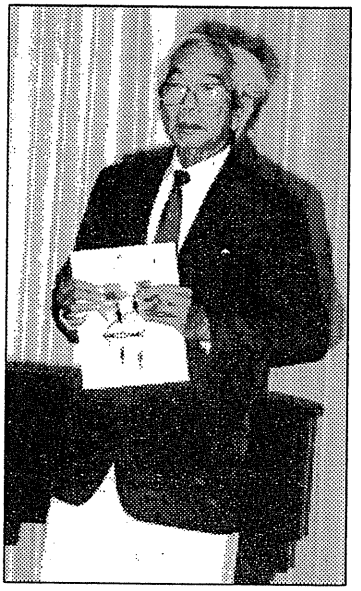

Ông Dương Như Phụng giới thiệu Đặc San Nhiếp Ảnh

những lần tới chắc chắn sẽ khởi sắc hơn, như lời ông nói "đầu xuôi đuôi lọt." Dự định Đặc San Nhiếp Ảnh số tới sẽ là một tập hợp của nhiều nhiếp ảnh gia và có thể in ảnh mầu.

Trong dịp này, nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa cũng loan báo tin vui một số nhiếp ảnh gia trong Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam vừa đoạt được nhiều giải nhiếp ảnh quốc tế. Điển hình là nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng đã đoạt được giải nhất huy chương vàng của một câu lạc bộ ảnh quan trọng ở miền Bắc California tức là N3C (Northern California Camera Club). Tác phẩm của nhiếp ảnh gia ngô Thanh Tùng được treo tại tòa thị chính của thành phố San Francisco. Ngoài ra còn có một nhiếp ảnh gia khác trong hội cũng vừa mới đoạt những giải thưởng khác.

Nhiếp ảnh gia Dương Như Phụng, đại diện Hội ảnh của tiểu bang Oregon là một nhiếp ảnh gia mới cầm máy từ 1975 qua sự khuyến khích của nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng dù tuổi đời của ông đã hơn 70. Với giọng chân tình và vui vẻ, nhiếp ảnh gia Dương Như Phụng cho rằng nhờ nhiếp ảnh, săn ảnh như là một thú tiêu khiển và mà ông không tốn tiền thuốc uống, chỉ tốn tiền thuốc rửa ảnh nghệ thuật thôi. Ông đề nghị các vị cao niên nên tập cầm máy đi săn ảnh. Ông giới thiệu nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng người đã thực hiện Đặc San Nhiếp Ảnh ra mắt hôm nay.

Nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng, từng đoạt nhiều giải nhiếp ảnh nghệ thuật đã nói lý do thực hiện Đặc San Nhiếp Ảnh. Các sách báo hướng dẫn về nhiếp ảnh bằng Việt ngữ ở trong nước cũng như ngoài nước rất là hiếm. Ông cũng nói từ trước 1975 chỉ có một vài sách hướng dẫn kỹ thuật nhiếp ảnh rất sơ lược. Ông cũng nhắc đến Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam trước 1975 cũng đã có ra Đặc San Nhiếp Ảnh dành cho những người yêu ảnh nghệ thuật nhưng cũng chỉ được có một số rồi ngưng vì thời cuộc.

Ông Ngô Thanh Tùng giới thiệu Đặc San Nhiếp Ảnh là một công trình đóng góp của gần 40 nhiếp ảnh gia về bài vở cũng như tác phẩm. Tất cả các tác phẩm trong Đặc San Nhiếp Ảnh toàn là hình đen trắng in khổ lớn trên giấy trắng láng. Người lớn tuổi nhất là nhiếp ảnh gia Dương Như Phụng có ảnh bìa trong Đặc San. Người trẻ nhất là nhiếp ảnh gia Ngô Ngọc Bích 35 tuổi cùng với 35 nhiếp ảnh gia đóng góp tất cả 131 tác phẩm nghệ thuật.

Được biết nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng, hiện là Phó Chủ Tịch Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam đã mở rất nhiều lớp nhiếp ảnh nghệ thuật các cấp tại miền Bắc California và cũng đã xuất bản tại Hoa Kỳ một số tác phẩm hướng dẫn về nhiếp ảnh, săn ảnh...

Nhiếp ảnh gia cao niên Lại Hữu Đức cũng lên nhắc lại một số kỷ niệm về nhiếp ảnh nghệ thuật tại Việt Nam cũng như tại Hoa Kỳ. Trước đó nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa cũng có loan báo một tin buồn là là một nhiếp ảnh gia lớn của nền nghệ thuật Việt Nam Nguyễn Cao Đàm vừa qua đời tại Úc châu hưởng thọ 86 tuổi.

Viện Việt Học tổ chức lễ cầu siêu và tưởng niệm cố Giáo sư Viện trưởng Nguyễn Đình Hòa

Một buổi lễ cầu-siêu và tưởng-niệm cố Giáo-sư Nguyễn Đình-Hoà đã được tổ-chức tại chùa Liên Hoa, 9561 Bixby Ave., thành-phố Garden Grove, quận Cam, California vào Chủ Nhật ngày 03 tháng 6 năm 2001, lúc 6 giờ chiều.

Trước sự hiện-diện của trên 70 người tham dự gồm quyến thuộc, quý-vị giáo-sư đồng-nghiệp, bạn hữu, cựu môn sinh của cố giáo sư Nguyễn Đình Hòa, cùng đại diện các cơ quan truyền thông và sinh-viên Viện Việt Học, Giáo-sư Nguyễn Khắc Hoạch, đương-kim Viện-Trưởng Viện Việt-Học đã bắt đầu buổi lễ với lời phát biểu đầy cảm động, ghi lại những công trình đóng góp của cố giáo sư Nguyễn Đình Hòa, đồng thời bày tỏ lòng thương mến và luyến-tiếc trước sự ra đi của người bạn đồng-nghiệp. Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch ca ngợi sự đóng góp của nhà Ngữ học Nguyễn Đình Hòa, cựu Khoa trưởng Đại Học

Văn Khoa Sài Gòn. Cố Giáo-sư Nguyễn Đình-Hoà là người đã đeo đuổi công tác văn hóa giáo dục cả trong lẫn ngoài nước, và đóng góp tích-cực cho nền Việt-học trong hơn nửa thế kỷ qua với nhiều tác phẩm quý giá. (Xin tìm đọc thêm "Tiểu-sử Và Thư-Mục Của Cố G Nguyễn Đình-Hoà" đăng trong tập-san "Tưởng-Niệm Cố Giáo-Sư Viện-Trưởng Nguyễn Đình-Hoà" do Viện Việt-Học xuất-bản). Một đóng góp ý nghĩa và cụ thể trong giai đoạn cuối đời của mình là việc giáo sư gánh vác và xây dựng Viện Việt Học tại thành phố Garden Grove, California, Hoa Kỳ, với mục đích bổ túc kiến thức về Việt học cho tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại, mà giáo sư là vị Viện trưởng đầu tiên.

Được biết, cố Giáo-sư Viện-trưởng Nguyễn Đình-Hoà đã trải qua một cuộc giải-phẫu động-mạch tim và bị hôn-mê trong hơn hai tháng, sau đó đã vĩnh viễn ra đi tại Stanford University Medical Center vào ngày 10 tháng 12 năm 2000 vừa qua.

Tiếp theo lễ Tưởng niệm là lễ cầu siêu do Hoà-Thượng Thích Chơn Thành làm chủ lễ cùng với sự tham-gia của quý chư-tăng chùa Liên Hoa.

Giáo-sư Nguyễn Đình-Cường, thân-nhân của cố Giáo-sư Nguyễn Đình-Hòa, đại-diện gia-đình phát biểu cảm-tưởng đồng-thời cảm tạ Hòa Thượng Viện-Chủ chùa Liên Hoa, chư tăng cùng tất cả quý-vị quan-khách và thân hữu hiện-diện. Giáo sư bày tỏ sự xúc động trước những quan tâm và lòng thương mến của thân hữu, đã thường xuyên gọi điện thoại theo dõi, thăm hỏi về bệnh tình của giáo sư Nguyễn Đình Hòa trong suốt hơn hai tháng, khi giáo sư còn ở bệnh viện.

Trong dịp này, tập "Tưởng-Niệm Cố Giáo-Sư Viện-Trưởng Nguyễn Đình-Hòa" do Viện Việt-Học thực hiện đã được phát-hành và một tiệc trà thân mật diễn ra sau đó tại phòng hội của chùa. Buổi tưởng-niệm được kết thúc vào lúc 8 giờ tối cùng ngày trong sự ngậm-ngùi của tất cả mọi người. Theo giáo sư Viện trưởng Nguyễn Khắc Hoạch, tiếp tục những nỗ lực xây dựng Viện là hành động thiết thực để bày tỏ sự nhớ ơn đối với người đã có công trong việc sáng lập ra Viện.

ÚC CHÂU

Nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm đã qua đời

Nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm, một nhiếp ảnh gia lỗi lạc của VNCH trước 1975, đã từ trần lúc 5 giờ chiều ngày 4 tháng Sáu 2001 tại Sydney, Úc, hưởng thọ 85 tuổi.

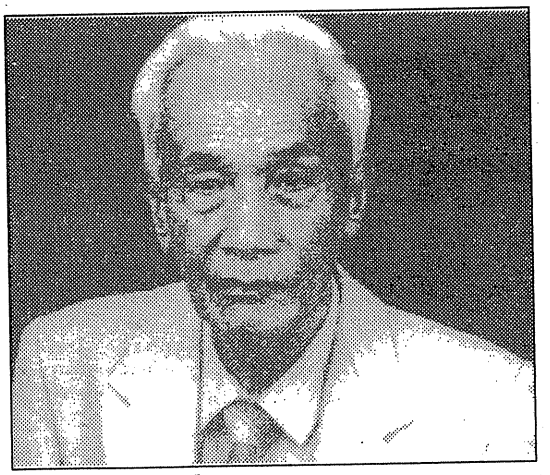

Nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm

Ông Nguyễn Cao Đàm sinh ngày 15-12-1916 tại Vĩnh Trung, Hà Đông, Bắc Việt Nam, bắt đầu cầm máy ảnh vào năm 1949, năm ông 33 tuổi. Ông đã tham dự các giải nhiếp ảnh quốc tế ở Hồng Kông (1956), Pháp (1956), Bỉ (1958, 1960); huy chương đồng ở cuộc triển lãm ở Munich, Đức (1958), huy chương bạc ở Ahmedabad, Ấn Độ (1958, huy chương đồng ở Trento, Ý (1958), huy chương bạc ở Moenchenlabad, Đức (1959), huy chương vàng Kortrijk (bỉ)... cùng nhiều giải thưởng khác tại các cuộc thi ở Singapore, Tây Ban Nha...

Ông được nhiều người thán phục với tước hiệu Honor Kortrijk của Bỉ, vì tổ chức này chỉ tặng tước hiệu đó cho người ba lần chiếm giải nhất trong các cuộc thi hằng năm của họ. Trong các nhiếp ảnh gia Việt Nam chỉ có ông được tước hiệu này thôi.

Ông đã xuất bản hai cuốn sách ảnh chứa đựng tác phẩm của ông, *Việt Nam QUê Hương Yêu Dấu* song song với bản Anh ngữ "Vietnam: Our Beloved Land", 1968, và Cao Nguyên, 1968. Ngoài ra, ông còn xuất bản ba cuốn sách về nghệ thuật chụp hình" *Bước Đầu Chụp Ảnh*, 1960; cùng viết chung với Cao Lĩnh hai cuốn *Bước Đầu Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật*, 1966, và *Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật bước Hai*, 1971.

Ông Nguyễn Cao Đàm từng là giám khảo của các cuộc tranh giải quốc tế tại Sài Gòn từ năm 1957 đến 1975. Ngoài ra ông còn là hội viên của nhiều hội nhiếp ảnh quốc tế của Úc, Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Nam Phi, Nhật Bản, Nam Hàn...●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Người Mỹ và Chiến Tranh Việt Nam (tập I)

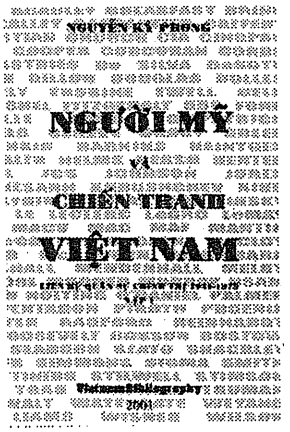

biên khảo của **Nguyễn Kỳ Phong**, VietnamBibliography xuất bản, 339 trang, giá US$ 18.00, ngoài Hoa Kỳ thêm cước phí $3.00. Liên lạc: Nguyễn Kỳ Phong, P.O. Box 230113, Centreville, Virginia 20120.

Muốn hiểu sự dính líu của người Mỹ vào Việt Nam, phải hiểu bối cảnh lịch sử thế giới thời cận đại, trong đó nổi bật sự tranh hùng giữa hai phe Tự do và Cộng sản. Tác giả đã chia sách làm sáu chương:

Chương 1, *Roosevelt và Truman*, nói về tình hình tổng quát trên thế giới sau thế chiến thứ hai, và thái độ chính trị, ngoại giao của hai tổng thống Hoa Kỳ, Roosevelt và Truman, đối với người Pháp về vấn đề thuộc địa ở Đông Dương.

Chương 2, *Chận làn sóng đỏ*, sơ lược về nguồn gốc Chiến Tranh Lạnh, một sự kiện quan trọng đã chia thế giới ra làm hai khối Cộng sản và Tự do. Hai sự kiện quan trọng tại Á châu khiến thế giới tự do và Hoa Kỳ quan tâm: Pháp thua trận Điện Biên Phủ, và chiến tranh Triều Tiên.

Chương 3, *Việt Nam Cộng Hòa*, nói đến liên hệ Mỹ Việt trong thời kỳ phôi thai của một quốc gia vừa mới thành hình khi Mỹ thay Pháp ở Việt Nam.

Chương 4, *Quân sư danh tướng và khoa bảng*, trình bày những chi tiết về đường lối ngoại giao, các kế hoạch quân sự bí mật của nội các Kennedy đối với VNCH.

Chương 5, *Cuộc chiến của Johnson và McNamara*, bắt đầu từ lúc Lyndon B. Johson lên thay Kennedy. Vụ vịnh Bắc Việt 1964, Mỹ đổ quân vào Việt Nam.

Chương 6, *Binh hùng tướng mạnh*, nói về hệ thống quân đội, chiến thuật, chiến lược của Mỹ ở Việt Nam.

Tác giả khi sưu tầm tài liệu đã gặp sự thuận lợi nhằm lúc nhiều tài liệu thuộc cuộc chiến Việt Nam và những lãnh vực khác được chính phủ Hoa Kỳ giải mật nên nội dung được bổ sung khá dồi dào. Những hồi ký của những nhân vật có liên hệ trực tiếp đến cuộc chiến cũng được sử dụng. Nhờ thế sách có những nét mới mà những sách cùng loại tiếng Việt trước đây chưa có.

Đối Thoại

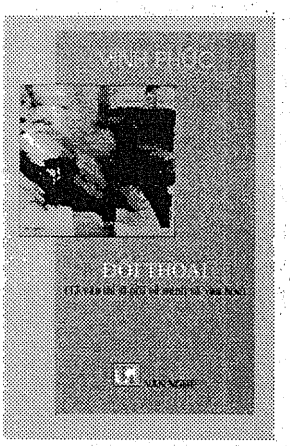

biên khảo văn học của **Vĩnh Phúc**, Văn Nghệ xuất bản, 210 trang, giá US$13.00; ngoài nước Mỹ $16.00. Liên lạc: Văn Nghệ P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 934-8574.

Sau đây là nguyên ủy sự ra đời của cuốn sách này, do tác giả ghi lại trong phần dẫn nhập:

Cuối năm 1992 người viết thực hiện một thiên phóng sự phát thanh trên đài BBC Luân Đôn về sinh hoạt của cộng đồng người Việt tại Mỹ (...) nhất là sinh hoạt văn hóa của người Việt, qua những cuộc mạn đàm với các nhà văn nhà thơ.

Những người được tác giả phỏng vấn lúc bấy giờ gồm có: Nguyễn Thị Thanh Bình, Nhã Ca - Trần Dạ Từ, Lê Tất Điều, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Long Hồ, Vi Khuê, Du Tử Lê, Lãng Nhân, Hà Thượng Nhân, Võ Phiến, Nguyên Sa.

Trước khi xuất bản cuốn sách này, vào năm 1999 tác giả đã cẩn thận liên lạc và trò chuyện "một lần thứ hai" với các nhà văn nhà thơ nói trên sau sáu năm, trừ nhà thơ Nguyên Sa đã qua đời. Nhờ thế ý tưởng, ký ức, quan niệm của các vị cũng được cập nhật hơn.

Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên: Kinh Tế Việt Nam Đi Vào Thế Kỷ 21

Nhiều tác giả. **Phạm Đỗ Chí** và **Trần Nam Bình** chủ biên.

Người đọc: **TIỂU MUỘI**

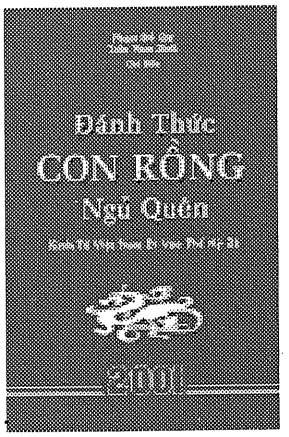

Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên: Kinh Tế Việt Nam Đi Vào Thế Kỷ 21 (ĐTCRNQ) là một tập sách chuyên đề kinh tế, do TS Phạm Đỗ Chí (Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế) và TS Trần Nam Bình (Đại Học New South Wales, Úc) chủ biên và nhóm Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn xuất bản cuối tháng 6 năm 2001. Sách dầy hơn 600 trang, gồm năm chủ đề chính được đề cập trong 28 bài viết do 16 nhà kinh tế người Việt nước ngoài và tám nhà kinh tế trong nước đóng góp.

Trong thời buổi hiện đại hóa và công nghiệp hóa, các chuyên viên kinh tế Việt Nam (trong và ngoài nước) cũng như ngoại quốc đã viết về các chuyên đề kinh tế Việt Nam từ nhiều năm nay. Việc manh nha để hình thành cũng như tìm tựa đề thích hợp cho một cuốn sách thật không dễ dàng nhất là loại sách về kinh tế. Nếu chỉ có vài tác giả viết một số bài khảo cứu, bao gồm lý thuyết hay đề nghị một phương thức để giúp kinh tế Việt Nam thì cũng không phải là điều chưa từng xẩy ra. Riêng ĐTCRNQ được đặc biệt hình thành do một tập hợp đông đảo, chiếm kỷ lục về số tác giả cộng tác, nhờ đó người đọc sẽ nhận thấy được sự phong phú, đa dạng của các chủ đề kinh tế được nêu ra, không khô khan hay gò bó hoặc quá chủ quan như người ta vẫn phê bình về sách kinh tế, và đây là một đóng góp rất cần thiết với mục đích đẹp dành cho tương lai của những thế hệ tiếp nối.

Một lý do đơn thuần nhẹ nhàng của một tác giả chủ biên viết trong chương thứ nhất đã gây xúc động sâu xa vì nó gợi đến một hoài bão và là giấc mơ lớn của tuổi trẻ đối với tổ quốc, giống nòi. Hoài bão kêu gọi sự thức giấc nhìn nhận thực trạng một quê hương nghèo đói đầy khó khăn, tạm quên cái tâm thức ngàn năm "Con Rồng Cháu Tiên" để bắt tay xây dựng một quê hương phú cường, ít nhất là để bắt kịp các quốc gia lân bang. Từ một "tiếng vang" thăm dò gửi đi xa, rồi có những "tiếng vọng" đáp lại, thật xôn xao, háo hức cho thấy các yếu tố thuận lợi về hợp tác làm việc đã được kết hợp đúng lúc.

Đặc điểm thứ nhất ĐTCRNQ là một công trình nghiên cứu chung đầu tiên của nhiều chuyên gia kinh tế người Việt trong và ngoài nước biên soạn và viết về các vấn đề kinh tế Việt Nam. Tuy sinh sống khắp bốn phương trời nhưng đều có chung một "tấm lòng" để cùng chia xẻ cái trăn trở với quê hương từ cái nhìn về quê hương cho đến quan điểm với các đề xuất và giải pháp riêng cho nền kinh tế Việt Nam với ước muốn chung về một xã hội giầu mạnh, văn minh và công bằng.

Đặc điểm thứ nhì của ĐTCRNQ là tính cách bao quát từ kinh tế vĩ mô, vi mô và mậu dịch quốc tế đến các đề tài khu vực và cơ cấu như công nghiệp, nông nghiệp, giáo dục, công nghệ thông tin, phân phối thu nhập, xóa đói giảm nghèo, cải cách hành chính, môi sinh, v.v. cũng như các vấn đề liên quan đến vai trò của thị trường cạnh tranh, sở hữu và pháp trị, phát triển con người...

Giấc mơ ĐTCRNQ trở thành hiện thực sau sự đóng góp bài vở trong thời gian kỷ lục của các bạn đồng nghiệp Việt Nam khắp năm châu, nhất là các nhà kinh tế trong nước, cũng như sự hỗ trợ của nhóm Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn. Sự ủng hộ nồng nhiệt này đã nói lên được mối tri kỷ nghề nghiệp của các chuyên gia kinh tế Việt Nam, mà còn phản ánh sự kết hợp quý báu của người Việt trong và ngoài nước (trong nhiều lãnh vực, không phải chỉ riêng kinh tế) và nhất là ước muốn làm một chút gì cho quê hương của tất cả người Việt trên toàn thế giới.

Nhan đề tập sách này là một chọn lựa đầy ý nghĩa. Khi dùng chữ Con Rồng Ngủ Quên, hai tác giả chủ biên có ý muốn phục hưng trong tâm thức người đọc cái tự hào truyền thống của dân tộc Việt Nam, để dùng đó làm động cơ thúc đẩy sự tiến bộ và vươn lên tất yếu của xã hội Việt Nam trong những tháng năm sắp tới. ĐTCRNQ được đề tặng cho các thế hệ tương lai Việt Nam với hy vọng giới trẻ sẽ tìm thấy trong sách nhiều bài học và hướng đi hữu ích cho nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Đó cũng là lý do giải thích bức tranh phụ bản hình Rồng của một "họa sĩ " 12 tuổi trong tập sách.

Quá trình làm việc khác nhau của các tác giả không phân biệt tuổi tác, cư ngụ khắp nơi trên thế giới, từ Việt Nam đến Bắc Mỹ, Á châu, Âu châu và Úc châu bảo đảm sự phong

phú về nhận thức và đề xuất trong tập sách. Hơn thế nữa, khá nhiều tác giả có kinh nghiệm trong việc phác thảo các chính sách hay chương trình phát triển kinh tế của một nước hay một ngành nghề. Các bài viết của họ nhất thiết phải phản ánh những kinh nghiệm thực tiễn này. Trong hơn 600 trang sách các tác giả đã trình bày rất chi tiết và mạch lạc về kinh tế được chia ra trong năm chủ đề sau đây:

Chương 2-10 bàn về các vấn đề kinh tế vĩ mô và phát triển trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nhấn mạnh việc thực hiện một nền kinh tế thị trường đúng nghĩa, thay vì lạc hướng vào nền kinh tế "tư bản rừng" như mối lo âu hiện nay.

Chương 11-16 thảo luận kinh tế Việt Nam trong bối cảnh quốc tế và hội nhập.

Chương 17-23 liên quan đến các chính sách khu vực, cơ cấu và môi trường.

Chương 24-27 tập trung vào giảm nghèo đói và tạo công bằng xã hội, bổ sung cơ chế thị trường để thực hiện những mục tiêu xã hội, câu trả lời lớn cho việc "định hướng xã hội" hiện nay.

Chương 28 kết luận và đặc biệt bàn về tiềm năng của chuyên gia Việt Nam nước ngoài và đề xuất một số chính sách đóng góp vào công cuộc chung.

Các bài viết đều là những nghiên cứu nghiêm túc nhưng lời văn tương đối dễ hiểu, nhờ thế ĐTCRNQ có thể trở thành sách tham khảo ích lợi tiếp cận được cho các nhà làm chính sách, các chuyên viên trong các tổ chức nhà nước hay tư nhân, các chuyên viên giảng dậy và nghiên cứu cũng như cho sinh viên hay các nhà doanh nghiệp quan tâm đến vấn đề phát triển kinh tế.

Nói tóm lại, ĐTCRNQ là một đóng góp lớn và là niềm hy vọng gói ghém của tất cả các tác giả luôn quan tâm đến tiền đồ của dân tộc. Nó sẽ đánh dấu bước đầu của những hợp tác lâu dài, sâu rộng, chân tình và cởi mở giữa người Việt trong và ngoài nước, với các lợi ích thiết thực cho quê hương.

Trong chiều hướng đó cuốn sách ĐTCRNQ đã hình thành như một món quà tinh thần của các tác giả đóng góp gửi đến các thế hệ trẻ mai sau, như một lời nhắn nhủ hãy cầm bó đuốc chuyền tay từ các bậc cha anh trong việc tiếp tục dựng nước và tạo điều kiện cho "Con Rồng Việt Nam" thức dậy.●

** Bạn đã đọc "Tổ Quốc Ăn Năn" của Nguyễn Gia Kiểng, cuốn sách đang gây nhiều tranh luận sôi nổi, đặt lại nhiều vấn đề căn bản về nguồn gốc tâm linh và văn hóa dân tộc cùng đề nghị dựng lại một "Việt Nam Mới" ?*

** Mời bạn đọc cuốn sách mới ra của một nhóm đông chuyên gia trong và ngoài nước, kêu gọi lòng tự ái dân tộc để thức giấc nhìn nhận thực trạng một quê hương nghèo đói đầy khó khăn, tạm quên cái tâm thức ngàn năm "Con Rồng Cháu Tiên" để bắt tay xây dựng một quê hương phú cường, và đưa ra những chính sách cụ thể phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong vài thập niên tới :*

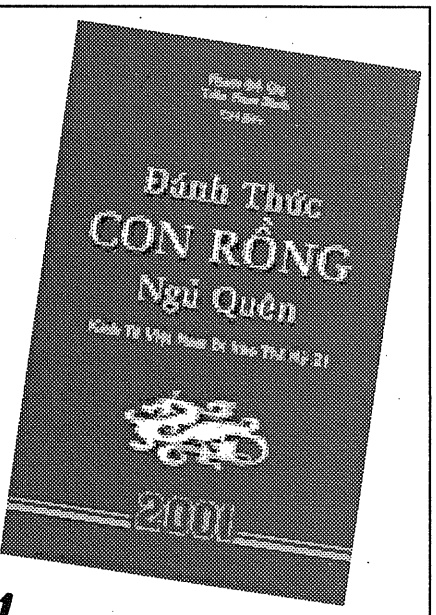

ĐÁNH THỨC CON RỒNG NGỦ QUÊN
KINH TẾ VIỆT NAM ĐI VÀO THẾ KỶ 21

Chủ biên:

Phạm Đỗ Chí, *giáo sư kinh tế, American University (Washington, D.C.)*
Trần Nam Bình, *giáo sư kinh tế, New South Wales University (Sydney)*
Với bài đóng góp của 24 chuyên gia trong và ngoài nước
Sách dày 600 trang, phát hành tháng 7, 2001

Những tuyển tập nhạc đã phát hành!

TÌNH KHÚC TỪ CÔNG PHỤNG

TRÊN NGỌN TÌNH SẦU

GIỮ ĐỜI CHO NHAU

MỘT GÓC TRỜI PHÔI PHA

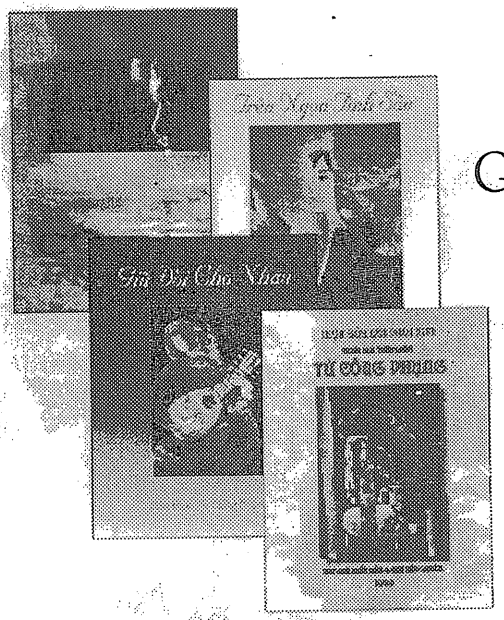

CD đã phát hành!

CD mới phát hành!

Mọi chi tiết xin liên lạc:

3145 SE. Hawthorne Blvd.
Portland, OR 97214 - USA.
Tel. 503-239-4857

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**
- **Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.**

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

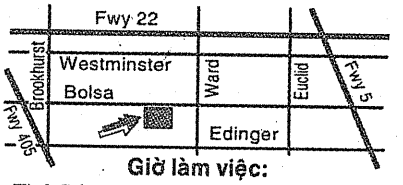

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn
B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già
B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát
B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên
B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương
B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình
B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa
B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương
B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên
B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức
B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột
B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa
B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ
B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn
B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em
BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình
B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng
B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẠU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim